ệu quả và sai

nôi tương tác ia đình, tham

a học tập của ỉôi, kiểm tra, HS; nhận xét lình thành và n 2.

1. tự rút kinh ách học, qua : tự học, phát 3ng hứng thú

oạt động dạy lời phát hiện ng khó khăn điêm nổi bật ăm nâng cao

ọc trong nhà *nột nội dung* ló, phân tích chức cho HS

ấc hình; khai 10 thông vận sày, đặc biệt Ìống học tập

* Tìm những thông tin, những số liệu khoa học kĩ thuật, hoặc *thông tin thực tế* tại địa phương (chứ không phải là những bài tập có tính chất mô phỏng toán học cùa thực tiễn) để giới thiệu cho HS. Có thể cung cấp cho HS các thông tin liên quan đến thực tế đời sống.
* Nhận biết những cơ hội có thế *vận dụng tri thức toán học vào các môn học khác* trong nhà trường hoặc những hoạt động ngoài nhà trường như thực hành thu thập số liệu, đối chiếu, kiếm tra,...
* Ngoài ra, GY cần sử dụng một cách có hiệu quả các thiết bị dạy học được cung cấp, đồng thời GV và HS có thể làm thêm, điều chỉnh, bổ sung, thay thế các đồ dùng dạy học, các trò chơi, câu đố,... phù họp với nội dung học tập, điều kiện cơ sở vật chất của lóp học, đặc điểm và trình độ HS trong lóp học của mình.

B. HƯỚNG DẲN DẠY HỌC TỪNG BÀI

t

1 ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN ÌOO

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Ôn tập củng cố cách đọc, viết, so sánh và xếp thứ tự các số đến 100.
* Làm quen với ước lượng số đồ vật theo các nhóm 1 chục.
* Phát triển các năng lực (NL) toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Mồi HS một tờ giấy nhở đế làm *Bảng các số từ 1 đến 100.*
* Một số tình huống thực tế để HS tập ước lượng số đồ vật theo các nhóm 1 chục.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

* GV giới thiệu: Học Toán 2 chúng ta sẽ tiếp tục học về số, về hình, làm tính cộng, tính trừ; làm quen với tính nhân, tính chia; làm quen với ứng dụng của Toán học

trong cuộc sống qua các hoạt động như: cân, đo, đong, đếm, xem đồng hồ và xem lịch.

**Bài 3**

* HS nói chc :hì bé hơn).
* HS so sán nhận biết câu na( so sánh.
* GV đặt cả nào sai. Chú ý re

**D. Hoạt độr**

**Bài 4. HS lâ**

* Quan sát t

+ Hai bạn nl

+ Những từ

+ 1 chục qu'

* Nhăm măi xếp chồng lên nl giơ hai tay đê mi
* HS phân t

+ Ước lượn 1 chục quyên sá cách ước lượng quyển sách.

+ Đếm để b chục, sau khi sai

+ Đối chiếu

* HS thực h

+ Ước lượn chọn là số kiến t

+ Đếm để b ban đầu.

* HS làm quen với bộ đồ dùng học Toán 2.
* GV hướng dẫn HS các hoạt động cá nhân, nhóm, cặp, cách phát biếu,...

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện theo nhóm:

+ Mồi cá nhân trong nhóm tự làm *Bảng các sổ từ 1 đến 100* (gọi tắt là *Bảng 100).*

+ Thảo luận và chia sẻ về những thông tin có thế biết được từ *Bảng 100.* Lấy ví dụ cho mồi ý trình bày. Chẳng hạn:

* *Bảng 100* gồm một trăm số từ 1 đến 100 được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.
* Dựa vào *Bảng ỉ 00* có thể đếm (đếm theo đơn vị, đếm theo chục, đếm từ một số nào đó, đếm thêm, đếm bớt,...).
* Dựa vào *Bảng 100* có thể so sánh các số (số nào đếm trước thì bé hơn, số nào đếm sau thì lớn hơn,...).

+ Đại diện một nhóm trình bày các bạn dưới lóp đặt câu hỏi cho nhóm trình bày. Chẳng hạn: Nêu các số tròn chục; số bé nhất có hai chữ số giống nhau là số nào? Mời bạn đếm các số từ 36 đến 54; Mời bạn đếm theo chục các số 46; 56;...; 96.

* GV chốt lại và hướng dẫn HS cách sử dụng *Bảng 100* trong học toán.

Bài 2

* Cá nhân HS thực hiện rồi nói cho bạn nghe cách làm.
* Chơi trò chơi “Đố bạn” theo cặp, HS nêu một số có hai chừ số khác rồi đố bạn xác định số chục và số đơn vị của số đó rồi viết số đó thành tống của số tròn chục và số đon vị. Đối vai cùng thực hiện.
* GV chốt lại:

+ Cách xác định số chục và số đơn vị trong một số có hai chữ số.

+ Cách viết số có hai chữ số dưới dạng tống của số tròn chục và số đơn vị.

* Cách thành lập số có hai chữ số khi biết số chục và số đơn vị.

26

Bài 3

* HS nói cho bạn nghe cách so sánh hai số dựa vào *Bảng 100* (số nào đếm trước thì bé hơn).
* HS so sánh trực tiếp từng cặp số, đối chiếu với dấu so sánh đã cho, từ đó nhận biết câu nào đúng, câu nào sai. HS có thể dùng *Bảng ỉ00* để kiềm tra kết quả so sánh.
* GV đặt câu hòi để HS lập luận, đưa ra lí lẽ để khẳng định câu nào đúng câu nào sai. Chú ý rèn HS cách diễn đạt rõ ràng, lập luận toán học chặt chẽ.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 4. HS lần lượt thực hiện các hoạt động sau:

* Quan sát tranh, thảo luận:

+ Hai bạn nhỏ trong tranh ước lượng số lượng quyển sách bằng cách nào?

+ Những từ ngữ/mẫu câu nào hai bạn nhỏ sử dụng khi ước lượng?

+ 1 chục quyển sách là bao nhiêu quyển sách?

* Nhắm mắt lại tưởng tượng trong đầu: Neu cô có 1 chục quyến sách Toán, cô xếp chồng lên nhau thì chồng sách của cô cao bằng chừng nào? (HS làm động tác giơ hai tay để mô tả). Nếu cô có 2 chục quyển sách, 3 chục quyển sách,... thì sao?
* HS phân tích mầu đế nhận biết các thao tác ước lượng:

+ Ước lượng theo nhóm chục: Bạn gái ước lượng mồi chồng sách có khoảng 1 chục quyến sách. Có 4 chồng sách, vì vậy có khoảng 4 chục quyển sách. Trong cách ước lượng này, bạn gái đã chọn nhóm mẫu là chồng sách có khoảng 1 chục quyên sách.

+ Đếm để biết số lượng chính xác có tất cả bao nhiêu quyển sách. (Đếm theo chục, sau khi san thành các chồng 1 chục quyến sách).

+ Đối chiếu với số ước lượng ban đầu. Nêu kết quả: Có tất cả 43 quyển sách.

* HS thực hiện các yêu cầu ở câu a và b:

+ Ước lượng số con kiến (trong hình vẽ) theo nhóm chục (nhóm mẫu được chọn là số kiến trong một hàng).

+ Đem đế biết số lượng chính xác các con kiến và đối chiếu với số ước lượng ban đầu.

* GV chốt:



+ Cách ước lượng theo nhóm chục:

1. MỤC TIÊU

Học xong bài

* Ôn tập về dạng cơ bản về: t dấu phép tính.
* Vận dụne thực tế.
* Phát triển c

1. CHUẨN BỊ

* Một số bộ chẳng hạn:
* Chọn nhóm mẫu có số lượng khoảng 1 chục.
* Ước lượng theo số lượng nhóm mẫu.

Trong cuộc sống không phải lúc nào chúng ta cũng đủ thời gian đế đếm chính xác số lượng của nhóm vật, vì vậy việc ước lượng để biết số lượng gần đúng là rất cần thiết. Nhưng để biết chính xác số lượng thì phải đếm.

* GV có thể đưa thêm một vài ví dụ khác để HS tập ước lượng. Khi HS ước lượng theo nhóm chục, GV có thể hướng dẫn HS xác định nhóm mẫu bằng cách khoanh vào 1 chục đô vật. Chăng hạn:

*Vi dụ:* Ước lượng theo nhóm chục số lượng các đồ vật/con vật sau rồi đếm đế kiểm tra lại.

a)

*aĩĩ*

í\*

**k) iăl** ¿ĩíằ *jQề* jQằ *j3ề* **I iSÉ**

III. GỢI Ý CÁC **c. Hoạt độn Bài 1**

a) HS thực 1 quả. Nói cho bạn

* HS chữa b ôn luyện kĩ năng
* HS tự nêu

b) HS thực *\* phép tính ở câu r

j£ji *ẨỈầ* j£J|

E. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Để có thể làm tốt các bài tập em nhắn bạn điều gì?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các hoạt động đếm, đọc, so sánh, ước lượng, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến để đưa ra cách thực hiện bài tập, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết và tố chức các hoạt động cho phù họp. Tiết 1 có thế kết thúc sau bài tập 2.

®

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI ÌOO

1. MỤC TIÊU

èm chính -na là rất

: HS ước Ina cách

: đếm để

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Ôn tập về phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 gồm các dạng cơ bản về: tính nhẩm, tính viết, thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.
* Vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Một số bộ thẻ, mồi bộ gồm ba số có thể lập được phép tính đúng từ ba số đó, chẳng hạn:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **25** |  | **10** |  | **35** |

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YỂU

**c.** Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

1. HS thực hiện tìm kết quả các phép tính và cùng bạn chữa bài kiểm tra kết quả. Nói cho bạn nghe cách tính nhẩm trong từng cột.

b

xét, chia ĨL tư duy

tiết và tổ

* HS chữa bài. GV đặt câu hỏi để HS nhận ra các phép tính ở câu này, giúp HS ôn luyện kĩ năng tính nhẩm trong phạm vi 20, bao gồm các dạng như: 10 + 3; 17 - 7.
* HS tự nêu thêm các ví dụ theo từng dạng nói trên đố bạn thực hiện. Chẳng hạn:

10 + 4; 10 + 5; 10 + 7;...

1. 2; 13-3; 14-4;...

10 + 6= 16; 16-6= 10;...

1. HS thực hiện tương tự câu a. Khi chữa bài GV đặt câu hỏi để HS nhận ra các phép tính ở câu này giúp HS ôn luyện kĩ năng tính nhẩm trong phạm vi 20, bao gồmcác dạng như: 13 + 5' 19-4. Khuyến khích HS chia sẻ cách nhẩm của cá nhân (Chẳng hạn: Đem thêm, đếm bớt; nhẩm 3 + 5 = 8; 13 + 5 = 18).

**D. Hoạt động ' Bài 5**

* HS đọc bài tc
* HS suy nghĩ
* HS viết phép Phép tính: 37 - Trả lời: Trên X

**Bài 6. GV hưi**

tương ứng, tìm kẻt

*Lưu ỷ:* Có thi lập các phép tính I thắng cuộc.

HS nêu cảm n; giao có thể lập đưc đều có quan hệ với

**E. Củng cố, (**

* Bài học hò
* Đe có thê 1

**(\*) Cơ hội h**

* Thông qua trong phạm vi 10 NL giải quyêt vãr
* Thông qu; huống gắn với th\ triển NL giao tiêp

IV. LƯU Ý CHO

Bài này đượi chức các hoạt độ của bài tập 3.

HS tự nêu thêm các ví dụ theo từng dạng nói trên đố bạn thực hiện. Chăng hạn: 12 + 4; 13 + 6; 11 + 7;...

1. 2; 15-3; 18-4;...

11+3 = 14; 3+11 = 14;...

Bài 2. HS đặt tính rồi tính, đổi chéo vở kiểm tra bài. GV đặt câu hỏi để HS tự rút ra bài này giúp HS ôn luyện kĩ năng tính cộng, trừ (tính viết - đặt tính rồi tính) trong phạm vi 100. HS nêu những lưu ý khi đặt tính rồi tính với từng dạng bài trong

từng cột.

HS tự nêu thêm các ví dụ theo từng dạng nói trên đố bạn thực hiện.

Bài 3

1. HS tính và viết kết quả vào vở rồi đổi chéo vở kiểm tra bài.

* HS chữa bài. GV đặt câu hỏi để HS tự rút ra bài này giúp HS ôn luyện kĩ năng tính cộng trừ nhẩm các số tròn chục, rèn kĩ năng thực hiện tính cộng, trừ các sô tròn chục trong trường họp có hai dâu phép tính (cùng cộng, cùng trừ hoặc co ca cọng va trừ). HS nêu cách tính nhẩm khi cộng, trừ các số tròn chục. Thứ tự thực hiện phép tính (từ trái sang phải) trong trường hợp có hai dấu phép tính.
* HS tự nêu thêm các ví dụ theo từng dạng nói trên đố bạn thực hiện, chẳng hạn: 30 + 40; 70 - 50;...; 40 + 50 - 30;...

1. HS nhận biết dạng bài: thực hiện tính trong trường họp có đến hai phép tính cộng trừ thì tính lần lượt từ trái qua phải. Ví dụ: 9 + 1 - 5 trước hêt phải tìm kêt quả của 9+1 = 10 sau đó tìm kết quả 10-5 = 5. Khi trình bày GV không yêu câu HS phải viết kết quả của phép tính trung gian.

Bài 4

* HS tìm lỗi sai trong mồi phép tính, sửa lại cho đúng rồi giải thích cho bạn nghe.
* GV đặt câu hỏi để HS lí giải lỗi sai, thông qua đó năm chăc cách đặt lính rôi tính phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100. Từ đó HS có co hội lập luận đưa ra lí lẽ để khẳng định câu nào đúng, câu nào sai, sai ở đâu. Lôi sai đó nhăc chúng ta điều gì? Chú ý rèn HS cách diễn đạt rõ ràng, lập luận toán học chặt chẽ.

1. Hoạt động vận dụng

i nhân g hạn:

Bài 5

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.
* HS viết phép tính thích họp và trả lời:

Phép tính: 37- 11 = 26.

HS tự i rinh) [ .rong

Trả lời: Trên xe buýt còn lại 26 người.

Bài 6. GV hướng dần HS: Từ các số đã cho lập các phép tính cộng hoặc trừ tương ứng, tìm kết quả, chọn phép tính đúng.

*Lun ỷ: Có* thể tồ chức thành trò chơi, GV giao cho HS các bộ 3 thẻ số. HS lập các phép tính từ bộ 3 thẻ số đó. Nhóm nào lập được nhiều phép tính đúng thì thắng cuộc.

ỉ năng c tròn T:2 và ! nhép

năng

: tính r: quả íuHS

HS nêu cảm nghĩ sau khi tham gia trò chơi. HS nêu được từ bộ 3 số thầy/cô giáo giao có thể lập được 4 phép tính gồm 2 phép cộng và 2 phép trừ. Các phép tính này đều có quan hệ với nhau. Quan hệ đó giúp chúng ta tính nhẩm nhanh và dễ dàng hơn.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

z

* Đẻ có thể làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua luyện tập, thực hành tổng họp về phép tính cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 100, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

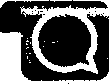
r.ahe.

ih rồi ị'1 lập nhắc chè.

* Thông qua việc vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế và hoạt động chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù họp. Tiết 1 có thể kết thúc sau bài tập 3 hoặc sau câu a của bài tập 3.



b

2

**TIA SỐ. SỐ LIỀN TRƯỚC - SỐ LIỀN SAU**

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Nhận biết được tia số, vị trí các số trên tia số, sử dụng tia số đế so sánh số.

liên s

trước liền s

* Nhận biết được số liền trước, số liền sau của một số cho trước.
* Biết xếp thứ tự các số.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Mô hình tia số (độ dài 20 số).

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

Qua

nhận

t

(

trước

]

**£**

kết q

từ *tré* 1

của s

HS quan sát bức tranh nói cho bạn nghe những thông tin em biết được từ bức tranh. Chẳng hạn:

+ Có một bạn Voi, bạn Voi đang chỉ vào một hình vẽ nói: Đây là một tia số.

+ Số 6 là số liền trước của số 7, số 8 là số liền sau của số 7. -

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. Nhận biết tia số

* GV chỉ tay vào mô hình tia số giới thiệu: Đây là tia số. GV gọi một số HS đọc lại.
* HS nêu một vài nhận xét về đặc điểm nhận dạng tia số. Chẳng hạn: Tia số có các vạch cách đều nhau, vạch đầu tiên là số 0, phía cuối của tia số là mũi tên.
* HS nhắm mắt 30 giây nghĩ về hình ảnh tia số trong đầu.
* GV đưa ra một số ví dụ khác để HS nhận dạng tia số.

Chẳng hạn: Đây là tia số:

1. I 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 b—

0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15

H h

b)

H 1 h

91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

1. Số liền trước, số liền sau

* HS chỉ tay vào từng số dưới mồi vạch của tia số trong SGK đếm: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10.

D sánh số.

* GV đánh dấu vào số 7, HS đếm 6; 7; 8.
* GV chỉ tay vào hình vẽ SGK giới thiệu: 6 là số liền trước của số 7; 8 là số

liền sau của số 7.

HS đọc lại.

* GV chỉ tay vào một số cụ thể trên mô hình tia số, yêu cầu HS chỉ ra số liền

trước, số liền sau của số đã cho.

* HS thực hiện theo cặp chỉ vào một số trong SGK đố bạn số liền trước và số liền sau của số đó.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

**IỢC** từ bức

>' tia số.

1. HS thực hành xếp các thẻ số vào vị trí thích hợp dưới mồi vạch của tia số. Qua bài tập này HS củng cố nhận biết về tia số và một vài nhận xét về đặc điêm nhận dạng tia số.
2. HS củng cố kĩ năng nhận biết số liền trước, số liền sau của một số cho trước.

GV chữa bài, chốt lại cách nhận biết số liền trước, so liền sau của một số cho trước dựa trên thứ tự vị trí hoặc dựa vào phép cộng hoặc phép trừ (cộng 1 hoặc trừ 1).

Bài 2

~ột số HS

Tia số có [ tên.

H—

***\* 15**

1. Cá nhân HS tìm số thích họp dưới mỗi vạch của tia số rồi nói cho bạn nghe kết quả.

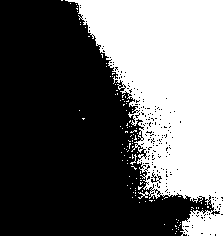
* HS chữa bài. GV đặt câu hỏi để HS nhận xét đặc điểm của tia số như:

+ Các vạch trên tia số cách đều nhau,

+ Các số trên tia số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn theo chiều mũi tên từ trái sang phải, số đứng sau luôn lớn hơn số đứng trước nó.

1. HS thực hiện theo cặp đố bạn trả lời câu hỏi trong SGK.

* HS nêu một số bất kì trong phạm vi 100 đố bạn tìm số liền trước, số liền sau của số đó.



33

* GV chốt lại về:

Bài này được ứ chức các hoạt độns

: Mực TIÊU

Học xong bai n

* Biết đề-xi-mc
* Cảm nhận đư
* Biết dùns thi ::nh huống thực tẻ.
* Phát triển ca.

1. CHUẨN BỊ

* Thước thăn2.
* Một số băne

1. GỢI Ý CÁC HC

**A. Hoạt động**

-HS thực hiện (số đo của các băng

+ Đặc điếm tia số.

+ Cách xác định số liền trước, số liền sau của một số.

*Lưu ỷ:* Neu có thời gian có thế cho HS tự thiết kế tia số của riêng mình ra vở nháp và chia sẻ sản phâm với bạn.

Bài 3

* HS thực hành củng cố kĩ năng nhận biết số liền trước, số liền sau của một số cho trước.
* GV chữa bài, chốt lại cách nhận biết số liền trước, số liền sau của một số cho trước.

Bài 4. Mục tiêu của bài này là giúp HS sử dụng vị trí của các số trên tia số để nhận biết số nào lớn hơn, số nào bé hơn.

* HS quan sát tranh, xem bạn Voi gợi ý cho chúng ta điều gì?
* Nêu cách so sánh hai số trong phạm vi 100 dựa vào gợi ý của bạn Voi.
* HS thực hiện so sánh hai số rồi chia sẻ với bạn.
* HS có thể nêu hai số bất kì, đố bạn so sánh hai số đó dựa vào tia số.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 5. HS đọc bài toán, thực hiện thao tác so sánh trực tiếp từng cặp số (từng đôi một) để lấy ra số bé hơn, từ đó xếp thứ tự các số từ bé đến lớn và từ lớn đến bé.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Biết thêm từ ngữ toán học nào?
* Tia số giúp ích gì cho các em trong học toán?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc nhận biết tia số, xác định vị trí các số trên tia số, sử dụng tia số để so sánh số, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.



* Thông qua hoạt động chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi thảo luận với thầy cô và bạn bè, HS có cơ hội phát triến NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù họp. Tiết 1 có thể kết thúc sau bài tập 2.

4 ĐỀ-XI-MÉT

1. **Mực** TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

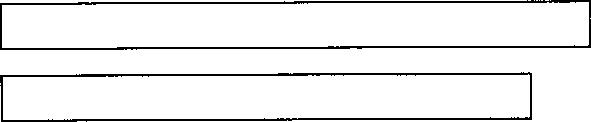
* Biết đề-xi-mét là đơn vị đo độ dài, biết đề-xi-mét viết tắt là dm.
* Cảm nhận được độ dài thực tế 1 dm.
* Biết dùng thước đo độ dài với đơn vị đo dm, vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Thước thẳng, thước dây có vạch chia xăng-ti-mét.
* Một số băng giấy, sợi dây với độ dài xăng-ti-mét định trước.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

* HS thực hiện theo nhóm, mồi nhóm đo một số băng giấy được chuấn bị trước (số đo của các băng giấy là 10 cm, 12 cm, 9 cm,...). Ghi các số đo lên băng giấy.



* GV phát cho mồi nhóm một sợi dây được chuẩn bị trước (có độ dài khoảng 30 - 50 cm). Các nhóm thảo luận chọn ra một băng giấy để đo độ dài sợi dây sao cho thuận tiện nhất. Giải thích cách chọn của nhóm.

*Lưu ỷ:* Khi chi

rục đếm để tìm đượ biểu tượng độ dài 1

**Bài 3. HS thự**

* Đổi các số đ
* Đổi vở cùnç những lưu ý khi thi

**Bài 4. HS thực**

* Quan sát mầi
* Thực hiện pt
* Đổi vở cùna những lưu ý khi thi

**D. Hoạt động**

Bài 5. HS thực

* Cắt các băn 2 1 dm vào vở.
* Cầm các băn chúng. Chẳng hạn:

*Lưu ỷ:* Neu có động sau:

Nhóm 1 : Ke tẽ

Nhóm 2: Kẻ tê

Nhóm 3 : Kê tẻ

Nhóm 4: Kể tể

Các nhóm thac ý kiến của nhóm m

* HS nhận xét: Dùng băng giấy có số đo 10 cm để đo độ dài sợi dây là thuận tiện và dễ dàng nhất. GV nhận xét giới thiệu bài mới.

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. GV giới thiệu:

1 dm

|IIN|llll|llll|ll!l|llll|llll|llll|llll|llll|llll|llll|ll!l|llll|llll|ll|ị|llll|llll|l!ll|llll|llll|NII|!!ll|ll!!|llll|llll|

0 cm 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

Đề-xi-mét lò một đơn vị đo độ dài, viết tát là dm.

1 dm = 10 cm 10 cm = 1dm

* HS đọc kĩ và giải thích cho bạn nghe nội dung trên.
* HS cầm băng giấy 10 cm (đã đo ở phần khởi động) đưa cho bạn cùng bàn, nói: “Băng giấy dài một đề-xi-mét”.
* GV yêu cầu HS giơ sợi dây của nhóm đã đo trong phần khởi động. Hỏi sợi dây dài bao nhiêu đề-xi-mét?

1. Cùng nhau nhắm mắt nghĩ về độ dài 1 dm. Chia sẻ:

+ Gang tay của em dài hơn hay ngắn hơn 1 dm?

+ Bút chì của em dài hơn hay ngắn hơn 1 dm?

+ Hộp bút của em dài khoảng bao nhiêu đề-xi-mét?

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện theo cặp: mồi cá nhân HS quan sát hình vẽ, chọn số đo

thích họp với mồi đồ vật rồi chia sẻ với bạn cách chọn của mình. HS đặt câu hỏi cho

bạn để nói về số đo mồi đồ vật trong hình vẽ.

Bài 2

1. HS lấy thước, quan sát thước, chỉ cho bạn xem vạch ứng với 1 dm, 2 dm trên thước.
2. HS suy nghĩ và trả lời 2 dm = 20 cm.

*Lưu ỷ:* Khi chừa bài GV có thể cho HS đếm 1 cm, 2 cm,..., 9 cm, 1 dm,... tiếp tục đếm để tìm được vạch chỉ 2 dm. Hoạt động này giúp HS củng cố chắc chắn hơn biểu tượng độ dài 1 dm và 1 dm = 10 cm.

loang V sao

thuận

Bài 3. HS thực hiện các thao tác:

* Đổi các số đo độ dài từ đề-xi-mét sang xăng-ti-mét và ngược lại.
* Đổi vở cùng kiểm tra, đánh giá lẫn nhau, nói cho bạn niỉhe cách làm, rút ra nhũng lưu ý khi thực hiện số đo độ dài từ đề-xi-mét sang xăng-ti-mét và ngược lại.

Bài 4. HS thực hiện các thao tác:

* Quan sát mầu và nói cách thực hiện phép tính có số đo độ dài đề-xi-mét.
* Thực hiện phép tính có số đo độ dài đề-xi-mét (theo mầu).
* Đổi vở cùng kiểm tra, đánh giá lần nhau, nói cho bạn nghe cách làm, rút ra những lưu ý khi thực hiện phép tính với số đo độ dài đề-xi-mét.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 5. HS thực hiện các thao tác thực hành:

: bàn, M sợi

* Cắt các băng giấy (hoặc sợi dây) có độ dài 1 dm, 2 dm, 3 dm. Dán băng giấy 1 dm vào vở.
* Cầm các băng giấy (hoặc sợi dây) đã cắt được nói cho bạn nghe về độ dài của chúng. Chẳng hạn: “Băng giấy này dài 2 dm.”

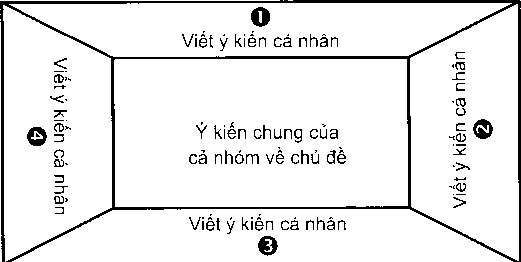
*Lưu ỷ:* Nếu có thời gian, GV có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn tổ chức hoạt động sau:

Nhóm 1: Kể tên những vật trong thực tế có độ dài 1 dm.

Nhóm 2: Ke tên những vật trong thực tế có độ dài 2 dm.

Nhóm 3: Kể tên những vật trong thực tế có độ dài 3 dm.

Các nhóm thảo luận rồi tổng họp ý kiến chung cúa cả nhóm. Chia sẻ trước lóp ý kiến của nhóm mình.



**sò** đo >i cho

hước.

Nhóm 4: Kể tên những vật trong thực tế có độ dài 5 dm.

1. Củng cố, dặn dò

III. GỢI Ý CÁC

1. **Hoạt độn**

HS lấy ra các

1. **Hoạt độn**

* HS đọc kĩ t và nghĩ ra một tẻ] xây dựng nên” C£ cộng, 6 - so bans

-GV cung c; biết các thuật nai

**c. Hoạt độn**

Bài 1. HS lầ:

* Nhận biết *¡*
* Nhận biết ;
* Chỉ ra *so h*

**Bài 2. HS lề**

thành lập tổng, ứ

1. **Hoạt độn**

Bài 3. Tổ ch

* HS rút ra chuẩn bị phát ch< bạn trong nhóm.

-Trong thời

1. **Củng cố,**

* Bài học hc
* Từ ngữ toi
* về nhà, er học, nhớ lấy ví d
* HS sử dụng kĩ thuật 1 phút để củng cố bài:

+ Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Từ ngừ toán học nào em cần chú ý? Đe nắm vừng kiến thức về đề-xi-mét em nhắc bạn điều gì?

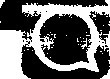
+ Em muốn tìm hiếu thêm điều gì?

* Liên hệ về nhà, em tập ước lượng một số đồ dùng, đồ vật sử dụng đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét, em cũng có thế dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để kiểm tra lại xem mình đã ước lượng đúng chưa.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các hoạt động quan sát, đo đạc, so sánh, trao đôi, nhận xét, chia sẻ ý kiến để nắm vững biểu tượng đơn vị đo độ dài đề-xi-mét, HS có cơ hội được phát trien NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng họp tác và giao tiếp với người khác; cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN



Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù họp. Chẳng hạn, tiết 1 kết thúc sau khi hoàn thành bài 1.

SỐ HẠNG - TỔNG

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Nhận biết tên gọi các thành phần và kết quả cùa phép cộng.
* Phát triên các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Các thẻ số; thẻ dấu và thẻ ghi các chữ chì thành phần, kết quả phép cộng: số hạng, Tông.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

? em cần

ơn vị đo đê kiêm

h

\ét, chia lội được mơ công ròng sẵn iừa toán

:iêt và tổ nh bài 1.

1. Hoạt động khởi động

HS lấy ra các thẻ số và thẻ dấu, đố nhau thành lập các phép cộng và tính kết quả.

1. Hoạt động hình thành kiến thức

* HS đọc kĩ từng phép tính, ví dụ 4 + 2 = 6, chỉ tay vào từng số, ví dụ số 4, số 2 và nghĩ ra một tên gọi cho từng số rồi nói cho bạn nghe. Ví dụ: HS có thể “tự mình xây dựng nên” cách gọi tên đối tượng mới của riêng mình như: 4 - số cộng, 2 - số cộng, 6 - số bằng.
* GV cung cấp thuật ngữ: 4 - số hạng, 2 - số hạng, 6 - tổng và yêu cầu HS nhận biết các thuật ngừ đó.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS lần lượt thực hiện các thao tác sau:

* Nhận biết *phép tính* và kết quả đã cho (quan sát tổng hợp).
* Nhận biết *tổng* đã cho. Phân tích *thành phần và kết quá* trong tổng đã cho.
* Chỉ ra *sổ hạng* và *tổng* trong mồi phép tính đã cho.

Bài 2. HS lần lượt thực hiện các thao tác sau: nhận biết các số hạng đã cho, thành lập tổng, thực hiện phép cộng, nêu tổng tìm được.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 3. Tổ chức thành trò chơi “Lập tổng”. HS thực hiện theo nhóm.

* HS rút ra hai thẻ số bất kì trong bộ đồ dùng học Toán (hoặc thẻ số do GV chuẩn bị phát cho HS). Từ hai thẻ số đó lập tổng, ghi lại kết quả và chia sẻ với các bạn trong nhóm.
* Trong thời gian 3 phút, nhóm nào lập được nhiều tổng nhất nhóm đó thắng cuộc.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Từ ngừ toán học nào em thấy mới?

:ộng: số

* về nhà, em hãy nói cho người thân nghe từ ngữ toán học mới hôm nay được học, nhớ lấy ví dụ để người nghe hiểu rõ từ ngữ đó.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm **và** phát triển năng lực cho học sinh

* Nhận biếl
* Chỉ ra *sổ*

**Bài 2. HS**

phép tính, thàiứ

1. **Hoạt độ**

**Bài 3. Tổ c**

* Mồi nhór khác nhưng đơn
* HS di chi một phép tính đ
* Nhóm nà<
* GV gọi đí tìm được nhau 1

1. **Củng cc**

* Bài học h
* Từ ngữ to
* về nhà, e

học, nhớ lấy ví (

**(\*) Cơ hội ]**

Thông qua I trừ, trao đổi, nh toán học, NL gia

Thông qua các hoạt động nhận biết tên gọi các thành phần và kết quả của phép cộng, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

■ - —

I *, ,*

6 số BỊ TRỪ - SỐ TRỪ - HIỆƯ

MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Nhận biết tên gọi các thành phần và kết quả của phép trừ.
* Phát triển các NL toán học.

*^* II. CHUẨN BỊ

Các thẻ số; thẻ dấu và thẻ ghi tên các chữ chỉ thành phần kết quả phép trừ: số bị trừ, Số trừ, Hiệu.

I,

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU **•I A. Hoạt động khởi động**

HS lấy ra các thẻ số và thẻ dấu. Đố nhau thành lập các phép trừ và tính kết quả.

-

1. Hoạt động hình thành kiên thức

* HS đọc kĩ từng phép tính, ví dụ 6 - 2 = 4, chỉ tay vào từng số, ví dụ số 6, số 2 và nghĩ ra một tên gọi cho từng số rồi nói cho bạn nghe. Ví dụ: HS có thể “tự mình xây dựng nên” cách gọi tên đối tượng mới của riêng mình.

I. MỤC TIÊU

Học xong b - Đem, đọc

* GV cung cấp thuật ngừ: 6 - số bị trừ, 2 - số trừ, 4 - hiệu và yêu cầu HS nhận biết các thuật ngữ đó.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập.

Bài 1. HS lần lượt thực hiện các thao tác sau:

* Nhận biết *phép tỉnh* và kết quả đã cho (quan sát tổng họp).
* Nhận biết *hiệu* đã cho. Phân tích *thành phần và kết quả* trong hiệu đã cho.

- phép toán

': an.

* Chì ra *số bị trừ, so trừ* và *hiệu* trong mồi phép tính đã cho.

Bài 2. HS lần lượt thực hiện các thao tác sau: nhận biết các thành phần của phép tính, thành lập hiệu, thực hiện phép trừ, nêu hiệu tìm được.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 3. Tổ chức thành trò chơi “Tìm bạn”. Thực hiện theo nhóm.

* Mỗi nhóm được phát hai bộ thẻ như SGK (có thể thay bằng các phép tính íchác nhưng đơn giản dễ nhấm).
* HS di chuyển tìm bạn của mình sao cho 3 bạn tìm được nhau có thể tạo nên một phép tính đúng với tên gọi thành phần và kết quả phù hợp.
* Nhóm nào tìm nhanh, đúng sẽ thắng cuộc.
* GV gọi đại diện 1 hoặc 2 nhóm giải thích trong trò chơi trên, lí do để các bạn :im được nhau là gì, trò chơi rèn cho chúng ta kĩ năng gì.

:rừ: số

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Từ ngữ toán học nào em thấy mới?

>:èt quả.

: 6, số 2 mình

!S nhận

* về nhà, em hãy nói cho người thân nghe từ ngừ toán học mới hôm nay được nọc, nhớ lấy ví dụ để người nghe hiểu rõ từ ngữ đó.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các hoạt động nhận biết tên gọi các thành phần và kết quả của phép :rừ, trao đối, nhận xét, chia sẻ ý kiến, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp :oán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

^ 7 LUYỆN TẬP CHƯNG

ĩ. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS được ôn luyện về:

* Đem, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100.
* Số liền trước, số liền sau của một số cho trước. Sử dụng tia số.
* HS viết phép

Phép tính: 28 -

Trả lời: Sợi dâ\

**E. Củng cố, dẹ**

* Bài học hôm
* Đe có thê làn

**(\*) Cơ hội học**

Thông qua **luỴí** một số; so sánh sò: phạm vi 100; vận d thực tế; trao đổi. nb và lập luận toán học

* Thực hiện cộng, trừ các số có hai chừ số (không nhớ) trong phạm vi 100. Xác định tên gọi của thành phần và kết quả của phép tính cộng, trừ.
* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyêt một sô tình huông găn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YỂU **A. Hoạt động khởi động**

Trò chơi “Truyền bóng”: HS truyền bóng cho bạn, ai nhận được bóng sẽ nói một điều đã học thêm được mà mình nhớ nhất từ đâu năm đên giờ. Chăng hạn:

+ Tia số;

+ Số liền trước, số liền sau;

+ Số hạng, tổng, số bị trừ, số trừ, hiệu;

+ Đe-xi-mét.



K

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS quan sát vị trí điểm nối các dây diều, đọc số mà dây diều được gắn vào trên tia số.

1. MỤC TIÊU

Học xong bài r

* Luyện tập vê vi 20, chuân bị cho
* Phát triển các

1. GỢI Ý CÁC HC

**A. Hoạt động**

HS chơi trò ch'

* Lượt 1: HS n
* Lượt 2: HS ri

•I

HS được củng cố nhận biết về tia số.

Bài 2

* Câu a và b giúp HS củng cố nhận biết về số liền trước, số liền sau của một số.
* Câu c yêu cầu HS thực hiện thao tác so sánh trực tiếp từng cặp số (từng đôi một) để nhận biết số lớn hơn, bé hơn. Từ đó, lựa chọn dâu lớn hoặc bé cho thích hợp.

Bài 3. HS được củng cố kĩ năng làm tính cộng, tính trừ các số có hai chữ số (không nhớ) trong phạm vi 100, đồng thời củng cô khái niệm vê thành phân và kêt quả trong các phép tính cộng, trừ.

1. Hoạt động vận dụng Bài 4

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.
* HS viết phép tính thích họp và trả lời:

100. Xác *Ị* aắn với

Ìă sẽ nói hạn:

Phép tính: 28 - 18 = 10.

Trả lời: Sợi dây còn lại dài 10 dm.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Đe có thế làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua luyện tập xác định các số trên tia số, số liền trước, số liền sau của một số; so sánh số; làm tính cộng, tính trừ các số có hai chữ số (không nhớ) trong ?hạm vi 100; vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với :hực tế; trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.



ỉược gắn

a một số.

(từng đôi hích họp.

ai chữ số àn và kết

LUYỆN TẬP PHÉP CỘNG (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 20

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Luyện tập về “cộng hai số có tổng là 10” và “10 cộng với một số” trong phạm vi 20, chuấn bị cho việc học về phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.
* Phát triên các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Đố bạn”:

gì-

'a.

* Lượt 1: HS nêu một phép cộng trong phạm vi 10 đố bạn thực hiện.
* Lượt 2: HS nêu một phép cộng trong phạm vi 20 đố bạn thực hiện.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

* HS thực hụ
* HS chữa *bè* phép tính dạng "1

**E. Củng cố,**

* Bài học hòi
* Lấy một ví

**(\*) Cơ hội hí**

Thông qua li 10/20, HS có cơ b vấn đề toán học. được phát triển K

m

Bài 1

1. Mục tiêu của câu này là giúp HS ôn luyện kĩ năng tính “cộng hai số có tổng là 10” và sử dụng *Bảng cộng trong phạm vi 10.*

* HS thực hiện phép cộng để tìm kết quả của từng phép tính được ghi trên mồi tấm thẻ.
* HS đổi vớ, đặt câu hỏi cho nhau, đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mồi phép tính.

1. Mục tiêu của câu này là giúp HS dựa vào *Bảng cộng trong phạm vi 10* đê tìm số thích họp cho ô |~?Ị

* Cá nhân HS thực hiện và nói cho bạn nghe cách làm.

Nít

* HS chữa bài, GV đặt câu hỏi để HS nhận ra khi thực hiện các phép tính ở câu b này chính là “làm cho tròn 10”, khi nhìn vào một số trong phạm vi 10 chúng ta có thể “làm cho tròn 10” bằng cách dựa vào *Bảng cộng.* HS tự nêu thêm ví dụ để đố bạn “làm cho tròn 10”. Chẳng hạn: 6 + ?= 10; 5 + ?= 10;...

1. MỤC TIÊU

Học xong bài

* Biết tìm kếi thêm” (đếm tiếp).

-Vận dụng đi tình huống gắn vớ

* Phát triển Cí

1. CHUẨN BỊ

20 chấm tròn

1. GỢI Ý CÁC *¥* **A. Hoạt động**

* HS quan sát

*Lưu ỷ:* GV có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị sẵn các thẻ phép tính, một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác nêu kết quả phép tính và ngược lại.

Bài 2

* Mục tiêu của bài này là ôn luyện kĩ năng thực hiện phép cộng dạng “10 cộng với một số” trong phạm vi 20.

«l

* Cá nhân HS tự làm bài 2, thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lóp.

Bài 3

* GV hướng dần HS sử dụng kĩ thuật tính “cộng hai số có tổng là 10” và “10 cộng với một số” vừa được ôn luyện qua bài 2 để thực hiện tính nhâm.
* Mục tiêu của bài này là giúp HS cách làm các bài có hai phép cộng liên tiếp thì thực hiện lần lượt từ trái qua phải. Ví dụ: 9+1+4=10 + 4=14.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 4

* HS quan sát mầu, nhận dạng bài toán dạng “10 cộng với một số”.
* HS thực hiện và nói cho bạn nghe cách làm.

.0 tổng 'én mồi -\*ng với

*10 đế*

*y* câu b -T ta có - để đố

bị sẵn phép

) cộng hia sẻ

0” và n tiếp

chừa bài' Gv đặt câu hỏ! đô HS su-y nẽhĩ nêu cách nhẩm nhanh cho các phép tính dạng “10 cộng với một số”. HS tự nêu thêm ví dụ để nắm chắc cách tính.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì9
* Lay mọt ví dụ làm cho tròn 10” và “10 cộng với một số”

(\*) ***Cữ*** hội học tập trài nghiệm và phát triền năng lực cho học sinh

Thông qua luyện tập, thực hành tính cộng, trừ (không nhớ) trong pham vi 10/20 HS có ca hội đưạc phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyft

-an đẽ toán học Thông qua việc trao đồi, nhận xét, chia sẽ ý kiên, HS cố cả hội

•ỉược phát triên NL giao tiếp toán học.

**PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) trong phạm VI 20**

i MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

„ B,fl tìnỊ quả các phép cộnê (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “đếm -hêm” (đêm tiếp). .

* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết môt số :inh huông găn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

iỉ. CHUẨN BỊ

20 chấm tròn (trong bộ đồ dùng học Toán).

ni. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động khởi động

HS quan sat bức tranh, thảo luận nhóm, nêu phép tính 8 + 3 = ?

* GV nêu: Làm thế nào để tìm được kết quả phép tính 8 + 3 = ? Hãy thảo luận cách tìm kết quả phép tính 8 + 3 = ?
* GV chữa b bằng cách “đếm t

1. **Hoạt độn**

**Bài 4**

* HS đọc bài
* HS suy ngl
* HS viết phi

Phép tính: 9

Trả lời: Sau *\*

* GV nên kh

1. **Củng cố,**

* HS nêu car
* về nhà, em *iề* thực hiện phép :a lớp.

**(\*) Cơ hội h<**

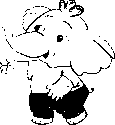
* Thông qua cách “đếm thêm" :oán học, NL giải
* Thông qua nuống gắn với thi triển NL giao tiếp

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. GV hướng dẫn HS cách tìm kết quả phép cộng 8 + 3 = ? bằng cách “đếm thêm”.

* GV đọc phép tính, đồng thời gắn 8 chấm tròn lên bảng. HS lấy ra 8 chấm tròn.
* GV *tay lần lượt chí vào* các chấm tròn, *miệng đếm* (miệng nêu kết quả có được sau khi đếm): 9, 10, 11.

Đếm thêm 3 bắt đầu từ 8

1. HS thao tác trên các chấm tròn của mình, tay chỉ, miệng đếm 9, 10, 11.



8 + 3 = ?

**8 9 10 11** Vậy 8 + 3 = 11

GV hướng dần HS thực hiện tính với phép tính khác: 8 + 5 = ?

1. HS thực hiện một số phép tính khác, viết kết quả vào bảng con, chẳng hạn:

9 + 4= 13;7 + 5 = 12.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 1**

* HS thực hành theo cách tính như đã nêu trên.



* GV chốt lại cách thực hiện phép cộng bằng cách “đếm tiếp”.

*Lưu ỷ:* Mô hình các chấm tròn và bóng nói nhằm giúp HS tái hiện lại các thao tác tính (đếm tiếp) như đã nêu.

[. MỤC TIÊU

Học xong bài

- Biết tìm kế :ho tròn 10”.

Bài 2. HS thực hiện tương tự như bài 1: đọc phép tính, đếm tiếp để tìm kết quả phép tính, viết kết quả vào vở.

Bài 3

* HS thực hành tính “đếm tiếp” (trong đầu) để tìm kết quả.
* GV chữa bài, chốt lại cách thực hiện phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20, bằng cách “đếm tiếp”.

0 luận

:hêm”. '1 tròn. ;uả có

1. Hoạt động vận dụng

Bài 4

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.
* HS viết phép tính thích hợp và trả lời:

Phép tính: 9 + 5 = 14.

Trả lời: Sau khi nối, đoàn tàu đó có tất cả 14 toa.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

1. Củng cố, dặn dò

* HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.
* về nhà, em hãy tìm hỏi ông bà, cha mẹ, người thân xem có còn cách nào khác iè thực hiện phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 hay không. Tiết sau chia sẻ với :a lóp.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- hạn:

. thao quả

* Thông qua việc tìm kết quả các phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng :ach “đếm thêm” (đếm tiếp), HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận :oán học, NL giải quyết vấn đề toán học.



* Thông qua việc vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình nuống gắn với thực tế và hoạt động chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội phát :riển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20 ***(tiếp theo)***

MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết tìm kết quả các phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “làm ;ho tròn 10”.

47



* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

+ Thao tác trẻ iông thời gắn 9 ch

* HS thao tá< . chấm tròn bên ph 3 -4 = 13.
* GV hướng c

2. HS thực hài :heo cách vừa học

**c. Hoạt độnc Bài 1**

* HS thực hàr
* GV chốt lại

Bài 2. HS thự

cho tròn 10” để tìr

**Bài 3**

* HS thực hàr
* GV chữa bà bằng cách “làm ch

1. **Hoạt động Bài 4**

* HS đọc bài 1
* HS suy nghi
* HS viết phé] Phép tính: 9 - Trả lời: Có tất

1. **Củng cố, ỉ**

* Bài học ngà
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUÀN BỊ

* 20 chấm tròn (trong bộ đồ dùng học Toán).
* Một khung 10 ô (có thể in trên giấy A4 cho HS, hoặc sử dụng bảng con kẻ sẵn 10 ô để thả các chấm tròn, nên làm gọn mồi khung nửa tờ giây A4).

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

* HS chơi trò chơi “Truyền điện” hoặc “Đố bạn” ôn lại các phép tính có kết quả bằng 10 và 10 cộng với một số.
* HS quan sát bức tranh, nói cho bạn nghe tranh vẽ gì. HS chia sẻ tình huống và phép tính 9 + 4 = ?

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép cộng 9 + 4 = ? bằng cách “làm cho tròn 10”.

* GV đặt vấn đề: Làm thế nào để tìm được kết quả phép tính 9 + 4 = ?
* HS thảo luận nhóm các cách tìm kết quả phép tính 9 + 4 = ?

*Lưu ý:* GV đặt vấn đề để HS nói về **cách** tính, chứ không chỉ nêu kết quả phép tính. HS nói theo suy nghĩ của mình, trên cơ sở đó GV dẫn vào bài mới, chăng hạn: “Vừa rồi thầy/cô thấy rất nhiều bạn đã tìm được kết quả phép tính 9 + 4 (băng cách đếm liên tiếp từ đầu, đếm tiếp,...), bài hôm nay thầy/cô sẽ cùng các bạn tìm hiêu một cách tính nữa.”

* HS chia sẻ cách tìm kết quả của nhóm. Nếu có điều kiện GV giới thiệu clip hoạt hình (trong bộ học liệu điện tử sách Toán 2 — Cách Diêu) tim ket qua phep cọng **9 + 4 = ? bằng cách “làm cho tròn 10” thông qua các thao tác sau:**

+ HS xem clip và nhận xét cách tính của bạn Voi.

+ Thao tác trên chấm tròn giống như cách của bạn Voi: GV đọc phép tính 9 + 4, đồng thời gắn 9 chấm tròn lên bảng. HS lấy ra 9 chấm tròn.

một số

* HS thao tác trên các chấm tròn, thực hiện phép cộng 9 + 4 (tay chỉ vào 1 chấm tròn bên phải, miệng nói: 9 thêm 1 bằng 10). Sau đó, gộp tiếp với 3. Nói: Vậy 9 + 4= 13.

1 kẻ sằn

* GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự với phép tính khác, chẳng hạn 8 + 4.

1. HS thực hành theo cặp, tự viết phép tính ra bảng con và tìm kết quả phép tính theo cách vừa học.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 1**

* HS thực hành theo cách tính như đã nêu trên.
* GV chốt lại cách thực hiện phép cộng bằng cách “làm cho tròn 10”.

kết quả I huống

àm cho

la phép ng hạn: ũg cách im hiểu

iệu clip ép cộng

Bài 2. HS thực hiện tương tự như bài 1: đọc phép tính, thực hiện thao tác “làm cho tròn 10” để tìm kết quả phép tính rồi viết kết quả vào vở.

Bài 3

* HS thực hành tính “làm cho tròn 10” (trong đầu) để tìm kết quả.
* GV chữa bài, chốt lại cách thực hiện phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20, bằng cách “làm cho tròn 10”.

1. Hoạt động vận dụng **Bài 4**

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra. \*
* HS viết phép tính thích họp và trả lời:

Phép tính: 9 + 3 = 12.

Trả lời: Có tất cả 12 chậu hoa.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học ngày hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Vê nhà, em hây tìm một tình huống trong thực tiền có sử dụng phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 rồi đố bạn nêu phép tính thích hợp.
* HS đổi vơ. mồi phép tính.

*Lưu ỷ:* GV c

các thẻ phép tính tính và ngược lại. rồi đố bạn viết kẻ

**Bài 2**

* Cá nhân H trước lóp.
* GV hướns lần lượt từ trái qu

**Bài 3**

* Cá nhân Hí' nêu nhận xét trực
* GV hướns I các phép tính.
* HS tự nêu tỉ số hạng thì tổns kl này chúng tính nh

**Bài 4**

* HS đọc bài
* HS suy nelí
* HS viết phé

Phép tính: 6 -

Trả lời: Nhà b

**D. Hoạt động**

**Bài 5. HS thài** cách “đếm tiếp và

GV có thể đư£ từ đó rút ra nhận >í

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tìm kết quả các phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “làm cho tròn 10”, HS có cơ hội được phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.
* Thông qua việc vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế và hoạt động chia sẻ, trao đối, đặt câu hỏi, HS có cơ hội phát triòn NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

a „ . .

**11** LƯYỆNTẬP

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Thực hành cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 theo cách “đếm thêm” và “làm cho tròn 10”.
* Vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tế.
* Phát triên các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Đố bạn” theo cặp. Bạn A viết một phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 ra nháp hoặc ra bảng con đô bạn B tìm kêt quả và nói cách tính. Đôi vai cùng thực hiện.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1

* HS quan sát phép cộng ghi trên mồi tấm thẻ (các con vật đang cầm trên tay) và lựa chọn số thích hợp với kết qua cùa từne phép tính (ghi trên mỗi cánh diều).

50

* HS dôi và, dât câu hôi cho nhau doc phép tinh và nôi kêt quâ tirong umg vôi môi phép tinh.

phép công **nh**

vi 20 bâng p luân toân

nôt sô tinh ça hôi phât

*Lmi ÿ:* GV cô thê tô chvrc cho HS choi theo cap hoâc theo nhôm, chuân bi sân câc thé phép tinh, mot ban lây ra mot thé phép tinh dô ban khâc nêu kêt quà phép :inh và ngirgc lai. Hoâc cüng cô thê chuân bi câc thé trâng dé HS tu viét phép tinh rôi dô ban viêt kêt quâ thich hop.

Bài 2

* Câ nhân HS tir làm bài 2, thâo luân vài ban vê câch tinh nhâm rôi chia sé :ruàc ! • Vp.
* GV hiràng dân HS câch làm câc bài cô hai phép công liên tiép thi thirc hiên -àn luot tir trâi qua phâi. Vi du: 9 + 1 + 7 = 10 + 7 = 17.

Bài 3

* Câ nhân HS tir làm bài 3; thâo luân vài ban vê kêt quâ câc phép tinh. Tù dô, nêu nhân xét tnrc quan vê “Tinh chat giao hoân cua phép công”.

C và “làm

* GV hiràng dân HS sïr dung nhân xét vira rut ra dugc dê thirc hiên tinh nhâm câc phép tinh.
* HS tir nêu thêm câc vi du vân dung tinh chât: trong phép công khi dôi chô câc >ô hang thi tông không thay dôi. GV dât câu hôi dê HS nhân ra khi sir dung tinh chât này chüng tinh nhâm dê dàng hem trong mot sô tnràng hop.

Bài 4

* HS doc bài toân, nôi cho ban nghe bài toân cho biêt gi, bài toân hôi gi.
* HS suy nghï lira chon phép tinh dê tim câu trâ loi cho bài toân dât ra.

ma) trong L". Dôi vai

* HS viêt phép tinh thich hop và trâ loi:

Phép tinh: 6 + 7 = 13.

Trâ loi: Nhà ban Duyên nuôi tât câ 13 con thô.

1. Hoat dông vân dung

r trên tay) tin dieu).

**Bài 5.** HS thâo luân vê hai câch làm tinh công (cô nhà) trong pham vi 20 bâng câch “dêm tiêp và làm cho trôn 10”. Nôi cho ban nghe câch mà minh thich và H do.

GV cô thê dua thêm mot vài vi du khuyên khich HS thirc hiên theo câ hai câch :ù dô rut ra nhân xét. Khi thirc hiên công (cô nhà) trong pham vi 20 chüng ta làm

51

cách nào cũng được, cách “đếm thêm” thường dùng trong trường họp cộng với số bé như 9 + 2; 9 + 3; 8 + 4;...

* Liên hệ kiếi cuộc sống hằng n°
* Phát triển cá

1. CHUẨN BỊ

* Các que tính
* Một số tình

1. GỢI Ý CÁC H
2. **Hoạt động**

* HS chơi trò phép cộng (có nhớ
* HS thực hai sống hằng ngày na

1. **Hoạt động**

* HS tìm kết c thẻ phép tính), chă

*Lưu ý:* GV có

chơi theo cặp/nhór tính (có thể viết kế kết quả tính của m tự lập được *Bảng c*

* *Sắp xếp* các hợp thao tác cùna ’ như SGK, đồng thi
* GV giới thi« các phép tính tronc
* HS nhận xét và ghi nhớ *Bảng* ạ
* HS đưa ra *pị*

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học ngày hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* HS liên hệ, tìm tòi một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc thực hành cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 theo cách “đếm thêm” và “làm cho tròn 10”, nhận biết trực quan về “Tính chất giao hoán của phép cộng”, vận dụng các phép tính đã học giải quyết một số vấn đề thực tế, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.
* Thông qua việc vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một sô tình huống gắn với thực tế và hoạt động chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tiết 1 có thể kết thúc sau bài tập 2. Tiết này tập trung luyện tập cách cộng (có nhớ) trong phạm vi 20. GV có thể linh hoạt sử dụng các phép tính thích họp để HS nắm chắc hai cách cộng đã học.

®ÌBÌ B^NG C0NG (CÓ NHỚ)

**Ull** TRONG PHẠM VI 20

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Tìm được kết quả các phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 và thành lập *Bảng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.*
* Vận dụng *Bảng cộng* (tra cứu *Bảng cộng*) trong thực hành tính nhẩm (chưa yêu cầu HS ngay lập tóc phải học thuộc lòng *Bảng cộng).*

:ộng

iêm ?hép 0 cơ nọc.

tình

ohát

Tiết

noạt

^ s° - Liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế

cuộc sống hằng ngày trong gia đình, cộng đồng.

- Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
* Một số tình huống đon giản dần tới phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

* HS chơi trò chơi “Truyền điện”, trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 đã học.
* HS thực hành với đồ vật thật; chia sẻ các tình huống gắn với thực tế cuộc sống hằng ngày nảy sinh nhu cầu thực hiện phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.

1. Hoạt động hình thành kiến thức

* HS tìm kết quả từng phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 (thể hiện trên các thẻ phép tính), chẳng hạn: 9 + 2= 11; 8 + 4= 12; 7 + 6= 13; 5 + 9= 14;...

*Lưu ỷ:* GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A: rút một thẻ; đọc phép tính, đọ bạn B nêu kết quả phép tinh (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau). Mồi bạn trong nhóm thông báo kết quả tính của mình và ghi lại vào bảng nhóm. Như vậy, các bạn trong nhóm đã tự lập được *Bảng cộng* của nhóm mình.

* *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành *Bảng cộng* như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một *Bảng cộng* trước mặt.

' lập :hưa

* GV giới thiệu *Bảng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong *Bảng.*
* HS nhận xét về đặc điếm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.*
* HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).

- GV tổng kết: Có thể nói: Bài 3

Cột thứ nhất được coi là: Bảng 9 cộng với một số. - HS đọc

Cột thứ hai được coi là: Bảng 8 cộng với một số. \_ HS suy

Phép tính Trả lời: V

**D. Hoạt** C

Cột thứ ba được coi là: Bảng 7 cộng với một sô. \_ HS vi

Cột thứ tám được coi là: Bảng 2 cộng với một số.

* HS đọc *Bảng cộng*, tập sử dụng *Bảng cộng* (để tra cứu kết quả phép tính) và tiến tới ghi nhớ *Bảng cộng.* Bước đầu HS có thể làm việc như sau:

+ Từng bạn đọc thầm *Bảng cộng.* \_ HS ngh

+ Hai bạn kiểm tra nhau: một bạn đọc phép tính, bạn kia kiểm tra và sửa cho bạn. trong vi

+ Để củng cố kết quả tính trong *Bảng cộng*, HS sẽ làm các bài tỉm kết quả \_ khL

**E. Củng**

* GV hoi
* Liên hệ trong phạm v:

phép tính.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

X; Bàil

* Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng* để tìm kết quả).

^ - Đổi vở đặt câu hỏi cho nhau, đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mồi (\*) cơ h<

phép tính. , , , ; - Thông I

^ *Lưu ý:* Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nêu HS chưa nhâm k|t qua từng p

được ngay thì vẫn có thể dùng que tính,... đê tìm kêt quả. GV nên hướng dan HS **ộ** - jjư(ỵC phát

vân dung Bảng công (có nhớ) trong phạm vi 20 đê tính nham.

r ~ o ' •> 1'• -Thông

* GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dê nhâm đê HS trá lời miệng .,

nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rôi đô nhau tìm kêt quả p phép tính. Chẳng hạn: 9 + 2; 8 + 3; 3 + 8;...

I ®ài 2 **,**

I - Cá nhân HS tự làm bài 2: HS quan sát số ghi trên mồi mái nhà chính là kết ” ®

Itatat , r. '. - ' 4.Í u ' tu-á,, tự giác thực ]

Ị quả phép tính tương ứng. HS quan sát *Bảng cộng* tìm phép tính còn thiêu. ^ ^

* HS chữa bài theo từng cặp, mỗi bạn chỉ vào một phép tính còn thiếu đố bạn

nêu phép tính thích họp và giải thích cách làm.

, ; , - , . 5 • ĩ A •' „ nhận xét và c

* HS chia sẻ trước lớp. GV đặt câu hỏi đê HS nêu nhận xét bài tập này gráp v

, , ' : “Bài nà'

chúng ta rèn kĩ năng gì. •

Bài 3

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gi.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.
* HS viết phép tính thích hợp và trả lời:

Phép tính: 7 + 9=16.

:mh) và

ho bạn. Net quả

: thể sử

ới mồi

a nhẩm iần HS

miệng \êt quả

h là kết đố bạn -y giúp

Trả lời: Vườn nhà Tùng có tất cả 16 cây na và cây xoài.

1. Hoạt động vận dụng

* HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.
* GV khuyến khích HS nêu một vài tình huống tương tự.

1. Củng cố, dặn dò

* GV hỏi HS: Hôm nay, các em biết thêm được điều gì?
* Liên hệ về nhà, em hây tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20, hôm sau chia sẻ với các bạn.

**c**

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

7

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả từng phép cộng và thành lập *Bảng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20,* HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

* Đe HS không bị lệ thuộc *Bảng cộng* đã in sẵn trong SGK, GV nên nhắc HS tự giác thực hiện phép tính của mình, không nên ngay lập tức tra, sau đó ghi nhớ kết quả tính của mình.
* Khi nhóm nào đã hoàn thành *Bảng cộng* của mình, GV có thể kiểm tra nhanh, nhận xét và cho các bạn chuyến sang hoạt động tiếp theo.
* Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tiết 1 có thế kết thúc sau bài tập 1.

® 13 LƯYỆN TẬP b) HS làm các b

\* \* , O .

qua phải.

1. MỤC TIÊU Bài 4. HS xác đ

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau: □ Hoạt động V

* Vận dụng *Báng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20* trong thực hành tính nhâm. g
* Thực hiện tính toán trong trường họp có hai dấu phép tính. \_ **J0C** t0,
* Vận dụng giải quyết một số tình huống gắn với thực tế. \_ HS sUy nghì

Phép tính: 6 - “ Trả lời: Hai tô V

* Phát triển các NL toán học. \_ j\_Ịg pkép .

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU **A. Hoạt động khởi động**

Chơi trò chơi “Truyền điện”: HS nêu một phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 E- củn9 cô, dặ

đố bạn tính nhẩm. - Bài học ngày

- Để làm tốt ca\*.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1 (\*) Cơ hội h9c

* Cá nhân HS tự làm câu a: tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài. - Thông qua vi
* Để làm câu b, GV hướng dần HS sử dụng nhận xét trực quan về “Tính chất ‘ Tính chât :

giao hoán của phép cộng” để thực hiện tính nhẩm các phép tính còn lại. quyêt một sô vân đe

toán học, NL giai qu

Bài 2

, , -Thông qua

* Cá nhân HS quan sát các phép cộng ghi trong mồi ngôi nhà; đôi chiêu với *^* ơ-

các số biểu thị kết quả phép tính ghi trên mồi đám mây rồi lựa chọn số thích họp ' "

với từng ô 13]. IV. LƯU Ý CHO GI

* HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau, đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với

mỗi phép tinh. Bài *•\*\** »;

và tô chức các hoạt c

Bài 3 bài 3a

1. HS tìm kết quả các phép cộng (ghi trên từng tấm biển trên tay mồi con vật) rồi lựa chọn số chỉ kết quả thích hợp (ghi trong mồi chiếc xe buýt). HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lóp.
2. HS làm các bài có hai phép tính cộng liên tiếp thì thực hiện lần lượt từ trái qua phải.

**Bài 4.** HS xác định số hạng; lập tổng; tính tổng rồi nêu kết quả.

ih nhâm.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 5

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.
* HS viết phép tính thích họp và trả lời:

Phép tính: 6 + 7 = 13.

Trả lời: Hai tố vẽ được tất cả 13 bức tranh.

hạm vi 20

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học ngày hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Để làm tốt các bài tập, em nhắn bạn điều gì?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Tính chất

chiếu với thích hợp

2 ứng với

* Thông qua việc thực hành cộng (có nhớ) trong phạm vi 20, nhận biết trực quan về “Tính chất giao hoán của phép cộng”, vận dụng các phép tính đã học giải quvết một số vấn đề thực tế, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận :oán học, NL giải quyết vấn đề toán học.
* Thông qua việc chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội phát triển NL giao :iếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

:v. lưu ý cho giáo viên

>i con vật) thảo luận

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc vào trình độ HS, GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù hợp. Chẳng hạn, tiết 1 kết thúc sau khi hoàn thành bài 3a.

LUYỆN TẬP CHƯNG

**E. Củng**

* Bài học
* Đe làm **(\*) Cơ hí**

Thông qu tính đã học gi; hội được phát NL giao tiếp t

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Thực hành cộng (có nhớ) trong phạm vi 20. Chú ý các dạng: cộng lặp (6 + 6; 7 + 7;...), trường họp có hai dấu cộng, cộng và so sánh số.
* Vận dụng các phép tính đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. **MỤC TIÊU**

Học xons

* Luyện t chuẩn bị cho '
* Phát tri«

1. GỢI Ý CÁ

**A. Hoạt c**

HS chơi t

* Lượt 1: -Lượt 2:

**c. Hoạt c**

**Bài 1. Mi**

HS thực tấm thẻ.

*Lim ý:* G

các thẻ phép t tính và ngược

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Truyền bóng”: HS nêu một phép cộng trong phạm vi 20 đố bạn thực hiện.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Cá nhân HS tự làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài.

*Lưu ý:* Kĩ thuật tính với các dạng cộng lặp, ví dụ: 6 + 6; 7 + 7;...

Bài 2. Đây là bài tập đòi hỏi HS phải phối họp hai kĩ năng: tính với các dạng cộng lặp và tính trong trường họp có hai dấu cộng (tính từ trái qua phải).

Bài 3. HS tìm kết quả của từng phép cộng ớ hai bên dấu hỏi; so sánh hai kết quả nhận được; chọn dấu (>, <, =) thích hợp.

1. Hoạt động vận dụng Bài 4

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.
* HS viết phép tính thích họp và trả lời:

Phép tính: 8 + 8 = 16.

Trả lời: Hai hàng có tất cả 16 bạn.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học ngày hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Để làm tốt các bài tập, em nhắn bạn điều gì?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

6 + 6;

Thông qua việc thực hành cộng (có nhớ) trong phạm vi 20, vận dụng các phép :ính đã học giải quyết một số vấn đề thực tế, chia sẻ, trao đổi, đặt câu hòi, HS có cơ nội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

1 LUYỆN TẬP PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ)

TRONG PHẠM VI 20

ô bạn i.

dạng ;t quả

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Luyện tập về dạng “10 trừ đi một số” và “trừ đi một số để có kết quả là 10”; chuẩn bị cho việc học về phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Đố bạn”:

* Lượt 1 : HS nêu một phép trừ trong phạm vi 10 đố bạn thực hiện.
* Lượt 2: HS nêu một phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 20 đố bạn thực hiện.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Mục tiêu của câu này là giúp HS ôn luyện kĩ năng “10 trừ đi một số”.

HS thực hiện phép trừ để tìm kết quả của từng phép tính được ghi trên mồi làm thẻ.

*Lưu ỷ:* GV có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị sẵn các thẻ phép tính, một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác nêu kết quả phép tính và ngược lại.

Bài 2

1. MỤC TIÊU

Học xons

* Biết tìm (hoặc đếm lùi
* Vận dụi tình huống gã'
* Phát tri'

1. CHUẨN E

20 chấm

1. GỢI Ý c
2. **Hoạt I**

* HS quí
* GV nêi cách tìm kết I

1. **Hoạt**
2. GV hi “đếm lùi”.

* GV đọ chấm tròn.
* GV: *tù* được sau khi

1. HS th lùi: 11, 10, 9
2. Mục tiêu của câu này là giúp HS ôn luyện kĩ năng “trừ đi một số để có kết quả là 10” (phép trừ dạng 17-7).
3. Mục tiêu của câu này là giúp HS tìm số thích họp trong ô no dựa vào việc thực hiện các phép tính dạng 17-7.

Cá nhân HS tự làm bài 2, thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lớp.

Bài 3

* GV hướng dần HS sử dụng kĩ thuật tính “10 trừ đi một số” và “trừ đi một sô để có kết quả là 10” vừa được ôn luyện qua bài 2 để thực hiện tính nhâm.
* Mục tiêu của bài này là giúp HS cách làm các bài có hai phép trừ liên tiêp thì thực hiện lần lượt từ trái qua phải. Ví dụ: 14-4-2=10-2 = 8.

1. Hoạt động vận dụng **Bài 4**

* HS quan sát mầu, nhận dạng bài toán (dạng “trừ đi một số để có kết quả là 10”).
* HS đố nhau viết các phép tính dạng 17 - 7. Ai viết được nhiều hon thì thắng cuộc.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em ôn lại được điều gì?
* Để có thể làm tốt các bài tập em nhắn bạn điều gì?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua các hoạt động luyện tập về dạng “10 trừ đi một số” và^ ‘trừ đi một số để có kết quả là 10”, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

**Ị.**

* Thông qua việc trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến để đưa ra cách thực hiện bài tập HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyêt vân đề toán học, NL giao tiêp toán học.

B



li để có kết C- vào việc e :rước lóp.

r ii một số

I

iẻn tiếp thì

PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết tìm kết quả các phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “đếm bớt” (hoặc đếm lùi).
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

20 chấm tròn (trong bộ đồ dùng học Toán).

La là 10”). ting cuộc.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

* HS quan sát bức tranh; thảo luận nhóm; nêu phép tính 12-3 = ?
* GV nêu: Làm thế nào để tìm được kết quả phép tính 12-3 = ? Hăy thảo luận cách tìm kết quả phép tính 12 - 3 = ?

ih

ÍTJ đi một I')án học.

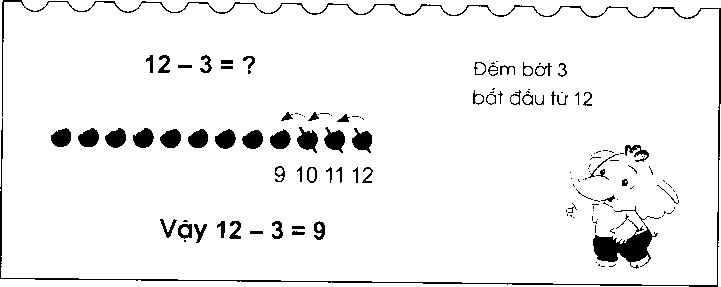
c hiện bài c ,;ỵểt vấn

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép trừ 12-3 bằng cách “đếm bớt” hay ■‘đếm lùi”.

* GV đọc phép tính 12-3, đồng thời gắn 12 chấm tròn lên bảng. HS lấy ra 12 chấm tròn.
* GV: *tay lần lượt gạch bớt* 3 chấm tròn, *miệng đếm lùi* (miệng nêu kết quả có được sau khi gạch bớt): 11, 10, 9. Vậy 12-3 = 9.

1. HS thao tác trên các mô hình chấm tròn của mình, tay gạch bớt, miệng đếm

lùi: 11, 10,9:



* HS viế

Phép tíiứ

Trả lời: E

* GV nêi

**E. Củng**

* HS nêu
* **về** nhà thực hiện phé

**(\*) Cơ h(**

* Thông( “đếm bót” (hc học, NL giải c
* Thông huống gắn vớ triển NL giao

GV hướng dẫn HS thực hiện tính với phép tính khác: 12 - 5 = ?

1. HS thực hiện một số phép tính khác, viết kết quà vào bảng con, chẳng hạn- 13-4 = 9; 13-5 = 8.

**c.** Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 1**

* HS thực hành theo cách tính như đã nêu trên.
* GV chốt lại: thực hiện phép trừ bằng cách “đếm bớt”.

*Lun ý:* Mô hình các chấm tròn và bóng nói nhằm giúp HS tái hiện lại các thao tác tính *(gạch bớt*, *đếm lùi)* như đã nêu.

Bài 2

1. MỤC TIÊU

Học xong

* Biết tìm tròn 10”.
* Vận dụr tình huống gai
* Phát trié

1. CHUẢN BI

* 20 chấrr

HS thực hiện tương tự như bài 1: đọc phép tính; gạch bớt, đếm lùi để tìm kết quả phép tính; viết kết quả vào vở.

Bài 3

* HS thực hành tính *{gạch bớt, đếm lùi)* “trong đầu” để tìm kết quả.

GV chừa bài, chốt lại cách thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “đếm bớt”.

1. Hoạt động vận dụng **Bài 4**

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính đê tìm câu tra lời cho bài toán đặt ra.
* HS viết phép tính thích họp và trả lời:

Phép tính: 11-2 = 9.

Trả lời: Đe vào đến trận chung kết có 9 đội đã bị loại.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của mình.

1. Củng cố, dặn dò

* HS nêu cảm nhận hôm nay em biết thêm được điều gì.
* **về** nhà, em hãy tìm hởi ông bà, cha mẹ, người thân xem có còn cách nào để thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 không. Tiết sau chia sẻ với cả lóp.

ins han (\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tìm kết quả các phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách ■'đếm bớt” (hoặc đếm lùi), HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.
* Thông qua việc vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế và hoạt động chia sẻ, trao đổi, đặt câu hòi, HS có cơ hội phát trien NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

:ác thao

i PHÉP TRỪ **(CÓ** NHỚ)

tìm kết

1***\**** **TRONG** PHẠM VI 20 ***(tiếp theo)***

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

n vi 20,

* Biết tìm kết quả các phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “làm cho tròn 10”.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

Í1.

1. CHUÀN BỊ

- 20 châm tròn (trong bộ đồ dùng học Toán ).

* Một khung 10 ô (có thể in trên giấy A4 cho HS, hoặc
* HS đô sẻ trước lớp.
* GV *ứ*

**Bài 2**

-HS thi số thích hợp

* HS đc

-GV đ cách “làm cl

**Bài 3**

* HS th
* HS ci

-GV cl cách “làm c

**Bài 4**

* HS đ<
* HS tt đặt ra (quyé giải thích tạ
* HS V

Phép tí

Trả lời

-HSk

-GVr

**D. Hoĩ**

HSkể vi 20 rồi đ(

sử dụng bảng con kẻ sẵn 10 ô để thả các châm tròn, nên làm

gọn mồi khung nửa tờ giây A4).

1. GỢI Ỷ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YỂU **A. Hoạt động khởi động**

HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

* HS quan sát bức tranh (trong SGK trang 32 hoặc trên máy chiếu).
* HS thảo luận nhóm bàn: Bức tranh vẽ gì? (HS chỉ vào bức tranh nói cho bạn nghe về bức tranh).
* HS chia sẻ trước lớp. ^
* GV hỏi để HS nêu phép tính từ tình huống tranh vẽ, GV viết phép tính lên

bảng 13-4 = ?

* Hãy thảo luận (theo bàn) cách tìm kết quả phép tính 13 - 4 = ?

*Lưu ỷ:* GV đặt câu hỏi để HS nói cách tìm kết quả phép tính 13 - 4 = ?, mà không chỉ nêu kết quả phép tính.

1. Hoạt động hình thành kiến thức

* HS lắng nghe GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép trừ 13 - 4 = ? băng cách

“làm cho tròn 10”. ^

* GV đọc phép tính 13-4, đồng thời gắn 13 chấm tròn lên bảng. HS lây ra 13

chấm tròn đặt trước mặt.

* HS thao tác trên các chấm tròn của mình, thực hiện phép trừ 13-3 (tay gạch bớt 3 cham tròn trên khay bên phải, miệng đếm: 13, 12, 11 10). Sau đó, trừ tiêp 10-1=9 (tay gạch bớt 1 chấm tròn trên khay bên trái, miệng đêm: 10, 9). Noi:

Vậy 13-4 = 9. ^

* GV chốt lại cách tính bằng cách “làm cho tròn 10” (cũng tay gạch, miệng đếm nhưng đi qua hai chặng: đếm lùi đến 10 rồi mới đêm lùi tiêp).
* GV hướng dần HS thực hiện tương tự với phép tính khác: 12 - 5 - ?

c. Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 1.**

* HS thực hiện thao tác “tay gạch, miệng đếm” rồi tìm số thích hợp cho ô ỊT].
* HS đôi vở, kiểm tra nói cho nhau về cách thực hiện tính từng phép tính; chia sẻ trước lớp.
* GV chốt lại cách thực hiện phép trừ bằng cách “làm cho tròn 10”.

Bài 2

* HS thực hiện thao tác “tay gạch, miệng đếm” để tìm kết quả phép tính rồi nêu số thích họp cho ô [TỊ
* HS đổi vở kiểm tra chéo.

bạn

lên

mà

:ách

**13**

:ạch

tiếp

Nói:

ệng

* GV chữa bài, chốt lại cách thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “làm cho tròn 10”.

Bài 3

* HS thực hành tính bằng cách “làm cho tròn 10” để tìm kết quả.
* HS cùng kiểm tra kết quả theo cặp, nói cho bạn nghe cách làm.
* GV chữa bài, chốt lại cách thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “làm cho tròn 10”.

Bài 4

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính nào để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).
* HS viết phép tính thích họp và trả lời:

Phép tính: 11-3 = 8.

Trả lời: Cửa hàng còn lại 8 bộ đồ chơi lắp ghép hình.

* HS kiểm tra.
* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

1. Hoạt động vận dụng

HS kể một tình huống trong thực tiễn có sử dụng phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 rồi đố bạn nêu phép tính thích hợp.

65



1. Củng cố, dặn dò

**c. Hoạt**

**Bài 1**

* Cá nh trừ ghi trên 1 với kết qua V.
* HS đỏ mỗi phép tin

*Lưu ý:* <

các thẻ phép tính và neưọ rồi đố bạn vi

**Bài 2**

* Cá nh;

HS thí

* GV hu lần lượt từ tr

**Bài 3**

* Cá nh;
* HS thí
* GV hi hiện các phé

**Bài 4**

* HS đọ
* HS su;
* HS vie

Phép tín

Trả lời: ’

* GV nê
* HS nêu cảm nhận hôm nay em biết thêm được điều gì?
* Em thích nhất hoạt động nào?
* **về** nhà, em hãy tìm hỏi ông bà, cha mẹ, người thân xem có còn cách nào khác để thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 không. Tiết sau chia sẻ với cả lớp.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc thực hành phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, vận dụng các phép tính đã học giải quyết một số vấn đề thực tế; chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

iýiị

^ A A A

LUYỆN TẬP



1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố về các cách làm tính trừ (có nhớ) đã học trong phạm vi 20 bằng cách “đếm lùi” và “làm cho tròn 10”.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về tính trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Đố bạn” theo cặp. Bạn A viết một phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 ra nháp hoặc ra bảng con đố bạn B tìm kết quả và nói cách tính. Đôi vai cùng thực hiện.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

ach nào khác ;e với cả lớp.

**sinh**

vận dụng các .1 câu hỏi, HS *n* vấn đề toán

* Cá nhân HS quan sát số ghi trên mỗi ô cửa sổ của ngôi nhà; Quan sát phép trừ ghi trên mồi tấm thẻ mà các con vật đang cầm trên tay rồi lựa chọn số thích họp với kết quả của từng phép tính.
* HS đổi vở, đặt câu hởi cho nhau, đọc phép tính và nói kết quả tương ứng vói mồi phép tính.

*Lưu ỷ:* G V có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị sẵn các thẻ phép tính, một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác nêu kết quả phép tính và ngược lại. Hoặc cũng có thể chuẩn bị các thẻ trắng để HS tự viết phép tính rồi đố bạn viết kết quả thích họp.

Bài 2

* Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.
* HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lóp.
* GV hướng dần HS cách làm các bài tập có hai phép trừ liên tiếp thì thực hiện lần lưọt từ trái qua phải. Ví dụ: 15-5-2=10-2 = 8.

Bài 3

i 20 bằng cách phạm vi 20 đã

* Cá nhân HS tự làm bài 3: Tìm kết quả các phép cộng và trù' nêu trong bài.
* HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lớp.
* GV hướng dẫn HS sử dụng quan hệ giữa các phép tính cộng và trừ để thực hiện các phép tính. Ví dụ: 9 + 4 = 13 thì 13-4 = 9.

Bài 4

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.
* HS viết phép tính thích họfp và trả lời:

( có nhớ) trong :h tính. Đổi vai

Phép tính: 15-8 = 7.

Trả lời: Mẹ còn lại 7 quả trứng.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

1. Hoạt động vận dụng

* Liên hệ kiếr cuộc sống hằng nơ
* Phát triển ca

1. CHUẨN BỊ

* Các que tính
* Một số tinh :

1. GỢI Ý CÁC H'
2. **Hoạt động**

* HS chơi tro phép trừ (có nhớ ) t:

-HS thực hanh hằng ngày nảy sinh

1. **Hoạt động**

* HS *tìm két Lịu* phép tính). Chăn2 V

i:

***Lưu ý:*** GV co chơi theo cặp/nhom tính (có thể viết kẻi kết quả tính của mi: tự lập được *Bảnơ ír.*

* HS *sắp xếp Cc* họp thao tác cùns Y như SGK, đồng thờ;
* GV giới thiệu phép tính trong *Ban*
* HS nhận xét \ ghi nhớ *Bảng trừ (ũ*
* HS đưa ra *pht*

**Bài 5.** HS thảo luận về hai cách làm tính trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “đếm lùi” và “làm cho tròn 10”, phân tích ưu và nhược điểm của từng cách. Rút ra kết luận cho bản thân.

1. Củng cố, dặn dò

* HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.
* Em thích nhất hoạt động nào?
* HS liên hệ, tìm tòi một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, hôm sau chia sẻ với các bạn.
* **về** nhà, tìm hỏi ông bà, cha mẹ, người thân xem có còn cách nào khác để thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 hay không. Tiết sau chia sẻ với cả lớp.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc thực hành phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, vận dụng các phép tính đã học giải quyết một số vấn đề thực tế; chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triến NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù họp.

BẢNG TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Tìm được kết quả các phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 và thành lập *Bảng trừ (có nhớ) trong phạm vỉ 20.*
* Vận dụng *Bảng trừ* (tra cứu *Bảng trừ)* trong thực hành tính nhẩm (chưa yêu cầu HS ngay lập tức phải học thuộc lòng *Bảng trừ).*

68

* Liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế cuộc sống hằng ngày trong gia đình, cộng đồng.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
* Một số tình huống đơn giản dần tới phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.

1. GỢT Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

* HS chơi trò chơi “Truyền điện”, trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 đã học.
* HS thực hành với đồ vật thật, chia sẻ các tình huống gắn với thực tế cuộc sống hằng ngày nảy sinh nhu cầu thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.

1. Hoạt động hình thành kiến thức

* HS *tìm kết quả từng phép trừ (có nhớ) trong phạm vỉ 20* (thể hiện trên các thẻ phép tính). Chẳng hạn:

1. 3 = 8; 12-5 = 7; 16-8 = 8; 15-9 = 6;...

*Lưu ý:* GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dang trò chơi theo cặp/nhóm. Bạn A rút một thẻ; đọc phép tính, đố ban B nêu kết quả phép tính (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau). Mồi bạn trong nhóm thông báo *f*

kết quả tính của mình và ghi lại vào bảng nhóm. Như vậy, các bạn trong nhóm đã tự lập được *Bảng trừ* của nhóm mình.

* HS *sắp xếp* các thẻ phép trừ theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối

họp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bàng để tạo thành *Bàng trừ* 1

như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một *Bảng trừ* trước mặt.

* GV giới thiệu *Bảng trừ (có nhớ) trong phạm vi 20* và hướng dần HS đọc các phép tính trong *Bảng trừ.*
* HS nhận xét về đặc điểm của các phép trừ trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.*
* HS đưa ra *phép trừ* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).

» 1 ***ị*** „ ' ■ Bài 3. HS

* GV tông kêt: Có thê nói: , .

, ^ - đôi với bạn va

Cột thứ nhất được coi là: Bảng 11 trừ đi một sô. '

Cột thứ hai được coi ỉà: Bảng 12 trừ đi một sô. Bài 4

Cột thứ ba được coi là: Bảng 13 trừ đi một số. \_ HS đọc

- HS suy

Cột thứ tám được coi là: Bảng 18 trừ đi một sô. \_

* HS đọc *Bảng trừ*, tập sử dụng *Bảng trừ* (đê tra cứu kêt quả phép tính) va tien phép tính

tới ghi nhớ *Bảng trừ.* Bước đầu HS có thê làm việc như sau: ^

& \* Trả lời: G

+ Từng bạn đọc thầm *Bảng trừ.*

*+* Hai bạn kiểm tra nhau: một bạn đọc phép tính, bạn kia kiểm tra và sừa cho bạn. D. Hoạt đ

+ Đe củng cố kết quả tính trong *Bảng trừ,* HS sẽ làm các bài tìm kêt quả phép tính. HS ngh

trong phạm vi

c. Hoạt động thực hành, luyện tập QV ỊÍỊÌU

**E. Củng I**

- Hôm na

Bài 1

\_ Cá nhân HS làm bài 1 : Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng trừ* để tìm kết quả).

* Đổi vở đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi - Llên

ĩ ’ trong pham vi

phép tính. '

*Lưu ỷ:* Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Neu HS chưa nhâm cơ hí

được ngay thì vẫn có thể dùng que tính,... đê tìm kêt quả. GV nên hướng dan HS ^ Thônơ c

vận dụng *Bảng trừ (có nhớ) trong phạm vi 20* đê tính nhâm. qUa tỳ.no Ị

\_ GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhâm đê HS trả lời miệng hội (jựợC phát

\* nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kêt quả ^ Thônơ (

phép tính. Chẳng hạn: 12-6; 14-8; 15 - 7;... phát trjgn NL

Bài 2

* Cá nhân HS tự làm bài 2: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn kết quả IV- LƯU Y c

tương ứng ghi trên mồi cây nấm. - Để HS

* HS thảo luận với bạn về chọn số chỉ kết quả thích hợp, lí giải bằng ngôn ngừ giác thực hiệĩ

cá nhân; chia sẻ trước lóp. °luả tính của 1

* GV hướng dần HS cách làm bài. Có thể *tổ chức thành trò chơi* chọn thẻ “kết - Khi nhi

quả” để gắn kết quả với thẻ “phép tính” tương ứng. nhận xét và c

Bài 3. HS tự làm bài 3, nêu phép tính thích hợp cho từng ô còn thiếu. HS trao đổi với bạn và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích họp. Chia sẻ trước lóp.

Bài 4

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.

à tiến

0 bạn.

? tính.

.r dụng

M mỗi

nhâm an HS

miệng ;èt quả

:êt quả ôn ngữ nẻ “kết

* HS viết phép tính thích họp và trả lời:

Phép tính: 13-7 = 6.

Trả lời: Giàn gấc nhà bà Nga còn 6 quả chưa chín.

1. Hoạt động vận dụng

* HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.
* GV khuyến khích HS nêu một vài tình huống tương tự.

1. Củng cố, dặn dò

* Hôm nay các em biết thêm được điều gì?
* Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, hôm sau chia sẻ với các hạn.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả từng phép trừ và thành lập *Bảng trừ (cỏ nhớ) trong phạm vi 20,* HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

I

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

* Để HS không bị lệ thuộc *Bảng trừ* đã in sần trong SGK, GV nên nhắc HS tự giác thực hiện phép tính của mình, không nên ngay lập tức tra, sau đó ghi nhớ kết quả tính của mình.
* Khi nhóm nào đã hoàn thành *Bảng trừ* của mình, GV có thể kiếm tra nhanh, nhận xét và cho các bạn chuyển sang hoạt động tiếp theo.

jjBJ LƯYỆN TẬP

b) HS làm các qua phải.

**Bài 4**

* HS chọn sò 1
* *Lưu ỷ:* GY V

nhiệm vụ khác nha

1. **Hoạt động Bài 5**

* HS đọc bài t
* HS suy nghĩ
* HS viết phef Phép tính: 15 - Trả lời: Bác Si

1. **Củng cố, d**

* Bài học hôn'
* Đe có thê la:

**(\*) Cơ hội họi**

* Thông qua 1 vi 20, HS có cơ hộ vấn đề toán học.
* Thông qua huống gắn với thự» triển NL giao tiêp

IV. LƯU Ý CHO (

Bài này được tiết và tổ chức các

1359

1. MỤC TIÊU

Học xon" hài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố về cách làm tính trừ và Bảng trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về tính cộng, tính trừ trong phạm vi 20 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Truyền điện”: HS nêu một phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 đố bạn tính nhẩm.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

* Cá nhân HS tự làm bài 1 : Tìm kết quả các phép cộng và trừ nêu trong bài.
* HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lóp.
* GV hướng dần HS sử dụng quan hệ giữa các phép tính cộng và trừ để thực hiện các phép tính. Ví dụ: 8 + 3 = 11 thì 11-8 = 3.

Bài 2

* Cá nhân HS quan sát các phép trừ ghi trong mỗi ngôi nhà; đối chiếu với các số biểu thị kết quả phép tính ghi trên mỗi đám mây rồi lựa chọn số thích họp với từng ô
* HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mồi phép tính.

Bài 3

1. Cá nhân HS tự làm câu a. HS tìm kết quả các phép trừ nêu trong mồi chìa khóa rồi lựa chọn số chỉ kết quả thích hợp ghi trên từng chiêc khoá. HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lớp.
2. HS làm các bài có hai phép tính trừ liên tiếp thì thực hiện lần lượt từ trái qua phải.

Bài 4

* HS chọn số trừ; lập hiệu; tính hiệu rồi nêu kết quả.

tr. vi 20 đã

*-Lưuý:* GV có thể tổ chức thành trò chơi theo nhóm, mồi nhóm có thể nhận nhiệm vụ khác nhau với những số bị trừ khác nhau, HS chọn số trừ rồi tính hiệu.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 5

HS đọc bai toan, noi cho bạn nghe bài toán cho biêt gì, bài toán hỏi gì

* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.

:am vi 20

* HS viết phép tính thích họp và trả lời:

Phép tính: 15-7 = 8.

Trả lời: Bác Súa còn lại 8 giò phong lan.

1. Củng cố, dặn dò

r.g bài.

L' để thực

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Đê có thê làm tôt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?

I \J

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

L với các [ họp với

f -Tng với

r ồi chìa ï".:0 luận I

* Thông qua luyện tập, thực hành về phép tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm VI 20, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

^ - Thông qua việc vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huông găn với thực tế và hoạt động chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội phát triên NL giao tiêp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

1. LUU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc vào trình độ của HS GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù hợp.

21 LUYỆN TẬP CHUNG

**Bài 4. H**

lượt từ trái qi

Bài 5. G

và lựa chọn c

**Bài 6**

* HS đọt
* HS SUN
* HS viế Phép tínl Trả lời: I
* GV nẻi

1. **Hoạt**

HS liên ] phép trừ (có 1

1. **Củng**

* Bài họ
* Để có

**(\*) Cơ h**

* Thôns vi 20, HS có vấn đề toán b
* Thông **huống gắn VC** triển NL giao

**IV. LƯU Ý c** Bài này <

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu câu sau:

* Thực hành cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.
* Thực hành vận dụng “Quan hệ cộng trừ” và thực hiện tính toán trong trường họp có hai dấu phép tính cộng, trừ.
* Vận dụng các phép tính đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng”: HS nêu một phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 đố bạn nêu được các phép tính khác từ phép tính đó. Chẳng hạn bạn A nêu 9 + 2 = 11, mời bạn B. Bạn B nêu: 2 + 9= 11; 11 - 9 = 2; 11 - 2 = 9.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 1**

* Cá nhân HS tự làm bài 1 : Tìm kết quả các phép cộng và trừ nêu trong bài.
* HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lóp.

Bài 2

* Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng và trừ nêu trong bài.
* HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lớp.
* GV hướng dần HS sử dụng “Quan hệ cộng trừ” để thực hiện các phép tính. Ví dụ: 9 + 6 = 15 thì 15-9 = 6.
* HS tự nêu thêm các ví dụ tương tự sử dụng để thực hành tính nhẩm.

Bài 3. HS quan sát mầu, liên hệ với nhận biết về “Quan hệ cộng trừ”, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích họp. Từ đó, HS tìm kêt quả cho các trường họp còn lại trong bài.

Bài 4. HS làm các bài có hai phép tính cộng hoặc trừ liên tiếp thì thực hiện lần lượt từ trái qua phải.

Bài 5. GV hướng dẫn HS thực hiện các phép tính ở hai vế rồi so sánh kết quả và lựa chọn dấu (>,<,=) thích họp.

:ờng

Bài 6

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.
* HS \ iết phép tính thích họp và trả lời:

Phép tính: 12-9 = 3.

Trả lời: Hiền còn lại 3 chiếc chong chóng.

* GV nên **khuyến** khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

1. Hoạt động vận dụng

HS liên hệ, tìm tòi một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, hôm sau chia sẻ với các bạn.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Để có thể làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

tnh.

* Thông qua luyện tập thực hành về phép tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.
* Thông qua việc vận dụng các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế và hoạt động chia sẻ, trao đồi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học, GV chủ động ngắt tiết cho phù hợp.

I BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐEN

**JSfl** PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

**c. Hoạt đệ Bài 1**

* HS đọc t suy nghĩ lựa ch

-HS chọn chọn số thích h

* Tóm lại. Câu lời gia Phép tính Í
* GV nên ]

**Bài 2**

* Tiến trìn
* Lưu ý đà bài 1 là dạng bi

Câu lời gií

Phép tính !

* GV nên

**B. Hoạt đ<**

**Tiến trình (**

* Nhận biết: Cách giải Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ.

+ Các thành tố cơ bản của tiến trình suy nghĩ giải bài toán;

+ Cách trình bày bài giải Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ.

* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán của HS.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

HS khởi động thông qua hoạt động “Lời mời chơi”. Chẳng hạn: HS A mời bạn nêu một tình huống có sử dụng phép cộng; HS B nêu một tình huông “Em có 3 cái kẹo mẹ cho em thêm 2 cái kẹo nữa. Em có tất cả 5 cái kẹo”. Tương tự với phép trừ và các tình huống khác.

BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN PHÉP CỘNG

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. HS ôn lại tiến trình suy nghĩ giải bài toán có lời văn:

* Đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* Suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.

1. GV giới thiệu thao tác mới trong tiến trình giải bài toán có lời văn, đó là viết bài giải của bài toán, cụ thê:

+ Viết câu lời giải;

+ Viết phép tính;

+ Viết đáp số.

Bài giải

Hai bạn có tất cả số bông hoa là:

5 + 4 = 9 (bông)

*Đáp sổ:* 9 bông hoa.

**c.** Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 1**

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì? HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra rồi nói câu trả lời.
* HS chọn số và phép tính thích họp cho các ô \_?\_ đặt trong phân Phép tính giải; chọn số thích hợp cho ô *J\_\_* đặt trong phần Đáp số.
* Tóm lại, ta có:

l\J cJT^\

Câu lời giải: Hai bạn có tất cả số chiếc bút màu là:

Phép tính giải: 10 + 9 = 19 (chiếc)

*Đáp sổ:* 19 chiếc bút màu.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 2

* Tiến trình dạy học tương tự như bài 1.
* Lưu ý đây là dạng bài toán liên quan đến ý nghĩa “thêm” của phép cộng còn bài 1 là dạng bài toán liên quan đến ý nghĩa “gộp” của phép cộng.

Câu lời giải: Trong phòng đó có tất cả số bộ máy tính là:

Phép tính giải: 9 + 3 = 12 (bộ)

*Đáp số:* 12 bộ máy tính.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN PHÉP TRỪ

1. Hoạt động hình thành kiến thức

Tiến trình dạy học tương tự như đối với dạng “Bài toán liên quan đến phép cộng”.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 3**

1. MỤC TIÊU

Học xong

* Luyện t liên quan đến
* Liên hệ cuộc sống han
* Phát tri V

1. CHUẨN B

Bộ đồ dùr

1. GỢI Ý C.A

**A. Hoạt đ**

HS chia Ss

**c. Hoạt đ Bài 1**

* HS suy 1
* HS chọr chọn số thích
* Tóm lại Câu lời ai Phép tính
* GV nên **Bài 2**
* HS suy
* HS chọi chọn số thích
* HS suy nghĩ giải bài toán theo tiến trình giải Bài toán có lời văn đã thống nhất.
* HS chọn số và phép tính thích họp cho các ô ỊT] đặt trong phần Phép tính giải; chọn số thích hợp cho các ô [?] đặt trong phân Đáp sô.
* Tóm lại, ta có:

Câu lời giải: Nam còn lại số quyên truyện là:

Phép tính giải: 16-5= 11 (quyển)

*Đáp số:* 11 quyển truyện.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 4

* Tiến trình dạy học tương tự như bài 1.
* Lưu ý đây là dạng bài toán liên quan đến ý nghĩa “bớt”của phép trù'.

Câu lời giải: Trên sân bay còn lại số chiếc máy bay là:

Phép tính giải: 11-2 = 9 (chiếc)

*Đáp số:* 9 chiếc máy bay.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

1. Hoạt động vận dụng

HS tự nêu một bài toán trong thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* về nhà, em hăy tìm những tình huống có liên quan đến phép cộng, phép trừ trong thực tế hôm sau chia sẻ với các bạn.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua hoạt động nhận biết cách giải và thực hành, luyện tập giải Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trù’; chia sẻ, trao đôi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tiết 1 là bài toán liên quan đến phép cộng, tiết 2 là bài toán liên quan đến phép trừ.

78

23 LUYỆN TẬP

ẩ

nơ nhất, nh giải;

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Luyện tập suy nghĩ, tìm tòi lời giải và trình bày bài giải Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ.
* Liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế cuộc sống hằng ngày trong gia đình, cộng đồng.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 2.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

HS chia sẻ những tình huống trong thực tể có liên quan đến phép cộng, phép trừ.

**c.** Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 1**

í \J

* HS suy nghĩ giải bài toán theo tiến trình giải Bài toán có lời văn đã thống nhất. HS chọn số và phép tính thích hợp cho các ô |Tj đặt trong phần Phép tính giải;

" lép trừ !

3ài toán . HS có dề toán

-P cộng,

chọn số thích họp cho ô ỊT] đặt trong phần Đáp số.

* Tóm lại, ta có:

Câu lời giải: Trên sân có tất cả số bạn là:

Phép tính giải: 6 + 5 = 11 (bạn)

*Đáp số:* 11 bạn.

* GV nên khuyến **khích** HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 2

* HS suy nghĩ giải bài toán theo tiến trình giải Bài toán có lời văn đã thống nhất.
* HS chọn số và phép tỉnh thích hợp cho các ô [?] đặt trong phần Phép tính giải; chọn số thích họp cho ô [?] đặt trong phần Đáp số.
* Tóm lại, ta có:

Câu lời giải: Cường còn lại số quả bóng là:

I. MỤC TIÊL

Học xom

* Biết cát
* Liên hs cuộc sống hăr
* Phát tri

1. CHUẨN E

* Bộ đô c
* Các qu<

1. **GỢI Ý c -**
2. **Hoạt c**
3. HS chc

* Nhiệm **đố bạn lấy đư<**
* Nhiệm đố bạn lấy đưi
* Một số I đúng số đồ vậ
* HS nhậi đồ vật của A b

1. HS qua câu hỏi về số
2. **Hoạt c**

* Huy độ các hoạt động

Phép tính giải: 12-5 = 7 (quả)

*Đáp sổ:* 7 quả bóng.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 3

* HS suy nghĩ giải bài toán.
* Ta có:

Bài giải

Hai đội có tất cả số bài dự thi là:

25 + 30 = 55 (bài) *Đáp sổ:* 55 bài dự thi.

***<z***

Bài 4

* HS suy nghĩ giải bài toán.
* Ta có:

Bài giải

Số khóm hoa chưa nở là:

1. 3 = 9 (khóm)

£

*Đáp số: 9* khóm chưa nở hoa.

* GV nên khuyến khích HS suy **nghĩ** và nói theo cách của các em.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Đe có thể làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua hoạt động thực hành, luyện tập giải Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ; chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triển NL **tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.**



ft

BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐEN PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ ***(tiếp theo)***

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết cách giải và trình bày bài giải Bài toán về nhiều hơn, ít hơn.
* Liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế cuộc sống hằng ngày trong gia đình, cộng đồng.
* Phái triến các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Bộ đồ dùng **học** Toán của HS.
* Các que tính, các chấm tròn, các bông hoa.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN

/ \y c

1. Hoạt động khởi động
2. HS chơi trò chơi “Đố bạn” theo nhóm:

- Nhiệm vụ 1: Một HS lấy ra một số đồ vật (que tính, hình vuông, hình tròn,...)

đố bạn lấy được nhiều hơn số đồ vật mình lấy là 2 đồ vật.

* Nhiệm vụ 2: Một HS lấy ra một số đồ vật (que tính, hình vuông, hình tròn,...) đố bạn lấy được ít hơn số đồ vật mình lấy là 2 đồ vật.
* Một số nhóm chia sẻ trước lóp. GV đặt câu hỏi để HS diễn tả cách nào lấy được đúng số đồ vật theo yêu cầu (khuyến khích HS nói cách làm của cá nhân các em).
* HS nhận biết: số đồ vật của bạn A “nhiều hơn” số đồ vật của bạn B nghĩa là số đồ vật của A bằng số đồ vật của B cộng với “phần hơn”.

1. HS quan sát tranh thảo luận theo cặp, sử dụng các từ nhiều hơn, ít hơn để đặt câu hỏi về số bông hoa của các tổ.
2. Hoạt động hình thành kiến thức

* Huy động kinh nghiệm của HS liên quan đến bài toán nhiều hơn. Bao gồm các hoạt động: HS đọc bài toán, tìm hiểu đề bài và quan sát tranh minh hoạ bài toán.
* HS thảo luận cách giải bài toán và cách trình bày bài giải bằng cách thực hiện lần lượt các hoạt động.

**c. Hoi**

**Bài 3**

* HS s

-HSc **chọn số thí**

-Tóm

Câu lò

Phép t

* GV I **Bài 4**
* Tiến
* Lưu Câu lờ Phép tí

-GVr

**E. Củr**

* Bài *ị*
* **về n**

hơn, bài toi

**(\*) Cơ**

Thông đến Bài toá có cơ hội đi học, NL gia

* GV giới thiệu thao tác giải Bài toán có lời văn dạng “Bài toán về nhiều hơn”, đó là: “thêm” thì “cộng”.

Mẩu:

Bài giải

Tổ Ba có số bông hoa là:

6 + 2 = 8 (bông)

*Đáp so:* 8 bông hoa.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì. HS

suy nghĩ lựa chọn phép tính đế tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra rồi nói câu trả lời.

* HS chọn số và phép tính thích họp cho các ô [T] đặt trong phần Phép tính giải; chọn số thích họp cho ô [?] đặt trong phần Đáp số.
* Tóm lại, ta có:

Câu lời giải: Toàn gấp được số chiếc thuyền giấy là:

Phép tính giải: 7 + 5 = 12 (chiếc)

^ *Đáp sổ:* 12 chiếc thuyền giấy.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 2

* Tiến trình dạy học tương tự như bài 1.
* Lưu ý đây là dạng bài toán liên quan đến ý nghĩa “dài hơn” của phép cộng. Câu lời giải: Sợi dây lụa màu đỏ dài số xăng-ti-mét là:

Phép tính giải: 35 + 20 = 55 (cm)

V

*Đáp số:* 55 cm.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

BÀI TOÁN VỀ ÍT HƠN

1. Hoạt động hình thành kiến thức

Tiến trình dạy học tương tự như đối với dạng “Bài toán về nhiều hơn”. Chú ý giúp HS nhận biết số đồ vật của A “ít hơn” số đồ vật của B nghĩa là số đồ vật của A bằng số đồ vật của B trừ đi phần “ít hơn”.

82

c. Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 3**

rtiện

jn

* HS suy nghĩ giải bài toán theo tiến trình đã biết.
* HS chọn số và phép tính thích họp cho các ô [?] đặt trong phần Phép tính giải; chọn số thích hợp cho ô [?] đặt trong phần Đáp số.
* Tóm lại, ta có:

Câu lời giải: Ngăn thứ hai có sô quyên sách là:

Phép tính giải: 9-4 = 5 (quyên)

*Đáp sô:* 5 quyên sách.

HS - lời.

ỉiải;

* GV nên **khuyến** khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 4

* Tiến trình dạy học tương tự như bài 1.
* Lưu ý đây là dạng bài toán liên quan đến ý nghĩa “ít hơn” của phép trừ.

Câu lời giải: Năm nay tuổi của Dùng là:

Phép tính giải: 16-9 = 7 (tuổi)

*Đáp số:* 7 tuổi.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo **cách** của các em.

1. Củng cố, dặn dò

:ng.

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* **về** nhà, các em hãy tìm những tình huống có liên quan đến bài toán về nhiều hơn, bài toán về ít hơn trong thực tế, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Chú ý cúaA

Thông qua hoạt động thực hành, luyện tập giải Bài toán có lời văn liên quan đến Bài toán về nhiều hơn và Bài toán về ít hơn; chia sẻ, trao đối, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triến NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

1S

**LUYỆN TẬP**

Câu lời gic Phép tính í

* GV nên' **Bài 3**
* HS suv r
* Ta có:

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Luyện tập: suy nghĩ tìm tòi lời giải và trình bày bài giải Bài toán có lời văn liên quan đến Bài toán về nhiều hơn và Bài toán về ít hơn.
* Liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống thực tể.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

**A. Hoạt động khởi động**

**Bài 4**

* HS suv r
* Ta có:

HS chia sẻ những tình huống có liên quan đến Bài toán về nhiều hơn, Bài toán về ít hơn trong thực tế.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1**

* HS suy nghĩ giải bài toán theo tiến trình giải Bài toán có lời văn đã thống nhất.
* HS chọn số và phép tính thích họp cho các ô ỊT] đặt trong phần Phép tính giải;

chọn số thích hợp cho ô [?] đặt trong phần Đáp số.

* Tóm lại, ta có:
* GV nên'

**E. Củng c**

* Bài học
* Đe có th

**(\*) Cơ hội**

Thông qu£ đến Bài toán VI có cơ hội được học, NL giao ti

Câu lời giải: Tú có số con thú nhồi bông là:

Phép tính giải: 12 + 3 = 15 (con thú)

*Đáp sổ:* 15 con thú nhồi bông.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

**Bài 2**

* HS suy nghĩ giải bài toán theo tiến trình giải Bài toán có lời văn đã thống nhất.
* HS chọn số và phép tính thích hợp cho các ô [?] đặt trong phần Phép tính giải;

chọn số thích hợp cho ô ỊT] đặt trong phần Đáp số. - Tóm lại, ta có:

Câu lời giải: Thuỷ căt được số bông hoa là:

Phép tính giải: 17-9 = 8 (bông hoa)

*Đáp so:* 8 bông hoa.

ó lời văn

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 3

* HS suy nghĩ giải bài toán.
* Ta có:

Bài giải

Tuấn có số bưu ảnh là:

Bài toán

24 + 10 = 34 (bưu ảnh)

*Đáp so:* 34 bưu ảnh.

**Bài 4**

* HS suy nghĩ giải bài toán.

ông nhất, tính giải;

* Ta có:

Bài giải

Phòng tập thể dục có số ghế nằm đẩy tạ là:

11 -4 = 7 (chiếc)

*Đáp số:* 7 chiếc ghế nằm đẩy tạ.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

1. **Củng cố, dặn dò**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? »
* Đe có the làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?

ống nhất, tính giải;

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

Thông qua hoạt động thực hành, luyện tập giải Bài toán có lời văn liên quan

đến Bài toán về nhiều hơn và Bài toán về ít hơn; chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS

có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**85**

¡¡¡11

Iplllii

*Ề^ẾăẾỂÊÊẾÊ*

JM\_\_



**Bài 3**

-HS

-Tac

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Luyện tập giải Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ và nhiều hơn, ít hơn.

**Bài *4***

* HS :
* Ta c
* Liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

**A. Hoạt động khời động**

HS thực hiện hoạt động “Lời mời chơi”, mời bạn nói về cách giải những bài toán đã học.

-GV- **Bài 5**

-HS s

- Ta **C(**

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1**

's.

* HS suy nghĩ giải bài toán.
* Ta có:

Bài giải

Rạp xiếc đó có tất cả số diễn viên thú là:

8 + 5 = 13 (diễn viên)

*Đáp so:* 13 diễn viên thú.

-GVr

**Bài 6**

-HS s - Ta **CC**

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

**Bài 2**

* HS suy nghĩ giải bài toán.
* Ta có:

Bài giải

Bác thợ sơn đã dùng tất cả số thùng sơn là:

9 + 8=17 (thùng)

*Đáp số:* 17 thùng sơn.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 3

* HS suy nghĩ giải bài toán.
* Ta có:

Bài giải

Buổi chiều siêu thị bán được số thùng táo là:

30 + 10 = 40 (thùng)

*Đáp so:* 40 thùng táo.

Bài 4

* HS suy nghĩ giải bài toán.
* Ta có:

Bài giải

Phú còn lại số chiêc bút chì là:

12-6 = 6 (chiếc)

VV-O f\ I

*Đáp sổ:* 6 chiếc bút chì.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. **Bài 5**
* HS suy nghĩ giải bài toán.
* Ta có:

Bài giải

Lóp 2C có số bạn không bị cận thị là:

28 - 5 = 23 (bạn)

*Đáp số:* 23 bạn không bị cận thị.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. **Bài 6**
* HS suy nghĩ giải bài toán.
* Ta có:

Bài giải

Gia đình Vân ở tầng số:

15-4= 11

*Đáp số:* Gia đình Vân ở tầng số 11.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

**E. Củng cố, dặn dò**

**c. Hoạt độ Bài 1**

* HS rèn lu
* Cá nhân *ì*
* HS thao 1 “Tính chất giao
* HS rèn lu' Ví dụ: 9 + 4 = 1

**Bài 2**

* Cá nhân I- thích họp với ké
* HS đôi YC mồi phép tính.

Bài 3. HS s

tống ở câu a; cá< cộng (trừ) đê tin

Bài 4. HS r

phép tính cộne. t

**Bài 5**

* HS suy ní
* Ta có:
* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Đê có thế **làm** tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

V

Thông qua hoạt động thực hành, luyện tập giải Bài toán có lời văn; chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

EM ÔN **LẠI** NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Rèn luyện kĩ năng tổng họp về cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 và giải Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ và nhiều hơn, ít hơn.
* Liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YÊU
2. **Hoạt động khởi động**

Trò chơi “Truyền bóng”: HS truyền bóng cho bạn, ai nhận được bóng sẽ nói một điều đã học thêm được mà mình nhớ nhất từ đầu năm đến giờ. Chẳng hạn:

+ Cộng (có nhớ) trong phạm vi 20;

+ Trừ (có nhớ) trong phạm vi 20;

**D. Hoạt độ**

**Bài 6**

- HS suy ní

+ Bài toán về nhiều hơn, bài toán về ít hơn;

+ Số hạng, tổng, số bị trừ, số trừ, hiệu.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1

* HS rèn luyện kĩ năng cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.
* Cá nhân HS tự làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng và trừ nêu trong bài.

e, trao c, NL

* HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ nhận biết trực quan về “Tính chất giao hoán của phép cộng”.
* HS rèn luyện kĩ năng sử dụng “Quan hệ cộng trừ” để thực hiện các phép tính. Ví dụ: 9 + 4 = 13 thì 13-9 = 4.

Bài 2

* Cá nhân HS quan sát các phép tính ghi phía trên mồi rổ bóng; rồi lựa chọn số thích họp với kết quả của từng phép tính ghi ở mồi quả bóng.

**w-in /\ I**

* HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mồi phép tính.

1 giải

Bài 3. HS suy nghĩ nhận biết các thành phần cụ thể của phép tính (số hạng và tổng ở câu a; các thành phần số bị trừ và số trừ của phép trừ ở câu b); thực hiện tính cộng (trừ) để tìm tổng (hiệu) tương ứng.

Bài 4. HS nhận biết dạng bài: thực hiện tính toán trong trường họp có hai dấu phép tính cộng, trừ thì thứ tự thực hiện là từ trái qua phải. Ví dụ: 9 - 3 + 6 = 6 + 6 = 12.

Bài 5

* HS suy nghĩ giải bài toán.
* Ta có:

è nói

Bài giải

Còn số bao xi măng chưa được chở là:

98 - 34 = 64 (bao)

*Đáp số:* 64 bao xi măng.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 6

* HS suy nghĩ giải bài toán.

f'

* Ta có:
* Củng cố kĩ rồi dùng thước có
* Phát triên c

1. CHUẨN BỊ

* Sợi dây. ca
* Bút màu. g
* Thước co \

1. GỢI Ý CÁC

HOẠTĐỘNC

HS dùns SỢI tạo thành tia sò.

HOẠTĐỘNG

* HS thiết ki tinh cộng, trừ tro
* Quy tấc ch tính sai mất lượt.
* GV khuyẻ

HOẠT ĐỘNC

* HS bày ra
* Thực hiện ti-mét) và ghi sò
* Dùng thư' chính xác và sô I
* Trưng bà>

**E. Củng cố**

* HS nói ca
* HS nói về
* HS nói vê

1. *Bài giải*

Số tuối của mẹ năm nay là:

67 - 30 = 37 (tuổi)

*Đáp số:* Mẹ 37 tuổi.

1. *Bài giải*

Số tuổi của bố năm nay là:

10 + 32 = 42 (tuổi)

*Đáp so:* Bố 42 tuối.

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

**E. Củng cố, dặn dò**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Đe có thể làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

£

**■\***

Thông qua hoạt động thực hành tổng hợp về cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20; giải Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ và nhiều hơn, ít hơn; chia sẻ, trao đối, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

EM VƯI HỌC TOÁN

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

* Thiết kế một tia số và xếp các thẻ số dưới mồi vạch của tia số rồi thảo luận cách sử dụng tia số trong học toán.
* Thiết kế một trò chơi học toán qua đó củng cố kĩ năng tính cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 20.
* Củng cố kĩ năng ước lượng độ dài cùa một số đồ vật (theo đơn vị xăng-ti-mét) rồi dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo và kiêm tra lại.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Sợi dây, các thẻ số cần thiêt.
* Bút màu, giấy vè để thiết kế một trò chơi.
* Thước có vạch chia xăng-ti-mét và một sô đô vật có thê dùng đê đo độ dài.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YỂU HOẠT ĐỘNG 1. Thiết kế tia số

HS dùng sợi dây, thắt từng nút và xếp các thẻ số tương ứng dưới từng nút để tạo thành tia số.

HOẠT ĐỘNG 2. Trò choi “Hái hoa dân chủ”

* HS thiết kế một “Cây hoa dân chủ” trong đó trên các bông hoa viết các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 20.

vi 20; t: chia 1 toán

* Quy tắc chơi: HS lên hái 1 bông hoa; tính nhẩm, nếu đúng được hái tiếp, nếu tính sai mất lượt.
* GV khuyến khích HS sáng tạo các trò chơi theo cách của các em.

HOẠT ĐỘNG 3. Ước lượng độ dài

* HS bày ra trên bàn một số đồ vật thông dụng.
* Thực hiện theo nhóm: ước lượng độ dài cùa một số đồ vật (theo đon vị xăng- ti-mét) và ghi số đo vừa ước lượng ra giấy.
* Dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo và kiếm tra lại. So sánh số đo chính xác và số đo ước lượng ban đầu.
* Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.

) luận nhâm

**E. Củng cố, dặn dò**

* HS nói cảm xúc sau giờ học.
* HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.
* HS nói về hoạt động còn lúng túng, nếu làm lại thì em sẽ làm gì?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua hoạt động trải nghiệm: thiết kế tia số, xếp các thẻ số dưới mồi ~ Gv nẽ

vạch của tia sô rôi thảo luận cách sử dụng tia số trong học toán; thiết kế một trò chơi B Hoat

ve tinh nham trong phạm vi 20; ước lượng độ dài, HS có cơ hội được phát triển NL '

mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán k’

học, NL giao tiếp toán học. khối lập phưi

* Thông qua hoạt động nhóm HS có cơ hội được phát triển NL hơp tác \_ 7 Lây 3

7 khối lập ph

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN - Lấy tié

Bài này dự kiến thực hiện trong 2 tiết. Tuy nhiên, GV có thể chọn lựa một trong chục’ 5 khÔÌ

các hoạt động trên để triển khai cho phù hợp với đối tượng HS và quỳ thời gian của ,. “ Thưc h

nhà trường. GV cũng có thể dựa vào các hoạt động đã gợi ý để thiết kế các hoạt gài 10 khôi ^

động trải nghiệm phù họp với đối tượng hơn, tạo cơ hội cho HS trải nghiệm đe phat - Gộp cá

triển NL, phẩm chất.

Chuc

Vậy 37 -

**® 29** PHÉp CỘNG (CÓ NHỚ) TR.O^íCỈ PHẠM \^I X oo

1. MỤC TIÊU

1

ỉ-

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết tìm kết quả các phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 100 dạng 37 + 25 dựa rj

vào phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20. b

* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số

tình huống gắn với thực tế.

* Phát triên các NL toán học. 2 GV hư<

^ hành đặt tính I

1. CHUẨN BI - *"* “

\* 3. HS thự)

Các khối lập phương đơn vị (hoặc que tính trong bộ đồ dùng học Toán) „

**& ' c. Hoạt đ**

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU Bài 1
2. **Hoạt động khởi động -** HS thực

* HS chơi tro chơi ôn lại phép cộng trong phạm vi 20 (cộng vượt qua 10)
* HS quan sát bức tranh; thảo luận nhóm, nêu được phép tính 37 + 25 = ?

-ỚI môi :rò chơi r:èn NL iề toán

* GV nêu vấn đề: Làm thế nào để tìm được kết quà phép tính 37 + 25 = ?

1. **Hoạt động hình thành kiến thức**
2. GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép cộng 37 + 25 bằng cách sử dụng các khối lập phương như sau:

* Lấy 37 khối lập phương, gài thành từng thanh chục để có 3 thanh ở cột chục, 7 khối lập phương rời ở cột đơn vị.

:: trong -11 của hoạt :é phát

* Lấy tiếp 25 khối lập phương, gài thành từng thanh chục để có 2 thanh ở cột chục. 5 khối lập phương rời ở cột đơn vị.
* Thực hiện việc gộp các khối lập phương rời lại với nhau, 7 thêm 5 bằng 12, gài 10 khối lập phương rời lại với nhau được 1 thanh chục và 2 khối lập phương rời.
* Gộp các thanh chục với nhau, 3 thêm 2 bằng 5, có thêm 1 thanh chục nữa là 6.

Vậy 37 + 25 = 62. Chục Đơn vị

Chục Đơn vị

Chục I Đơn vị

Ẽ

í\ I

R

1. GV hướng dẫn HS đặt tính rồi tính, chú ý hướng dần kĩ thuật nhớ. HS thực hành đặt tính rồi tính vào bảng con.
2. HS thực hiện tính với phép tính khác vào bảng con, chẳng hạn: 48 **+** 15 **= ?**

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1**

* HS thực hiện đặt tính rồi tính vào vở, một số HS tính trên bảng.
* GV yêu cầu HS nhắc lại cách tính.

**Bài 2**

* Khi thực hi chế thao tác trên c dòng kết quả, cột (

1 31

I. MỤC TIÊU

Học xong bai

* Biết tìm kết vào phép cộng (co

-Vận dụns đi tình huống gắn vớ

* Phát triển

ỈI. CHUẨN BỊ Các khối lập p

III. GỢI Ý CÁC H

1. **Hoạt động**

* HS ôn tập lạ
* HS quan sát
* GV nêu vân

1. **Hoạt động**
2. GV hướng ( tương tự như cách

HS thực hành

1. HS thực hiệ

* HS thực hiện đặt tính rồi tính vào vở, một số HS trình bày trên bảng.
* HS nhận xét bài của bạn trên bảng, HS đổi vở cho nhau, kiểm tra kết quả. **Bài 3**
* HS thảo luận nhóm đôi tìm lồi sai trong mồi phép tính.
* HS giải thích được những lồi sai trong mỗi phép tính đó.

HS sửa lại để có phép tính đúng.

1. **Hoạt động vận dụng Bài 4**

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ xác định phép tính đê tìm câu tra lời cho bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải cho bài toán:

Bài giải

Trang trại đó có tất ca số con dê là:

28 + 14 = 42 (con)

*Đáp số:* 42 con dê.

1. **Củng cố, dặn dò**

HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều aì.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

*-* Thông qua việc quan sát bức tranh tình huống, nêu được phép tính cần thực hiện, phát hiện được vấn đề cần giải quyết, biết cách thực hiện phép tính và nêu kết quả liên quan đến bức tranh tình huống, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề, NL mô hình hoá toán học.

- Thông qua việc sử dụng các khối lập phương, cùng với các thao tác phân tích chục, đơn vị, gộp lại, trình bày bằng viết, nói cách eiải quyết vấn đề, cách giải các bài tập, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học và NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Có thể sử dụng tình huống gắn với thực tế địa phương để hướng HS tới phép tính cần thực hiện.

* Khi thực hiện đặt tính rồi tính, cần thực hiện để thấy sự tương thích với cơ chế thao tác trên các đồ dùng; việc nhớ sang cột chục có thể sử dụng dấu chấm ở dòng kết quả, cột chục.

na.

\èt quả.

1 PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ)

TRONG PHẠM VI 100 ***(tiếp theo)***

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

gì.

:a.

* Biết tìm kết quả các phép cộng (cỏ nhớ) trong phạm vi 100 dạng 47 + 5 dựa vào phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyêt một sô tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Các khối lập phương đơn vị (hoặc que tính trong bộ đồ dùng học Toán).

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

;ần thực - nêu kết -T.ai quyết

mân tích ¿iải các pao tiếp

:ji phép

1. Hoạt động khởi động

* HS ôn tập lại việc thực hiện phép tính cộng (có nhớ) trong phạm vi 100.
* HS quan sát bức tranh; thảo luận nhóm, nêu được phép tính 47 + 5 = ?
* GV nêu vấn đề: Làm thế nào để tìm được kết quả phép tính 47 + 5 = ?

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép cộng, cách đặt tính rồi tính 47 + 5 = ? tương tự như cách thực hiện phép cộng (có nhớ) đã biêt.

HS thực hành đặt tính rồi tính vào bảng con.

1. HS thực hiện tính với phép tính khác vào bảng con, chẳng hạn: 38 + 4 = ?
2. Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 1**

* Có thê sử c tính cần thực hiệ]
* Phần hoạt HS đê hướng các
* HS thực hiện đặt tính rồi tính vào vở, một số HS tính trên bảng.
* GV yêu cầu HS nhắc lại cách tính.

**Bài 2**

* HS thực hiện đặt tính rồi tính vào vở, một số HS trình bày trên bảng.
* HS nhận xét bài của bạn trên bảng, HS đổi vở cho nhau, kiểm tra kết quả. **Bài 3**

1. MỤC TIÊU

Học xong bà

* Thực hành
* Vận duns I
* Phát triên c

1. CHUẤN BỊ

Các thẻ phép

1. GỢI Ỷ CÁC ]

**A. Hoạt độn**

HS nêu lại c; vi 100.

**c. Hoạt độriỊ** Bài 1. Cá nhí **Bài 2**

* Cá nhân
* HS nhận xé **Bài 3**
* HS quan sá
* HS thảo luận nhóm đôi đề tìm số bị che khuất.
* HS nêu được cách tìm số bị che khuất của nhóm mình.

1. **Hoạt động vận dụng Bài 4**

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghĩ xác định phép tính để trả lời cho câu hỏi mà bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải cho bài toán:

Bài giải

Khôi bật xa được số xăng-ti-mét là:

87 + 5 = 92 (cm)

*Đáp so:* 92 cm.

1. Củng cố, dặn dò

HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát bức tranh tình huống, nêu được phép tính cần thực hiện, phát hiện được vấn đề cần giải quyết, thực hiện được phép tính và nêu kết quả trả lời cho tình huống, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học.
* Thông qua việc sử dụng các khối lập phương, cùng với các thao tác phân tích chục, đơn vị, gộp lại, trình bày bằng viết, nói cách giải quyết vấn đề, cách giải các bài tập, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học và NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

1. LƯU Ỷ CHO GIÁO VIÊN

* Có thê sử dụng tình huông găn với thực tể địa phươnụ để hướng HS tới phép tính cần thực hiện.

bảng.

tra kết quả.

* Phần hoạt động hình thành kiến thức có thể tận dụng kiến thức, kĩ năng của HS đê hướng các em đến tự khám phá bài mới.

^ 31 LUYỆN TẬP

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Thực hành cộng (có nhớ) trong phạm vi 100.
* Vận dụng trong tính toán và giải quyết vấn đề thực tế.

1 hỏi gì. >án đặt ra.

**VV-O /\ *I***

* Phát triển các NL toán hoc.

1. CHUẨN BỊ

Các thẻ phép tính và thẻ số để HS thực hiện bài tập 3.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU **A. Hoạt động khởi động**

HS nêu lại cách đặt tính, cách thực hiện phép tính cộng (có nhớ) trong phạm vi 100.

c sinh

tính cần thực /à nêu kết quả n đề toán học,

) tác phân tích . cách giải các . NL giao tiếp

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Cá nhân HS thực hiện đặt tính rồi tính vào vở, một số HS lên bảng tính. **Bài 2**

* Cá nhân HS thực hiện đặt tính rồi tính vào vở, một số HS lên bảng trình bày.
* HS nhận xét bài của bạn trên bảng, HS đổi vở cho nhau, kiểm tra kết quả. Bài 3
* HS quan sát các phép tính và kết quả.

HS chơi trò chơi “Kết bạn”, mồi bạn cầm thẻ phép tính hoặc thẻ sổ, úp vào ngực, đứng cách xa và ngầu nhiên. Sau khi có tín hiệu bắt đầu, các HS mở phép tính hay thè sổ ra rồi chạy đi tìm nhau, đứng cạnh nhau đê được phép tính có kết quả đúng.

GV có thê thi mồi chướng neại

* HS còn lại cô vù cho các đội chơi và làm trọng tài đánh giá kết quả chơi của các bạn.
* HS nêu lí do tìm tói nhau và kết bạn.
* GV tô chức cho HS đánh giá kêt quả cua trò chơi.

1. MỤC TIÊU

Học xonu ba:

* Thực hành
* Thực hiện I bằng 100.
* Phát triẽn c

1. CHUẤN BỊ

Các thẻ phép

1. GỢI Ý CÁC *Y* **A. Hoạt độnc**

HS ôn lại các

**c. Hoạt độnc Bài 1**

* Cá nhân HS
* HS nhận xe Bài 2
* GV hướng ( 100 (trường hợp s<
* HS thực hiệ
* HS nói cách

Bài 4. HS thảo luận nhóm đôi:

1. rìm cách thực hiện phép tính cộng, nêu cách tính của nhóm mình.
2. Thực hành tính rồi so sánh các kết qua. GV có thể khai thác khả năng sáng tạo của HS phát hiện được không cần thực hiện phép tính mà vẫn điền đúng được các dấu > hay < hoặc =.
3. Hoạt động vận dụng

Bài 5

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hoi sì.
* HS suy nghĩ xác định phép tính đế tra lòi cho câu hỏi của bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải cho bài toán:

Bài giải

Hai đoàn khách tham quan có tất cả số người là:

35 + 25 = 60 (neười)

£

*Đáp sổ:* 60 người.

1. Củng cố, dặn dò

HS nhắc lại những việc đã thực hiện trong tiết học.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiêm và phát triển năng ỉực cho học sính

* Thông qua việc thực hiện phép íínb gồm cả đặt tính, trình bày. ií giải cách thực hiện bài tập của mình, HS cỏ cơ hội được nhát triển NLtư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc nghiên cứu bải toán có lời văn liên quan đến tình huống thực tiền, HS phát hiện được vấn đề cần giải quyết, nêu và thực hiện được phép tính, tra lời cho câu hoi cua tình huống, HS có cơ hội được phát triển NL. aiai quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học.

98

GV có thè thiết kế bài dạy theo một câu chuyện gồm chuồi các chướna ngại vật, mồi chướng ngại vật là một bài tập để HS thực hiện.

t. úp vào mép tính *£* -ia đúng.

:chơi cua

32 LUYỆN TẬP *(tiếp theo)*

**.**

r ăng sáng í ang được

ỉ. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Thực hành cộng (có nhớ) trong phạm vi 100.
* Thực hiện được việc đặt tính rồi tính và tính nhẩm cộng (có nhớ) có kết quả

bằne 100.

***Ị***

ì

c: gì.

1 đật ra.

* Phát triến các NL toán học.

1. CHUẢN Bĩ

Các thẻ phép tính đế HS thực hiện bài tập 5.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHU YẾU
2. **Hoạt động khởi động**

HS ôn lại cách đặt tính rồi thực hiện tính cộng (có nhớ) trong phạm vi 100.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập** Bài 1

inh

Cá nhân HS thực hiện đặt tinh rồi tính vào vở, một số HS thực hiên trên bảng,



* HS nhận xét bài làm cua bạn trên bang, đôi chéo vớ. kiêm tra kêt quả.

Bài 2

huống thực hép tính, trả uyết vấn đề

* GV hướng dần HS thực hành phân tích mẫu cộng (có nhớ) có kết quả bằng

100 (trường hợp số có hai chừ số cộng với số có hai chừ số).

* HS thực hiện tính theo mẫu vào vơ.
* HS nói cách thực hiện phép tính cua mình.

**Bài 3**

* Thông qua việc tiền, HS phát hiện đm lời cho câu hỏi của tìi toán học, NL mô hình

**3Í**

1. MỤC TIÊU

Học xong bài nà\

* Biết tìm kết qu; vào phép trà (có nhó')
* Vận dụng được tình huống gắn với thi
* Phát triến các N

1. CHUẢNBỊ

Các khối lập phux

1. GỢl Ý CÁC HOẠ
2. **Hoạt động khi**

* Chơi trò chơi "1 (có nhớ) trong phạm V
* HS quan sát bức
* GV nêu vấn đề:

1. **Hoạt động hìn**

1. GV hướng dẫn khối lập phương như s

1. HS thực hiện đặt tính rồi tính. HS trình bày cách thực hiện cua mình.
2. HS tính nhẩm cộng các số tròn chục có tồng bằng 100. GV lưu ý cho HS nêu cách nhẩm của mình, chăne hạn, 60 + 40, nhẩm là 6 chục + 4 chục = 10 chục.

Vậy 60 + 40 = 100.

**Bài 4**

1. GV hướng dẫn HS thực hành phân tích mầu cộna (có nhớ) có kết qua băng 100 (trường hợp số có hai chừ số cộng với số có một chừ sô).

HS thực hiện đặt tính rồi tính theo mầu vào vờ. GV lưu ý cho HS nhắc lại cách thực hiện tính.

1. HS thực hành tính nhẩm. GV lưu ý cho HS nêu cách tính nhâm.

Bài 5. HS quan sát các phép tính, tính kết quả rồi nêu các phép tính có kết qua bằng nhau. Có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi “Tìm về đúng nhà".

1. **Hoạt động vận dụng Bài 6**

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS liên hệ bài toán thuộc dạng liên quan đến nhiều hơn.

HS suy nghĩ xác định phép tính để trả lời cho câu hỏi mà bài toán đặt ra.

* HS trình bày được bài giải cho bài toán: .

Bài giải

Ngày thứ hai cô Liên thu hoạch được số cây bắp cải là:

65 + 35 = 100 (cây)

*Đáp số:* 100 cây bắp cai.

1. **Củng cố, dặn dò**

HS nêu được những việc học được qua bài này.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc thực hiện phép tính gồm cả đặt tính, phân tích mầu, trình bày, lí giải cách thực hiện bài tập cùa mình, HS có cơ hội được phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

- Thông qua việc nghiên cứu bài toán có lời văn liên quan đến tình huống thực tiền, HS phát hiện được vấn đề cần giai quyết, nêu và thực hiện được phép tính, trả lời cho câu hoi của tình huống, HS có cơ hội được phát triên NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học.

lình.

LI ý cho HS = 10 chục.

ẽt quả băng hắc lại cách

1 có kết quả

PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) ^ TRONG PHẠM VI **1** oo

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết tìm kết quả các phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100 dạng 52 - 24 dựa vào phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20

Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số J

tình huống £ắn với thực tế.

- Phát triến các NL toán học.

loi gì. n đật ra.

-iống eắn với thưc tế. ^

1. CHU AN BỊ

7

Các khối lập phương đơn vị (hoặc que tính trone bộ đồ dùna học Toán).

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHU YẾU
2. Hoạt động khởi động

* Chơi trò choi “Truvền điện", trò chơi đố bạn đê tìm kết quả của các phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 đã học.
* HS quan sát bức tranh; thảo luận nhóm, nêu được phép tính 52 - 24 = ?

**»inh**

LU. trình bày, .'L tư duy và

* GV nêu vân đề: Làm thế nào đê tìm được kết qua phép tính 52 - 24 = ?

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. GV hướng dẫn cách tìm kết qua phép tính 52 - 24 băng cách sử dụng các khối lập phương như sau:

* Lảv 52 khôi lập phương, gài thành từne thanh chục đè có 5 thanh ở cột chục, “ GV li

2 khôi lập phương rời ở cột đơn vị. sô nào trừ 8

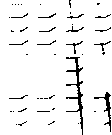
**D. Hoại Bài 4**

* Đê thực hiện việc lấy ra 24 khối lập phưeniìi : j 52 khỏi lập phương đã cho ta làm như sau: lấy 1 thanh chục ở cột chục, thao IV. ri i;:a qua cột đơn vị thì được 12 khối lập phương đơn vị, lấy đi 4 khối lặp rcon vị thì còn 8 khối lập phương đơn vị; lấy ra tiếp 2 thanh chục o cột ch'.... - 'ai 2 thanh chục và 8 khối - HS đt

lập phương đơn vị. |-

Vây 52 - 24 = 28. \_\_\_

•J - HS SI



Chục Đơn vị Chi\_c -I . Chục Đơn vị -HStrì

—H j™~lfị

...... . \_ \_ . ~T

3 3 LÍ ■"\* J r: 3 5 \ 2 ■

—ụ --M MH 1

-+ -Ị'

1. Củnc

HS nêu

1. GV hướng dẫn HS đặt tính rồi tính, chu ý hướng dần kĩ thuật mượn/trả. HS thực hành đặt tính rồi tính vào bang con.

**(\*) Cơ *ị***

1. HS thực hiện tính với phép tính khác vào bang con, chẳng hạn: 65 - 17 = ? *ị* \_ Thôno

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

I hiện, phát hit

I quả liên quar

Bài 1 : vấn đề, NL n

* HS thực hiện đặt tính rồi tính vào vo. một sỏ HS thực hiện trên bảng. \_ Thônơ
* GV yêu cầu HS nhắc lại cách tinh. chục, đơn vị.

giải các bài t

^ toán học và '

* HS thực hiện đặt tính rồi tính vào vơ. một so HS trình bày trên bảng.
* HS nhận xét bài của bạn trên bans. đỏi vơ cho nhau, kiêm tra kêt quả. IV. LUU Y c

Bài 3 - Có thê

* GV giới thiệu, có một số phép tinh trẽn dấy. chú mèo con sơ ý làm đổ mực, tin^ can

che mất một số trong mồi phép tính. Em hà\ tim sò thích hợp bị mực che khuất giúp - Khi thi

chú mèo con nhé. hiện trả lại 1

*°z* **I™jtCí°HS nÓi lén cich tim Cl,a minh- chăns ớ phép tính đầu tiên,** số nào trừ 8 thi bàng 3? Hay ơ phép tính thứ ba, số 15 trư mây thi bâng 9? '

-ộtchục,

ỉà cho ta :hì được <hối lập

ỉ s khối

1. Hoạt động vận dụng Bài 4

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS liên hệ bài toán thuộc dạng bài toán ít hơn.
* HS suy nghĩ xác định phép tính đê trả lời cho câu hỏi mà bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải cho bài toán:

Bài giải

Mai nhặt được số quá trứníỉ gà là’

35 - 16 = 19 (quả) *Đáp số:* 19 quả trứng.

-a. HS

1. Củng cố, dặn dò

HS nêu cám nhận hôm nay biết thêm được điều gì.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

, ., ~ qua việc quan sát bức tranh tình huống, nêu được phép tính cần thực

hiện phát hiện được vấn đề cần giải quyết, biết cách thực hiện phép tính và nêu kết

quả Hên quan đến bức tranh tình huống, HS có cơ hội được phát triên NL giai quyết vân đê, NL mô hình hoá toán học.

*~* JhÔng qua,việc sử dụng các khối ]ập phương, cùng với các thao tác phân tích

1 '! L! ;táCh ra’ bớt đl’ trình bày bằng viết’ ról cách êiải quyêt vân đê, cách giai các bài tập HS có ca hội được phát triển NL tư duy và lập luận, NL giao tiên

toán học và NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

nực.

giúp

• , Q',lhỏ suư dụng tình huốnê ểắn với thực tế địa phương để hướng HS tới phép tinh cân thực hiện. F F

**- Khi thực hiện *đặt* tính rồi tính, việc lấy (mượn) 1 chục ở số bị trừ điroc thưc**

hiện ti ả lại 1 chục ở Số trù’như lâu nay.

I PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) Bài 3

TRONG PHẠM VI ÌOO ***(tiếp theo) \_*** HS u

MỤC TIÊU -GVcót

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau: **D. Hoạt đ**

- Biết tìm kết quả các phép trù' (cỏ nhớ) dạng 42-5 tron? phạm vi 100. **Bài 4**

Vạn dụng được kiên thức, kĩ năng vê phép trừ đã học vào giải quyết một số HS đọc 1

lônơ ơ5n tVnrr'

HS nhận HS SUY ; HS trình

tình huông găn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

HS nêu ca;

Các khối lập phương đơn vị (hoặc que tính tron2 bộ đồ dùng học Toán). E- **Củn9 c**

(\*) Cơ hội

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHL YÉU
2. Hoạt động khời động

* HS ôn tập lại cách thực hiện phép tính trừ (có nhớ) trong phạm vi 100. hiện phátT^r
* HS quan sát bức tranh; thao luận nhom, nêu được phép tính 42 - 5 = ? trả lời cho tình :
* GV nêu vấn đề: Làm thế nào đẽ tim được kết qua phép tính 42 - 5 = ? NL mô hình ho,

1. **Hoạt động hình thành kiến thức Thông qu**

1 - • chục, đơn vị. ta

£

1. GV hướng dân cách tìm kèt qua phep trư. cách đặt tính rồi tính 42 - 5 tương giai các bài tản.

tự như cách thực hiện phép trừ (co nho ) đà bièt *-ì ,* ' ’

' giao tiêp toán hi

HS thực hành đặt tính rồi tính \ ao bans con.

1. HS thực hiện tính với phep tinh khác vào bang con, chẳníỉ hạn: 83 - 4 = ? Ý CH(

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập Có thê sư**

Bài 1. Cá nhân HS làm vào Yơ. một sò HS làm trên bana. GV yêu cầu HS nêu can ^1I;ỈC

lại cách tính. - Phần hoạt

g— 2 HS để hướng ca

tương tự như bai

* HS thực hiện đặt tính rỏi tinh vào vơ. một số trình bày trcn báng

~ HS nhận xét bài cua bạn rrẽn bang, đôi chéo vỡ, kiểm tra bài của bạn

Bài 3

* HS quan sát các phép tính và kết qua.
* GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi liNối phép tính với kết quả đúng”.

1. Hoạt động vận dụng

1100**.**

Ịiivết một số

Bài 4

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hòi gì.
* HS nhận biết bài toán thuộc dạng ít hơn.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu tra lời mà bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải cho bài toán.

Toán).

1100**.**

5 = 7

> = o

1. Củng cố, dặn dò

HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát bức tranh tình huống, nêu được phép tính cần thực hiện, phát hiện được vấn đề cần íĩiải quyết, thực hiện được phép tính và nêu kết quả trả lời cho tình huống, HS có cơ hội được phát triên NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học.

I \/

5 tương

* Thông qua việc sử dụng các khối lập phương, cùng với các thao tác phân tích chục, đơn vị, tách ra, bớt đi, trình bày bằng viết, nói cách giải quyết vấn đê, cách ẹiái các bài tập, HS có cơ hội được phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL eiao tiếp toán học và NL sư dụng công cụ, phương tiện học toán.

\3 - 4 = ?

I câu HS nêu

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

* Có thể sử dụng tình huống gắn với thực tế địa phương đê hướng HS tới phép tính cần thực hiện.
* Phần hoạt động hình thành kiến thức có thê tận dụng kiến thức. kT năng của HS để hướng các em đến tự khám phá bài mới, cơ chế mượn/tra được thực hiện tương tự như bài trước.

bạn.

í\ ***Ị*** *r*

1. Tìm cá nhóm mình.
2. Thực hc

**Bài 5**

* HS đọc t
* HS SUY r
* HS trình

1. **Hoạt đ<**

**Bài 6**

* HS quan
* HS chơi
* HS giai t

1. **Củng c**

HS nhăc lạ

(\*) Cơ hội

* Thône qi thực hiện bài tậ học, NL giao tii
* Thône qi tiễn, HS phát hi lời cho câu hoi toán học, NL m

IV. LƯU Ý CH

* Có thể cl phép trừ (có nh'

ỉ. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các vêu cjí.

* Thực hành trừ (có nhớ) trona ph;;:r
* Vận dụng trong tính toán và lt:;í: j .
* Phát triên các NL toán học.

1. L iỉUẢNBỊ

Các thẻ phép tính và the sỏ đe -> ■ .

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỌNG DA'-

**A. Hoạt động khởi động**

HS nêu lại cách đặt tính. -

c. Hoạt động thực hành. lLjể" ***~±z***

Bài 1. Cá nhân HS thi:, r - :: - - ■

Lưu ý cho HS nêu lại các:: “ - - - -

**Bài 2**

* HS thực hiện đặt::: ■ - • - - .
* HS nhận xét bài c...:

**Bài 3**

* HS quan sát cac r:‘ . - ■ ■ ■ . " . . \_
* HS chơi trò cho: '■ - -

bạn còn lại cầm the r’:‘.c-r : " - - .. -

tín hiệu bắt đầu. các HS \"

quả phép tính mình . 1

* HS còn lại cô .... \* ' .

các bạn.

* HS nêu li do - r
* GV tỏ chir^ . . - ' - • . .. ,.r „

:o nhớ) trong phạm vi 100. một sô HS làm trên bảng.

r:nh bày trên báng, bài làm cúa bạn.

: bạn cầm một thẻ số, các a ngẫu nhiên. Sau khi có ” bạn có số đúng bằng kết

¿anh giá kết quả chơi của

Bài 4. HS thảo luận nhóm đôi:

1. Tìm cách thực hiện phép tính có hai dấu phép tính, nêu cách tính của nhóm mình.
2. Thực hành tính rồi so sánh các kết quả.

**Bài 5**

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS suy nghi xác định phép tính để trà lời cho câu hỏi mà bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải cho bài toán.

1. Hoạt động vận dụng

**Bài 6**

* HS quan sát các phép tính và hiểu câu lệnh cùa bài tập.

**VV-H í\ I**

r. vi 100.

hi bản£.

* HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng”.
* HS giải thích về kết quả chơi của mình.

1. Củng cố, dặn dò

HS nhắc lại những việc đã thực hiện trong tiết học.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc thực hiện phép tính gồm cả đặt tính, trình bày, lí giải cách thực hiện bài tập của mình, HS có cơ hội được phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

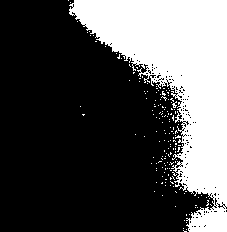
e số, các 311 khi có bàng kết

chơi của

* Thông qua việc nghiên cứu bài toán có lời văn liên quan đến tình huống thực tiễn, HS phát hiện được vấn đề cần giải quyết, nêu và thực hiện được phép tính, trả lời cho câu hỏi của tình huống, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

* Có thể cho HS liên hệ với tính huống thực tiền liên quan đến việc thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100.



**Bài 4**

1. GV hi sô có một chi

HS thực thực hiện tínl

1. HS thi

**Bài 5.** Hí

phép tính đó.

1. **Hoạt < Bài 6**

* HS đọc -HS liên
* HS suy
* HS trìnl

1. **Củng I**

HS nêu đi

**(\*) Cơ hộ**

* Thông q :í giải cách thi ỉập luận toán *\*
* Thông q :iền, HS phát *\* lời cho câu ho :oán học, NL r

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các

* Thực hành trừ (có nhó ) trer.\_- r
* Thực hiện được việc đặt tinh r; cho một số.
* Phát triển các NL toán hoc.

1. CHUÃN BỊ

Bảng phụ đề I1S thực hiện b.:: -

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỌNG DA': **A. Hoạt động khởi động**

HS ôn lại cách đặt tính ro;

**c. Hoạt động thực hành,** luyẻr **Bài 1**

* Cá nhân HS thực hiện ¿A: • -
* HS nhận xét bài cua ba::

**Bài 2**

* GV hướng dần HS thụ. ■ " có hai chữ số.
* HS thực hiện tính theo •••' . \_
* HS nhắc lại cách thục - **Bài 3**

1. HS thực hiện đặt tí:m
2. HS tính nhâm trừ các ' - :: - - .

HS nêu cách nhẩm cua minh. V. ;••. Vậy 100 - 60 = 40. r

108

-::rn trừ (có nhớ) dạng 100 trừ

■.hơI trong phạm vi 100.

'ó HS thực hiện trên bảng. :ra kết quả.

co nhớ) dạng 100 trừ cho số

-ty cua mình.

- ho sô tròn chục. GV lưu V cho ■ la 10 chục - 6 chục = 4 chục.

Bài 4

1. GV hướng dần HS thực hành phân tích mầu trừ (có nhớ) dạng 100 trừ cho số có một chừ số.

HS thực hiện đặt tính rồi tính theo mẫu vào vở. Lưu ý cho HS nhắc lại cách thực hiện tính.

Jane 100 trừ

1. HS thực hành tính nhẩm. GV lưu ý cho HS nêu cách tính nham.

Bài 5. HS thảo luận nhóm đôi, quan sát các phép tính, xác định lồi sai trong mồi phép tính đó, tìm cách sừa lại để có phép tính đúng.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 6

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS liên hệ bài toán thuộc dạng liên quan đến ít hơn.
* HS suy nghĩ xác định phép tính để tra lời cho câu hòi mà bài toán đặt ra.

-.1 100**.**

r trên bảng.

1 trừ cho số

* HS trình bày được bài giải cho bài toán.

1. Củng cố, dặn dò

HS nêu được những việc học được qua bài này.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc thực hiện phép tính gồm cả đặt tính, phân tích mẫu, trình bày, lí giải cách thực hiện bài tập của mình, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc nghiên cứu bài toán có lời văn liên quan đến tình huống thực tiễn, HS phát hiện được vấn đề cần giải quyết, nêu và thực hiện được phép tính, trả lời cho câu hỏi của tình huống, HS có cơ hội được phát triến NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học.

L-V lưu V cho = 4 chục.

* HS su
* HS trì

1. **Hoạt**

**Bài 5**

* HS qu

-HSch bằng 100.

* HS giE

1. **Củng**

HS nêu (

(\*) Co h

* Thôn« thực hiện bài học, NL giao
* Thôns tiễn, HS phát lời cho câu h( toán học, NL

IV. LƯU **Ý c**

GV có tht mồi chướng n

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Ôn tập tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 100.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về tính cộng, trừ đã học vào giải quyết một sô tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẢN BỊ

Các thẻ số đế HS thực hiện bài tập 2, các the số và thẻ phép tính để thực hiện bài tập 3b.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHU YÉU **A. Hoạt động khởi động**

HS nhắc lại cách thực hiện đặt tính và cách thực hiện phép tính cộng trừ (có nhớ) trong phạm vi 100.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện đật tính rồi tính vào vơ. HS nêu cách tính của mình.

***c***

Bài 2. HS quan sát các sổ trong mồi hình, nêu yêu cầu của bài toán. Có thể cho HS thao luận nhóm đôi, làm vào vơ bài tập. Các nhóm chia sẻ kết quả của mình trước lớp. Cũng có thê cho HS chơi trò chơi "Ai nhanh - Ai đúng” thi đua ghép các thẻ số để được phép tính đúns.

V

L MỤC TIÊU

Học xontỉ

* Có đuợ khối lượng.
* Biết cái lượng. Biết đọ

1. MS nêu cách thực hiện phép lính co rai dấu phép tỉnh rồi thực hành tính. HS đỏi vở, kiêm tra bai cua bạn.
2. HS quan sái cac phép tính, thực hiỊ:. linh. GV có thê cho HS chơi trò chơi

“Tim về đúna; nhà”.

**Bài 4**

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toan cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS nhận biết được dạng bai toan vé nhièu hơn.
* HS suy nehĩ lựa chọn phép tính đê tìm câu tra lời cho bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài dải cua bài toán.

1. **Hoạt động vận dụng Bài 5**

quyết một

j

■ thực hiện

rừ (có nhớ) linh.

C'ỏ thê cho I cua mình a »hép các

ìh tính. HS oi trò chơi

* HS quan sát kT các phép tính có sẵn.
* HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng” thi đua tìm các phép tính có kết quả bằng 100.
* HS giải thích kết quả chơi cua nhóm mình.

1. **Củng cố, dặn dò**

HS nêu được những việc học được qua bài này.

**(\*) Co’ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc thực hiện phép tính gồm cá đật tính, trình bày, lí giải cách thực hiện bài tập của mình, HS có cơ hội được phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc nghiên cứu bài toán có lời văn liên quan đên tình huông thực tiễn, HS phát hiện được vấn đề cần giải quyết, nêu và thực hiện được phép tính, trả lời cho câu hỏi của tình huống, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học.

I \J

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

GV có thể thiết kế bài dạv theo một câu chuyện gồm chuồi các chướng ngại vật. mồi chướng ngại vật là một bài tập đê HS thực hiện.

llp. ' ■

’ 18 KỈ-LÔ-GÀM

í. MỤC TIÊU

! lọc xong bài này, HS đạt các yêu câu sau:

* Có được biêu tượng về đại lượng khối lượng. Biêt kỉ-lô-gam ià đơn vị đo khối lượng.
* Biết cái cân đĩa và một số loại cân khác là dụng cụ dùng đê đo đại lượng khôi lượng. Biết đọc số đo trên các cân theo đơn vị ki-lô-gam.

Bài 2

* GV hưc
* HS thự cách làm của ]

**Bài 3**

* HS đọc
* HS nhậ]
* HS suy
* HS trìnl

**Bài 4**

* HS hoạt hồ (cân bàn).
* HS luâr của vật cần câ

1. **Hoạt d**

**Bài 5**

* HS liên
* GV có 1 hằng ngày, nếi cái cân đó.

1. **Củng (**

HS nêu ca

**(\*) Cơ hộ**

* Thông c kết quả cân cái NL giao tiếp t<
* Thông q có lời văn liên thực hiện được triển NL sừ dụ mô hình hoá t(

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC c HL YEl'

■ Ị: .r.o riẻt sự nặng hay nhẹ của vật đó.

• ạ: đo. Đẻ biết vật đó cân nặng bao K>V -gam là đơn vị đo khối lượng của v :h:ệu với HS cách đọc, cách viết đon

■. -u 'rana con.

- •' ':'r dan HS cách thực hiện cân một

: >at cân 2 đĩa, kim của cân chí ở

ĐỊ: gói đường cần cân lên 1 đĩa cân, H s cuan sát thấy kim ở giữa cái cân chỉ cár. nặng của gói đường. Có thể thực I :hẻ cho HS thấy khi cân bị lệch về re:: nao nhẹ hơn.

r\ / *r*

'■ à viẻt tắt kg.

: 2 có thể sử dụng cân đồng hồ (cân ' - . đỏ vật theo đơn vị ki-lô-gam.

V

* GV giới thiệu với HS cái cân 2 đĩa \ đồ vật, chẳng hạn gói đường 1 kg. Đằu ::é vạch chính giữa, cân ớ trạng thái thãne bi: sau đó, lấy quả cân 1 kg đặt lên đĩa con lạ: vạch chính giữa, cân thăng bằng. Xac địr.r. hành thêm lần nữa về cân nặng một vật I k một phía thì xác định xem bên nào nặn£
* GV cho HS tập viết đầy đủ "ki-lõ-^:.

*Lun ý:* Trong trường họp khôns co cá bàn) đê thực hành cân và đọc sô đo cản r.Ị'

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1

* HS quan sát hình ảnh cân con ca. c , quả cân hoặc xác định rõ vạch chi số ki-’ỏ-^a
* HS xác định đúng số chỉ ki-lô-ean: :ir

1. **Hoạt động khởi động**

* GV cho HS có cảm nhận về nặn^ - quyến sách và quyền vở. HS quan sát tra:::: thiệu, trong thực tể người ta cùng cân 2 J\.
* GV gọi một HS lên bảng, tay cảm c “cân nặng” 1 kg. Chú ý: GV chưa nên no:

1. **Hoạt động hình thành kiến thức**

* GV giới thiệu: khối lượng cua mội Ị: Đê biết khối lượng một vật, người ta pha: .1 nhiêu, người ta dùng đơn vị là ki-lò-san một vật. Đây là quả cân 1 ki-lô-gam. GV vị ki-lô-gam. Có thể cho HS thực hành \:
* Thực hành cân một số đồ vật tron2 thụ.
* Phát triên các NL toán học.

II. CHUÀN BỊ

Cân 2 đĩa với các quả cân theo đơTi .; V này); cân 1 đĩa (cân bàn, cân đồng hồ i.

::ẹ hơn cua hai đồ vật, chẳng hạn ■-Ịn ra được cái cân 2 đĩa. GV giới >anh sự nặng, nhẹ cúa các đồ vật.

- kg đê có cảm nhận trực quan về

ĨAy la 1 kg.

: .:a hàu. lưu ý cho HS nhận ra số các trên cái cân.

::ậne cua mỗi vật.

:ẻ a rinh toán theo đơn vị ki-lô-gam.

-¿ram (hoặc hình ảnh của loại cân

**Bài 2**

ị ki-lô-gam.

;ua loại cân

* GV hướng dần HS phân tích mẫu.
* HS thực hành tính cộng, trừ theo đơn vị ki-lô-gam như mầu. HS giải thích cách làm của mình.

**Bài 3**

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS nhận biết được dạng bài toán về nhiều hơn.

. chăng hạn íìa. GV giới ì các đồ vật.

xực quan về

: của vật đó. ân nặng bao )i lượng của ách viết đơn

liên cân một ua cân chỉ ỏ' ;n 1 đĩa cân, a cái cân chi Có thể thực in bị lệch về

* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải của bài toán.

**Bài 4**

* HS hoạt động theo nhóm 4, thực hành ước lượng rồi cân đồ vật với cân đồng hồ (cân bàn).

ỉ

* HS luân phiên nhau thực hành cân, nói lên dự đoán của mình về khối lượng của vật cần cân, sau đó thực hiện việc cân đồ vật của mình.

1. Hoạt động vận dụng

**Bài 5**

* HS liên hệ thực tế các em đã thấy những loại cân nào.
* GV có thể chuẩn bị một số hình ảnh các loại cân có thể có trong cuộc sống hằng ngày, nếu được cần có một số video clip về hướng dẫn cân đồ vật theo một số cái cân đó.

1. Củng cố, dặn dò

HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.

**c. Hoạ Bài 1**

1. HS ( vạch số chỉ chỉ mấy lít,
2. HS I cho HS qu£ được số lít đầu trong b

**Bài 2**

*~GVi* -HS tl **Bài 3** -HSđ

* HS n
* HS s
* HS ti **Bài 4** -HSq
* HS li -HSg

1. **Hoệ Bài 5**

HSthụ cho HS đổ xét về sức (

1. **Củr**

HS nêi

-ơn vị đo dung tích; đọc, viết

:ua một số đồ vật quen thuộc.

• ơi các số kèm theo đơn vị lít.

**r\** I r

’■?n hơn 1 lít.

'ÉU

HS nêu cảm nhận về sức chứa mồi vật dụng này là bao nhiêu,

chứa được đến 1 lít nước. Giới inh viết vào bảng con.

1 lít. có 1 lít nước.

1. CHUẤN BỊ

Một số ca 1 lít và một vài cốc nho h'

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY **H<x** :
2. **Hoạt động khởi động**

* GV cho HS quan sát các vật dụni: bên trong của vật dụng nào nhiều hơn. n " ~
* GV giới thiệu, để biết sức chứa bẻr. :r: người ta dùng đơn vị đo là lít.

1. **Hoạt động hình thành kiến thức**

* GV giới thiệu: đây là cái ca 1 lít. ca nr. thiệu cách đọc, kí hiệu của lít. Có thê cho HS
* Cho HS quan sát hình ảnh đổ đầy nj,\

Bài này giúp cho HS làm quen vo; iậ: '.-ọ-.g đo khối lượng, nhận biết được đơn vị ki-lô-gam nên cần lưu ý cho HS nã::: :<:-lõ-gam là đơn vị đo khối lượng

chuân bị một số cân thường gặp trong cu./: a hướng dẫn cụ thể chi tiết cách

thực hành cân, lựa chọn một số vật cân ..." ;: i;-. \ Ị tròn ki-lô-gam.

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu ::

* Cảm nhận về sức chứa cua một : tên và kí hiệu của nó.
* Biết sử dụng ca 1 lít thực hành đc:
* Biết thực hiện phép cộng, phép tr.:
* Phát triển các NL toán học.

**39 LÍT**

*Ề*

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

biết được lòi lượng, 1 tiết cách

Bài 1

1. HS quan sát kĩ hình ảnh các ca đựng nước, GV lưu ý cho HS nhận thấy các vạch số chỉ lít nước trên mồi ca. HS nhận ra lượng nước trong mồi ca ứng với vạch chỉ mấy lít, đọc được số đo lượng nước có trong mỗi ca.
2. HS đọc kĩ đề bài tập, kết họp quan sát hình minh hoạ (có thể tạo điều kiện cho HS quan sát được tình huống rót nước từ bình vào đầy 3 cái ca). HS nhận biêt được số lít nước rót đầy được 3 ca, mồi ca 1 lít. HS xác định được số lít nước lúc đầu trong bình là 3 lít.

Bài 2

: đọc, viết

ưen thuộc, đơn vị lít.

* GV hướng dần HS phân tích mầu.
* HS thực hành tính cộng, trừ theo đơn vị lít như mẫu.

**ưri í\ I**

Bài 3

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS nhận biết được dạng bài toán liên quan đến phép tính trừ.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải của bài toán.

Bài 4

* HS quan sát các vật dụng và các số đo theo đơn vị lít.
* HS lựa chọn được các vật dụng với số đo lít thích họp.

è sức chứa bao nhiêu,

nước. Giới Dn.

* HS giải thích được cách lựa chọn của mình.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 5

HS thực hành đổ nước từ bình chứa 1 lít nước sang các cốc nhỏ hơn. GV lưu ý cho HS đổ đều vào các cốc và cẩn thận không làm đổ nước ra ngoài. HS nêu nhận xét về sức chứa của mồi cốc so với bình đựng 1 lít nước.

1. Củng cố, dặn dò

HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh b) H«**

* Thông qua việc quan sát, xác định các sỏ đo dung tích theo đơn vị lít của các tương ứnị

đô vật, nói lên kêt quả đong các đô vật. HS co cơ hội được phát triển NL tư duy và ,.

lập luận toán học, NL giao tiếp toán học. Bai 2

* Thông qua việc thực hành rót nưoc \ ao cac ca 1 lít hay các cổc nhỏ hơn trong a) Hs

thực tiên, nghiên cứu bài toán có lơi Yãr. đèn thực tiễn, HS phát hiện được định được

vân đê cần giải quyết, nêu và thực hiện C -V: pher tinh, trả lời cho câu hỏi của tình được quả :

huống, HS có cơ hội được phát triẻn NL :óng cụ. phương tiện học toán, NL b) HS

giải quyết vấn đề toán học, NL mò h:r.r h : i :: ¿r. hoc

xác định đ

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN Bài 3

GV cần chuẩn bị thêm một sò . i: \_ ĩ ring lít để hỗ trợ cho HS quan bé- Hs đọt

sát, thực hành đong. khi biêt câ

Bải 4

-HS r

* HS s
* HS t] **D. Hoẹ**

**|jjj||** Ll/YÉN TÃP CHUNG **-HSc**

1. MỤC TIÊU

**f\** *! r*

Học xong bài này. HS đa: \*:ũ. e.

* Luyện tập tồng họp vẻ
* Vận dụng giải quvẻt \ ir \_•

Phát triển các NL toar '5. ]

II. CHUẨN BỊ

Hình ảnh một số vậ: c \_r

GV có thể c

:t nước.

1. Cùn

HS nêu

V

1. GỢI Ý CÁC HOẠT Đ<: N YEU (\*) Cơ
2. **Hoạt động khời động -Thôn«**

HS nhắc lại các đcr. .: f \* - :-r-~ . • đồ vật, nói li

và lập luận t

- Thôns phát hiện đu

, a) HS quan sat mo: :r„’ợng được cân. HS đọc được câu hỏi của t

số đo thích họp theo đcr. V - :-p.~ -.Ị - - r ; :; tượng được cân.

116

**c. Hoạt động thực hanh**

NL mô hình

Bài 1. HS làm ba: ; i - - 1,-

1. HS quan sát tranh nhận ra được số các vật dụng với các số đo theo đơn vị lít rương ứng. HS nêu cách tính và tính được tất cả sẽ chứa được bao nhiêu lít.

ih

lít của các rư duy và

hơn trong hiện được M của tình ; toán, NL

) HS quan

Bài 2. HS thảo luận nhỏm đôi:

1. HS quan sát tranh, nhận ra cái cân 2 đĩa, các quả cân và vật cần cân. HS xác định được ở đĩa gồm quả sầu riêng và quả cân 1 kg thì nặng tất cả 4 kg. HS tính được quả sầu riêng nặng 3 kg.
2. HS nhận biết được chiếc can chứa 10 lít, trong can đã có 5 lít nước. Từ đó xác định được số lít nước cần rót vào cho đầy can.

Bài 3. HS quan sát tranh, nhận ra được chiếc cân bàn đang cân người mẹ và em bé. HS đọc được số cân nặng của mẹ và em bé. Tính được số cân nặng của em bé khi biết cân nặng của mẹ.

Bài 4

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS nhận biết được dạng bài toán về nhiều hơn.
* HS suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải của bài toán.

1. Hoạt động vận dụng

f\ I

Bài 5. HS liên hệ thực tế một số vật dụng có thể chứa được 1 /, 2 /, 3 /, 10 /, 20 /.

GV có thể cho HS quan sát một số hình ảnh vật dụng.

1. Củng cố, dặn dò

HS nêu những việc đã thực hiện được qua bài học hôm nay.

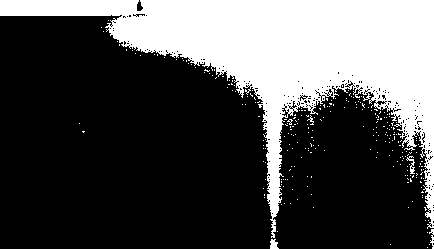
**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát, xác định các số đo theo đơn vị ki-lô-gam, lít của các đồ vật, nói lên kết quả cân, đong các đồ vật, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

đọc được

* Thông qua việc nghiên cứu bài toán có lời văn liên quan đến thực tiền, HS phát hiện được vấn đề cần giải quyết, nêu và thực hiện được phép tính, trả lời cho câu hỏi của tình huống, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học.

117



41 HÌNH TỨ GIÁC

thể cho H ý cho HS

**Bài 4**

ghép hình

1. **Hc**

**Bài 5**

-HS

* HS
* HS sống, chăr

1. **Củ**

HSné

(\*) c«

-Thô cơ hội đưẹ

-Thô tứ giác trêi

IV. LƯU s GVsu

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt cac vèu

* Có được biểu tượng về hinh n: r:.:- \h - ¿¿r.g va gọi đúng tên hình tứ giác.
* Liên hệ với thực tiền cuộc sỏ::.; ; ; -¿- : \_á~ iẽn hình tứ giác
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUÂN BỊ

Một số tấm bìa cộ dạng hình ;-.:nh thành biểu tượng tứ giác

và dùng cho bài tập số 3.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỌNG ' - •

<3

ò

2

I-

1. **Hoạt động khởi động**

* GV cho HS quan sa: - óng theo trật tự) hình tròn,

hình tam giác, hình tứ ïïiac • • \_. - - \_.

HS thực hanh phai. . \_ ■\_ nhóm có cùng hình dạng

Cho HS nhận ra nhóm h::::' - - - - r ..

1. Hoạt động hình thart- \* ***é-***

GV giới thiệu nhorr. ----- r HS quan sát các tấm bìa

và nhăc lại hình tứ giac 'tứ giác trong bộ đồ dùng.

c. Hoạt động thực ha"” 3C

Bài 1. HS hoạt . • -• :. \_• ;;:C trong các hình đã cho.

I. MỤC TI

Học x<

* Nhậi
* Biết -Sửd
* Phát

Bài 2. HS thao iuir. - ; -—.... - -T-inh. nhận ra được hình ảnh

chiếc thuyền, chậu ho~ -. - - - ' r hình tứ giác có trong mồi

tranh đó. HS chia >e • ; \_\_ —. -

Bai 3. HS đọc r.:e\_ ■- - —\* ■->- \* ■- r.:nh vuông được chia thành

các mảnh có dạng h:r." -— —-• :hàv các mảnh bìa rời dạng

hình tam giác, hình --- -\*■'\*— ' ' iỏi chiếu mồi mảnh bìa với

miếng ghép trong h:r.;- - - r : - :. , - - - . manh ghép phù hợp. GV cóthể cho HS thảo luận nhóm hoặc chia thành hai đội chơi trò chơi ghép hình. GV lưu ý cho HS giải thích cách thực hiện của mình.

Bài 4. HS thực hiện vào vở bài tập. HS quan sát hình, nhận ra được các mảnh ghép hình tứ giác và tô màu xanh vào các hình tứ giác đó.

íinh tử giác.

1. Hoạt động vận dụng Bài 5

* HS đọc hiều yêu cầu bài tập.
* HS chỉ ra được hình dạng hình tứ giác có trên bức tường rào.

ợng tứ giác

* HS liên hệ với hình dạng hình tứ giác của các đồ vật có trong thực tiễn cuộc sống, chẳng hạn mặt bàn, ô cửa,...

1. Củng cố, dặn dò

HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

') hình tròn, *Ị* hình dạng.

* Thông qua việc quan sát, phân loại, xác định các hình tứ giác, gọi tên, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc quan sát bức tranh thực tiễn, xác định các mảnh có dạng hình tứ giác trên bức tường, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học.

**I \J**

các tấm bìa bộ đồ dùng.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

GV sử dụng các đồ dùng là tờ giấy, tấm bìa, miếng nhựa có dạng hình tứ giác.

**42** ĐIỂM - ĐOẠN THẲNG

ìh đã cho.

ợc hình ảnh :ó trong mồi

c chia thành bìa rời dạng lanh bìa với họp. GV có

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Nhận dạng được và gọi đúng tên điểm, đoạn thẳng.
* Biết vẽ và ghi tên đoạn thắng trên giấy kẻ ô li.
* Sử dụng các đoạn thẳng để tạo hình.
* Phát triển các NL toán học.

**119**



**ri. CHUẨN BỊ**

1. **Bả**

**-í**

-I

**E.**

HS

(\*)

- T hỉnh, gc NL giac

-TI thẳng, H

IV. LUI Lưu

Thước thăng đê vẽ đoạn thẳng; Các đoạn thẳng để dùng cho bài tập 4.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

HS nhận dạng lại các hình đã học.

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. Giới thiệu điểm

\_, - GV chấm một chấm lên bảng, giới thiệu với HS đây là một điểm, đặt tên cho điêm là A và giới thiệu với HS đây là điểm A. HS nhắc lại.

* GV tiếp tục tương tự như vậy VỚI điểm B. GV lưu ý với HS, để đặt tên cho một điêm, người ta thường dùng chừ cái in hoa.
* HS thực hành vẽ điêm c vào bảng con

1. Giới thiệu đoạn thẳng

* GV chấm hai điểm A, B lên bảng, cho HS gọi tên hai điểm đó.

^ - GV dùng thước thảng nối hai điểm A, B rồi giới thiệu với HS đây là đoan thăng AB, HS nhắc lại tên gọi đoạn thăng AB.

/\ /

* GV cho HS rút ra nhận xét đoạn thăng AB đi qua hai điểm A và B. **c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

1. MỤC '

Học

-Nli

* Hí trong thự
* Ph;

1. CHUÂ

Bài 1. HS hoạt động cá nhân nhận ra và gọi được tên các điểm và đoạn thẳng có trong hình đã cho. ’

Bài 2. HS quan sát mồi hình, nhận ra và đếm được số đoạn thẳng có trong mồi hình.

Bài 3. GV hướng dẫn mẫu cho HS thực hành vẽ đoạn thẳng AB

1. HS thực hành vê đoạn thẳng MN vào vở.

^ b) HS thực hành vẽ đoạn thẳng PQ vào vở. GV cho HS rút ra nhận xét, muốn vẽ một đoạn thắng cần có hai điểm. ’

1. HS quan sát môi hình, nhận ra các đoạn thẳng có trong mồi hình HS thực

hành vẽ theo hình mẫu vào vở. GV lưu ý cho HS trước khi vẽ mồi đoạn thẳng cân châm hai điêm. '

120

1. **Hoạt động vận dụng Bài 4**

* HS phân tích để tạo ra được những chữ cái, chừ số cần mấy đoạn thẳng.
* HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng”.

1. **Củng cố, dặn dò**

HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.

***(\*)* Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

én cho én cho

2 đoạn

thăng 'I hình.

muốn

**s** thực Cần

* Thông qua việc quan sát, nhận biết được các điểm, đoạn thẳng có trong mồi hình, gọi đúng tên, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc thực hành vẽ đoạn thẳng, vẽ hình theo mầu, tạo hình từ các đoạn thăng, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Lưu ý cho HS đoạn thẳng AB còn có thể gọi tên khác là đoạn thẳng BA.

***]* \)**

- 4q **Đường thẳng - ĐƯỜNG CONG ĐƯỜNG GẤP KHÚC**

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Nhận dạng được và gọi đúng tên đường thắng, đường cong, đường gấp khúc.
* HS liên hệ được hình ảnh của đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc trong thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Thước thang để vẽ đường thẳng.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC '\*1 ':'ÉU - GV có
2. **Hoạt động khởi động đương thang**

HS quan sát tranh và nói lên cảm nhậr.:. " ; \_■ :hãns tắp, con đường uốn cong. E. Củng

1. **Hoạt động hình thành kiến thức HS nêu (**
2. Giới thiệu đường thăng (\*) Cơ h

GV đính hình ảnh đường thăna lên - - :: thiệu với HS: đây là đường \_ Thônc

thăng. Cho HS nhắc lại. thăng, đưom

1. Giới thiệu ba điểm thẳng hàns đối tượng đc

* GV cho HS quan sát và nhận ra cu ~ giao tiếp toál
* GV chấm ba điểm A, B, c lên đưc~.\_ ~ho HS nhận biết được ba điểm - Thông

cùng nằm trên một đường thẳng. GY • " ■ - - ■ \_ 2:ẽ:n A. B, c thẳng hàng. khúc, đường

NL giải quyẻ

1. Giới thiệu đường cong

GV cho HS quan sát hình ảnh đưo~.\_ . . - - ':. r :oi thiệu đường cong. **ỊY** LựỊj Ỷ *Q*

1. Giới thiệu đường gấp khúc ,

. Lun ý tre

* GV cho HS quan sát hình anh. • ' ..c rôi giới thiệu: đây là đường đươc trươnơ ]

gấp khúc.

* HS nhận biết và gọi tên được - \_■ co trong đường gấp khúc rồi giới thiệu tên của đường gấp khúc la A5 \_ ~

**c. Hoạt động thực hành, luyện táo**

Bài 1. HS hoạt động cá nhản nhi". -- í- :hãns. đường cong có trong mồi hình đã cho. I. MỤC TIÊL

Bài 2. HS quan sát mồi hình, r.hir. . \_. :thăne và các điểm thẳng hàng Ị-[oc xom

có trong hình. "

* Nhận b

**Bài 3 T, ' ,**

* Thực h;
* HS nhận ra đường gấp khúc ~ Gọi tên được các đường gấp khúc. - Th h'
* Gọi tên các đoạn thăng co tr; ? ĨJ ~ \_ .láp khúc. thực tiễn

1. **Hoạt động vận dụng " Phát tril**

Bài 4 \*

1. CHUẨN B

* HS quan sát tranh, nhận ra J.■ - r.r - : :::h anh có dạng đường cong, dạng

đường gấp khúc. Thước thí

* GV có thể cho HS liên hệ với trong thực tiễn cuộc sống, những hình ảnh của đường thăng, đường cong, đường gấp khúc.

ờng uốn cong.

đây là đường

được ba điêm s hàng.

cong.

đây là đường 1 sấp khúc rồi

; có trong mỗi hn thăng hàng

rơng gấp khúc.

1. **Củng cố, dặn dò**

HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát, nhận biết được các điểm, đoạn thẳng, đường thăng, đường cong, đường gấp khúc, ba điếm thang hàng, gọi đúng tên của các 'tối tượng đó, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc liên hệ, xác định được hình ảnh cùa đường thắng, đường gấp khúc, đường cong trong thực tế cuộc sống hằng ngày, HS có cơ hội được phát triển NL giài quyết vấn đề toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Lưu ý trong trường họp ba điểm thẳng hàng, GV có thể lấy ví dụ để HS biết được trường hợp ba điểm không thẳng hàng.

É ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG

**\i**

44 ĐỘ DÀI ĐƯỜNG GẤP KHÚC

1. MỰC TIÊU

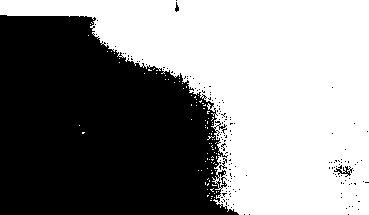
Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Nhận biết được độ dài đoạn thang, độ dài đường gấp khúc.
* Thực hành đo được độ dài đoạn thẳng.
* Thực hành tính toán độ dài đường gấp khúc, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

T12 cong, dạng

1. CHUẲN BỊ

Thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét.



III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHU YẾU **A. Hoạt động khởi động**

HS quan sát tranh và nói lẻn được hmh anh liên quan đến đoạn thẳng, đường gâp khúc có trong tranh.

2

1. **Ho**

**Bài 4**

-HS 1 dạng đườn

-HSc

-HSt

* HS ti

1. **Củn**

HS nêu

**(\*) Cơ**

* Thôn trình bày đu cơ hội được
* Thôm trước, HS cc

IV. LƯU Ý ( Các hìnl

1. MỤC TIÊl

Học xonị

* Thực h
* Phát tri

1. CHUẤN B

Các tấm t

1. **Hoạt động hình thành kiến thức**
2. Giới thiệu độ dài đoạn thăne \ i „’.i:

* HS nhận biết đoạn thăns AK
* GV hướng dẫn HS cách đặ: : vị trí đặt thước, vị trí nhìn đè đọc >.í' c: L 5 cm, giới thiệu cách viết. HS nhlc 1-ĩ: c : dài đoạn thẳng AK và đọc kết qua

1. Giới thiệu độ dài đươne iãp ...

* GV cho HS quan sát va nhi"
* GV gọi lần lượt từnơ HS ’.¿r.
* GV giới thiệu độ dai ¿ir

AB, BC và CD. HS nhăc lại c: ----­được muốn tính độ dài đườ::^ ■­

gấp khúc đó.

c. Hoạt động thực hành, luyẻn tảo

Bài 1. HS thực hành r.r.ir. :: ; . 1\_

ý cho HS nhắc lại kì thuậ: s- ■ ■ -• - :

Bài 2. HS thảo luận h;":

1. HS trao đôi với nha;. - ; kết quả.
2. HS thực hành đo Cs ~ ' : \_ —

hành tính độ dài đườní ¿¿r

Bài 3

* HS thảo luận nho::: ĩ ■ - . \_. - : ;
* HS thực hành\è đ:. : \_\_ kiểm tra kết qua.

hanh đo độ dài đoạn thẳng

ẻ đo độ dài đoạn thẳng AK, lưu ý "¿đinh đoạn thẳng AK có độ dài . một vài HS lên thực hành đo độ

khúc ABCD.

mồi đoạn thẳng AB, BC, CD.

*'.ã* tông độ dài các đoạn thẳng ABCD. GV lưu ý cho HS nêu ; ¿ai các đoạn thắng của đường

nãng và nêu kết quả. GV lưu đoạn thẳng.

~ - gảp khúc rôi thực hành tính tra kèt quả của nhau rồi thực

:o độ dài cho trước.

vào vở, đôi chéo vở cho nhau

1. **Hoạt động vận dụng Bài 4**

.đường

* HS thảo luận theo nhóm 4, quan sát tranh, nhận ra được những hình ảnh có dạng đường gấp khúc, đoạn thẳng.
* HS đọc được độ dài mồi đoạn thẳng.
* HS thực hành tính được độ dài các đường gấp khúc.
* HS trả lời các câu hỏi của bài tập.

K. lưu ý 0 độ dài ih đo độ

BC, CD.

ạn thẳng ? HS nêu ia đường

1. GV lưu

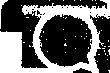
**E Củng cố, dặn dò**

HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát, nhận biết được các đoạn thẳng, đường gấp khúc, trình bày được cách đo độ dài đoạn thẳng, cách tính độ dài đường gấp khúc, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc thực hành đo độ dài đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN



Các hình ảnh đoạn thẳng, đường gấp khúc cần đảm bảo có độ dài là số tự nhiên.

THỰC HÀNH LẮP GHÉP,

hanh tính u rồi thực

'í cho nhau

XẾP HÌNH PHẲNG

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Thực hành lắp ghép, xếp hình với các hình phẳng đã biết.
* Phát triển các NL toán học.

1. **CHUẨN BỊ**

Các tấm bìa, tờ giấy, que tính, thước thẳng, cây bút để HS thực hành xếp hình.

**125**

í

**■q**

vì

2

■.hận ra quy luật của các hình trong

được hình còn thiếu vào ô trống.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC H

**A. Hoạt động khởi động**

HS nhận biết đoạn thẳng, đường thăng, i -• ' hình như: tam giác, tứ giác, vuông, tròn, ch?: "'

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

**Bài 1**

* HS quan sát các mảnh bìa dùne đẻ ¿he 7 chừ nhật, hình tam giác).
* HS quan sát các hình A, B, c và so ■ hình đó.
* **Xác định được vị trí cần ghép CUŨ ~ T "** của mình.
* HS có thể thực hành ghép hình the: '

**Bài 2**

* HS quan sát hình minh hoạ, nhận *Tj.*
* HS thực hành gấp giấy theo từng ■ được cách làm.

**Bài 3**

1. HS quan sát hình vẽ minh hoạ. nhi--. \*- đôi lần nữa, gấp đôi thêm lần nữa), bièĩ Cà.'-, mảnh hình tam giác. Có thế cho HS nhảr :'i;. vuông thành các mảnh tam giác.
2. HS quan sát hình mầu cần ghép. Xi: - " giác và thực hành ghép hình.

**Bài 4**

HS thảo luận nhóm đôi, sử dụns cac • i: : \_ hành xếp các hình tứ giác.

1. **Hoạt động vận dụng**

**Bài 5**

* HS thảo luận nhóm 4, quan sát ban \_- mỗi hàng, mỗi cột.

HS nhận ra được tính quy luật tươm

- ir khúc, đường cong và một số

" nặn ra các hình đã biết (hình ~.anh bìa dùng đế ghép với các ?:a. Nêu cách làm và kết quả

: rxrớc cần tiến hành gấp giấy, dần. Ở mồi bước, cần nêu rõ

¿âp hình vuông (gấp đôi, gấp đè cắt hình vuông thành các bao nhiêu lần cắt đế cắt hình

:ác vị trí cần ghép hình tam

•-hư bút, thước, que tính để thực

1. **Củng c**

HS nêu cai

**(\*) Cơ hội**

* Thông qi hình, HS có co toán học.
* Thông qi NL sử dụng phi

1. LƯU Ý CH Có thể cho
2. MỤC TIÊU

Học xong *ì*

* Luyện tậ gấp khúc và hìr
* Phát triêr

1. CHUẨN BỊ

Các tấm bì;

1. GỢI Ý CÁC

**A. Hoạt độ**

HS ôn tập >

**c. Hoạt độ Bài 1**

* HS quan
* Có thể tc hình tứ giác troi

1. **Củng cố, dặn dò**

HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.

**(\*) Cơ hội học tập trái nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát, phân tích hình đế nêu được cách thực hiện lắp ghép hình, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

: (hình ƠI các ẽt quả

p giấy, nẻu rõ

ôi. gấp inh các ăt hình

nh tam đè thực

ìh trong ỏ trống.

* Thông qua việc sử dụng các đồ dùng để ghép hình, HS có cơ hội phát triển NL sử dụng phương tiện, công cụ dạy học toán.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Có thể cho HS tự tạo ra một số quy luật như bài 5 rồi đố bạn tìm hình còn thiếu.

**1** \_\_\_\_

**46** LUYỆN TẬP CHƯNG

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Luyện tập tổng họp về điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc và hình tứ giác.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Các tấm bìa để HS thực hành xếp hình, thước thẳng để đo độ dài đoạn thẳng.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU **A. Hoạt động khởi động**

HS ôn tập về nhận biết điếm, đoạn thắng, đường thắng, đường gấp khúc.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1**

* HS quan sát các hình, chỉ ra được các hình tứ giác.
* Có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng” thi đua nhận ra hình tứ giác trong các hình đã cho.

**\*3**

vì

**E. Củng cố, dặn dò**

HS chia sẻ về những việc đã thực h:ér. I-VC :rong bài học này.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm vá phát triên năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát. phản :::h h:r.h đẻ nêu được tên gọi, nhận ra các điểm thẳng hàng, cách thực hiện lẳp ehep h:r.h. HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiẻp :c¿r. học.
* Thông qua việc sử dụng thước thãr.ì đẻ đo độ dài đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng có dộ dài cho trước, sử dụng các manh ‘r:.i dẻ ehép hình, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ, phương tiện học :oan.

**3**

1. MỤC TIÊU

Học xom

* Luyện’
* Phát tri

1. CHUẨN E

Các the s

1. GỢI Ý c, **A. Hoạt (**

HS ôn tậ]

**c. Hoạt ( Bài 1**

* HS qua
* GV có được cách tín

**Bài 2**

* HS qua
* HS cho

**Bài 3. H<**

sẻ cách thực *ì*

**Bài 4. *m***

1. HS thụ
2. HS gh tạo ra tên của

**Bài 2**

* HS quan sát, gọi tên được các đi êm.
* HS dùng thước thẳng để kiểm tra nhím

B, o, A; A. E.C: 3

**Bài 3**

1. HS quan sát hình vẽ minh họa.

đo và tính độ dài mỗi đoạn thẳng của đu : - - HS nhắc lại cách dùng thước đo độ dài dc

1. HS dùng thước thẳng và thực har.r. lưu ý cho HS nhắc lại cách dùng thước đẻ

**Bài 4**

* HS nhận ra quăng đường đi màu c c
* HS dựa vào số ô vuông đê xác đ;r.r. đó, so sánh được độ dài hai quãng đưor.g

D. Hoạt động vận dụng

**Bài 5**

* HS quan sát các mảnh bìa màu V:".
* HS nhận ra những mảnh bìa mau thể ghép thành hình nào.

2 bộ ba điêm thăng hàng: *D:* o. E, D.

dường gấp khúc. HS thực hành :uc và ghi kết quả. GV lưu ý cho

: :hăng có độ dài cho trước. GV thăna có độ dài cho trước.

— xanh.

ió dài của mồi quãng đường. Từ

riẻt hình cân ghép.

hẻ ơhép lại thành hình nào, không

3 ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

4 • TRONG PHẠM VI 20

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

thực hành 'lưu ý cho

rrước. GV rước.

đường. Từ

* Luyện tập tống họp về cộng, trừ trong phạm vi 20.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Các thẻ số và thẻ phép tính để HS thực hiện bài tập 2, bảng phụ cho bài tập 4.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

[A. Hoạt động khởi động](#bookmark3" \o "Current Document) ***[^](#bookmark3" \o "Current Document)***

HS ôn tập lại về cách cộng, trừ các số trong phạm vi 20.

**[c.](#bookmark4" \o "Current Document)** [Hoạt động thực hành, luyện tập](#bookmark4" \o "Current Document) ***[mm](#bookmark4" \o "Current Document)***

**[Bài 1 ]](#bookmark5" \o "Current Document)**

* HS quan sát các phép tính, thực hành tính nhẩm.

nào, không

* GV có thế tố chức cho HS chơi trò chơi “Truyền điện”; lưu ý cho HS nhắc lại

được cách tính nhẩm của mình. *\**

**Bài 2**

* HS quan sát các phép tính và các kết quả.

**inh**

ihận ra các triển NL tư

đoạn thẳng I được phát

* HS chơi trò chơi “Tìm về đúng nhà” để thực hiện bài tập này. »

**Bài 3.** HS thảo luận nhóm đôi, thực hành tính rồi so sánh các kết quả. HS chia sẻ cách thực hiện của nhóm mình. *m*

**Bài 4.** HS thảo luận nhóm 4:

1. HS thực hành tính và ghi kết quả trên bảng phụ.
2. HS ghi các chữ cái tương ứng với các kết quả vào các ô trống tương ứng để tạo ra tên của con vật SAO LA trên bảng phụ.

**D. Hoạt động vận dụng II. CHUẨN BỊ**

Bài 5 Các thẻ phe

1. HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toan cho biết gì, bài toán hỏi gì.

* HS xác định bài toán thuộc dạng vê ít hcr.. ni. GỌI Y CAC
* HS suy nghĩ xác định phép tính đê tra lời cho câu hỏi của bài toán đặt ra. Ạ Hoat đôi
* HS trình bày được bài giải cho bài toán. J .

1. HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bai toan cho biết gì, bài toán hỏi gì.

* HS xác định bài toán thuộc dạng về nhiêu hon. c. Hoạt độr
* HS suv nghĩ xác định phép tính đê tra lời cho câu hỏi của bài toán đặt ra. Bài 1
* HS trình bày được bài giải cho bài toán. - HS thực h

1. **Củng cố, dặn dò ~ ^ ^ưu >'**

HS chia sẻ về những việc đã thực hiện được trôna bài học này. Bài 2

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triên năng lực cho học sinh quan s**

„ , , . . -1.1 i \* \_ ' 1 í \_ " 1 \_\_ - HS chơi tr

* Thông qua việc quan sát, tính toán, néu cach tính, săp xêp các kêt qua, thực

hành tính cộng, trừ, HS có cơ hội được phát trièn XL tư duy và lập luận toán học, Bài 3

NL giao tiếp toán học. HS thảo Ịuậr

* Thông qua việc phân tích tình huống thực tiền, xác định dạng bài toán, phép thực hiện của nhi

tính cần thực hiện, trình bày bài giải, trà lời cho câu hỏi của tình huống, HS có cơ B

hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học. NL mô hình hoá toán học.

HS thực hànl

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

, , D. Hoạt độn

Ở bài tập 3, có thể khai thác khả năng sáng tạo của HS trong việc so sánh hai '

vế mà không cần thực hiện phép tính. ®ai ^

1. HS đọc bà

■

*^ -* HS xác địn

. 0 ÔN TẬP VÊ PHÉP CỘNG, TTO

4X , • . \_ -HSsuynsl

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI ÌOO

■ - HS trình bc

1. MỤC TIÊU b) HS đọc ba

TI \_ \_ii- i rro J ^ ' - HS xác địn

Học xong bài này, HS đạt các yêu câu sau: !

* Luyện tập tổng họp về cộng, trừ trong phạm vi 100. suy

Phát triển các NL toán học. ^ trinh ba

1. CHUẨN BỊ

Các thẻ phép tính để HS thực hiện bài tập 2.

Ị: ra. d.

:ặt ra.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YỂU **A. Hoạt động khởi động**

HS nêu lại cách thực hiện đặt tính rồi tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 100.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

**Bài 1**

* HS thực hành đặt tính rồi tính.
* GV lưu ý cho HS nhắc lại cách thực hành đặt tính và tính của mình.

**Bài 2**

1

qua, thực toán học,

>an, phép HS có cơ

1ỌC.

« sánh hai

* HS quan sát các phép tính và thực hành tính.
* HS chơi trò chơi “Kết bạn” để thực hiện bài tập này.

**Bài 3**

HS thảo luận nhóm đôi, thực hành tính rồi so sánh các kết quả. HS chia sẻ cách thực hiện của nhóm mình.

**Bài 4**

HS thực hành tính và ghi kết quả. HS nêu cách thực hiện các phép tính của mình.

1. **Hoạt động vận dụng Bài 5**
2. HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.

* HS xác định bài toán liên quan đến phép trừ.
* HS suy nghĩ xác định phép tính để trả lời cho câu hỏi mà bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải cho bài toán.

1. HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.

* HS xác định bài toán thuộc dạng về nhiều hơn.
* HS suy nghĩ xác định phép tính để trả lời cho câu hỏi mà bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải cho bài toán.

1. **Củng cố, dăn dò**

**x ■ Bài *4***

HS chia sẻ về những việc đã thực hiện được trong hài học này

■ - J a)Hí

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triên năng lực cho học sinh HS** tỊ

- Thông qua việc quan sát, tính toán, nêu cách **::nh.** so sánh các kết quả thực được độ **c**

hành tính cộng, trừ, HS có cơ hội được phát triêr. \ **L rư** duy và lập luận toán học, k) Hç

NL giao tiêp toán học. , "

cách vẽ CI

**Bài 3**

-HS

Thông qua việc phân tích tình huống thực xác định dạng bài toán, phép tính cân thực hiện, trình bày bài giải, trả lời **cho Vnoi** của tình huống, HS có cơ hội được phát triên NL giải quyêt vân đê toán 1'„. \ L mô hình hoá toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN Hs

" -HS:

o bài tập 3, có thê khai thác khả năng íũ": **cua** HS trong việc so sánh hai

vê mà không cân thực hiện phép tính. ~ 1

ầ A

**49 ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG**

**Bài *4***

vi

1. HS
2. HS
3. MỤC TIÊU HStìrr

Học xong bài này, HS đạt các yêu cáu S0

- Luyện tập tổng họp về hình học va \_• •••\_• 0 l^oa

**Bài 5**

Phát triển các NL toán học.

IJ. CHUẨN BỊ a) HS c

Thước thẳng có vạch chia đến xănì-::-:

đơn vị ki-lô

1. HS tì
2. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY H<x c H V VẼL' Từ đó’ xác C

[A. Hoạt động khởi động £ Cùm](#bookmark18" \o "Current Document)

HS ôn tập về gọi tên điểm, **đoạn** ¿-.rem ¡2 eấp khúc. **Ị-Ịg** Ị1'

**[c.](#bookmark32" \o "Current Document)** [Hoạt động thực hành, luyện tập](#bookmark32" \o "Current Document) [c](#bookmark32" \o "Current Document)***[^](#bookmark32" \o "Current Document)***

[Bài 1 \_](#bookmark33" \o "Current Document)

^ \_, - Thônt

1. HS quan sát, nhận biêt và **nêu** được g rhăng. đường cong, đường gấp khúc. đường (Tấp ki
2. HS nhận biêt được các điẻm co **trong h:nh.** chi ra được các bộ ba điểm thẳng hàng. có cơ hội đưc

**Bài 2**

1. HS nhận biết các đường gấp khúc đi từ A đến B.

HS thực hành đo độ dài các đoạn thẳng có trong mồi đường gấp khúc và tính được độ dài mồi đường gấp khúc đó.

1. HS thực hành vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước. GV lưu ý cho HS nhắc lại cách vẽ của mình.

**Bài 3**

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS xác định bài toán thuộc dạng ít hơn.
* HS suy nghĩ xác định phép tính để trả lời cho câu hỏi mà bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải cho bài toán.

**Bài 4**

1. HS quan sát và nhận dạng được hình tứ giác.
2. HS quan sát hình vuông với các mảnh ghép trong đó.

HS tìm sự tương đồng và xác định được các vị trí mảnh ghép thích họp, vị trí số 5, 8.

1. **Hoạt động vận dụng Bài 5**
2. HS quan sát tranh, nhận ra các loại hàng hoá và cân nặng tương ứng theo đơn vị ki-lô-gam.
3. HS tìm các số đo cân nặng cùa các loại hàng hoá sao cho có tổng bằng 10 kg. Từ đó, xác định các loại hàng hoá mà chị Lan mua.
4. **Củng cố, dặn dò**

HS chia sẽ về những việc đã thực hiện được trong bài học này.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát, nhận biết được các đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc, gọi tên ba điểm thẳng hàng, nhận biết được vị trí mảnh ghép, HS có cơ hội được phát triến NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc thực hành đo độ đa: i trước, HS có cơ hội được phát triển NL íi;
* Thông qua việc quan sát hình anh :’r các mặt hàng có tổng số cân nặng là 10 : quyết vấn đề toán học.

1" vè đoạn thẳng có độ dài cho : cụ. phương tiện học toán.

. .oại hàng hoá, xác định được -0 hội được phát triển NL giải

*à*

**50 ÔN TẬP**

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cả..

'C và đo lường.

* Luyện tập tổng họp về cộng, trừ va .
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Bảng phụ cho bài tập 1.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC L
2. **Hoạt động khởi động**

HS chơi trò chơi “Truyền điện” đếm sỏ số 3, truyền cho bạn tiếp theo phải nêu số ho~. thứ hai phải nêu là 8, cứ tiếp tục như vậv ch, thì dừng.

YÊU

1. chăng hạn, một bạn bắt đầu nêu bạn lúc đầu là 5 đơn vị, số bạn 'ẽr. khi được kết quả gần bằng 100

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1**

1. HS quan sát và nhận biết được tia sỏ. đo: c\_;ợc các số có trên tia số. Từ đó, xác định được mỗi chữ cái ở vạch chỉ số nào trẻ". ::a so trong bài.
2. HS đọc được các số đã cho; xác định đ.;ợc sỏ liền trước, số liền sau của mỗi số.

**Bài 2**

1. HS thực hành tính nhẩm. GV lưu ý cho HS nhãe lại cách nhẩm.

^ai cho b) HS thực hành đặt tính rồi tính. GV lưu ý cho HS nhắc lại cách đặt tính rồi tính.

:an. c) HS thực hành tính đối với phép tính có hai dấu phép tính. GV lưu ý cho HS

- đươc nhắc lại cách thực hiện phép tính trừ trái sang phải.

**'Lgiài Bài 3**

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS xác định bài toán thuộc dạng nhiều hơn.
* HS suy nghĩ xác định phép tính để trả lời cho câu hỏi mà bài toán đặt ra.
* HS trình bày được bài giải cho bài toán.

**Bài 4**

1. HS quan sát và nhận dạng được đường gấp khúc, đường thẳng, đường cong có trong hình.
2. HS quan sát, nhận ra đường gấp khúc, đếm được các đoạn thắng có trong mồi đường gấp khúc đã cho.
3. HS quan sát hình, tìm ra được những hình tứ giác có trong hình đó (có 14 hình tứ giác).

**Bài 5**

* HS quan sát và nhận ra được các can với số lít chứa được kèm theo.
* HS tìm được những can thích họp có tổng số lít chứa được bằng 8 (6 lít và 2 lít; 4 lít, 3 lít và 1 lít; 5 lít, 2 lít và 1 lít; 5 lít và 3 lít).

ti\*.

àu nêu „,. ^

**V Bài 6**

* bạn ; , , í

; JQQ a) HS quan sát tranh, nhận ra các con vật với cân nặrig tương ứng. Từ đó, săp

* = xếp được các con vật theo thứ tự cân nặng từ nhẹ nhất đến nặng nhất.

1. HS xác định được cân nặng của con dê và con hươu, thực hành tính tông số cân nặng của hai con vật đó theo đơn vị ki-lô-gam.
2. HS xác định cân nặng của con vật nặng nhất, con vật nhẹ nhất rồi tìm hiệu số cân nặng của hai con vật đó theo đơn vị ki-lô-gam.

Từ đó,

1. **Hoạt động vận dụng**

sau của Bài 7

1. HS quan sát tranh, nhận ra được số các nhóm chìa khoá. Ước lượng mồi nhóm có khoảng 10 chiếc chìa khoá. Từ đó, ước lượng được khoảng 40 chiếc chìa khoá.
2. HS đếm theo từng nhóm để kiểm tra khả năng ước lượng của mình.
3. Củng cố, dặn dò

HS chia sẻ về những việc đã thực hiện được trong bài học này.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* HS chia

HOẠT ĐỌ dụng ca 1 lít

* HS thực trước như: bìnỉ

Cùng nhai

+ xếp riẻn và các đồ vật c

+ Dùne bì lượng xem cân

* HS chia

HOẠT Độ' cong, đường g

HS thực lu đường cong, đi

HOẠT Độ>

HS thực hi

* Cá nhân nhau, chia se ý
* Cùng nh; dây tạo hình.

HOẠT ĐỘM

CÓ thể tổ c khác nhau tạo t giác vừa tạo.

* Thông cta việc quan sát, nhận biết các hình, tinh toán, nêu cách tính, sắp xếp các kết quả c,.-\* nặng, thực hành ước lượng.... HS co cơ hội được phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiêp toán học.
* Thông qua việc phân tích tình huống thực nen. xác định dạng bài toán, phép tính cần thực hiện, trình bày bài giải, trả lời cho câu hoi của tình huông, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học. NL mô hình hoá toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này có thể được thực hiện trong 2 tiẻĩ

**i**

**51** EM VƯI HỌC TOÁN

...c hoạt động:

: qua đỏ củng cố kĩ năng sử dụng

. :v.nh chữ nhật, hình tứ giác gắn với

1. MỰC TIÊU

Học xong bài này, HS sẽ được trái nghỉệ::

* Đo cân nặng của các bạn trong nhón: :h cân đồng hồ và giải quyết vấn đề với các đe­- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình tam

các hoạt động tạo hình.

£

* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

chai, lọ,... trong đó có chai 1 /.

* Các đồ vật có thể chứa được nước
* Cân sức khoẻ cho các nhóm.
* Giấy vẽ, bút chì, bút màu.
* Cuộn dây để tạo hình bằng dây.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHU YEU HOẠT ĐỘNG 1. Thực hành cân

* HS thực hiện theo nhóm: Dung cir. ¿ỏ -in các bạn trong nhóm rồi viết kết quả vào bảng:

136

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên** | **Cân nặng** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

HS chia se cach can, cach ghi cân nặng và những chú ý khi thực hiện cân

HOẠT ĐỌNG 2. Thực hành trải nghiệm đong đo sức chứa của một vât sử **dụng ca 1 lít**

* HS thực hiẹn theo nhóm: HS lây các đô vật có thê đựng nước đã chuẩn bị từ trước như: bình, chai, lọ,... trong đó có một đồ vật đựng được 1 lít nước.

Cùng nhau thảo luận thực hiện các công việc sau:

+ xếp riêng những đồ vật có thể chứa được ít hơn 1 /, các đồ vật chứa được 1 / và các đồ vật chứa được nhiều hơn 1 /.

+ Dùng bình 1 / để múc nước đổ vào một bình to. Trước khi múc cùng ước lượng xem cân đô mây lần thì đầy bình đó. Thực hành để kiểm tra dự đoán.

sư dụng

* HS chia sẻ, nhận xét các hoạt động vừa thực hiện.

HOẠT ĐỘNG 3. Tạo hình sáng tạo sử dụng đoạn thẳng, đường thẳng, đường **cong, đường gấp khúc**

HS thực hiẹn theo nhom: tạo hình sáng tạo sử dụng đoạn thăng, đường thăníỉ đường cong, đường gấp khúc và nói cho bạn nghe ý tưởng của mình. "

HOẠT ĐỘNG 4. Dùng dây tạo hình

HS thực hiện theo nhóm:

* Cá nhân mồi HS trong nhóm tưởng tượng và dùng dây tạo ra các hình khác nhau, chia sẻ ý tưởng và cách làm với bạn.
* Cùng nhau thảo luận chọn một ý tưởng tạo hình rồi cùng nhau hợp tác dùng dây tạo hình.

HOẠT ĐỘNG 5. Trò choi “Tung vòng và chạy theo đường tạo thành hình tứ giác”

iết kết



Có thê tô chức cho HS chơi theo kiêu tiếp sức, mồi bạn sẽ tung vòng ra 4 vị trí khac nhau tạo thanh một hình tứ giác, bạn đó sẽ chạy theo đường tạo thành hình tứ giác vừa tạo.

137

III. GỢI Ý CA

1. ***Hoạt*** **đệ**
2. HS hoạt

* HS *quan*
* HS *nói* **VI** + Bạn gái \ + Bạn gái r + Bạn trai 1

1. GV đặt nhiêu chấm tròr

HS trả lời c ’ 0 chấm tròn; h

GV khăng (

Hôm nay. c

1. **Hoạt độ**

l.HS thực

* Tay đặt c 5 thẻ có 10 chấi

<1

£

í-

thực tiễn, nhận biết cách sử dụng ó: sò tình huống gắn với thực tiễn.

* Chỉ tay V
* GV giới

:ne. mồi thẻ 5 chấm tròn; 10 chấm

* HS đọc 1
* GV giới nói: Dấu nhân.

'.rơc khi vào giờ học, giữa giờ học.

**E. Củng cố, dặn dò**

* HS nói cảm xúc sau giờ học.
* HS nói về hoạt động thích nhất tronơ ơiờ học.
* HS nói về hoạt động còn lúng túna. nêu làm lại sẽ làm gì.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua các hoạt động trai nghiệm: tạo tia số, thiết kế trò chơi, đo độ dài một số đồ vật, HS có cơ hội được phát triên NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng cône cụ. phưona tiện học toán.
* Thông qua các hoạt động thuyẽt trinh vẻ cac san phẩm và ý tưởng của nhóm. HS có cơ hội được phát triển NL giao tièp toan học. NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua hoạt động nhóm. HS co cơ hội phát triển NL họp tác.

IV. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

GV có thể chọn lựa một trong các hoạt cóng trên để triển khai cho phù hợp với đối tượng HS và quỳ thời gian cua nha trương. GY cùng có thể dựa vào các hoạt động đã gợi ý để thiết kế các hoạt động tra: nghiệm phù họp với đối tượng HS hơn. tạo cơ hội cho HS trải nghiệm đẻ phát tnẻn N L. phàm chất.

* Nhận biết ý nghĩa của phép nhản trc
* Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

* Mồi HS 10 thẻ, mồi thẻ 2 chấm tro: tròn rời trong bộ đồ dùng học Toán.
* Một số tình huống đơn giản dẫn tơ:
* Trò chơi, tạo không khí vui vẻ. phàn

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cá.

- Làm quen với phép nhân qua cac Tir. dấu nhân “x”.

**52 LÀM QUEN VỚI PHÉP XHÂN - DAƯ nhân**

1. GOI Y CAC HOAT DONG DAY HOC CHU YEU
2. Hoat dong khtyi dong
3. HS hoat dong theo cap (nhom ban) va thirc hien lan luot cac hoat dong:

**ih**

do do dai giai quyet

cua nhom, •. toan hoc.

hu hop vai o cac hoat lg HS hon,

**iHAN**

* HS *quan sat buc tranh* trong SGK.
* HS *noi* voi ban v£ nhirng dieu quan sat dugc tir birc tranh, chang han:

+ Ban gai va ban trai dang chai xep the.

+ Ban gai noi: Moi the co 2 cham tron, minh lay ra 5 the.

+ Ban trai hoi: Co t§t ca bao nhieu cham tron?

1. GV dat *vkn* d^: Em co th§ tra lai cau hoi cua ban trai khong? Co tat ca bao nhieu cham tron?

HS tra loi co 10 chim tron va giai thich cach tim ket qua (dem 2, 4, 6, 8, 10 co 10 ch4m tron; hoac dem 1, 2, 3,...,10,...).

GV kMng dinh kit qua: Moi the co 2 cham tron, 5 the co 10 cham tron.

Horn nay, chung ta se dugc lam quen voi mot phep tinh mai: Phep nhan.

1. Hoat dong hinh thanh kien thipc

1. HS thuc hien lan lugt cac hoat dong sau:

* Tay dat cac the ch4m tron truoc mat, mieng noi: Moi the co 2 cham tron, 5 the co 10 cham tron:

ich su dung i thirc tien.

>n: 10 cham

lira gia hoc.

* Chi tay vao 5 the cMm tron truac mat noi: 2 dugc lay 5 lan.
* GV giai thieu:

2 dune lay 5 lan

Ta co phep nhan 2x5= 10

Doc la: Hai nhan nam bdng muai.

* HS doc lai.
* GV giai thieu diu nhan, HS lay d4u nhan trong bo do dung dua cho ban xem, noi: Dau nhan.

139



-Với m ứng, chẳns 1

*m*

*m*

*m*

**2.** HS thao tác tương **tự** với các phép r.r.ầr. khác, chăng hạn:

• •

2 được lấy 3 lần

Ta có phép nhân 2x3 = 6

■V 6 lân

nhân 2x6=12

**D. Hoạt**

**Bài 4**

* HS xei nào đưa ra pl HS nói suy n
* HS nsl sẻ với bạn, cF 3 lần. Ta có p

**E. Củng**

* GV hoi
* Liên hệ sau chia sẻ vớ

(\*) Cơ hệ

* Thông c nhân, cách sử ( học, NL tư *ảw*
* Thông q về phép tính cu
* Thông q được phát triêr

'-■Ì::: tron và nói theo mẫu:

vì

c

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

**Bài 1.** Thực hiện theo cặp:

HS quan sát tranh, tay chi vao C.U :r.e **Mầu:**

5x2 = ' =

*Lưu ỷ:* GV có thê đua ra - niệm phép nhân. Ớ bài nàv. GV HS tìm kết quả phép nhản. HS nói phép nhân tương ứna.

Bài 2

* HS thảo luận theo cặp. r. rr.;- cho bạn nghe lí do chọn.
* GV hướng dần HS quan <.•: - : HS nói: 6 được lấy 3 lần ta co r:‘.r : '
* GV chữa bài chỉ vào tirr^

6 được lây 3 !ảr.. : ;

5 được lấ\ 2 lã". ::

4 được lấy 3 lãn. . :

Bài 3

•:r.ac tương tự để HS nắm chắc khái két quả phép nhân, chưa yêu cầu nhiêu lần, thao tác trên vật thật

:h họp với mồi tranh vẽ, giải thích

.mg co 6 quả trứng, có 3 khay trứng.

:õ: lại:

'.¿n 6x3.

:ản 5x2.

•-ân 4x3.

".ám tròn thích họp với mồi phép nhân

- HS thực hiện theo nhóm đỏ: \e trong bài.

- Với mồi trường họp, HS xếp chấm tròn và nói cho bạn nghe phép nhân tương ứng, chẳng hạn:



3 được lấy 5 lần. Ta có phép nhân: 3x5

1. **Hoạt động vận dụng Bài 4**

* HS xem tranh rồi thảo luận về phép tính của Quân và Thư. HS nhận xét bạn nào đưa ra phép tính đúng bằng các lập luận chứng cứ của mình. GV khuyến khích HS nói suy nghĩ của mình, trình bày thuyết phục.

1 chắc khái ìưa yêu cầu rèn vật thật

*ì.* íỉiải thích khay trírng.

* HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép nhân rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: Mồi hộp có 2 chiếc bánh, 3 hộp có 6 chiếc bánh. 2 được lấy 3 lần. Ta có phép nhân: 2x3 = 6.

1. **Củng cố, dặn dò**

* GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?
* Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân, hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản nêu nhận biết về phép nhân, cách sử dụng dấu “x”, HS có cơ hội đưọc phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc chọn phép nhân phù hợp với tranh vẽ, lập luận nêu quan điêm về phép tính của Quân và Thư, HS có cơ hội phát triển NL tư duv và lập luận toán học.

**ế**

i phép nhân

* Thông qua việc thao tác với các chấm tròn, biểu diễn phép nhân HS có cơ hội dược phát triên NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**53** PHÉP NHÂN

-HSq 3 được

Vậy: c 2. HS t

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cảu sau:

* Biết cách tìm kết quả phép nhản dựa vào phép cộng các số hạng bằng nhau.
* Nhận biết ý nghĩa của phép nhản trone một số tình huống gắn với thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Mồi HS 10 thẻ, mồi the 2 chàm tron: 10 the. mồi thẻ 5 chấm tròn; 10 chấm tròn rời trong bộ đồ dùng học Toán.

2

2

Ta có pi

**c.** Hoạt

**Bài 1. *¥***

* Quan
* Nói cV cùa mỗi phé

Bài 2

-HSth

* HS đ.
* GV c thành phép

-GVc tìm kết quả

Bài 3

-HSt mồi đầu tà

* Một số tình huống đơn gian dần tới phép nhân.
* Trò chơi, tạo không khí vui ve. phản khơi trước khi vào giờ học, giữa giờ học.

vĩ

£

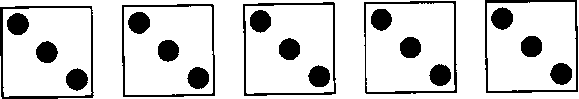
1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHU YÉU
2. Hoạt động khởi động
3. HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:

* HS *quan sát bức tranh* trong SGK. *nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh. Mồi tàu lượn có 3 bạn, 5 tàu lượn có tât cả 15 bạn.
* GV đặt câu hỏi để HS nêu phép nhân:

3 được lấy 5 lần. Ta viết phép nhân 3x5 = 15

1. GV đặt vấn đề: Trong tình huống trên các em đã viết được phép nhân. Bài hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu cách tìm kết quả phép nhân.
2. Hoạt động hình thành kiến thức
3. HS nhận biết cách tìm kết quả phép nhân.

* GV gắn các thẻ chấm tròn. Nêu vấn đề: Có tất cả bao nhiêu chấm tròn?

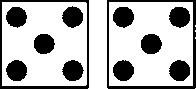


- HS quan sát các thẻ chấm tròn, nhận xét:

3 được lấy 5 lần. Ta viết phép nhân:

3x5 = ?

3x5 = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 15 3 X 5 = 15 Vậy: Có tất cả 15 chấm tròn.



1. HS thao tác tương tự với các phép nhân khác, chang hạn:

#

2x3 = ?

2 X 3 = 2 + 2 + 2 = 6 2x3 = 6 Ta có phép nhân: 2x3 = 6.

5x2 = ?

5x2 = 5 + 5 = 10 5 X 2 = 10

Ta có phép nhân 5x2 =10.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1. HS thực hiện theo cặp:

* Quan sát tranh tìm số thích họp cho ô [T] rồi đọc kết quả.
* Nói cho bạn nghe phép nhân tương ứng với mồi tranh vẽ và cách tìm kết qua của mồi phép nhân đó.

Bài 2

* HS thực hiện chuyển tổng các số hạng bầng nhau thành phép nhân, viết vào vơ.
* HS đổi vở, chừa bài nói cho bạn nghe cách làm.
* GV chữa bài đặt câu hỏi để HS nhận xét khi viết tống các số hạng bằng nhau thành phép nhân thì phép tính trở nên đơn giản, đỡ cồng kềnh hơn.
* GV chốt lại cách chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân và cách tìm kết quả phép nhân thông qua tổng các số hạng bằng nhau.

Bài 3

* HS thảo luận theo cặp, chọn tổng trên toa tàu thích họp với phép nhân ghi ơ mỗi đầu tàu, giải thích cho bạn nghe lí do chọn.

:er “rin thành tổng các số hạng bằng

1. MỤC TIÊU

Học xong

* Bước đả
* Củng cc
* Phát tric

1. CHUẨN B

Các thẻ s< số; Thừa số; T

1. **GỢI Ý c/**
2. **Hoạt (**
3. HS ho í

* HS *qua*

1. GV đặ- phần và kết q
2. **Hoạt**

1. HS nh

* **GV** gã quả của phép

***V^J*** /V/

* GV chữa bài, nhắc HS có thẻ VIẽ: : nhau hoặc ngược lại.
* GV khuyến khích HS tự nêu thẻrr

Bài 4

* Cá nhân HS quan sát tranh, suy r -' trong tranh rồi đọc phép tính nhân tưo--

1. Mồi nhóm có 4 con gà, có 5 nhorr. \_i •< 5 = 4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 20. Vậy co :á: .
2. Mồi nhóm có 2 bạn, có 5 nhó”'. 2x5 = 2 + 2 + 2 + 2 + 2=10. Vậy co :i: .

* GV nên khuyến khích HS suy ■■ - '■ khích HS trong lóp đặt thêm câu hoi cho -

1. Hoạt động vận dụng

Bài 5

* HS quan sát tranh nêu một tình hu: nói suy nghĩ của mình, trình bày thuyẻí rr.
* HS có thể nêu nhiều tình huống khã
* HS tìm thêm tình huống có phép nh

1. Củng cố, dặn dò

* GV hỏi HS: Qua bài này, các embk
* Liên hệ về nhà, em hãy tìm tinh huỏ sau chia sẻ với các bạn.

:h0 bạn nghe tình huống xảy ra >e trước lớp.

.:ợc lấy 5 lần. Ta có phép nhân:

2à.

:oc lấv 5 lần. Ta có phép nhân:

:heo cách của các em; khuyến bav.

ep nhân. GV khuyến khích HS

phép nhân trong bức tranh.

hực tê.

. '• ¿'JỢC điều gì?

- :ẻ liên quan đến phép nhân, hôm

*Lưu ỷ:* "

- GV lấ;

+ Viết rr thừa số, tích

**54** THỪA SỐ - TÍCH

hạng bằng

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

óng xảy ra phép nhân: Dhép nhân: m; khuyến

* Bước đầu biết tên gọi thành phần và kết quả của phép nhân.
* Củng cố cách tìm kết quả của phép nhân.
* Phát triên các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Các thẻ số; thẻ dấu; thẻ ghi các chữ chỉ thành phần, kết quả phép nhân: Thừa số; Thừa số; Tích.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

1 khích HS re tranh.

1. HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:

* HS *quan sát bức tranh* trong SGK và phép nhân: 2x4 = 8.

1. GV đặt vấn đề: Bài hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về tên gọi thành phần và kết quả của phép nhân.
2. Hoạt động hình thành kiến thức
3. HS nhận biết cách tìm kết quả phép nhân

nhân, hôm

* GV gắn phép nhân lên bảng, hướng dần HS gọi tên từng thành phần và kết quả của phép nhân:

2x4 = 8

**inh**

I phép cộng li quyết vấn

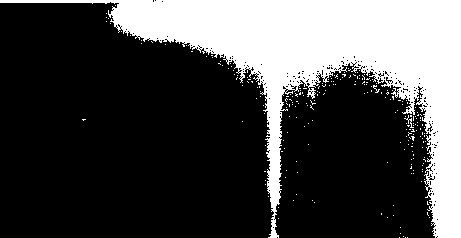
hể hiện qua

Thừa số Thừa số Tích

*Lun ý:* Trong phép nhân 2 X 4 = 8, 8 là tích, 2x4 cũng gọi là tích.

- GV lấy ví dụ củng cố về tên gọi thành phần và kết quả phép nhân vừa học:

**+** Viết một phép **nhân lên** bảng, chẳng **hạn:** 3 **X 4 = 12** chỉ **vào** từng **số,** HS nêu: thừa số, tích.



**145**

+ HS viết phép nhân vào bans con khi ntihe G\' đọc thừa số, tích của phép nhân đó, chăng hạn: Viêt phép nhân biêt các thừa sỏ la 6 và 5, tích là 30.

1. HS tự viết một phép nhân ròi đó bạn nêu đâu là thừa số, đâu là tích trong phép nhân đó.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện theo cặp:

* Nêu thừa số, tích trone các phép nhản.
* Chỉ và nói cho bạn nghe kẻt qua

Bài 2

* HS thực hiện tìm tích với các thưa sò đã cho ròi viết vào vở.
* HS đổi vở, chữa bài và nói cho ra:: r.ĩhe cách làm.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 3. HS chơi trò chơi ''Lập tích":

**được** từ hai thẻ số đó ra bảng con. **được các** tích: **3x5** hoặc **5x3.**

**nghe tích minh** lập được là **gì,** tích đó lập

+ Mồi bạn lấy hai the sô rỏi v;êt Chăng hạn, từ hai thẻ sô 3 và 5. HS cc

+ HS thực hiện nhiêu làn. nói cho được từ những thừa so nào.

2

**:hẻm** được điều gì? Từ ngữ toán học

**E. Củng cố, dặn dò**

- GV hỏi HS: Qua bài **nav.** nào em cần nhớ? Lấy ví dụ.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm** \ a **phát triển năng lực cho học sinh**

Thông qua việc nhận bièt **thanh phản** a kêt **qua** phép nhân, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy **và** lập **luận toắr. họ:.** NL dao **tiếp** toán học.

BANG NHÂN 2

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt **các Yẻu cáu sau:**

- Tìm được kết qua các phép **tinh tron£** *Bang nhân 2* và thành lập *Báng nhân*

* Vận dụng *Bảng nhân 2* đê tính nhâm và giải quyêt một sô tình huông gan VƠI thực tiền.

:ep nhân ch trong

* Phát triển các NL toán học.

1. CHUÁN BỊ

* Mồi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 2 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.
* Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép nhân trong *Bảng nhân 2.*
* Các thẻ giấy ghi các số: 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động
3. HS chơi trò chơi “Đếm cách 2”

HS tự rút một thẻ số rồi đếm cách 2 bắt đầu từ số ghi trên thẻ vừa rút đến 20. Chẳng hạn nếu rút được thẻ số 6, HS đếm: 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20.

:ang con.

X 3.

:ch đó lập

: toán học ìh

? hội được *>;g nhân 2.*

1. HS *quan sát bức tranh* trong SGK, *nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh. Mồi nhỏm có 2 bạn, 3 nhóm có 6 bạn.

* GV đặt câu hỏi để HS nêu phép nhân:

2 được lấy 3 lần. Ta viết phép nhân: 2x3 = 6

* GV khai thác bức tranh, có thể dùng máy chiếu để phát triển thêm bức tranh bằng cách xuất hiện thêm các nhóm, mỗi nhóm 2 bạn.

Chẳng hạn: Nếu có thêm 1 nhóm 2 bạn nữa thì ta có phép nhân nào? (2 x 4 == 8).

Nếu tiếp tục thêm 1 nhóm 2 bạn nữa thì sao? 2 được lây mây lân?

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. HS thành lập *Bảng nhân 2*

- HS lần lượt lấy ra các tấm thẻ, mồi thẻ có 2 chấm tròn rồi lần lượt nêu các phép nhân tương ứng, chẳng hạn:

+ Tay đặt 1 tấm thẻ [®l miệng nói:

2 được lấy 1 lần. Ta cỏ phép nhân: 2x1=2

+ Tay đặt 2 tấm thể **i\*J,** miệng nói:

2 được lấy 2 lần. Ta có phép nhân: 2x2 = 4

thì thầy/cô có tất ca đố bạn trả lời.

b) HS kể một tì

1. **Hoạt động ’**

**Bài 4**

* HS chơi trò c

+ HS đứng vòn

+ Chủ trò đưa 1

+ HS tìm nhau có mấy chân? Nêu

* HS chơi nhiê
* HS tìm thêm

1. **Củng cố, d**

* GV hỏi HS: 1
* về nhà, các < đọc thuộc *Bảng nhi nhân 2,* hôm sau cl

(\*) Cơ hội họ<

* **Thông qua V** dụng *Bảng nhân 2* I toán học, NL mô h
* Thông qua \ qua tranh vẽ, HS C' tiếp toán học.

I. MỤC TIÊU

Học xong bài

* Tìm được kê

**r\/** r-rA

+ Tay đặt 3 tấm thẻ L®j L®J [®i miệ::; 2 được lấy 3 lần. Ta có phép nhàr: I

HS tiếp tục thực hiện cho đến khi r.c.

1. GV giới thiệu *Bảng nhân 2.* HS đ: đọc cho bạn nghe.
2. Chơi trò chơi “Đố bạn” tra lời cac

**c Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1. HS thực hiện theo cặp:

* Tìm kết quả các phép nhân nêu :r; r.; kết quả).
* Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phe phép tính.

**Bài 2**

* HS thực hiện phép nhân với cac >: ;
* HS đôi vở, chữa bài nói cho bạn r.ĩ";
* GV chữa bài, đặt câu hỏi để HS khi nhân với các số có kèm đơn vị đe
* Có thế *tô chức thành trò choi* ch : r. ; tính” tương ứng.

**Bài 3**

1. Cá nhân HS quan sát tranh. SU'- bảng con.

* HS nói cho bạn nghe tình huỏr.^ . i : chẳng hạn:

+ Mỗi chậu hoa có 2 bông hoa hỏr.^. :

Ta có phép nhân: 2x5=10. \’ậ% ::

+ Mỗi bạn có 2 chiếc vợt bóns bar.. -:

Ta có phép nhân: 2x3 = 6. Vậy co

* HS chia sẻ trước lóp. GV có thẻ đi: . nhân tương ứng, chẳng hạn nếu thầy có kh

'.¿r.h *Bang nhân 2.*

*iS* :hu động ghi nhớ *Bảng nhân 2* rồi

nh trong *Bảng nhân 2.*

: : 0 thê sừ dụng *Bảng nhân 2* để tìm -.r. •. a nói kết quả tương ứng với mồi

¿ơn vị đo đã học.

: .am.

" ẻ \_ cách thực hiện, cách ghi kết quả :e: qua" đê gắn kết quả với thẻ “phép

*:è:* phep nhân thích họp vào vở hoặc

-r r.hãn phù hợp với từng bức tranh,

: . "iu hoa. Vậy 2 được lấy 5 lần.

i ’ bòna hoa.

\’ậy 2 được lấy 3 lần.

- - rv.ẻc vợt bóng bàn.

\_ ";: phát triển thêm để HS nêu phép : rcó 5 chậu hoa mà có 7 chậu hoa

thì thầy/cô có tất cả bao nhiêu bông hoa? Khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự đố bạn trả lời.

b) HS kể một tình huống có sử dụng phép nhân 2x4 trong thực tế.

*hân 2* rồi

: *2* để tìm 2 với mồi

li kết quả the “phép

) vở hoặc 'ức tranh, > lần.

nêu phép chậu hoa

1. **Hoạt động vận dụng**

**Bài 4**

* HS chơi trò chơi “Ket bạn”:

+ HS đứng vòng tròn hỏi chủ trò: Kết mấy? Kết mấy?

1 Chủ trò đưa ra yêu cầu, chẳng hạn: Kết 4. Kết 4.

+ HS tìm nhau để kết thành nhóm 4. GV lại hỏi: Mồi người có 2 chân, 4 người có mấy chân? Nêu phép nhân tìm tất cả số chân.

* HS chơi nhiều lần.
* HS tìm thêm tình huống có phép nhân trong thực tế.

1. **Củng cố, dặn dò**

* GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?
* **về** nhà, các em đọc lại *Bảng nhân 2* và đố mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc *Bảng nhân 2.* Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong *Bảng nhân 2*, hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép nhân trong *Bảng nhân* 2, vận dụng *Bảng nhân 2* để tính nhấm, HS có cơ hội được phát triến NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán.
* Thông qua việc nhận biết phép nhân từ các tình huống khác nhau thế hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**56**

BẢNG NHÂN 5

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép tính trong *Bảng nhân 5* và thành lập *Bảng nhân 5.*

149

* Vận dụng *Bảng nhân 5* đê tính nhàm và aiai quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

+ Ta^ 5 đi

HSti

1. *G\*

đọc cho b

1. Ch

* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẦN BỊ

* Mỗi HS 10 thẻ, mồi the 5 châm tron trona bộ đồ dùng học Toán.
* Một số tình huống đơn sian dần tới phép nhân trong *Bảng nhân 5.*
* Các thẻ giấy ghi các số: 5. 10. 15. 20. 25. 30, 35, 40, 45, 50.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHU YẾU
2. Hoạt động khởi động
3. HS chơi trò chơi: “Đố bạn” hoặc "Truvẻn điện". "Truyền bóng” ôn lại *Bảng nhân 2.*

r\i r-r-A

1. HS *quan sát bức tranh* trons SGK. *nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh: Mồi hàng có 5 bạn đana tập thẻ dục. 3 hàng có 15 bạn.

* GV đặt câu hởi đê HS nêu phép nhân:

5 được lẩy 3 làn. Ta có phép nhân: 5x3 = 15

* GV khai thác bức tranh, có thẻ dùna may chiếu để phát triển thêm bức tranh bằng cách xuất hiện thêm các hàna. mỗi harm 5 bạn.

Chẳng hạn: Nấu có thêm 1 hàns 5 bạn nữa thi ta có phép nhân nào? (5x4 = 20).

Neu tiếp tục thèm 1 hanơ 5 bạn nừa thì sao? 5 được lấy mấy lần?

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. HS thành lập *Bảng nhân 5*

* HS lần lượt lấy ra các tấm the. mồi the có 5 chấm tròn rồi lần lượt nêu cá^ phép nhân tương ứng, chăng hạn:

+ Tay đặt 1 tấm thẻ 1^ \* ^ ^ miệns nói:

5 được lấy 1 lần. Ta có phép nhân: 5-1=5

• ••••

+ Tay đặt 2 tấm thẻ miệna nói:

5 được lấy 2 lần. Ta có phép nhân: 5 x 2 = 10

iillt

ns gắn với

ệệệtt

+ Tay đặt 3 tấm thẻ 1\*0 ♦ *\* \** I, miệng nói:

5 được lấy 3 lần. Ta có phép nhân: 5x3 = 15

HS tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành *Bảng nhân 5.*

1. GV giới thiệu *Bảng nhân 5,* HS đọc. HS chủ động ghi nhớ *Bảng nhân 5* rồi đọc cho bạn nghe.
2. Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời các phép tính trong *Bảng nhân 5.*

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

*.inơnhân 2.* in sát được

1 bức tranh

: ' 4 = 20). mấy lần?

iợt nêu các

* HS tìm kết quả các phép nhân nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng nhân 5* đế tìm kết quả).
* HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mồi phép tính.

**Bài 2**

* HS thực hiện phép nhân với các số có kèm đơn vị đo đã học.
* HS đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.
* GV chữa bài, đặt câu hỏi để HS nhận xét, nêu cách thực hiện, cách ghi kết quả khi nhân với các số có kèm đơn vị đo.
* Có thể *tổ chức thành trò chơi* chọn thẻ “kết quả” để gắn kết quả với thẻ “phép tính” tương ứng.

**Bài 3**

1. Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ viết phép nhân thích họp vào vở hoặc bảng con.

* HS nói cho bạn nghe tình huống và phép nhân phù hợp với từng bức tranh, chăng hạn:

+ Mồi bình cá có 5 con cá, có 3 bình cá. Vậy 5 được lấy 3 lần.

Ta có phép nhân: 5x3 = 15. Vậy có tất cả 15 con cá.

+ Mồi thuyền có 5 người, có 4 thuyền. Vậy 5 được lấy 4 lần.

**Ta có phép nhân: 5 X 4 = 20. Vậy có tất cả 20 người trên thuyền.**

* HS chia sẻ trước lớp. GV có thể đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép nhân tương ứng, chẳng hạn nếu thầy/cô không phải có 3 bể cá mà có 6 bể cá như thế thì thầy/cô có tất cả bao nhiêu con cá? Khuyến khích HS tự đặt câu hỏi tương tự đố bạn trả lời.

1. MỤC TIÊl

Học xom

* Làm qi biết cách sử d
* Nhận b
* Phát tri

1. CHUẨN E

* Mồi Hí
* Một số
* Trò cho

1. GỢI Ý O
2. **Hoạt (**

HS hoạt (

1. Nói vó thê nào? Đại ( vật thật như q
2. Thực *\*

+ Lấy ra I cho bạn thứ h

+ Trả lời

+ Nêu lại được 3 hình ti

* HS thựí

1. **Hoạt C**

1. Nhận t

* GV gió bây giờ quan :hao tác chia C

b) HS kể một tình huống có sử dụng phép nhân 5x3 trong thực tế.

1. **Hoạt động vận dụng**

Bài 4

1. HS chơi trò chơi “Đếm cách 5”

* Các em đã bao giờ chơi trò chơi "Trốn tìm” chưa? Trong trò chơi đó, chủng ta đếm thế nào?
* HS cùng nhau đếm “năm, mười, mười lăm,...”.

r\i r-r A

* HS tự rút một thẻ số rồi đếm cách 5 bắt đầu từ số ghi trên thẻ vừa rút đến 50. Chẳng hạn, nếu rút được thẻ số 15, HS đếm: 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50.

1. HS thảo luận nhóm xếp các chấm tròn thích họp với phép nhân 5 X 5’ 5 X 7.

* GV đặt câu hỏi để HS nêu được: 5 được lấy 5 lần. Ta có phép nhân: 5 X 5 = 25.

5 được lấy 7 lần. Ta có phép nhân: 5x7 = 35.

* HS có thể nêu các phép nhân khác rồi đố bạn xếp các chấm tròn thích hợp.

1. **Củng cố, dặn dò**

* GV hỏi HS: Qua bài này các em biết thêm được điều gì?

-Vê nhà, các em đọc lại *Bảng nhân 5* và đố mọi người trong gia đỉnh xem ai đọc thuộc *Bảng nhân 5.* Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép nhân trong *Bảng nhân 5,* hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc thao tác tìm kết qua từng phép nhân trong *Bảng nhân 5,* vận dụng *Bảng nhãn 5* để tính nhẩm, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán.
* Thông qua việc nhận biết phép nhân từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vỗ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

57 LÀM QƯEN VỚI PHÉP CHIA - DẤư **chia**

> nêu phép cá như thế Iơng tự đố

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Làm quen với phép chia qua các tình huống “chia đều” trong thực tiễn, nhận biêt cách sử dụng dấu chia “ :
* Nhận biết ý nghĩa của phép chia trong một số tình huống gắn với thực tiễn.

đó,chúng

Lit đến 50.

5; 5x7.

'5 = 25. 7 = 35.

ch hợp.

* Phát triển các NL toán học.

1. CHUÁN BỊ

* Mồi HS 10 chấm tròn rời trong bộ đồ dùng học Toán.
* Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép chia.
* Trò chơi, tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học, giữa giờ học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

3

HS hoạt động theo nhóm 4 và thực hiện lần lượt các hoạt động:

1. Nói với bạn: Em đã bao giờ nghe từ “chia đều” chưa? Em hiểu “chia đều” là thê nào? Đại diện một nhóm HS lên chia sẻ trước lớp và thao tác chia đều (sử dụng vật thật như que tính, chấm tròn, kẹo,...).
2. Thực hiện thao tác *“chia đều*” dưới sự hướng dẫn của GV:

ih xem ai *Bảng*

1

V'í 5, vận I lặp luận ■ toán.

thê hiện XL giao

+ Lấy ra 6 hình tròn, chia đều cho 2 bạn (đưa cho bạn thứ nhất 1 hỉnh tròn, đưa cho bạn thứ hai 1 hình tròn,... cứ như vậy cho đến khi hết số hình tròn).

+ Trả lời câu hỏi: Mồi bạn được mấy hình tròn?

+ Nêu lại tình huống vừa thực hiện: 6 hình tròn, chia đều cho 2 bạn, mỗi bạn được 3 hình tròn.

* HS thực hiện với một số trường hợp khác rồi nói tình huống vừa thực hiện.

1. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Nhận biết phép chia, dấu chia.

* GV giới thiệu: Vừa rồi các em đã thực hiện thao tác chia đều trên que tính bây giờ quan sát thây/cô thao tác trên bảng. GV gắn 6 hình tròn lên bảng rồi làm thao tác chia đêu cho 2 bạn, nhấn mạnh từng lần chia như hướng dẫn trong SGK.

153

GV giới thiệu:

+ 15 cu I Ta có ph + 12 chi\* Ta có phi

1. **Hoạt I**

HS nghĩ ] ' ới bạn, chẳn Ta có phép ch

2 ban.

6 hình tròn cho đẻ. Mỗi bọn đưoc 3 Ta có phép cn,!G í Đoc là: Sáu cr.G ~c

ba.

f\t r-rA

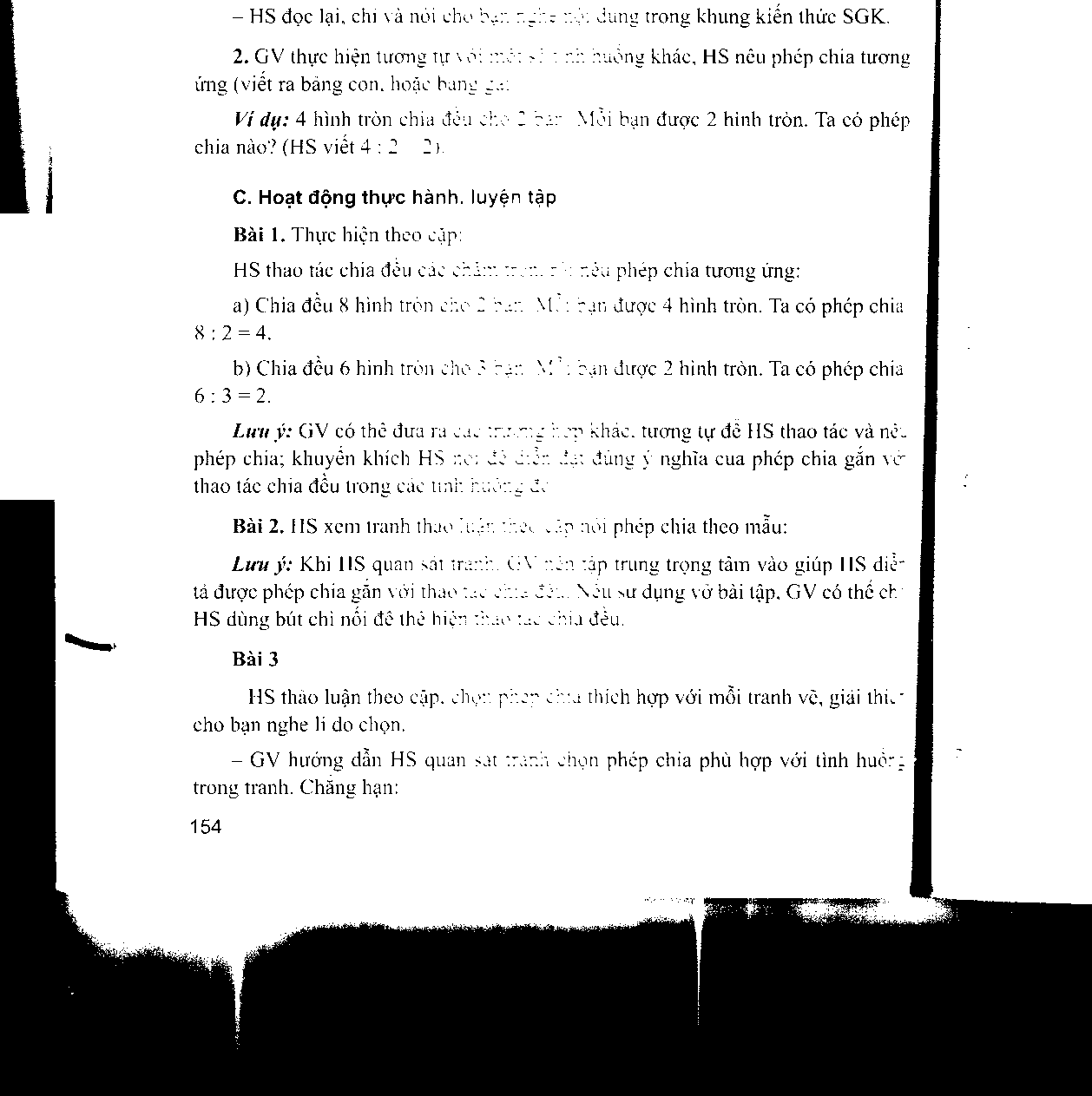
1. Củng I

(\*) Cơ hộ]

MỤC TIÊU

Học xong b;

* Nhận biết "g thực tiễn.
* Phát triển



* GV hoi
* Liên hệ •3U chia sé với
* Thông q ia, cách sử di c. NL tư duv
* Thông qi 'ách chọn, I­- Thông qu

-'ỢC phát triển

- GV giới thiệu dấu chia. HS !.•;> ¿¿u :h:a trong bộ đồ dùng đưa cho bạn xem, nói: Dấu chia.

+ 15 củ cải trẳng bó đều thành 3 bó, mỗi bó có 5 củ cải.

Ta có phép chia: 15:3 = 5.

+ 12 chiếc bánh xếp đều vào 2 đĩa, mồi đĩa có 6 chiếc bánh.

Ta có phép chia: 12:2 = 6.

' bạn xem,

rc SGK. chia tương

fa có phép

phép chia:

phép chia:

tác và nêu lia gắn với

ip HS diễn có thế cho

í. giải thích tinh huống

1. **Hoạt động vận dụng**

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép chia rồi chia sẻ với bạn, chăng hạn: Có 6 quyển vở xếp đều vào 2 ngăn, mồi ngăn có 3 quyển vở. Ta co phép chia: 6:2 = 3.

1. **Củng cố, dặn dò**

* GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?
* Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia, hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản nêu nhận biết về phép chia, cách sử dụng dấu “ : ”, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc chọn phép chia phù họp với tranh vẽ, lập luận nêu quan điểm về cách chọn, HS có cơ hội phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

4

**58**

* Thông qua việc thao tác với các chấm tròn, biểu diễn phép chia, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

PHÉP CHIA

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Nhận biết ý nghĩa của phép chia trong một số tình huống “chia theo nhóm” trong thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

¡\ir-rA

- = 2.

' càng hai.

‘nội dung trong khung kiến thức SGK.

hom với một số tỉnh huống khác rồi nẻL ặc bang sài).

1. CHUẨN BỊ

* Mồi HS 10 chấm tròn rời
* **Một số tình huống đơn** 21 **an ¿1' :-**
* **Trò chơi, tạo không khi vu; C-. r - i-**

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘN G Day •
2. **Hoạt động khời động**

HS hoạt động theo nhóm 4 . -

1. Thực hiện thao tác *"ch:.:*

+ Lây ra 8 hình vuông. ch:a . -; — ' hình vuông, sau đó lại đưa tiẻp :h: --

+ Trả lời câu hỏi: Có mả\ 'rỊr. - -

+ Nêu lại tình huốno Yirã :h\_-. ' vuông. Có 2 bạn được chia.

1. Thực hiện tươns tự \ ơ: - \_

8 hình vuông, chia cho :::■ r^r. 1 - -

ố hình vuông, chia cho :r.?: - -

1. **Hoạt động hình thành kiên thưc**
2. Nhận biết phép chia.

* GV giới thiệu: Vừa ró hình vuông, bây giờ quan sa bảng rồi làm thao tác chia : mạnh từng lần chia như hưor
* GV giới thiệu:

8 hình VUC'~: Có 2 bar đ. Ta có phéc Đọc là: Tá^

* HS đọc lại, chi và noi ch

1. HS thực hành thao tác ch: phép chia tương ứng (viết ra ban. 156

r ọc Toán.

■ : c khi vào giờ học, giữa giờ học

• YEU

i". các hoạt động:

* - hướng dẫn của GV:
* ■ " Miông (đưa cho bạn thứ nhất 4 :: - h:nh \Tiông).

uỏng, chia cho mồi bạn 4 hình

í.hac. chăng hạn:

Có 4 bạn được chia.

■■ r Có 2 bạn được chia.

* -V.ện thao tác chia theo nhóm với các :rẻn bang. GV gắn 8 hình vuông lên
* ninh \ uông cho cho mồi bạn, nhấr

:.v

'Ổ! bọn 4 hình vuông.

*Ví dụ:* 6 hình vuông chia cho mỗi bạn 2 hình, có 3 bạn được chia. Ta có phép chia: 6:2 = 3.

;iừa giờ học.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

- HS thao tác chia theo nhóm sử dụng các chấm tròn (hình vuông que tính ) rồi nêu phép chia tương ứng.

1. Lấy 10 hình vuông, chia cho mồi bạn 5 hình vuông, có 2 bạn được chia. Ta có phép chia: 10:5 = 2.

m thứ nhất 4 1 bạn 4 hình

I.

t.

ihóm với các ìh vuông lên 01 bạn, nhấn

1. Lấy 12 hình vuông, chia cho mồi bạn 3 hình vuông, có 4 bạn được chia. Ta có phép chia: 12:3=4.

*Lưu ý:* GV có thể đưa ra các trường họp khác tương tự để HS thao tác và nêu phep chia; khuyen khích HS nói đê diên đạt đúng ý nghĩa của phép chia gắn với thao tác chia theo nhóm trong các tình huống đó.

«\*

Bài 2. HS xem tranh thảo luận theo cặp, nói phép chia theo mẫu:

*Lưu ỷ:* Khi HS quan sát tranh, GV nên tập trung trọng tâm vào giúp HS diễn ^

ta được phep chia găn với thao tác chia theo nhóm. Nếu sử dụng vở bài tập GV có the cho HS dùng bút chì khoanh vào từng nhóm 3 cây để biểu diễn cho việc xếp vào J

môi giỏ 3 cây.

1. **[Hoạt động vận dụng ^](#bookmark34" \o "Current Document)**

**Bài 3**

* HS quan sát tranh nêu một tình huống có phép chia. GV khuyến khích HS nói suy nghĩ của mình, trình bày thuyết phục.
* HS có thê nêu nhiêu tình huông khác nhau có phép chia trong bức tranh \*
* HS tìm thêm tình huống có phép chia trong thực tế.

1. Củng cố, dặn dò

thức SGK. khác rồi nêu

* GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?
* Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia hôm sau chia sẻ với các bạn.

-GV

* HS (
* GV

-HSt ?hép chia 1

c. Hoi **Bài 1.**

-HSc

* HS (

**CÓ th<**

* HS . '.rơng ứns.

**Bài 2**

-HS 1 -HSc **Bài 3**

-HSc - phép nhí

* HS r

~-lông và h

Chăng viết phé ' : 4 = 2; 8

**D. Hoệ**

**Bài 4**

* HS q

*f\l* r-r/4

12:3 = 4

4x3 = 12

- lượt các hoạt động:

r. ’a: *Bang nhân 2*, *Bảng nhân 5.*

thẻ dùng đồ dùng trực quan hồ trợ).

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm va phat trièn năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc nhận biết ý nghĩ- r.-.-r -' - -In với thao tác chia theo nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giai cv- ẻ: :oán học, NL tư duy và lập luận

toán học, NL mô hình hoá toán học.

* Thông qua việc nhận biết phep . . - -- v.r.h huống khác nhau thể hiện qua

tranh vè, HS có cơ hội được phát triér. 1 - - : é: vấn đề toán học.

**- 59 PHÉP CHIA** *(tiếp theo)*

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các y e - . -

* Biết cách tìm kết quả cua pher - - . ■ -0 phép nhân tương ứng. Từ một

phép nhân viết được hai phép chia rj-

* Nhận biết ý nghĩa của phép ch:.- - - r - :: 'õ tình huống gắn với thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Một số bộ thẻ gồm một phep r.r ^ . rhẻp chia tương ứng, chắng hạn:

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY : HL' VÉU

**A. Hoạt động khởi động**

HS hoạt động theo nhóm 4 \.

1. Chơi trò chơi “Truyền điệr." i;
2. Thực hiện thao tác sau:

+ Quan sát tranh, đọc cac the rr. CT

+ Cùng nhau kiếm tra kẻt quâ rher

+ Nhận xét thành phần \ a kẻ: ;ac phép tính trên thẻ (ba phép tính này

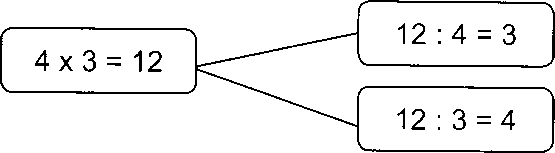
đều được lập từ các số 4: 3: 12 I.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| /■\* |  |  | N |
| V | ^ 2 | - = 3 | *)* |

**linh**

B. Hoạt động hình thành kiến thức

- GV giới thiệu:



theo nhóm, và lập luận

thê hiện qua

* HS đọc lại, chỉ và nói cho bạn nghe nội dung trong khung kiến thức SGK.
* GV lấy thêm ví dụ tương tự để minh hoạ.
* HS thực hiện theo cặp: tự nêu một phép nhân đã học rồi đố bạn viết thành hai phép chia tương ứng.

jrng. Từ một n thực tiễn.

:hăng hạn:

1 = 4

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

**Bài 1.** Thực hiện theo cặp:

* HS đọc phép nhân và nêu hai phép chia tương ứng.
* HS chia sẻ với bạn cách quan sát, cách suy nghĩ để khi nhìn vào một phép nhân có thể viết được hai phép chia tương ứng.
* HS có thể nêu thêm các phép nhân khác đã học đố bạn nêu hai phép chia tương ứng.

**Bài 2**

* HS làm việc cá nhân.
* HS đôi vở chừa bài và nói cho bạn nghe cách làm.

**Bài 3**

* HS quan sát tranh nêu phép nhân phù hợp với tình huống trong bức tranh rồi từ phép nhân đó nêu hai phép chia tương ứng.

*ilìãn 5.*

quan hồ trợ). )hép tính này

* HS nói cho bạn nghe lập luận của mình khi viết phép nhân phù hợp với tình huông và hai phép chia tương ứng.

Chăng hạn: Mồi xích đu có 2 bạn nhỏ, 4 xích đu có 8 bạn nhỏ. 2 được lấy 4 lần. Ta viêt phép nhân: 2 X 4 = 8. Từ phép nhân: 2 X 4 = 8 ta viết được hai phép chia 8 : 4 = 2; 8 : 2 = 4.

1. **Hoạt động vận dụng**

**Bài 4**

* HS quan sát tranh kể chuyện theo các bức tranh có sử dụng phép chia 8 : 2.

159

III. GỢI Ý CÁ

1. **Hoạt đ<**
2. HS chơi
3. Một HS nêu hai phép cl
4. **Hoạt đệ**
5. GV đặt!

* HS thảo ]
* HS thảo 1 tròn, chia đều t hoặc HS dựa vả
* GV chốt'

1. HS thàní

HS thực hiệ rồi điền kết quả

ĩ

* GV khuyến khích HS tương tượng, kể theo suy nghĩ của mình.
* GV có thể kể cho HS nghe, chẳng hạn: Cún con nhìn thấy trong bể cá có 8 con cá vàng, mải nhìn theo cá bơi cún con lỡ làm đổ bể cá, may sao có hai bạn nho nhìn thấy đã chia đều 8 con cá vào 2 bình mang đi.

8 con cá chia đều vào 2 bình, mồi bình có 4 con cá. Ta có phép chia: 8:2 = 4.

1. **Củng cố, dặn dò**

* GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?
* Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia, hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

ỉ\! r-r A

* Thông qua việc nhận biết từ một phép nhân viết được hai phép chia tương ứng, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học.



* Thông qua việc kể chuyện theo bức tranh có tình huống gắn với ý nghĩa của phép chia HS có cơ hội được phát triển \L giai quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**BẢNG CHIA 2**

1. MỤC TIÊU
2. GV giới 1 đọc cho bạn ngh
3. Chơi trò c

**c. Hoạt độr**

**Bài 1.** Thực

* Cá nhân H *chia 2* để tìm kết
* HS đối vở, mỗi phép tính.

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Tìm được kết quả các phép tính trong *Bang chia 2* và thành lập *Bảng chia 2.*
* Vận dụng *Bảng chia 2* để tính nhâm va giai quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 2 chảm tron trons bộ đồ dùng học Toán.
* Một số tình huống đơn gian dẫn tớ: phep chia trong *Bảng chia 2.*

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YỂU

»ne bể cá có 8 :ó hai bạn nhỏ

:hia: 8:2 = 4.

'hép chia, hôm **'C sinh**

ìep chia tương L mô hình hoá

ới ý nghĩa của c. NL giao tiếp

1. **Hoạt động khởi động**
2. HS chơi trò chơi: Ôn lại *Bang chia 2.*
3. Một HS đọc ngầu nhiên một phép tính trong *Bảng chia 2* rồi mời bạn bất kì nêu hai phép chia tương ứng.
4. **Hoạt động hình thành kiến thức**
5. GV đặt vấn đề: Thầy/cô có phép tính 6:2 = ?

* HS thảo luận nhóm và nêu các cách tìm kết quả phép chia trên.
* HS thảo luận và chia sẻ các cách tìm kết quả phép chia (HS có thể Ịấy 6 chấm tròn, chia đều thành 2 phần, mồi phần có 3 chấm tròn. Ta có phép chia: 6:2 = 3 hoặc HS dựa vào phép nhân 2x3 = 6. Vậy 6:2 = 3).
* GV chốt lại cách làm.

1. HS thành lập *Bảng chia 2*

HS thực hiện theo nhóm, thảo luận tìm kết quả các phép tính trong *Bảng chia 2* rồi điền kết quả vào bảng:

2:2 = 4:2 = 6:2 = 8:2 = 10 : 2 =

12 : 2 14 : 2 16:2 18 : 2 **20** : **2**

* HS thực hiện phép chia ve: J.;~ vị đo đã học.
* HS đôi vở, chừa bài. nói cho 'rir. 'h làm

**thi ^°lc,httr *blf flî* ^ CW. thực hiện, cách ghi kết qua**

khi chia với các số có kèm đơn v;

* Có thê *tô chức thành trò ■ ■- -* ' - il í . *Í.* \_ . ,

*tí„h„* caa đê găn kêt quả với thẻ phép

tính tương ứng. F p

Bài 3

*~fítnhì!- H^ìm^ế!Tẵ* cia r - ?hép chia nêu trong bài (có thể sử

dụng *Bảng chia 2* đê tìm kèt qua

phép tính' *va,* đạt cau h01 ch° nh::u : " : ' ' ' va nói tương ứng với mồi

Bài 4

***Ÿ-V (Kí***

* Cá nhân HS quan sar trar.r. nhen rhia thính ' ■ u -

bảng con - r : pnep cilia thích hợp vào vở hoặc

chẳni tanỏi ch0 bạ" nshe :inh ■; ^ r'-ír ch,a phù hợp với bức

+ Có 10 quá thông, ch,a Jéu . - : : Tir. s :, Mồ, bạn Sóc đuạc 5 quà thông.

Ta có phép chia: 10:2 = 5

**+ Có 8 bánh** **xe,** lắp **vào** **mỉ:** xe - r : r-r.h. Lăp đù cho 4 xe \*p.

Ta CÓ phép chia: 8 : 2 = i.

kắ *L,T ý:* câu hi;:. r'j: :'nèm đê ?s »êu ptóp chia tương ứng,

chang hạn nêu 6 Quả thônơ chn đ1 “ ' '"I- sil **\/í'u o ' ,** *í*

T *¿L r* . [[1]](#footnote-0), “ g- cni3ce- ÜOC. Môi bạn Sóc CÓ mấy quả thông?

Ta có phép tính nào? J 4 ë

- GV khuyến khích HS tự cl: . .. .. rucmg tự đố bạn trả lời.

1. **Hoạt động vận dụng** Bài 5

HS suy nghĩ kể tình huônử th;;c té co 'II đuno- nhén chia trrmơ *u-*

chia sẻ với các bạn.

1. **Củng cố, dặn dò**

GV hoi HS: Qua bài này. cac em biẻĩ thêm được điều gì?

-Vê nhà các em đọc lại *Bảng chia 2* và đố mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc *Báng chia 2* không. Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia trong *Bảng chia 2,* hôm sau chia sẻ với các bạn.

.ch ghi kết quả với thẻ “phép

hài (có thê sử 2 ứng với mồi

3 vào vở hoặc mg bức tranh, ' quả thông.

lia tương ứng, lấy quả thông?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc thao tác tỉm kết quả từng phép chia trong *Bảng chia 2* vận dụng *Bảng chia 2* để tính nhẩm HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán.
* Thông qua việc nhận biết phép chia từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

61 BẢNG **CHIA** 5

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Tìm được kết quả các phép tính trong *Bảng chia 5* và thành lập *Bảng chia 5.*
* Vận dụng *Bảng chia 5* để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn vói thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 5 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.
* Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép chia trong *Bảng chia 5.*

*'ang chia 2* rồi

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động
3. HS chơi trò chơi: Ôn lại *Bảng chia 5.*
4. Một HS đọc ngẫu nhiên một phép tính trong *Bảng chia 5* rồi mời bạn bất kì nêu hai phép chia tương ứng.
5. **Hoạt động hình thành kiến thức**

Bài 3

* Cá nhân dụng *Bảng chít*
* HS đôi V mỗi phép tính.

Bài 4

* Cá nhân bảng con.
* HS nói cl chẳng hạn:

+ Có 20 bạr

Ta có phér

+ Có 15 cúc

Ta có phép

*Lưu ỷ:* G Y „

khuyến khích H5

1. **Hoạt độn**

Bài 5

HS suy nehĩ chia sẻ với các hạ

1. **Củng cố,**

* GV hỏi HS
* về nhà. cái đọc thuộc *Bảng ù chia 5,* hôm sau el

(\*) Cơ hội họ

* Thông qua ' dụng *Bảng chia 5* L toán học, NL mô h
* Thông qua V tranh vẽ, HS có cơ toán học.

1. GV đặt vấn đề: Thầy/cô có phép tính 10:5 = ?

* HS thảo luận nhóm và nêu các cách tìm kết quả phép chia trên.

1-i. HS thả° lu^n và chia sẻ *cic* cách tìm quả PhéP chia (HS có thể lấy 10

châm tròn, chia đều thành 5 phần, mồi phần có 2 chấm tròn. Ta có phep chia:

10:2-5 hoặc HS dựa vào phép nhân 5x2=10. Vậy 10\*5 = 2)

* GV chốt lại cách làm.

1. HS thành lập *Bảng chia 5.*

-ỉ: thục hi^n the0 nhóm’thao Iuận tìm kết quả các phép tính trong *Bảng chìa 5*

5:5 = 10 : 5 = 15 : 5 = 20 ; 5 = 25 : 5 = .

rôi điên kêt quả vào bảng:

30 : 5 = 35 : 5 = 40 : 5 = 45 : 5 = . 50 ; 5 = .

1. GV giới thiệu *Bàng ch,a 5,* HS đọc. HS chu động ghi nhớ *Bảng chia 5* rồi đọc cho bạn nghe.
2. Chơi trò chơi “Đô bạn” trả lời các phép tính trong *Bảng chia 5.*

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

. . /'lí nhân HS tìm clua các PhéP chia nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảns chia 5* đê tìm kêt quả). s

\*• :,HS *Ếổi,* vở’ đặt câu hỏi cho nhau đọc PhẻP tính và nói kết quả tương ứng VỚI môi phép tính. & s ^

Bài 2

* HS thực hiện phép chia khi các sô có kèm đơn vị đo đã học
* HS đôi vở, chừa bài, nói cho bạn nghe cách làm

u.GV,Chữf bải’ đặt câu hỏi đê HS nhận xét nêu cách th^c hi?n’ cách ghi kết quả khi chia các sô có kèm đơn vị đo.

~ CỔtbÕ!à *chức thắnh trò chơi* ch(?n thẻ “kết quả” để gắn kết quả với thẻ “phép tính” tương ứng. F F

164

* Cá nhân HS tìm kết quả của phép nhân và phép chia nêu trong bài (có thể sử ; dụng *Bảng chia 5* đế tìm kết quả).

thể lấy 10 phép chia:

*ỉang chia 5*

* HS đôi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với

môi phép tính.

Bài 4

* Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ, viết phép chia thích hơp vào vở hoăc bảng con. '
* HS nói cho bạn nghe tình huống và phép chia phù hợp với từng bức tranh chăng hạn: ’

+ Có 20 bạn, xếp đều vào 5 vòng tròn. Mồi vòng tròn có 4 bạn

Ta có phép chia: 20 : 5 = 4.

+ Có 15 cúc áo, khâu vào mồi áo 5 cúc. Khâu đủ 3 chiếc áo.

Ta có phép chia: 15:5 = 3.

*ĩ chia 5* rồi

dụng *Bảng* rng ứng với

ahi kết quả ri thẻ “phép

*Lưu ý:* GV có thể đặt câu hỏi phát triển thêm để HS nêu phép chia tương ứng khuyen khích HS tự đặt câu hỏi tương tự đố bạn trả lời

1. **Hoạt động vận dụng**

**Bài 5**

HS suy nghĩ kê tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong *Bảng chia 5* rồi chia sẻ với các bạn.

1. **Củng cố, dặn dò**

* GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?
* Vê nhà, các em đọc lại *Bảng chia 5* và đố mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc *Bảng chia 5.* Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia trong *Bane chia 5,* hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép chia trong *Bảng chia 5* vân dụng *Bảng chìa 5* để tính nhẩm, HS có cơ hội được phát triển NLtư duy và lập luan toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toan.
* Thông qua việc nhận biểt phép chia từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

™ **62** số BỊ CHIA - SỐ CHIA - THƯƠNG

- GV

+ Vi< Số bị chia

+ H! Thương C1 2, thương

2. HS là thương

**c. Ho Bài 1.**

-HSi -HS c **Bài 2**

* HS t

-HSđ

**D. Hoẹ Bài 3.**

* Mồi 1
* HS tr luận ghép c,

-Ba Hí mà mình tìn aồm ba ngư 20:5 = 4.

**E. Củrụ**

GV hỏi em cần nhớ?

(\*) Cơ *ì*

Thông q phát triển NI

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu câu sau:

* Bước đầu biết tên gọi thành phần và kết quả của phép chia.
* Cúng cố cách tìm kết quả của phép chia.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUÁN BỊ

Các thẻ số; thẻ dấu và thẻ ghi các chừ chỉ thành phần, kết quả phép chia: số bị chia; số chia; Thương.

*VMJ* **/V/**

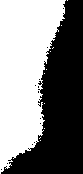
1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHU YẾU
2. Hoạt động khởi động
3. HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:

* HS *quan sát bức tranh* trong SGK. *nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh. Có 15 bạn chia đều vào 3 bàn. mồi bàn có 5 bạn.
* GV đặt câu hỏi để HS nêu phép chia: 15:3 = 5.

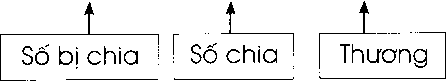
1. GV đặt vấn đề: Bài hôm nav. chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về tên gọi thành phần và kết quả của phép chia.
2. Hoạt động hình thành kiến thức
3. HS nhận biết cách tìm kết quả phép chia.

* GV gắn phép chia lên bảns, hướng dần HS gọi tên từng thành phần và kết quả của phép chia:

*Lun ý:* Trong phép chia 15 : 3, 5 là thương, 15:3 cũng gọi là thương.



15 : 3=5



* GV lấy ví dụ củng cố về tên gọi thành phần và kết quả phép chia vừa học:

+ Viết một phép chia lên bảng, chẳng hạn: 12 : 6 = 2 chỉ vào từng số, HS nêu: Sổ bị chia, số chia, thương.

+ HS viết phép chia vào bảng con khi nghe GV đọc: số bị chia; số chia; Thương của phép chia đó, chắng hạn: Viết phép chia biết số bị chia là 6, số chia là 2, thương là 3.

1. HS tự viết một phép chia rồi đố bạn nêu đâu là sổ bị chia, đâu là số chia, đâu là thương trong phép chia đó.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

p chia: số bị

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

* HS nêu số bị chia, số chia, thương trong các phép chia.
* HS chỉ và nói cho bạn nghe kết quả.

Bài 2

* HS thực hiện tìm thương với số bị chia, số chia đã cho rồi viết vào vở.

»ạt động: uan sát được

tên gọi thành

1 phần và kết

* HS đổi vở, chữa bài, nói cho bạn nghe cách làm.

1. **Hoạt động vận dụng**

Bài 3. HS chơi trò chơi “Tìm bạn” theo nhóm.

* Mồi nhóm có một bộ thẻ ghi phép nhân, phép chia và tên thành phần của nó.
* HS trong nhóm rút 1 thẻ rồi quan sát các thẻ của các bạn trong nhóm, HS thảo luận ghép các thẻ thành phép nhân, phép chia thích họp.
* Ba HS đã lập thành phép tính sẽ tạo thành nhóm: HS sẽ giới thiệu về nhóm bạn mà mình tìm được. Chẳng hạn: Xin chào các bạn, xin giới thiệu nhóm chúng mình gồm ba người bạn: số bị chia, số chia, thương và chúng mình chính là phép chia: 20 : 5 = 4.

1. Củng cố, dặn dò

GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì? Từ ngữ toán học nào em cần nhớ? Lấy ví dụ.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

Iơng.

Thông qua việc nhận biết thành phần và kết quả phép chia, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

1. MỤC TIÊU

*ầ*

1. Lớp 2C 20 : 2 = 10. Vậ;
2. Lóp 2C phép chia: 20 :

*Lưu ỷ:* Bài

yêu cầu HS trìn miệng, viết phe

**E. Củng CC**

* GV hoi H
* về nhà cá quan đến phép c

**(\*) Cơ hội ]**

Thông qua ’ àn đề, HS có o '.oá toán học. M

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Vận dụng các phép tính trong *Bảng chia* 2, *Bảng chia 5* để tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiền.
* Gọi đúng tên thành phần và kết quả phép chia. Từ một phép nhân viết được hai phép chia tương ứng.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHU YẾU

**A. Hoạt động khởi động**

1. HS chơi trò chơi: Ôn lại *Bảng chia 2*, *Bcĩng chia 5.*

f\l (~T /\

1. Một HS đọc ngầu nhiên một phép nhân bất kì rồi mời bạn bất kì nêu hai phép chia tương ứng.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

MỤC TIÊU

Học xons bí

* Vận dụng -.n huống gắn V
* Gọi đúns t
* Phát triên I

lỢl Ý CÁC *\*

**A. Hoạt độn**

HS chơi trò c r nhân bất kì

* từ phép tint

1. Cá nhân HS tìm kết quả các phép chia nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng chia* 2, *Bảng chia 5* để tìm kết quả). Sau đó. HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mồi phép tính.
2. HS chỉ vào một phép chia vừa tính được và nói cho bạn nghe đâu là số b: chia, số chia và thương.

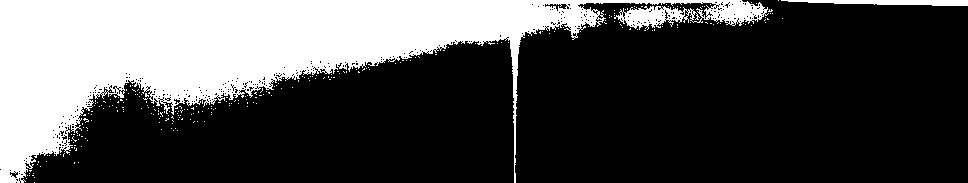
**Bài 2**

* HS đọc phép nhân và nêu hai phép chia tương ứng.
* HS chia sẻ với bạn cách quan sát, cách suy nghĩ để khi nhìn vào một pher nhân có thể viết được hai phép chia tương ứng.
* HS có thể nêu thêm các phép nhân khác đã học, đố bạn nêu hai phép ch-- tương ứng.

1. **Hoạt động vận dụng**

Bài 3. Cá nhân HS quan sát tranh, thảo luận vận dụng các phép chia đã học trả lời câu hỏi.

**168**



1. Lớp 2C có 20 học sinh, nếu chia đều thành 2 nhóm. Ta có phép chia: 20 : 2 = 10. Vậy mồi nhóm có 10 bạn.
2. Lóp 2C có 20 học sinh, nếu chia thành các nhóm, mồi nhóm 5 bạn. Ta có phép chia: 20 : 5 = 4. Vậy mồi nhóm có 4 bạn.

c~ nhẩm và giải '.hân viết được

*Liru ý:* Bài toán này chỉ yêu cầu HS vận dụng phép chia để trả lời câu hỏi, chưa yêu cầu HS trình bày như bài giải toán có lời văn. GV chỉ nên yêu cầu HS trả lời miệng, viết phép chia thích họp.

1. **Củng cố, dặn dò**

* GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?
* về nhà các em đọc lại *Bảng chia 2, Bảng chia 5.* Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia trong *Bảng chia 5,* hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

*í* '\i nêu hai phép

Thông qua việc vận dụng *Bảng chia 2, Bảng chia 5* để tính nhấm đế giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán, NL giao tiếp toán học.

**64** LUYỆN TẬP CHƯNG

í; sư dụng *Bảng* [■: : cho nhau đọc

ụhe đâu là số bị

.n vào một phép :U hai phép chia

tp chia đã học để

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Vận dụng các phép tính nhân, chia đã học đế tính nhẩm và giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.
* Gọi đúng tên thành phần và kết quả phép nhân, phép chia.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

**A. Hoạt động khởi động**

HS chơi trò chơi “Đố bạn” ôn lại các phép nhân, phép chia đâ học: HS nêu một phép nhân bất kì yêu cầu bạn trả lời và nêu được phép nhân hoặc phép chia viết được từ phép tính đó.

HSc -HS ti

**E. Củr**

-GV1 **- về** n

quan đến p

(\*) Co

Thôn 2 vấn đề, HS hoá toán hc

ĩ

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

1. Cá nhân HS tìm kết quả các phép nhân và phép chia nêu trong bài (có thể sử dụng *Bcing nhân* hoặc *Bảng chia* để tìm kết quả). Sau đó, HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.
2. HS thực hiện các phép tính nhân, chia kèm các đơn vị đo rồi đổi vở chữa bài cùng bạn.

**Bài 2**

* HS tính nhẩm chọn kết quả đúng với mồi phép tính.
* GV có thế tổ chức thành trò chơi, có thể thêm bớt các phép tính khác để HS được luyện tập tính nhẩm nhiều hơn.

**Bài 3**

s :) thích hợp.

- HS suy nghĩ chọn dấu (+,

**/A/** *C-rA*

* HS nói cho bạn nghe, đưa ra những lập luận để nói cho bạn hiểu tại sao lại chọn dấu nào, dấu nào thì thích họp.

1. MỤC TI

Học XI

* Thôi
* Thự(
* Phát

1. CHUẨĨ

-Một

* Một

1. GỢI Ý **A. Ho;**

Thực nhóm cầm có dạng kh

**Bài 4**

* Cá nhân HS thực hiện rồi đổi vở chữa bài.
* GV khuyến khích HS nêu thêm ví dụ.

Bài 5. Cá nhân HS quan sát tranh, thảo luận vận dụng các phép chia đã học để trả lời các câu hỏi như sau:

1. 30 cây, nếu trồng thành 5 hàng đều nhau. Ta có phép chia: 30 : 5 = 6. Vậy mồi hàng có 6 cây.
2. 30 cây, nếu trồng mồi hàng 5 cây. Ta có phép chia: 30 : 5 = 6. Vậy trồng thành 6 hàng.

*Lưu* ***ý:*** Bài toán này chỉ yêu cầu HS vận dụng phép chia để trả lời câu hỏi, chưa yêu câu HS trình bày như bài giải toán có lời văn. GV chỉ nên yêu cầu HS trả lời miệng, viết phép chia thích họp.

1. **Hoạt động vận dụng**

**Bài 6**

* HS quan sát tranh nêu một tình huống có phép nhân, phép chia. GV khuyến khích HS nói suy nghĩ của mình, trình bày thuyết phục.

**170**

* HS có thê nêu nhiêu tình huống khác nhau có phép nhân, phép chia.

rai (có thể sử Ị: câu hỏi cho

vơ chữa bài r. khác để HS ẻu tại sao lại

lia đã học đế

5 = 6. Vậy

6. Vậy trồng

:ảu hỏi, chưa :U HS trả lời

* HS tìm thêm tình huống có phép nhân, phép chia trong thực tế.

1. Củng cố, dặn dò

* GV hỏi HS: Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?
* **về** nhà, các em đọc lại *Bảng chia* 2, *Bảng chia 5.* Tìm tình huống thực tế liên quan đến phép chia trong *Bảng chia 5,* hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

**65 khối trụ - KHỐI CẦƯ**

I. MỤC TIÊU

Thông qua việc vận dụng *Bảng chia 2*, *Bảng chia 5* để tính nhẩm và giải quyết vân đê, HS có cơ hội được phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học, NL sử dụng phương tiện, công cự học toán, NL giao tiếp toán học.

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau: J

* Thông qua vật thật và đồ dùng trực quan nhận dạng khối trụ và khối cầu. *\**
* Thực hành đếm số hình trong một tổ hợp các hình.
* Phát triên các NL toán học. *\**

1. CHUẨN BỊ

* Một số đồ vật có dạng khối trụ và khối cầu.
* Một số khối trụ và khối cầu bằng gồ hoặc bằng nhựa.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YỂU
2. Hoạt động khởi động

Thực hiện theo nhóm, HS đặt các đồ vật đã chuẩn bị lên bàn, các bạn trong nhóm cầm đồ vật, chia sẻ hiểu biết về hình dạng của đồ vật đó. Chẳng hạn: Hộp sữa có dạng khối trụ; Quả bóng có dạng khối cầu.

***t\Ị CtA***

1. **Hoạt đội**

Bài 4. HS tl

trụ hoặc khối ca

1. **Củng cố**

* Bài học hi “Từ ngữ to
* về nhà, e **cầu; những đồ V** sẻ với các bạn.
* Em có thé **(\*) Cơ hội**
* Thông qu mô hình hoá toá
* Thông qu được phát triên
* Thông qu học HS có cơ h(

• **”**

**6$**

1. MỤC TIÊU

Học xong t

* Thực hàn
* Phát triên

1. CHUẨN BỊ

* Một số đ khối trụ và khối

1. **Hoạt động hình thành kiến thức**
2. GV hướng dẫn HS thực }-1Vr. .... "0

* HS đặt các đồ vật đà chuAr. 'r: er 'ri: dạng giống hộp sữa vào tron í

có dạng giống quả bóne vào tre 7.- „•

* HS cầm khối trụ và khỏ: ~I"\_- \_ hình khối cầu rồi quan sa:. \c.:..

“Đây là khối cầu”.

* HS lây ra một sô đỏ \ A: h; i. •. - -

sắc và kích thước khác rỏi r.o:. "ÌN.". ^

* HS đối chiếu các đỏ •. Ị: :: . ... -; -

trụ và khối cầu có trone SGỈV :: ■ - . \_ -1' trụ”, “Quả bóng rổ này co dụ'V - . \_ \_

1. HS tiếp tục thực hár.h . -- - . và có dạng hình khối câu.

HS nhắm mắt 30 £Ìàv - \_• - \_ - -

**c. Hoạt động thực hàn**

**Bài 1.** Thực hiện theo dạng khối trụ, đồ vật nao .: Quả bóng có dạng khối cà..

HS có thể kể thêm cac i

Bài 2. HS sử dụne cac • khối trụ, khối cầu), mời ba:: .

**Bài 3**

* HS quan sát mồi hinh .; chừ nhật rồi chỉ và nói cho r\_:
* Cá nhân HS suv nsh;. '. khối lập phương, khối trụ. k;-.: hình theo ý thích.
* HS mời bạn xem hình của mình.
* GV khuyến khích HS

: độne sau:

Nhin hộp sữa và sắp xếp các đồ vật có Nhin quả bóng và sắp xếp các đồ vật

: oâc bãng nhựa có dạng hình khối trụ, -¿c khối và nói: “Đây là khối trụ”;

: :: cạng khối trụ và khối cầu với màu cảu".

" “ 01 ơ trên với hình ảnh vẽ các khối

- ''Hộp bút chì màu có dạng khối

- các đồ vật có dạng hình khối trụ h ỏ i trụ, khối cầu trong đầu.

-.oi cho bạn nghe đồ vật nào có hạn: Hộp sữa có dạng khối trụ;

'.ọc có dạng khối trụ, khối cầu.

nộp chừ nhật, khối lập phương, M nào lăn được.

: câu. khối lập phương, khối hộp

đã học (như khối hộp chừ nhật, :ac hình tương tự SGK hoặc các

.ho bạn nghe ý tưởng ghép hình

1. **Hoạt động vận dụng**

Bài 4. HS thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm: Ke tên các đồ vật có dạng khối trụ hoặc khối cầu trong thực tế; Chia sẻ trước lóp.

1. **Củng cố, dặn dò**

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
* **về** nhà, em hãy quan sát xem những đồ vật nào có dạng khối trụ hoặc khối

cầu; nhữnp, đồ vật nào có dạng khối hộp chừ nhật, khối lập phương đế hôm sau chia

sẻ với các bạn.

* Em có thể tự đánh giá bằng cách thực hiện trong vở bài tập.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát, nhận dạng hình, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học.

\*

* Thông qua việc lắp ghép tạo hình mới từ các khối hình đã học, HS có cơ hội

được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán. ^

* Thông qua việc trình bày ý tưởng, đặt câu hỏi và trả lời về các khối hình đã « học HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**66** THựC HÀNH LẮP GHÉP, XEP **hình** KHốI

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Thực hành lắp ghép, xếp hình khối.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Một số đồ vật thật, vỏ hộp,... có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ và khối cầu.
* Một số khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ và khối cầu bằng gồ hoặc bằng nhựa.
* GV khuyế định xếp như vậ>

*Lưu ỷ:* Tron thì các nhóm sư (

**E. Củng cố.**

* Bài hôm n
* Nếu được

(\*) Cơ hội *Y*

* Thông quí NL mô hình hoá

í' - Thông quỉ

được phát triên'

* Thông qu; đã học, HS có cc

IV. LƯU Ý CHC

Bài này đưc sáng tạo với các

I. MỤC TIÊU

Học xong b

* Nhận biết
* Nhận biêi đêm hôm sau).
* Biết các t
* Thực hàn 23 giờ,...
* Có ý thú thường ngày.
* Phát triê

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. **Hoạt động khởi động**

Thực hiện theo nhóm, HS đặt các đồ vật đã chuấn bị lên bàn. Cùng nhau xếp riêng các đồ vật ra thành từng loại khối lập phương, khối hộp chừ nhật, khối trụ và khối cầu. Các bạn trong nhóm cầm đồ vật, chia sẻ hiểu biết về hình dạng của đồ vật đó. Chẳng hạn: Hộp bánh có dạng khối hộp chừ nhật; Quả bóng có dạng khối cầu.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

* HS xem tranh và đếm có bao nhiêu khối lập phương, khối hộp chừ nhật, khối **trụ và khối cầu.**
* HS chia sẻ với bạn và cùng nhau đếm để kiểm tra kết quả.

Bài 2. Thực hiện theo nhóm:

1. HS xem hình rồi cùng bạn đặt và trả lời các câu hỏi như trong SGK. Sau đó, đại diện một hoặc hai nhóm chia sẻ trước lớp. Các bạn dưới lớp đặt thêm các câu hỏi cho nhóm trình bày. Chẳng hạn: Bên phải của khối lập phương là khối gì?
2. HS lấy các khối hình trong bộ đồ dùng ra xếp theo thứ tự như trên. Hai bạn ngồi cạnh nhau kiểm tra xem bạn xếp hình đã đúng thứ tự chưa.

Bài 3. Chơi trò chơi “Đổ bạn tìm hình":

* HS bịt mắt và tìm đúng hình theo yêu cầu của bạn.
* Ai đúng được nhiều hình hơn thì người đó thắng cuộc.

**Bài 4**

* Cá nhân HS suy nghĩ, sử dụng các khối hình đã học (như khối hộp chữ nhật, khối lập phương, khối trụ, khối cầu) để ghép thành các hình như gợi ý hoặc các hình theo ý thích.
* HS mời bạn xem hình mới ghép được và nói cho bạn nghe ý tường ghép hình của mình. GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn.

1. **Hoạt động vận dụng**

**Bài 5**

* HS dùng các khối hình như trong SGK thảo luận nhóm để xếp hình, nhóm nào xếp được cao hơn, chắc hon thì thắng cuộc.
* GV khuyến khích HS chia sẻ ý tưởng xếp hình của mình, lí do nhóm quyết định xếp như vậy để hình cao hơn chắc hơn.

?ãng gồ

:nau xếp :ó; trụ và -.'i đồ vật LT.ôi câu.

hật, khối

. Sau đó, c câu hỏi

Hai bạn

*Lưu ý:* Trong trường hợp không có các khối hình như trong SGK để lắp ghép thì các nhóm sử dụng các khối hình mình mang để xếp, ghép.

1. **Củng cố, dặn dò**

* Bài hôm nay, em thích nhất là hoạt động nào?
* Nếu được rút kinh nghiệm để lần sau làm tốt hơn thì em sẽ làm gì?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát, nhận dạng khối hình, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học.
* Thông qua việc lắp ghép tạo hình mới từ các khối hình đã học, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.
* Thông qua việc lắp trình bày ỷ tưởng, đặt câu hỏi và trả lời về các hình khối đã học, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học, GV tổ chức hoạt động cho HS lắp ghép sáng tạo với các khối hình.

**67**

**NGÀY - GIỜ**

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

:hừ nhật, các hình

:hép hình

ìh, nhóm

* Nhận biết đơn vị đo thời gian: ngày, giờ.
* Nhận biết 1 ngày có 24 giờ (được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau).
* Biết các buổi và tên gọi các giờ tương ứng (các buổi) trong một ngày.
* Thực hành xem giờ đúng trên đồng hồ. Đọc được giờ lớn hơn 12 giờ: 17 giờ, 23 giờ,...
* Có ý thức sử dụng thời gian họp lí cho các hoạt động học tập, sinh hoạt thường ngày.
* Phát triển các NL toán học.



1. CHUẨN BỊ

+ GV chốt lạ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sáng** |  |
| **Trưa** |  |
| **Chiều** |  |
| **Tối** |  |
| **Đêm** |  |

* GV chuẩn bị mặt đồng hồ có thể quay được kim phút và kim giờ. Mồi bàn HS mang đến một đồng hồ kim.
* Phiếu bài tập, tranh tình huống như trone SGK.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CHU YÉU
2. Hoạt động khởi động
3. HS hát và vận động theo nhịp bài hát co nội dung liên quan đến đồng hồ, thời gian.

3. Thực hàni

Thực hành ú chú ý những 210

**c. Hoạt độr**

Bài 1. Thực

1. HS quay 1 SGK, mồi lần qu **đã quay đúng chì**
2. Thực hiệr

HS quay kir chiều nên quay k

Bài 2. HS th

* Đọc giờ đi
* Giải thích
* GV nên đi

Bài 3. HS th

* Xem tranh

-Nói cho bí

* GV khuyế động theo thời si
* Đại diện 1T

1. Nói cho bạn nghe các hoạt động diền ra trona ngày, chẳng hạn: Buổi sáng tớ thức dậy lúc 6 giờ,...

GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ và cảm nhận được nhịp sinh hoạt lặp đi lặp lại của thời gian hết ngày này sang ngày khác, sána. trưa, chiều, tối, đêm.

**f\/** *ctA*

1. HS quan sát tranh, thảo luận nhóm vẻ nhữníi thông tin ghi trên bảng tin và trả lời câu hỏi 14 giờ chiều là mấy giờ?
2. Hoạt động hình thành kiến thức
3. Nhận biết 1 ngày = 24 giờ

* HS chia sẻ 1 ngày có bao nhiêu giờ?
* GV giới thiệu 1 ngày = 24 giờ; 24 giờ trona một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.
* GV sử dụng đồng hồ quay kim đồng hồ hai vòng minh hoạ 24 giờ (hoặc chiếu cho kim phút quay hết một vòng kim giờ di chuvên thêm 1 giờ). HS đếm giờ theo thao tác của GV: 1 giờ, 2 giờ,..., 11 giờ, 12 giờ. 13 giờ, 14 giờ,..., 24 giờ.

1. Nhận biết tên các buổi và thời gian các buôi trong ngày

HS thực hiện các thao tác:

+ Thảo luận nhóm rồi viết giờ thích họp với các buổi trong ngày:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sáng | Trưa | Chiều | Tối | Đêm |
| 1. giờ sáng 2. giờ sáng |  |  |  |  |

+ Đại diện nhóm trình bày.

+ GV chốt lại giới thiệu các buối và thời gian các buôi trong ngày.

|  |  |
| --- | --- |
| **Sáng** | 1 giờ sáng, 2 giờ sáng, 3 giờ sáng, 4 giờ sáng, 5 giờ sáng, 6 giờ sáng, 7 giờ sáng, 8 giờ sáng, 9 giờ sáng, 10 giờ sáng. |
| **Trưa** | 11 giờ trưa, 12 giờ trưa. |
| Chiều | 1 giờ chiều (13 giờ), 2 giờ chiều (14 giờ), 3 giờ chiều (15 giờ), 4 giờ chiều (16 giờ), 5 giờ chiều (17 giờ), 6 giờ chiều (18 giờ). |
| **Tối** | 7 giờ tối (19 giờ), 8 giờ tối (20 giờ), 9 giờ tối (21 giờ). |
| Đêm | 10 giờ đêm (22 giờ), 11 giờ đêm (23 giờ), 12 giờ đêm (24 giờ). |

1. Thực hành xem đồng hồ và đọc giờ lớn hơn 12 giờ.

Thực hành theo nhóm, mồi HS quay kim trên mặt đồng hồ giấy, rồi đọc kết quả, chú ý những giờ lớn hơn 12 chẳng hạn: 17 giờ, 20 giờ,...

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1. Thực hiện theo cặp:

1. HS quay kim trên mặt đồng hồ đế đồng hồ chỉ đúng giờ theo yêu cầu trong SGK, mỗi lần quay kim, đưa cho bạn xem, đọc giờ và cùng bạn kiểm tra xem cả hai đã quay đúng chưa, đã đọc đúng giờ chưa.
2. Thực hiện tương tự như phần a.

HS quay kim đồng hồ và giải thích cho bạn nghe, chẳng hạn: 13 giờ là 1 giờ chiều nên quay kim giờ chỉ vào số 1, kim phút chỉ vào số 12.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác sau:

* Đọc giờ đúng trên đồng hồ kim và đồng hồ điện tử.
* Giải thích cho bạn nghe.
* GV nên đưa thêm một số trường hợp khác để rèn kĩ năng xem giờ cho HS.

Bài 3. HS thực hiện các thao tác sau:

* Xem tranh, đọc các câu ghi giải thích bức tranh rồi chọn đồng hồ thích họp.
* Nói cho bạn nghe kết quả.
* GV khuyến khích HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp: sắp xếp lại thứ tự hoạt động theo thời gian cho hợp lí và kế thành một câu chuyện theo các bức tranh.
* Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.

**,** í

1 co

Học xong bài na

* Nhận biết đượ
* Đọc được giò
* Cảm nhận mỏ quen quý trọng thời
* Phát triển các

1. CHUẨN BỊ

* GV chuẩn bị 1 mang đến một đôn ị.
* Phiếu bài tập

1. GỢI Ý CÁC H' **A. Hoạt động**
2. HS chia se t trong ngày của em như thế nào, chăm em đi học đúng gi'
3. Nói cho bạ thức dậy lúc 6 giờ
4. HS quan Sí

*+* Trên mặt đ<

+ Các chấm t

HS *đếm các* to là các vạch nh(

**B. Hoạt độn**

1. Nhận biết - HS quay k vạch to.

• giup các bạn nhỏ đoán xem các bạn dirợc một phiếu có các đồng hô như ’ bạn trong nhóm biết mình đang

- ¿1° Điều đó giúp gì cho cuộc sống?

Ị\lCrA

èu sì?

c;: vào đối tượng HS của lớp mình.

* hạn tiết 1 có thể kết thúc khi hết > thuc khi hêt bài tập 1 •

nhặn được sự kết nối giữa toán học : \_ia cua thời gian.

* HS la rất khác nhau. Một sô HS gặp 0 : -n hướng kĩ và tố chức cho HS thực

1-

- = ' HSInvêntâp kì nãns đọc giờ đúng ưui—.e,---

*Lưu ý;m^ lầy* glvúp ^ *¿1\*11* HS cam nhạn được sự tương ứng giữa các sự kiện diễn ra trong ngày. **Qua** đo, giup 03 1 ụ V .

giờ cụ thể với các hoạt động diên ra vào gio

**D. Hoạt động vận dụng**

Bài 4. Chơi trò chơi “Đồng hồ bí ân' :

* HS quan sát các đồng hồ trong SGk : đang nói đến đồng hồ nào.
* HS thực hiện theo nhóm, mồi nhom nha:

trong SGK. ^

* HS đọc giờ và đưa ra những câu ho: ví«;

nói đến đồng hồ nào trong phiêu.

**E. Củng cố, dặn dò**

* Bài học hôm nay, em đã học thèm duc
* Từ ngữ toán học nào em cân chu }

Đẻ xem đồng hồ chính xác. em nha:

nhiìt triên năng lực cho học sinh *(\*)* **Cơ hội học tập trải nghiệm** Naphat **gụ** - V

**u** *A'* **o thi c** hanh cv.-r. **-I. trao đôi, chia sẻ ý kiến về xem**

Thông qua các hoạt động h. n.. - - ^ ^ có cơ hội được phát triển

đồng hồ tại các thời điêm gan VƠI sin - ^ - ••• - .rá ¿ụng công cụ, phương

NLgiao tiếp toán học, NL giải quyet “7 ; 7,;^;^; ¡¿¡ng săn sàng hợp tác và

**tiện học toán. Kích thích trí tò** mò **cua H> ^** cjTgiừa **tòán học** va **CUỘC sống.**

giao tiếp với người khác và cảm nhận g ■

IV. LƯU Ý CHO GIẢO VIÊN

* Bài này được thiết kế cho 2 tiet nọ: GV có thể phân bổ thời gian cho phu ncT hoạt động hình thành kiến thức, cũng cọ \*.
* GV cần tô chức hoạt động giup

và cuộc sổng qua đó học sinh cam nha!. >

* Hiêu biết về giờ giấc sinh hoạt c ...: khó khăn khi đọc các giờ lớn hơn 12 £V. hành đọc ỉần lượt 13 giờ, 14 giờ....

Ị 68 GIỜ - PHỨT

hô và các giữa các

' ỉ. MỤC TIÊU

ị Học xong bài này, HS **đạt** các yêu cầu sau:

* Nhận biết được 1 giờ có 60 phút.

rm các bạn ¿na hồ như "lình đang

:uộc sống?

inh

:èn về xem c phát triên cụ. phươns *Ị* hợp tác và cuộc sống.

a lớp mình, huc khi hết

ìa toán học

: số HS gặp ho HS thực

* Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6.

! - Cảm nhận môi liên hệ chặt chẽ giữa thời gian và cuộc sống, hình thành thói

Ị quen quý trọng thời gian.

* Phát triển các NL toán học.

1. CHUÁN BỊ

* G V chuân bị mặt đồng hồ có thể quay được kim phút và kim giờ. Mồi bàn HS ị mang đến một đồng hồ kim.
* Phiếu bài tập, tranh tình huống như trong SGK.

I III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CHU YẾU

**'** *\**

1. Hoạt động khởi động
2. HS chia sẻ theo nhóm một số thông tin về một số hoạt động gắn với thời gian Ị

trong ngày của em. Nói cho nhau nghe đồng hồ giúp ích cho cuộc sống con người *\**

như thê nào, chăng hạn đồng hồ cho chúng ta biết điều gì (thời gian, đồng hồ nhắc

em đi học đúng giờ,...).

1. Nói cho bạn nghe các hoạt động diễn ra trong ngày, chăng hạn: Buổi sáng tớ thức dậy lúc 6 giờ,...
2. HS ***quan*** *sát* đồng hồ thảo luận và chia sẻ trong nhóm: *m* + Trên mặt đồng hồ có gì?

; + Các chấm trên mặt đồng hồ có ý nghĩa gì? •

HS *đếm các vạch* trên mặt đồng hồ để nhận biết có 12 vạch to. Giữa hai vạch to là các vạch nhò. Có tât cả 60 vạch.

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. Nhận biết 1 giờ = 60 phút

* HS quay kim phút một vòng (60 vạch) và quan sát kim giờ dịch chuyển một vạch to.

b) Thực ]

HS qua} 1 giờ 30 phút

**Bài 3. H**

* Xem tr
* Nói ch

-GVkh

+ Sắp Xt chuyện theo

* Đại dit

*Lưu ỷ:* I

kiện diễn ra t cụ thế với cá

**D. Hoạt**

**Bài 4**

* HS đọ của các địa đ

-GV đặ Hà đến bể bc

* HS chi địa điểm troi

**E. Củni**

* Bài họ
* Từ 1121
* Đe xei

**(\*) Cơ l**

Thông c đồng hồ tại c NL giao tiếp tiện học toán giao tiếp với

11

10

■'10

9

**-H**

3- 15

7 <?

30

*r\ỉ c~tA*



* GV giới thiệu cách đọc giờ: 9 giờ 15 phút; yêu cầu HS đọc lại.
* GV quay kim đồng hồ ở vị trí 9 giờ 15 phút. GV yêu cầu HS đọc và quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ 9 giờ 15 phút.
* GV và HS thực hiện tương tự với trường hợp kim phút chỉ vào số 6. GV quay kim đồng ho ở vị trí 9 giờ 30 phut. GV yêu cầu HS đọc và quay kim đồng hồ để đồng ho chỉ 9 giờ 30 phút. GV giới thiệu: “9 giờ 30 phút” hay còn gọi là “9 giờ rưỡi”.

3. Thực hành xem đồng hồ với một số đồng hồ khác có kim phút chỉ vào sô 3, 6, 12.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1**

* HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp/nhóm bàn: Mỗi đồng hồ chỉ mấy giờ?
* Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.
* GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ cách xem đồng hồ trong mỗi trường họp.

Bài 2. Thực hiện theo cặp:

a) HS quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ đúng giờ theo yêu cầu trong SGK mỗi lan quay kim, đưa cho bạn xem, đọc giờ và cùng bạn kiêm tra xem cả hai đã quay đúng chưa, đã đọc đúng giờ chưa.

* GV chiếu slide mô tả kim phút quay một vòng thì kim giờ dịch chuyên thêm một vạch to.
* GV nhận xét: 1 giờ = 60 phút.
* GV gọi HS nhắc lại.

2. Đọc giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6

* GV yêu cầu HS thực hiện các thao tác:

+ Quay kim đồng hồ chỉ 9 giờ đúng; quan sát đồng hồ và đọc giờ trên đồng hồ. **+ Quay kim phút chỉ vào số 3; trả lời câu hỏi: Kim phút đã chạy được bao nhiêu** phút từ số 12 đến số 3?

'Ì1 12 Í\l0 no *2\*

3-, 15

4.Í 5 *3* 20

\* 25

M7 6 ' \_ 1

1. Thực hiện tương tự như phần a.

uyên thêm

HS quay kim đồng hồ và giải thích cho bạn nghe, chẳng hạn: 13 giờ rưỡi là 1 giờ 30 phút chiều nên quay kim giờ chỉ vào số 1, kim phút chi vào số 6.

Bài 3. HS thực hiện các thao tác sau:

* Xem tranh, đọc các câu ghi giải thích bức tranh rồi chọn đồng hồ thích hợp

n đồng hồ. : bao nhiêu

* Nói cho bạn nghe kết quả.
* GV khuyến khích HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp:

+ Sắp xếp lại thứ tự hoạt động theo thời gian cho hợp lí và kể thành một câu chu) ện theo các bức tranh.

* Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.

*Lưu ý:* Bài tập này giúp HS luyện tập kĩ năng đọc giờ trên đồng hồ và các sự kiện diễn ra trong ngày. Qua đó, giúp HS cảm nhận được sự tương ứng giữa các giờ cụ thế với các hoạt động diễn ra vào giờ đó.

1. **Hoạt động vận dụng**

a quay kim

S. GV quay hồ để đồng ờ rưỡi”.

11 vào số 3.

Bài 4

* HS đọc thông tin trong SGK và nói cho bạn nghe về giờ mở cửa, đóng cửa cúa các địa điểm trong bức tranh.
* GV đặt thêm các câu hỏi để HS liên hệ với hoạt động thực tiền, chẳng hạn nếu Hà đến bể bơi trẻ em lúc 16:00 thì em có nhận xét gì?
* HS chia sẻ cho bạn nghe những thông tin về giờ đóng cửa, mở cửa của nhũng địa điểm trong thực tế cuộc sống.

1. **Củng cố, dặn dò**

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho cuộc sống?

iy giờ?

**2 họp.**

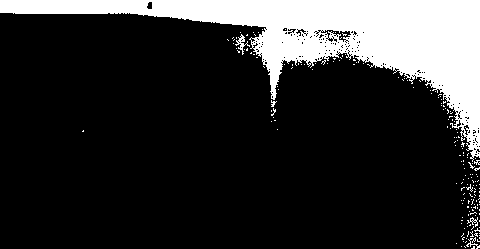
u cầu trong xem cả hai

* Từ ngừ toán học nào em cần chú ý?
* Đe xem đồng hồ chính xác, em nhắn bạn điều gì?

**(\*) Co' hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

Thông qua các hoạt động thực hành quan sát, trao đổi, chia sẻ ý kiến về xem đồng hồ tại các thời điếm gắn với sinh hoạt hằng ngày, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác và cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

181



* Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS của lớp mình, GV có thể phân bổ thời gian cho phù họp. Chẳng hạn, tiết 1 có thể kết thúc khi hết hoạt động hình thành kiên thức, cũng có thê kêt thúc khi hêt bài tập 1.
* HS thực hi trên tờ lịch cho bí

**c. Hoạt độr**

**Bài 1**

* HS quan
* HS đặt cài

1. Tháng 10
2. Neày 20 1
3. HS đọc V.

**Bài 2**

* HS đặt cả’.
* Đại diện n
* GV đặt cả lịch trong bài.

**Bài 3**

HS quan 5:

* HS có thẻ *ỉ*

1. **Hoạt độr**

Bài 4. HS th

* Thực hành sự kiện đặc biệt 1
* Chia se vó

1. **Củng cố,**

* Bài học hỏi
* Từ ngừ toí

**(\*) Cơ hội h**

Thông qua c xem lịch, HS có I toán học, NL sư về toán học, tăn2 sự kết nối chặt cl

* GV cần tố chức hoạt động giúp HS cảm nhận được sự kết nối giữa toán học và cuộc sống qua đó học sinh cảm nhận sự quý giá cúa thời gian.

69 NGÀY - THÁNG

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Nhận biết đơn vị đo thời gian: ngày, tháng.
* Biết đọc tên các ngày trong tháng.
* Biết xem lịch đế xác định số ngày trong tháng nào đó và xác định một ngày nào đó trong tháng là thứ mấy trong tuần.

**h**

* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẦN BỊ

Một số tờ lịch tháng.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHU YẾU
2. Hoạt động khởi động

* Quan sát tranh khởi động, nói tranh vẽ gì.
* HS quan sát tờ lịch tháng này, thảo luận nhóm và chia sẻ những thông tin biết được từ tờ lịch tháng đó.

1. Hoạt động hình thành kiến thức

* GV treo tờ lịch tháng Tư như trong SGK, giới thiệu: Đây là tờ lịch tháng 4.
* GV hướng dẫn HS đọc các thông tin trên tờ lịch tháng 4:

+ Tháng 4 có 30 ngày.

+ Ngày 13 tháng 4 là thứ Tư.

+ Ngày 30 tháng 4 là thứ Bảy.

* HS thực hành xem lịch: HS lấy một tờ lịch tháng, thực hành đọc các thông tin trên tờ lịch cho bạn nghe, chẳng hạn: Tháng 5 có 31 ngày. Ngày 1 tháng 5 là Chủ nhật.

mình.

.hi hết

i:: học

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1**

-HS quan sát tờ lịch tháng 10, chi và nói cho bạn nghe: Đây là tò' lịch tháng 10.

* HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp:

1. Tháng 10 có 31 ngày.
2. Ngày 20 tháng 10 là thứ Năm.
3. HS đọc và viết các ngày được khoanh trên tờ lịch vào vở.

**Bài 2**

* HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp.
* Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lóp.
* GV đặt câu hỏi liên hệ với các sự kiện liên quan đến các ngày trong các tờ

: ntiàv

lịch trong bài. '

**Bài 3**

* HS quan sát lịch dự báo thời tiết trong tháng 7 và thảo luận, trả lời các câu hỏi. \*
* HS có thể đặt thêm các câu hỏi về những thông tin có thể xem được từ tờ lịch đó. \

1. **[Hoạt động vận dụng](#bookmark40" \o "Current Document) *["](#bookmark40" \o "Current Document)***

Bài 4. HS thực hiện các thao tác:

* Thực hành lấy một tờ lịch tháng rồi đánh dấu và ghi chú vào những ngày có ^ sự kiện đặc biệt trong tờ lịch của em.
* Chia sẻ với bạn những thông tin đặc biệt đó. —

:n biết mg 4.

1. **Củng cố, dặn dò**

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho cuộc sống? •
* Từ ngừ toán học nào em cần chú ý?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh *m***

Thông qua các hoạt động quan sát, trao đối, nhận xét, chia sẻ ý kiến về cách xem lịch, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sằn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác và cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

***l\ICrA***

**Bài 3.**

HS qi ' jK. môi :! qua> di

**Bài 4**

* HS (
* Dai

-GV

~.è dên câc

1. **Ho**

**Bài 5**

* HS .
* Trac

GV >ông, dôi 1 :nông tin ^

1. **Cù**

* Bài
* Dê (

(\*) *Ci*

Thôrn xem dông quyêt vân môcùa Hi cam nhân

IV. LUXJ ^

Bài n: gian và tô 3; Tiêt 2 g

1. MUC TIÊU

Hoc xong bài này, HS dat cac \_

* Cüng cô kï nàng xem dông **h** : • nàng xem lich và xâc dinh sô nga;. thâng là thvr mây trong tuân.

-Vân dung kl nàng xem dông ho. . \_ ~

* Phât triên câc NL toân hoc.

1. CHUÀN BI

Dông hô quay dirçc kim già và k::r ~ ■

1. GOI Ÿ CÂC HOAT DÔNG DAV r : : **A. Hoat dông khài dông**

HS chai tro chai “Dô ban” theo r.h doc già dô theo câch khâc. Chàng haï:. - > lài: 13 già hay 1 già chiêu.

1. Hoat dông thipc hành, luyên **tàp** Bài 1

* HS thirc hiên câc thao tâc sau:

+ Doc cac câu mô tà tinh huông lié:: j chon dông hô thich hçyp vài môi câu.

+ Nôi cho ban nghe kêt quà.

* GV khuyên khich HS dàt câu ho: diêm dô trong ngày em thuàng làm gi ?

Bài 2

* HS doc thông tin trong SGK noi c h : dông cira ngân hàng.
* HS quan sât câc dông hô chon câu j.
* GV dàt thêm câc câu hôi dê HS liêr. : ma cira cüa nhùng dia diêm trong thuc té c

184

chi vào sô 3, 6, 12. Cüng cô kï ,ic dinh mot ngày nào dô trong

:ai quyêt vân dê trong cuôc sông.

: ::iang. **Y EU**

:op: H S doc mot già rôi dô ban 5 già côn goi là mây già, ban trà

thài gian, quan sât dông hô rôi

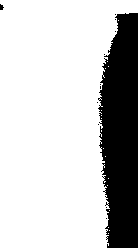
heo câp hoâc chia sé xem *à* thài

- \_he \ ê già vào hoc và già mà cira,

. sai và giâi thich tai sao.

nhùng thông tin vê già dông cira,

>ong.



**Bài 3.** Thực hiện theo cặp:

HS quay kim trên mặt đồng hồ đế đồng hồ chỉ đúng giờ theo yêu cầu trong ' jK. mồi lần quay kim, đưa cho bạn xem, đọc giờ và cùng bạn kiếm tra xem cả hai : ' quay đúng chưa, đã đọc đúng giờ chưa.

**Bài** 4

* HS đặt câu hói và trả lòi theo cặp.
* Đại diện một vài cặp HS chia sẻ trước lớp.
* GV đặt câu hỏi để HS nói cách tính ngày sinh nhật Liên là thứ mấy, từ đó liên
* -- đèn cách xem lịch và tính ngày trong thực tiễn.

1. Hoạt động vận dụng

**Bài 5**

* HS quan sát mảnh của tờ lịch, suy nghĩ lập luận trả lời câu hỏi.
* Trao đồi với bạn câu trả lời của mình.
* GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ cách giải quyết vấn đề khi xem lịch trong cuộc ■ đôi khi chúng ta có thể dựa vào những thông tin đà biết đế biết được những :i2 tin về ngày khác.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?
* Để có thể làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

Thông qua các hoạt động quan sát, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến về cách --:n đồng hồ, xem lịch, HS có cơ hội được phát triến NL giao tiếp toán học, NL giải . -Vẻt vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Kích thích trí tò

* : cua HS về toán học, tăng cường sẵn sàng hợp tác và giao tiếp với người khác và ’1 nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc trình độ HS, GV phân bổ thời - -n và tổ chức các hoạt động cho phù hợp. Chăng hạn: Tiết 1 gồm các bài tập 1, 2, Tiết 2 gồm các bài tập 4, 5.

**" 71** EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

Bài 4. Cá nh

từ những khối hii khối trong tranh

Bài 5. HS th

* Quan sát r
* Quan sát *\* tình huống bức t 20 giờ 30 phút.
* GV đặt Cí thời điểm.

1. **Hoạt đội**

**Bài 6**

* HS đặt câ
* Đại diện 1
* GV đặt c; tháng, chẳng hại
* HS liên h nay đến nhừnơ I cho nhanh cho c

1. **Củng cc**

* Bài học h
* Đe có thè
* Đe tính r thế nào?

(\*) Co' hội

* Thông qu giải quyết vấn c quyết vấn đề th NL mô hình ho
* Thông qi phát triển NL h

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu câu sau:

* Củng cổ kĩ năng vận dụnrr các phép tính trong bảng nhân, bảng chia đã học vào thực hành tính nhẩm và giái quyết vấn đê.
* Củng cố kĩ năng nhận dạng khối trụ, khối cầu.
* Cung cố kĩ năng xem đồng hồ khi kim phút chi vào số 3, 6, 12; xem lịch và xác định số neày trong tháng, xác định một ngày nào đó trong tháng là thứ mây trong tuần và vận dụng vào giải quyêt vân đê.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

**A. Hoạt động khởi động**

HS chơi trò chơi “Truyền điện” theo nhóm hoặc cả lớp ôn lại các bảng nhân, bảng chia đã học.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1**

* HS thực hiện tính nhẩm để tìm kết quả các phép tính nhân, chia nêu trong bài.
* GV có thể nêu các phép tính khác để HS trả lời.

Bài 2. Thực hiện theo cặp:

1. HS đọc phép nhân trong SGK hoặc nêu một phép nhân bất kì đã học, đố bạn chỉ ra trong phép nhân đó đâu là thừa sô, đâu là tích.
2. HS đọc phép chia trong SGK hoặc nêu một phép chia bất kì đã học, đố bạn chỉ ra trong phép chia đó đâu là sô bị chia, đâu là sô chia, đâu là thương.

**Bài 3**

* HS quan sát tranh nêu một tình huống có phép nhân, phép chia. GV khuyến khích HS nói suy nghĩ của mình, trình bày thuyết phục.
* HS có thể nêu nhiều tình huống khác nhau có phép nhân, phép chia.
* HS tìm thêm tình huống có phép nhân, phép chia trong thực tế.

Bài 4. Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh được tạo thành

từ những khối hình nào? Có bao nhiêu khối hình mồi loại? (HS đếm tòng loại hìni

khối trong tranh vẽ rồi ghi kết quả vào vở).

Bài 5. HS thực hiện các hoạt động sau:

hia đã học

em lịch và thứ mấy

bang nhân.

‘U trong bài.

học, đố bạn học, đố bạr.

ơ

GV khuyến hia.

* Quan sát rồi nói cho bạn nghe mồi đồng hồ chi mấy giờ.
* Quan sát kĩ bối cảnh bức tranh để đọc giờ trên đồng hồ đúng với thời điêm tình huống bức tranh mô tả. Chẳng hạn: Bạn An đánh đàn lúc 8 giờ 30 phút tối hay 20 giờ 30 phút.
* GV đặt câu hòi để HS nêu lập luận, lí lẽ về căn cứ giúp HS đọc giờ đúng thời điêm.

1. **Hoạt động vận dụng**

Bài 6

* HS đặt câu hỏi và trả lời theo cặp.
* Đại diện một vài cặp chia sẻ trước lớp.
* GV đặt câu hòi để HS chia sẻ thông tin về những sự kiện có trong tờ lịch tháng, chẳng hạn: Sinh nhật Bác Hồ là ngày nào? Vào thứ mấy trong tuần?
* HS liên hệ đến những ngày có sự kiện trong tháng này và tính xem từ hôm nay đến những ngày có sự kiện đó là bao nhiêu ngày. HS chia sẽ đế rút ra cách tính cho nhanh cho dề.

1. **Củng cố, dặn dò**

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?
* Để có thể làm tốt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?
* Để tính ngày trong tháng mà không cần nhìn vào tờ lịch chúng ta nên làm thế nào?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua các hoạt động vận dụng các bảng nhân, bảng chia đê tính nhâm và giải quyết vấn đề; thông qua các hoạt động vận dụng xem giờ, xem đồng hồ đế giải quyết vấn đề thực tế, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua các chia sẻ, trao đổi nhóm đặt câu hỏi phản biện, HS có cơ hội phát triển NL họp tác, NL giao tiếp toán học.

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc trình độ HS, GV phân bổ thời gian và tổ chức các hoạt động cho phù họp. Chẳng hạn: Tiết 1 gồm các bài tập 1, 2, 3; Tiết 2 gồm các bài tập 4, 5, 6.

* Các nh(
* HS các

HOẠT ĐỌ

* HS thựi sáng tạo.
* Các nh(
* HS các

HOẠT Độ **sáng tạo**

* HS thực

+ Thảo lu dựng một số r

+ Trưng *l*

* GV khi

HOẠT ĐỘ **hằng ngày**

HS thực *ì*

* Trước b **trong cuộc SÔI**
* Chia se
* Sấp xếp lịch trong cuộ

HOẠT Độ **trang trí thec**

**E. Củng**

* HS nói
* HS nói
* HS nói

w 72 EM VUI HỌC **TOÁN**

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

* Biểu diễn phép nhân, phép chia bằng nhiều cách, qua đó hiểu ý nghĩa phép nhân, phép chia.
* Củng cố kĩ năng nhận dạng khối trụ, khối cầu gắn với các hoạt động lắp ghép, tạo hình.
* Tìm hiểu một số loại lịch, đồng hồ trong thực tế; tự làm được thời gian biểu.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUÁN BỊ

fc:

* Các vỏ hộp, vỏ lon, lõi giấy có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương, khối trụ (HS chuẩn bị trước ở nhà và mang đến lóp).
* Một số loại lịch, đồng hồ thật hoặc tranh ảnh về các loại lịch, các đồng hồ trong cuộc sống.
* Bút màu, giấy vẽ, băng dính hai mặt.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG 1. Biểu diễn phép nhân, phép chia bằng nhiều cách

* HS thực hiện theo nhóm: Biểu diền phép nhân, phép chia bằng nhiều cách, chăng hạn:

+ xếp các nhóm đồ vật có số lượng bằng nhau.

+ Vẽ hình nhóm đồ vật có số lượng bằng nhau.

+ Dùng lời nói để biểu diền phép tính.

+ Dùng kí hiệu để biểu diễn phép tính.

* Các nhóm trưng bày sản phẩm và thuyết trình ý tưởng.

nân bố thời bài tập 1, 2,

* HS các nhóm tự bình chọn nhóm nào có nhiều cách biểu diễn thú vị nhất.

HOẠT ĐỘNG 2. Lắp ghép, tạo hình sáng tạo

* HS thực hiện theo nhóm: Cùng nhau thảo luận chọn ý tưởng lắp ghép hình sáng tạo.
* Các nhóm trưng bày sản phẩm và thuyết trình ý tưởng.
* HS các nhóm tự bình chọn nhóm nào có nhiều cách biểu diễn thú vị nhất.

nghĩa phép ‘ 2 lắp ghép, /: gian biểu.

'.ương, khối - ac đồng hô

h

nhiều cách.

HOẠT ĐỘNG 3. Sử dụng các vỏ hộp và vật liệu tái chế để lắp ghép tạo hình sáng tạo

* HS thực hiện theo nhóm:

+ Thảo luận thống nhất ý tưởng sử dụng các vỏ hộp và vật liệu tái chế để xây dựng một số mô hình theo ỷ tưởng của nhóm.

+ Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.

* GV khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.

HOẠT ĐỘNG 4a. **Tìm** hiễu các loại đồng hồ, các loại lịch trong cuộc sống hằng ngày

HS thực hiện theo nhóm:

* Trước bài học, HS được giao nhiệm vụ tìm hiểu các loại đồng hồ, các loại lịch trong cuộc sống hằng ngày.
* Chia sẻ trong nhóm các thông tin đã tìm hiểu được.
* Sắp xếp các thông tin và thuyết trình trước lớp về các loại đồng hồ, các loại lịch trong cuộc sống hằng ngày mà nhóm tìm hiểu được.

HOẠT ĐỘNG 4b. Học sinh tự lập thòi gian biểu của mình trong một tuần, trang trí theo ý thích rồi chia sẻ ý tưởng với các bạn

1. Củng cố, dặn dò

* HS nói cảm xúc sau giờ học.
* HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.
* HS nói về hoạt động còn lúng túng, nếu làm lại thì em sẽ làm gì?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

III. GỢI Ý CÁC **A. Hoạt độ**

- HS chơi ti nhóm tron Sỉ lớp I

^ - GV viết h nhất thì thắns CI

*Lưu ý:* HS c

thác kinh nghiệr

* Thông qua các hoạt động trải nghiệm: biểu diễn phép nhân, phép chia bằng nhiều cách; lắp ghép hình sáng tạo, HS có cơ hội được phát triên NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.
* Thông qua các hoạt động trải nghiệm: tìm hiểu các loại đồng hồ, các loại lịch trong cuộc sống hằng ngày; tự lập thời gian biêu, HS có cơ hội được phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL, mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.
* Thône qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua hoạt động nhóm, HS có cơ hội phát triển NL họp tác.

**B&c. Hoạt (** 1. Đếm theo

- HS thao tá + Đếm 1. 2.

nay 10 khối lập + Đem 1 chụi

¿nh 1 tấm 100

^ Đem 1 trăn ■ > đọc viết các s<

* GV giới thi
* HS thực hài

Bài 1. HS viẻ : nghìn: 1000.

GV có thể đư 11 là các số tròr

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

GV có thể chọn lựa một trong các hoạt động trên để triển khai cho phù hợp với đối tượng HS và quỳ thời gian của nhà trường. GV cũng có thê dựa vào các hoạt động đã gợi ý để thiết kế các hoạt động trải nghiệm phù họp với đôi tượng hơn. Tạo cơ hội cho HS trải nghiệm để phát triển NL, phẩm chất.

73 CÁC số TRONG PHẠM VI ÌOOO

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này. HS đạt các yêu cầu sau:

* Đem số lượng theo trăm, theo chục và theo đơn vị, nhận biết được số 1000.
* Đọc viết các số tròn trăm, tròn chục và “linh”.
* Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẢN BỊ

* Các bang 100 khối lập phương, thanh chục và khối lập phương rời (hoặc thí các bó que tính và que tính rời,...) để đếm.
* Các thẻ số từ 100, 200,..., 900, 1000 và các thẻ chữ: *một trăm, hai trăm... chín trăm, một nghìn.*

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. **Hoạt động khởi động**

**ih**

chia bằn2 : ninh hoa nọc toán.

loại lịch :: triên NL in đề toán

- ua nhóm, loán học.

V-1 hợp với : các hoạt hơn. Tạo

* HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng” (theo nhóm bàn hoặc thi đua giữa các nhỏm trons lớp).
* GV viết hoặc đọc một số, nhóm nào lấy đúng, đủ số lượng tương ứng nhanh nhất thì thắng cuộc.

*Lưu ỷ:* HS chơi nhiều lần, GV nên đưa ra các số có chủ đích nhằm tái hiện, khai thác kinh nghiệm đếm theo chục, đêm theo đơn vị cúa HS, chăng hạn:

50; 60; 70;...;100;

94; 95;...; 99; 100;

33; 43; 53;...

**B&c. Hoạt động hình thành kiến thức và Hoạt động thực hành, luyện tập**

1. **Đếm** theo trăm

* HS thao tác lấy các khối lập phương và đếm theo hướng dẫn của GV:

+ Đếm 1 2 3 10. Nói có 10 khối lập phương có 1 chục khối lập phương

ri?

■ ■!-•

i

(thay 10 khối lập phương thành 1 thanh chục

+ Đếm 1 chục, 2 chục,..., 9 chục, một trăm khối lập phương (thay 10 thanh chục

,-+J'

ì;

'ỏ 1000.

thành 1 tấm 100

+ Đếm 1 trăm, 2 trăm,..., 9 trăm, 10 trăm. GV giới thiệu 10 trăm bằng 1 nghìn. HS đọc viết các số từ 100 đến 1000.

* GV giới thiệu: Các số 100, 200, 300,..., 1000 là các số tròn trăm.
* HS thực hành, luyện tập đếm theo trăm qua các bài tập 1, 2, 3.

hoặc thẻ *trăm,...,*

Bài 1. HS viết vào vờ hoặc bảng con các số: bốn trăm: 400; năm trăm: 500;...; một nghìn: 1000.

GV có thể đưa ra các số khác để HS đọc. HS nhắc lại các số 100, 200, 300,..., 1000 là các số tròn trăm.

Bài 2. HS thực hiện theo cặp đôi:

* HS thao tác ] 02; 103; 104;...: 1
* HS nhận xét
* GV hướng c :ung dạng.

Chẳng hạn: ;

* HS làm các Bài 7. HS cbu

GV có thể tô

*Lưu ý:* Tuỳ tr

*lược* luyện tập vẻ

Bài 8. HS thi

* Đem, đọc.
* Chia sẻ với

Bài 9. HS thi

Trò chơi “L; v.nh,... theo yêu c \hối lập phương.

1. **Hoạt độn**

* GV đưa ra vận động, hội tru
* HS tìm và

1. **Củng cố**

* Bài học hi cho em trong CUI
* Khi phai đ điều gì?
* về nhà. e được sử dụng tr<
* Đem, đọc và nêu sô còn thiêu ở trong ô *J\_* trên tia sô.
* Chia sẻ với bạn cách làm.

Bài 3. HS thực hiện các thao tác sau:

* Đọc tình huống.
* Hiểu vấn đề: Chị Mai muốn mua 800 ống hút làm bằng tre.
* Giải quyết vấn đề: Quan sát tranh, nhận ra mồi hộp ống hút có 100 ống hu: HS đếm theo trăm để biết chị Mai cần lấy 8 hộp ống hút.
* Trả lời: Chị Mai cần lấy 8 hộp ống hút.
* GV có thể đưa ra những tình huống tương tự để HS giải quyết, chẳng hạn né \_ chị Mai muốn mua 500 ống hút thì chị Mai cần lấy mấy hộp?...

1. **Đếm theo chục**

* HS lấy ra các thanh chục rồi đếm các số tròn chục: 10; 20; 30;...; 100.
* HS thao tác lần lượt lấy các khối lập phương, đếm, đọc, viết các số: 100; 11 c 120; 130; 140; 150;...; 190; 200.
* HS nhận xét về cách đọc, cách viết các số trên.
* GV hướng dẫn HS vận dụng cách đọc trên để đọc các số tròn chục khác.

Chẳng hạn: 110; 210; 310;

540; 550; 560;

* HS làm các bài tập 4, 5, 6.

Bài 4. HS chọn số tương ứng với cách đọc.

GV có thể tổ chức thành trò chơi để HS hứng thú nắm vững cách đọc, viết số.

*Lưu ỷ:* Tuỳ trình độ HS, GV có thể bổ sung hoặc thay thế những số khác để HS được luyện tập về đọc, viết số nhiều hơn.

Bài 5. HS thực hiện theo cặp đôi:

* Đếm, đọc, nêu số thích hợp cho ô *\Ỵ\* tương ứng mồi vạch của tia số.
* Chia sẻ với bạn cách làm.

Bài 6. HS thực hiện theo cặp đôi:

* Thảo luận về số cúc áo có trong hình vẽ.
* Lập luận giải thích các phương án chọn.

1. **Đem theo đơn vị**

* HS thao tác lần lượt lấy các khối lập phương, đếm, đọc, viết các số: 100; 101; 102; 103; 104;...; 109; 110.
* HS nhận xét về cách đọc, cách viết các số trên.
* GV hướng dẫn HS vận dụng cách đọc trên để đọc các số có ba chữ số khác cùng dạng.

c *‘)0 ống* hút: : ‘ăng hạn nếu

**. .** 100.

>ó: 100; 110;

■ ,:c khác.

Chẳng hạn: 201; 301; 401;

703; 803; 903;

* HS làm các bài tập 7, 8, 9.

Bài 7. HS chọn cách đọc tương ứng với số.

GV có thề tổ chức thành trò chơi để HS hứng thú nắm vững cách đọc viết số.

*Lưu ý:* Tuỳ trình độ HS, GV có thể bổ sung hoặc thay thế những số khác để HS được luyện tập về đọc, viết số nhiều hơn.

Bài 8. HS thực hiện theo cặp đôi:

* Đêm, đọc, nêu sô thích họp cho ô *J\_* tương ứng môi vạch của tia sô.
* Chia sè với bạn cách làm.

Bài 9. HS thực hiện theo nhóm 4 hoặc nhóm bàn.

Trò chơi “Lấy cho đủ số lượng”: HS lấy ra đù số khối lập phương, số que tính,... theo yêu cầu của bạn. Chăng hạn: Lấy ra đủ 130 khối lập phương; lấy 104 khối lập phương.

1. Hoạt động vận dụng

iọc, viết số. C Khác để HS

:a số.

* GV đưa ra một sổ hình ảnh về số lượng lớn để HS quan sát, chẳng hạn sân vận động, hội trường lớn, số người tham gia đồng diễn,...
* HS tìm và chi cho bạn xem trang sách 100, 107, 120 trong SGK Tiếng Việt 2.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?
* Khi phải đếm các số theo trăm, theo chục hoặc theo đơn vị, em nhắc bạn chú ý điều gì?
* **về** nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các sổ trong phạm vi 1000 được sử dụng trong các tình huống nào.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

**B. Hoạt đ<**

1. Hình thể

1. HS thao

+ Lấy ra 11 đếm tiếp: 111.

+ Lấy ra 2( đếm tiếp: 201. '

+ Lấy ra 4 phương và đêm

*Lưu ý:* G\

tác với nhau. N phương để HS (

1. GV hưá

GV gắn lêr chẳng hạn:

Một trăm !

m

c) HS thực

*Lun ý:* GY

âm (mốt, tư, lăn

2. Trò chơi

HS lấy ra đ hạn: Lấy ra đu I

**c. Hoạt độ** Bài 1. HS t

* Đem số h
* Đọc cho t Bài 2. HS c GV có thể t

Thông qua việc đếm, sử dụng các chừ số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc, viết số, cách sử dụng số trong cuộc sống, HS có cơ họi được phat triÊii NL mo hình hoá toán học, NL giao tiêp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

1. LUÌJ Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 3 tiết học. Trọng tâm của tiết thứ nhất giúp HS học cach đêm, đọc, viêt các sô tròn trăm; tiêt thứ hai giúp HS đếm, đọc. viết các số tròn chục từ 100 đên 120, tiết thứ ba giúp HS đếm, đọc, viết các số từ 100 đến 110.

**74** CÁC **số có** BA CHỮ SỐ

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Đem, đọc, viết các số có ba chữ số.

^ - Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.

* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Các bảng 100 khôi lập phương, thanh chục và khối lập phương rời (hoặc thẻ

các bó que tính và que tính rời,...) để đếm.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng”.

* HS lay SGK Tiêng Việt 2 tập hai, thực hiện theo yêu câu của GV, chẳng hạn:

+ Tìm đến trang sách 100.

+ Tìm đến trang sách 101.

+ Trang sách tiếp theo của trang sách 109 là trang bao nhiêu?

* Chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).
* Đại diện HS nói cách tìm trang sách của mình

1. **Hoạt động hình thành kiến thức**

ih

tói chia sẻ HS có cơ ¿nai quyết

:p HS học .ac số tròn 110.

1. Hình thành các số có ba chừ số
2. HS thao tác trên các khối lập phương, đếm, đọc các số tương ứng, chẳng hạn: + Lấy ra 110 khối lập phương, đếm 110, lấy thêm từng khối lập phương nhò và

đếm tiếp: 111, 112, 113,...

+ Lấy ra 200 khối lập phương, đếm 200, lấy thêm từng khối lập phương nhỏ và đém tiếp: 201, 202,..., 209, 210, 211,...

+ Lấy ra 430 khối lập phương, đếm 430, lấy thêm từng thanh chục khối lập phương và đếm tiếp: 440, 450,..., 490, 500, 510,...

*Luĩi ý:* GV nên tố chức theo nhóm bàn để HS thao tác, đếm trong sự tương tác với nhau. Nếu có điêu kiện, GV có thê sử dụng sách điện tứ, chiêu các khôi lạp phương để HS dễ dàng quan sát, đếm.

1. GV hướng dần HS cách đọc, viết số có ba chữ số.

GV gắn lên bảng lần lượt mô hình từng số như SGK hướng dần HS đọc, viết, chăng hạn:



ttì

íl| a

lis t

Ba trăm năm mươi hai 352

Một trăm mười một 111

'hoặc thẻ

1. HS thực hành đọc, viết với các số khác để nắm chắc cách đọc, viết số.

*Lưu ỷ.* GV chú ý rèn và sửa cho HS đọc các số trong những trường hợp có biến âm (mốt, tư, lăm, mười, mươi).

1. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”

HS lấy ra đủ số khối lập phương,... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đú 235 khối lập phương.

hăng hạn:

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

* Đếm số lượng các khối lập phương, chọn số tương ứng cho ô Ị ? **■**
* Đọc cho bạn nghe các số vừa viết.

Bài 2. HS chọn cách đọc tương ứng với số.

GV có thể tổ chức thành trò chơi để HS hứng thú, nắm vững cách đọc, viết số.

195

*Lưu ỷ:* Tuỳ trình độ HS, GV có thể bổ sung hoặc thay thế những số khác để HS được luyện tập về đọc, viết số nhiều hơn.

1. CHUAN

* Các tả các bó que ti
* Bảns t
* Trò ch

1. GỢI **Ý c**
2. **Hoạt**
3. HS cì hoặc viết sô
4. HS *q* đang làm eì?

GV nhậi

1. **Hoạt**

HS thực

1. Lây r lên bảng).

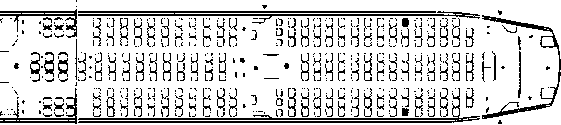
HSđếm viết: 345.

1. GV đ khối lập phư

GV nhậr số 4 cho ta b rời. Ta có the

1. Hoạt động vận dụng

- GV nêu một số hình ảnh có thông tin về số lượng đến 1000 trong thực tế để HS có cảm nhận về số lượng, củng cố kĩ năng đọc, viết số và vận dụng được vào thực tế, chăng hạn: Hình ảnh sân vận động đông người, hình ảnh nhiều người tham gici đồng diễn, sơ đồ chồ ngồi trên máy bay bô-ing:



p!Ị 3 9ỊỊBị 2 ịmaị ¿1 p Q ị\*ls 3 Ị

I w CsJ **ị-^** ® \*

^ ^ ¿Ị ^Ịaị yãỊ Ị"

* HS chia sẻ những thông tin em biết về những tình huống trong cuộc sống sử dụng các số trong phạm vi 1000.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?
* Đe đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?
* **về** nhà, em hãv quan sát xem trong cuộc sống các số đă học được sừ dụng trong các tình huống nào.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

Thông qua việc đếm, sử dụng các chừ số để biếu thị số lượng, trao đổi, chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc, viết số, HS có cơ hội được phát triên NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

75 CÁC số có BA CHỮ SỐ ***(tiếp*** *theo)*

1. MỤC TIÊU

c) HS th

**c. Hoạt Bài 1.** H

- Quan í

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Thực hiện được việc phân tích số có ba chừ số thành các trăm, chục, đơn vị (345 gồm 3 trăm 4 chục 5 đơn vị).
* Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
* Phát triến các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Các tẩm 1 trăm khối lập phương, thanh chục và khối lập phương rời (hoặc thẻ các bỏ que tính và que tính rời).
* Bảng trăm, chục, đon vị đã kẻ sẵn.
* Trò chơi tạo hứng thú cho HS đầu giờ học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CHU YÊU
2. **Hoạt động khởi động**
3. HS chơi trò chơi “Đố bạn”: Bạn A viết hoặc đọc một số rồi đố bạn B đọc hoặc viết số đó và ngược lại.
4. HS *quan sát tranh* nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? Hai bạn trong tranh đang làm gì? Nói gì?

GV nhận xét dần dắt vào bài.

1. **Hoạt động hình thành kiến thức**

HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:

1. Lấy ra 345 khối lập phương đặt trước mặt. (GV gắn 345 khối lập phương lên bảng).

HS đếm số khối lập phương. Nói: Có *ba trăm bốn mươi lăm* khối lập phương, viết: 345.

1. GV đặt câu hỏi để HS trả lời, trong hình có 3 tấm 1 trăm, 4 thanh chục và 5 khối lập phương rời.

GV nhận xét: Như vậy, trong số 345, số 3 cho ta biết có 3 trăm khôi lập phương, số 4 cho ta biết có 4 chục khối lạp phương và số 5 cho ta biết có 5 khối lập phương rời. Ta có thể viết vào bảng trăm, chục, đơn vị tương ứng như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trăm | Chục | Đơn vị |
| **3** | **4** | **5** |

Nói: Số 345 gồm 3 trăm 4 chục 5 đơn vị.

1. HS thực hiện tương tự với một vài ví dụ khác để nắm chắc cách làm.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

**Bài 1.** HS thực hiện theo cặp các thao tác sau rồi nói cho bạn nghe cách làm:

- Quan sát tranh, đếm: Có 263 khối lập phương.

Viết vào bảng (đã kẻ sẵn ô trên bảng con hoặc bảng phoóc).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trăm | Chục | Đơn vị |
| **2** | **6** | **3** |

**E. Củng cố**

* Bài học h cho em trong cu
* Từ ngừ to
* Để đếm cl
* về nhà. ei theo “trăm”, "ch

**(\*) Cơ hội I**

* Thông qu; HS có cơ hội đu giải quyết vấn đ
* Thông qu; vị, xác định đượ NL tư duy và lậ|

IV. LƯU Ý CHC

Bài này đưc có ba chữ số thả phù hợp đối tượ

ỉ. MỤC TIÊU

Học xong b

* So sánh đ
* Thực hàn!
* Phát triên

II. CHUẨN BỊ

* Tranh khc
* Bảng trăn có thế viết, xoá

Nói: Số 263 gồm 2 trăm 6 chục 3 đơn vị.

HS thực hiện tương tự với câu b.

**Bài 2.** HS thực hiện theo cặp quan sát số khối lập phương, đếm rồi nêu số và “đọc số” thích hợp cho ô [TỊ

HS có thê cùng bạn đặt câu hỏi và trả lời về nội dung bài tập để hiểu sâu hơn và nắm vững kiến thức.

**Bài 3**

* Cá nhân HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:

1. Số 127 gồm 1 trăm 2 chục 7 đơn vị.
2. Số 360 gồm 3 trăm 6 chục 0 đơn vị.
3. Số 802 gồm 8 trăm 0 chục 2 đơn vị.

* HS có thê đặt câu hỏi đế đố bạn với các số khác, chẳng hạn: số 871 gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị?
* Neu HS gặp khó khăn, GV hướng dẫn HS tìm câu trả lời bằng cách viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trăm | Chục | Đơn vị |
|  |  |  |

1. Hoạt động vận dụng

**Bài 4.** HS thực hiện các thao tác sau:

* Đọc tình huống;
* Hiếu vấn đề;
* Giải quyết vấn đề: Hộ gia đình đó nuôi tất cả 398 con gà, vịt, ngồng. Chuyển dịch sang ngôn ngừ toán học là 3 trăm 9 chục 8 đơn vị. Vậy có 398 con.
* Trả lời: Hộ gia đình đó nuôi tất cả 398 con gà, vịt, ngồng.

HS chọn phương án thích họp và giải thích cho bạn nghe.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?
* Từ ngữ toán học nào em cần nhớ?
* Đe đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?

nẻu số và u sâu hơn

* về nhà, em quan sát xem trong cuộc sống mọi người có hay dùng cách đêm theo “trăm”, “chục”, “đơn vị” không.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng cho học sinh**

* Thông qua việc đếm, trao đổi chia sẻ với bạn về cách đếm, cách đọc, viết số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiêp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.
* Thông qua việc quan sát, phân tích số có ba chừ số thành các trăm, chục, đơn vị xác định được giá trị của mồi số dựa vào vị trí của sô đó, HS có cơ hội phát triên NL tư duy và lập luận toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

;ồm mấy ch viết số

Bài này được thiết kế cho 1 tiết học giúp HS thực hiện được việc phân tích số có ba chữ số thành các trăm, chục, đơn vị. GV chủ động phân chia thời lượng cho phù họp đối tượng HS để giúp HS thực hành, luyện tập năm chăc kiên thức.

\* 76 so SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ số

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* So sánh được các số có ba chữ số.
* Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiền.
* Phát triển các NL toán học.

Chuyển

1. CHUẨN BỊ

* Tranh khởi động.
* Bảng trăm, chục, đơn vị được kẻ sẵn trên bảng con hoặc bảng phoóc đê HS có thể viết, xoá nhiều lần.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trăm | Chục | Đơn vị |
|  |  |  |
|  |  |  |

Nhận ra Ví Quan sát ti

* Bộ thẻ số từ 0 đến 9.

+ GV hướns Trước hết, tí Số trăm bằn; 5 < 6 (hay 5' Vậy 352 < 3 + GV nêu th 3. So sánh h HS thực hiệi + Nhận ra y; + Quan sát t

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

* HS chơi trò chơi “Đố bạn”: ôn lại cách đọc, viết.
* HS quan sát tranh khởi động, nhận biết bối cảnh bức tranh. Chia sẻ cặp đỏ những thông tin quan sát được. (Theo em, các bạn trong bức tranh đang làm gì? No: cho bạn nghe suy nghĩ của mình).
* GV gợi ý HS nhận xét đội nào đang nhảy được nhiều lần hơn.

1. Hoạt động hình thành kiến thức

K

1. So sánh hai số dạng 194 và 215 HS thực hiện các thao tác:

+ Nhận ra vấn đề: Tìm cách so sánh hai số 194 và 215.

+ Quan sát từng số, viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trăm | Chục | Đơn vị |
| 1 | 9 | 4 |
| 2 | 1 | 5 |

215

+ GV hướm Trước hết. t; Số trăm ban Số trăm bằn Vậy 899 > s + GV nêu ir **4.** So sánh h HS thực hiệ + Nhận ra V + Quan sát 1

194

+ GV hướng dần HS các bước so sánh hai số:

Trước hết, ta so sánh các số trăm:

1<2 (hay 100 <200)

Vậy 194 <215; 215 > 194.

+ GV nêu thêm một số ví dụ tương tự giúp HS nắm chắc cách so sánh.

1. So sánh hai số dạng 352 và 365 HS thực hiện các thao tác:

+ Nhận ra vấn đề: Tìm cách so sánh hai số 352 và 365. + Quan sát từng số, viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trăm | Chục | Đơn vị |
| 3 | 5 | 2 |
| 3 | 6 | 5 |

**352 -►**

**365**

+ GV hướng dần HS các bước so sánh hai số:

Trước hết, ta so sánh các số trăm: 3 = 3 (hay 300 = 300).

Số trăm bằng nhau, ta so sánh tiếp số chục:

5 < 6 (hay 50 < 60)

Vậy 352 < 365; 365 > 352.

+ GV nêu thêm một số ví dụ tương tự giúp HS nắm chắc cách so sánh.

1. So sánh hai số dạng 899 và 897 HS thực hiện các thao tác:

+ Nhận ra vấn đề: Tìm cách so sánh hai số 899 và 897.

+ Quan sát từng số, viết số vào bảng trăm, chục, đơn vị:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trăm | Chục | Đơn vị |
| 8 | 9 | 9 |
| 8 | 9 | 7 |

**899**

**897**

+ GV hướng dần HS các bước so sánh hai số:

Trước hết, ta so sánh các số trăm: 8 = 8 (hay 800 = 800).

Số trăm bằng nhau, ta so sánh tiếp số chục: 9 = 9 (hay 90 = 90).

Số trăm bằng nhau, số chục bằng nhau, ta so sánh tiếp số đơn vị: 9 >7. Vậy 899 > 897; 897 < 899.

+ GV nêu một số ví dụ tương tự giúp HS nắm chắc cách so sánh.

1. So sánh hai sổ dạng 673 và 673 HS thực hiện các thao tác:

+ Nhận ra vấn đề: Tim cách so sánh hai số 673 và 673.

+ Quan sát từng số, viết vào bảng trăm, chục, đơn vị.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trăm | Chục | Đơn vị |
| 6 | 7 | 3 |
| 6 | 7 | 3 |

* HS thao tưởng của nhói

+ So sánh

+ So sánh

+ So sánh

* HS đưa'
* Đại diện
* GV khu: có thê sử dụn2 so sánh số HS Từ đó giải quy

Bài 3. HS

+ Đặt các

+ Mồi bạn số, rồi so sánh 123 <456).

+ Trò chơi

**E. Củng c**

* Bài học
* HS nói (

(\*) Cơ hộ

* Thôna c và các kí hiệu tư duy và lập 1
* **Thông c** phát triển NL vấn đề toán hc

IV. LƯU Ý C1

* Bài nàv phù họp đối t **xong cách so í** dụ để HS nắm

**673**

**673 *+***

+ GV hướng dẫn HS nhận xét: Các số trăm bằng nhau, các số chục bằng nhau, các số đơn vị bằng nhau. Vậy 673 = 673.

+ HS tự nêu thêm một số ví dụ về hai số băng nhau.

1. Củng cố trực tiếp

HS thực hiện theo cặp, viết hai số có ba chừ số bất kì rồi đố bạn so sánh hai sô đó. Sử dụng bảng trăm, chục, đơn vị để hồ trợ:

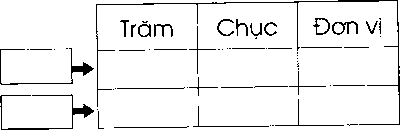
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trăm | Chục | Đơn vị |
|  |  |  |
|  |  |  |

C&D. Hoạt động thực hành, luyện tập và Hoạt động vận dụng

Bài 1

* Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viêt kêt quả vào vở. .
* HS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.
* GV chốt lại cách so sánh trong từng trường hợp.

*Lưu ỷ:* Nếu HS gặp khó khăn, GV hướng dẫn HS sử dụng bảng trăm, chục, đơn vị để có điểm tựa tư duy khi thực hiện so sánh hai số có ba chữ số.



**Bài 2.** HS thực hiện theo nhóm các thao tác sau:

- Thảo luận nhận biết vấn đề: So sánh số lượng HS cùa ba trường tiểu học: Kim Đồng, Thành Công, Quyết Thắng.

HS thảo luận cách làm. HS có thể nêu ra những cách làm khác nhau theo ý tưởng của nhóm. Chẳng hạn:

+ So sánh từng cặp hai trường với nhau;

+ So sánh từng trường với hai trường còn lại-

+ So sánh cả ba trường với nhau.

* HS đưa về so sánh các số và trả lời câu hỏi.
* Đại diện các nhóm trình bày.

, "1 ^ khuyến khích HS trình bày rõ cách so sánh của nhóm. Khi chữa bài GV có thê sừ dụng bảng trăm, chục, đơn vị để HS dễ so sánh. GV giúp HS nhận ra để so sánh sô HS của ba trường tiêu học chúng ta phải so sánh các số: 581' 496’ 605 Từ đó giải quyết được vấn đề đặt ra. ’ ’

**Bài 3.** HS chơi trò chơi “Lập số” theo cặp:

+ Đặt các thẻ số từ 0 đến 9 (không theo thứ tự) trên mặt bàn:

¿ + Mồi bạn nhanh tay rút ba thẻ số, xếp ba thẻ số đó lập thành một số có ba chữ

sô, rôi so sánh số đó với bạn. Ghi lại kết quả vào nháp hoặc bảng con (Chẳng han 123 <456). ' to V & ạ

+ Tro chơi được thực hiện nhiêu lân, ai có nhiêu lân có số lớn hơn thì thắng cuộc

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?
* HS nói cách so sánh trong từng trường họp và tự lấy ví dụ minh hoạ.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ lớn hơn, bé hơn bằng nhau và các kí hiệu (>, <, =), HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học. ’
* Thông qua việc so sánh số HS của các trường tiểu học, HS có cơ hội được phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hoá toán học NL giải quyết vấn đề toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

* Bài này được thiêt kê cho 2 tiết học, GV chủ động phân chia thời lượng cho phù họp đôi tượng HS. Chẳng hạn: tiết 1 của bài có thể kết thúc sau khi HS học xong cach so sanh cac so co ba chữ sô. Nêu còn thời giün, GV chủ động đưa các ví dụ đế HS nắm chắc cách so sánh trong từng trường hợp.

- Khi bắt đầu tiết thứ hai của bài học, GV nên tổ chức hoạt động khởi động nhằm giúp HS tái hiện cách so sánh đă học ở tiết trước và kết nối sang tiết thứ hai, chang hạn: Chơi trò chơi “Số nào lớn hơn” hoặc HS tự lấy ví dụ đố bạn so sánh hai số.

* GV hơn thì lới: ví dụ tươni

**Bài 2**

* Cá n quả vào vo

-HSc hỏi để HS

* GV (

*Lưu ỷ:*

đê có điểm

t .

**77** LUYỆN TẬP

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* So sánh được các số có ba chữ số.
* Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

**Bài 3**

-HS 1; bé nhất rồi

Có tl

**Bài 4.**

nghe cách 1

*Lưu ý:*

những bài t

**D. Hoẹ**

**Bài 5.**

* Thảo cao đến tha
* Thảo chiều cao c
* Thực
* Đại d

L

Bảng trăm, chục, đơn vị được kẻ sằn:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trăm | Chục | Đơn vị |
|  |  |  |
|  |  |  |

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU **A. Hoạt động khởi động**

Chơi trò chơi “Đố bạn”: HS viết hoặc đọc hai số bất kì vào bảng con rồi đố bạn so sánh hai số đó.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1**

* Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở.
* HS đồi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.
* GV đặt câu hỏi để HS nhận xét: Khi so sánh hai số, số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn và ngược lại, chăng hạn: 758 > 96; 62 < 107. GV nêu thêm một sô ví dụ tương tự để HS so sánh: 806 và 87; 492 và 77; 52 và 103; 9 và 432.

động nhằm : hai, chẳng . hai số.

Bài 2

* Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vớ.
* HS đoi vớ cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em.
* GV chốt lại cách so sánh trong từng trường họp.

*Lưu ỷ:* Neu HS gặp khó khăn, GV hướng dẫn HS sử dụng bảng trăm, chục, đơn vị đế có điểm tựa tư duy khi thực hiện so sánh hai số có ba chừ số.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trăm | Chục | Đơn vị |
|  |  |  |
|  |  |  |

Bài 3

* HS lấy các thẻ số 994, 571, 383, 997. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ lớn đến bé.
* Có thể thay bằng các thẻ số khác và thực hiện tương tự như trên.

Bài 4. HS quan sát tranh tìm số thích họp cho vào ô *J\_* rồi giải thích cho bạn nghe cách làm.

n rồi đố bạn

*Luu ý:* Với những HS làm nhanh, GV có thể khuyến khích các em tự thiết kế những bài tập tương tự như thê đê đô bạn.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 5. HS thực hiện theo nhóm các thao tác sau:

= I và viết kêt GV đặt câu

* Thảo luận nhận biết vấn đề: So sánh chiều cao của các bạn HS theo thứ tự từ cao đến thấp.
* Thảo luận cách làm đi đến vấn đề cần giải quyết, đó là sắp xếp bốn số ghi chiều cao của các bạn theo thứ tự từ lớn đến bé.
* Thực hiện so sánh rồi trả lời câu hỏi.
* Đại diện nhóm trình bày.

GV khuyên khích HS đặt câu hói cho bạn vê so sánh liên quan đến chiều cao của các bạn trong bài.

1. CHUÁN BỊ

Một số tìnl

1. GỢI Ý CÁ(

**A. Hoạt độ**

Chơi trò ch -Mỗi HS ^

* Mời các t số gì. Chẳne hạ
* Ai giai m,

**c. Hoạt độ Bài 1**

a) HS thực í

* *Đem số lư<*
* *Đọc cho bẹ* b) Cá nhân H Số 451 gồm -] Số 308 gồm 3 Số 270 gồm 2
* HS có thê dç "Im. mây chục và

Bài 2. HS thự

* Đem, đọc Ví
* Chia sẻ với

**Bài 3**

* Cá nhân HS quá vào vở.
* HS đôi vơ CI 10Í để HS giải thíc

*Lưu ỷ*:GV có thê tô chức theo nhóm 4, cho HS ghi chiều cao của các bạn trong nhóm rồi sắp xếp theo thứ tự, cử đại diện trình bày.

E. Củng cố, dặn dò

Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?

* Đê có thể so sánh chính xác hai số em nhắn bạn điều gì?
* Em có thể tự đánh giá bằng cách thực hiện vở bài tập.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau và các kí hiệu (>, <, =), HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thong qua việc đặt câu hỏi và trả lời liên quan đến các tình huống có quan hệ *lón hơn, bé hơn, hăng nhau,* HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học. NL giải quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tiết 1 có thể dững sau bài tập 3. Nếu c : - thời gian, GV có thê đưa thêm các ví dụ về so sánh hai số cho HS thực hành.

78 LUYỆN TẬP CHƯNG

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 1000. Phân tích một số có t- chữ sô thành các trăm, chục, đơn vị.
* Biếu diễn số có ba chừ số trên tia số.
* Thực hành vận dụng đọc, viêt, so sánh các số đã học trong tình huống thực tiễn
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

chiều cao bạn trong

Một số tình huống thực tế có sừ dụng các số trong phạm vi 1000.

1. GỢỉ Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Con sô bí mật” theo nhóm hoặc cả lóp:

* Mồi HS viết ra một số có ba chữ số (bí mật không cho người khác biết).

^ - Mời các bạn trong nhóm hoặc trong lớp đặt câu hỏi để đoán xem bạn đã viết

ih

■'ăng nhau n học, NL

g có quan toán học.

Nếu còn :nh.

sô gì. Chăng hạn: số bạn viết có số trăm bé hơn 5 ...

-Ai giải mã được con số bí mật trước người đó thắng cuộc.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

1. HS thực hiện các thao tác:

* Đếm số lượng các khối ỉập phương, nêu số tương ứng cho ô
* Đọc cho bạn nghe các số vừa viết.

1. Ca nhân HS trả lời rôi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả’

Số 451 gồm 4 trăm 5 chục 1 đơn vị;

Số 308 gồm 3 trăm 0 chục 8 đơn vị;

Số 270 gồm 2 trăm 7 chục 0 đơn vị.

\_ - HS có thể đặt câu hỏi để đố bạn với các số khác, chẳng hạn: số 233 gồm mấy trăm, mấy chục và mấy đơn vị?

Bài 2. HS thực hiện theo cặp đôi:

* Đem, đọc và nêu số còn thiểu ở trong ô [TỊ trên tia số.

sô có ba

chực tiễn.

* Chia sẻ với bạn cách làm.

Bài 3

Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, < =) và viết kết quả vào vở.

- HS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi đê HS giải thích cách so sánh của các em.

* HS quan sát các số 219, 608, 437, 500. Suy nghĩ tìm số bé nhất, số lớn nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.

-Vận dụnơ tình huống gắn

* Phát triên

1. CHUẨN BỊ

* Một số tì phạm vi 1000.
* Tạo khôn

1. GỢI Ý CÁC
2. **Hoạt đệ**
3. HS chơi cộng nhẩm các
4. HS hoạt

* HS quan
* HS thảo ’

+ Bức tran

+ Nói với t Khối lóp Một u hai khối lóp un

* HS nêu Ị

1. **Hoạt đ(**

1. HS tính

* HS thảo
* Đại diện
* GV chốt
* Đặt tính.
* Thực hiệ + Cộng đo + Cộng ch + Cộng trí
* GV có thể thay bằng các thẻ số khác và thực hiện tương tự như trên.

Bài 5

* HS ước lượng số chấm tròn trong hình và nói cho bạn nghe cách ước lượng của mình.
* GV khuyến khích HS đặt câu hởi cho bạn về cách đếm, cách ước lượng phù họp với tình huống trong bài.

1. **Hoạt động vận dụng**

Bài 6

* Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.
* HS chia sẻ thông tin thực tiễn về những tình huống sử dụng các số trong phạm vi 1000 trong cuộc sống.

1. **Củng cố, dặn dò**

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?
* Để có thể đếm đúng số lượng, so sánh chính xác hai số em nhắn bạn điều gì?
* Em có thể tự đánh giá bằng cách thực hiện vở bài tập.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua các hoạt động: Đem số lượng, nêu số tương ứng, sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh hai số, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyêt vân đê toán học.
* Thông qua các chia sẻ, trao đồi nhóm đặt câu hởi phản biện, HS có cơ hội phát triển NL hợp tác, NL giao tiếp toán học.

**79** PHÉP CỘNG (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI ÌOOO

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000.

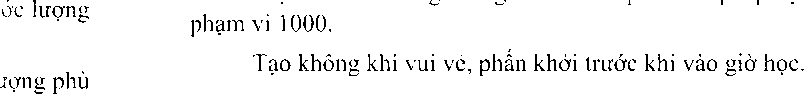
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

lớn nhất

* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

- Môt số tình huốns đơn siản có liên auan đến DhẻD công (không nhớ) trong



1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHÙ YẾU
2. Hoạt động khởi động
3. HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kĩ năng cộng nhấm trong phạm vi 10, cộng nhẩm các số tròn chục.

sô trong

1. HS hoạt động theo nhóm bàn và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

* HS quan sát bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).
* HS thảo luận nhóm bàn:

+ Bức tranh vẽ gì?

+ Nói với bạn về vấn đề liên quan đến tình huống trong bức tranh. Chăng hạn: Khối lóp Một ủng hộ 243 quyển sách, khối lóp Hai ủng hộ 325 quyển sách. Vậy cả hai khối lớp ủng hộ được bao nhiêu quyển sách?

* HS nêu phép tính tìm số quyển sách: 243 + 325 = ?

g các dấu toán học.

:o cơ hội

*\**

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. HS tính 243 + 325 = ?

* HS thảo luận cách đặt tính và tính.
* Đại diện nhóm nêu cách làm.
* GV chốt lại các bước thực hiện tính 243 + 325 = ?
* Đặt tính.
* Thực hiện tính từ phải sang trái:

+ Cộng đơn vị với đơn vị.

+ Cộng chục với chục.

+ Cộng trăm với trăm.

* GV nêu một phép tính khác cho HS thực hiện trên bảng con, chăng hạn:

HS

đặt ra (qi thích tại

-Hí

161 +427 = ?

1. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 1**

* HS tính rồi viết kết quả phép tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.

-H!

* G giải rõ rí

Lin,

1. **h**

HS

sẻ với *Cí*

1. **c**

* G ~K
* Li học, đặt

(\*)<

-TI cộng đê học, NL

-Tl sẽ nhóm

IV. LƯl

Bài GV có tl bài tập 2

* HS nhắc lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thăng cột.

Bài 2

* HS đặt tính rồi tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.

Bài 3

* HS quan sát mẫu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 124 + 35 = ?
* Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.
* HS tự làm các phép tính vào vở, đối vở kiểm tra chéo.

Bài 4

* HS quan sát mẫu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 261+4 = ?
* Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.
* HS tự làm các phép tính vào vở, đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 5

HS đặt tính rồi tính.

* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS.
* GV đặt câu hỏi để HS nhắc lại cách đặt tính rồi tính trong từng trường hợp. HS nhắc bạn lồi sai hay gặp trong khi đặt tính và tính.

Bài 6

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn vê cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).

*Ị* hạn:

* HS viết phép tính thích họp và trình bày bài giải vào vở.

Bài giải

Hai lớp sưu tầm được tất cả số bức ảnh là:

145 + 154 = 299 (bức ảnh).

*Đáp số: 299* bức ảnh.

* HS kiểm tra lại bài.
* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.

*Lưu ý:* HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.

1. Hoạt động vận dụng

24+ 35 = ? liên và lưu

261 +4 = ? nện và lưu

HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng đã học rồi chia sẻ với cả lóp.

1. Củng cố, dặn dò

* GV hỏi HS: Hôm nay, các em biết thêm được điều gì?
* Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?
* Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng đã học, đặt ra bài toán cho mồi tình huống đó hôm sau chia sẻ với các bạn.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép cộng để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và.lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đối, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

-ương họp. oi gì.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS của iớp mình, GV có thể phân bổ thời gian cho phù hợp. Chẳng hạn tiết 1 có thể kết thúc khi hết bài tập 2, cũng có thể kết thúc khi hết bài tập 3.

**I PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ)**

* Đặt tí
* Thực + Trừ đ + Trừ c + Trừ ti
* Đọc *ị*
* GV I 643 -312 =

2. HS t:

**c. Hoạ**

Bài 1

* HS tí
* HS đ<
* Nhấc Bài 2
* HS đ;
* HS *đi* -GVc Bài 3
* HS qi
* Đại d ý HS cách c

-HStv Bài 4

-HS qi

* Đại d ý HS cách c

-HStỊ Bài 5



TRONG PHẠM VI ÌOOO

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết cách đặt tính và thực hiện phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000.
* Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động
3. HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kĩ năng trừ nhẩm trong phạm vi 10, trừ nhẩm các sổ tròn chục.
4. HS hoạt động theo nhóm bàn và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

* HS quan sát bức tranh (trong SGK hoặc trên mậy chiếu).
* HS thảo luận nhóm bàn:

+ Bức tranh vẽ gì?

+ Nói với bạn về vấn đề liên quan đến tình huống trong bức tranh. Chẳng hạn: Hươu cao 587 cm, voi thấp hơn hươu 265 cm. Hỏi voi cao bao nhiêu xăng-ti-mét?

* HS nêu phép tính tìm chiều cao của voi: 587 - 265 = ?

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. HS tính 587 - 265 = ?

* HS thảo luận cách đặt tính và tính.
* Đại diện nhóm nêu cách làm.
* GV chốt lại các bước thực hiện tính: 587 - 265 = ?
* Đặt tính.
* Thực hiện tính từ phải sang trái:

Ị

I . JOO.

Ç-'-'èt một số

Ẹ “hớ) trong

;r.'.ạm vi 10, fcc ?au:

. - hăng hạn: [¿".2-ti-mét?

+ Trừ đơn vị với đơn vị.

+ Trừ chục với chục.

+ Trừ trăm với trăm.

* Đọc kết quả: Vậy 587 - 265 = 322.
* GV nêu một phép tính khác cho HS thực hiện trên bảng con, chẳng hạn 643 -312 = ?

1. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1

* HS tính rồi viết kết quả phép tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* Nhắc lại quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 2

* HS đặt tính rồi tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.

Bài 3

* HS quan sát mầu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 583 - 32 = ?
* Đại diện **một** vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.
* HS tự làm các phép tính vào vở, đồi vở kiểm tra chéo.

Bài 4

* HS quan sát mầu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 427 - 6 = ?
* Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.
* HS tự làm các phép tính vào vở, đôi vở kiêm tra chéo.

Bài 5

* HS đặt tính rồi tính.
* HS đôi vở kiêm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.

Bài nà\ I GV có thể ph bài tập 2, cùr

1. MỤC TIÊl

Học xon

* Thực h
* Thực h
* Viết đi
* Vận di quyết một số
* Phát tr

1. GỢI Ý *CÁ*

**A. Hoạt**

HS chơi

* Mồi nh
* HS tha
* Nhóm
* HS chi

**c. Hoạt** Bài 1

* HS tínl
* HS đổi
* HS nhc
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tinh và tính cho HS.
* GV đặt câu hỏi đế HS nhắc lại cách đặt tính rồi tính trong từng trường hợp. HS nhẳc bạn lồi sai hay gặp trong khi đặt tính và tính.

Bài 6

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?
* HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán

đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải

thích tại sao).

* HS viết phép tính thích hợp và trình bày bài giải vào vở.

Bài giải

Số học sinh đến tham quan trong ngày thứ hai là:

259 - 45 = 214 (học sinh).

*Đáp số:* 214 (học sinh).

* HS kiểm tra lại.
* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.

*Lưu ỷ:* HS tính ra nháp rồi kiếm tra kết quả.

1. Hoạt động vận dụng

HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ đã học rồi chia sẻ với cả lớp.

1. Củng cố, dặn dò

* GV hỏi HS: Hôm nay, các em biết thêm được điều gì?
* Khi đặt tính và tính em nhấn bạn cần lưu ý những gì?

I - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học,

đặt ra bài toán cho mồi tình huống đó, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, HS biết vận dụng phép trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triến NL giao tiếp toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

ường hợp. '1 gì?

:u bài toán ra và giải

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS của lóp mình, GV có thể phân bổ thời gian cho phù họp. Chang hạn tiết 1 có thê kết thúc khi hết bài tập 2, cũng có thể kết thúc khi hết bài tập 3.

í"

81 LUYỆN TẬP

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Thực hiện được phép tính cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000.
* Thực hiện được cộng, trừ nhâm các sô tròn trăm.
* Viết được các số có ba chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giai quyết một số tình huống gắn với thực tế.

et câu lời

. rồi chia đã học,

: h

in dụng vấn đề

đòi, chia

* Phát triền các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YÉU
2. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng” theo nhóm:

* Mồi nhóm nhận được một bộ thẻ phép tính khác nhau, chắng hạn:

+ 208 \_ 57ũ + 423 984

2D1 D41 □! m

□9ũ 1D8 D5Ũ *H2D*

* HS thảo luận viết số thích hợp vào ô trống.
* Nhóm nào thực hiện nhanh và đúng thì thắng cuộc.
* HS chia sẻ cách tìm số trong mồi ô trống.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1

* HS tính rồi viết kết quả phép tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* HS nhắc lại quy tắc thực hiện tính từ phải sang trái, viết kết quả thắng cột.

215

Bài 2

- HS viết phép Xã Thắng Lợi

* HS kiểm tra
* GV nên khu\ giải rõ ràng theo ca

**E. Củng cố, d;**

* Bài học hôm cho em trong cuộc :
* Em thích nhã

(\*) Cơ hội học

* Thông qua vi trù’ để giải quyết vả học, NL tư duy và L
* Thông qua Mí sẻ nhóm HS có co h

1. MỤC TIÊU

Học xong bài **n,**

* Biết mét là đi. với đề-xi-mét, xăns-
* Thực hiện đưi thực tế.
* Biết ước lượn
* Phát triển các

1. CHUẨN BỊ

* Thước có vạđ
* Sợi dây dài hc
* HS đặt tính rồi tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chừa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.

Bài 3. HS thực hiện các thao tác:

1. Quan sát mẫu, nêu cách cộng, trừ nhấm các số tròn trăm,

* Thực hiện tính nhấm rồi nêu kết quả.
* Kiểm tra lẫn nhau, nói cho bạn nghe cách làm.

1. L ỉiơi trò chơi “Tìm bạn cùng qua cầu” theo nhóm.

* Quan sát tranh, nói cho bạn nghe tranh vẽ gì.
* Đọc cân nặng của mồi con vật.
* Thảo luận về cách tìm bạn để khi đi qua cầu đảm bảo tổng cân nặng bé hơn 500 kg.
* HS chơi trong nhóm sử dụng các thẻ để biếu thị cho các con vật, HS có thê đóng vai, mô tả cách ghép bạn đê qua câu của nhóm.

*Lưu ỷ:* HS có thế có nhiều phương án khác nhau, GV nên khuyến khích HS phát biểu suy nghĩ của bản thân; khuyến khích HS suy nghĩ cách qua cầu tối ưu nhất.

Bài 4

* HS đọc mầu, nói cho bạn nghe cách viết số có ba chừ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.
* HS thực hiện viết các số có ba chừ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị rồi nói cho bạn nghe.

Bài 5

* HS thực hiện phép trừ rồi kiểm tra lại kết quả bằng phép cộng.
* HS nêu nhận xét và tự lấy ví dụ về cách dùng phép cộng đê kiểm tra kết qua của phép trù’.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 6

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?
* HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giai thích tại sao).
* HS viêt phép tinh thích hợp và trình bày bài giải vào vở.

Bài giải

Xã Thắng Lợi đã trồng được tất cả số cây bạch đàn và cây keo tai tượng là:

345 + 420 = 765 (cây).

*Đáp số:* 765 (cây).

* HS kiểm tra lại.
* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

bé hơn

ỉ **s** có thể

HS phát nhất.

:ac trăm, '•'ị rồi nói

ì kết quả

2Ì?

bài toán a và giải

* Em thích nhất bài tập nào? Vì sao?

([[2]](#footnote-1)) Co' hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, HS biết vận dụng phép trù' đế giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHU YỂU

b) HS suy ns đặt câu hỏi và tra

Bài 3. HS thi

* Đọc bài toá
* Hiểu bài to;
* Suy nghĩ Cc điện thứ nhất 9 m
* Viết bài gia
* Đôi vở chừ
* Khi chừa b đề của các em.

Bài 4. HS thi

1. Quan sát h với mỗi đồ vật rô
2. Quan sát *ì* thích tại sao lại cl

*Lưu ỷ:* GV r

lí khi chọn số đo cho phần trình bẻ luận hơn.

1. **Hoạt độn**

Bài 5. HS thi

HS thực hiện theo yêu cầu.

*Lưu ý:* GV I

phương tiện học t tác nhóm. HướntỊ Đặt câu hỏi đê H:

1. **Củng cố,**

* Bài học hòi

1. Hoạt động khởi động
2. HS nói cho bạn nghe đã được học những đơn vị đo độ dài nào, chỉ trên thước cho bạn xem độ dài 1 cm, 1 dm.

* HS chia sẻ trong nhóm những nhận xét của mình: Em thấy trong cuộc sống người ta thường dùng đơn vị đo xăng-ti-mét để đo những đồ vật như thế nào? Dùng đon vị đo đề-xi-mét để đo những đồ vật như thế nào?

1. GV gọi một HS lên bảng, dang tay cầm thước mét để có cảm nhận trực quan về độ ùài 1 mét (chú ý: GV không nói ngay đây là độ dài 1 m).
2. GV giới thiệu: Chúng ta có thể sử dụng đơn vị đo xăng-ti-mét để đo chiều

dài của các vật ngắn, nhưng đê thuận tiện khi đo chiều dài của các vật dài hơn người ta thường dùng một đơn vị đo khác dài bằng chiếc thước này của thầy/cô, đơn vị đo đó gọi là mét và chiếc thước này gọi là thước mét. Đó là nội dung bài hôm nay.

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. HS thực hiện theo nhóm đo để tự phát hiện ra thước mét có độ dài 100 cm

hay 10 dm. Từ đó, rút ra nhận xét: 1 m = 100 cm, 1 m = 10 dm.

1. GV giới thiệu: Mét là một đơn vị đo độ dài, viết tắt là m.

1 m = 10 dm 1 m = 100 cm.

HS đọc và ghi vào vở.

1. HS cùng nhau dùng thước mét đo sải tay xem sải tay của mồi bạn trong nhóm dài hơn, ngắn hơn hay bằng 1 m.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện các thao tác:

* Cùng nhau nhắm mắt nghĩ về độ dài 1 m.
* Ước lượng rồi kể cho bạn nghe tên một số đồ vật:

1. dài hơn 1 m.
2. ngắn hơn 1 m.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

1. HS thực hành tính toán với đơn vị đo mét rồi đọc kết quả cho bạn nghe.
2. HS suy nghĩ tìm số thích họp thay cho ô ? rồi cùng bạn kiểm tra kết quả

đặt câu hỏi và trả lời về những thông tin trong bài tập.

:rên thước

cuộc sống '.10? Dùng

•- rrực quan

r đo chiều '011 người :ỏ. đơn vị : hỏm nay.

iai 100 cm

**Bài 3.** HS thực hiện các thao tác:

* Đọc bài toán.
* Hiểu bài toán.
* Suy nghĩ cách giải quyết bài toán: Cuộn dây điện thứ hai ngắn hơn cuộn dây điện thứ nhất 9 m. Vì vậy, ta phải làm phép tính trừ.
* Viết bài giải vào vở.
* Đồi vở chữa bài, nói cho bạn nghe cách giải quyết vấn đề của mình.
* Khi chữa bài GV đặt câu hỏi để HS mô tả suy nghĩ cách thức giải quyết vấn đề của các em.

**Bài 4.** HS thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm bàn:

1. Quan sát hình vẽ, đọc các số đo ghi trên các thẻ; chọn số đo độ dài thích hợp với mồi đồ vật rồi giải thích tại sao lại chọn.
2. Quan sát hình vẽ, chọn số đo độ dài thích hợp với mồi trường hợp rồi giải thích tại sao lại chọn.

rong nhóm

*Lưu ý:* GV nên đặt câu hỏi đế HS đưa ra lí lẽ, chứng cứ lập luận về tính hợp lí khi chọn số đo độ dài cho mồi trường hợp. GV có thể tổ chức để HS đặt câu hỏi cho phần trình bày của nhóm bạn, trong trường họp đó HS dề dàng giải thích lập luận hơn.

1. Hoạt động vận dụng

**Bài 5.** HS thực hành đo rồi cắt sợi dây có độ dài **1** m, 2 m.

HS thực hiện theo nhóm cùng nhau họp tác để đo rồi cắt các sợi dây có độ dài theo yêu cầu.

*Lưu ý:* GV quan sát để hướng dẫn HS thao tác cấn thận, sử dụng công cụ, phương tiện học toán một cách có hiệu quả. Thúc đấy HS phát huy hiệu quả của hợp tác nhóm. Hướng dần HS kiểm tra lại kết quả sau khi cắt xem có chính xác không. Đặt câu hỏi để HS nêu những giá trị rút ra sau khi trải nghiệm đo và cẳt sợi dây.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Em thích nhất hoạt động nào?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

1. **Hoạt độn(**
2. Ke tên các đ
3. Bút chì dài
4. Bàn học ca
5. Chiều dài 1
6. Quãng đưc

*Lưu ý:* Câu d giới thiệu đơn vị c

1. HS quan sá bức tranh. GV đặt chưa? Hãy chia sè
2. **Hoạt độnc**
3. Nhận biết d

Đê đo nhừnơ con sông,... người

* GV giới thụ
* HS đọc và 2

1. Tô chức hoạ

GV lấy một V thích cho HS cảm

**c. Hoạt động**

Bài 1. HS thựi

Quan sát hình tại sao lại chọn.

*Lưu ỷ:* GV nẻ khi chọn số đo độ I

Bài 2. HS thựi

a) HS thực hàr

* Liên hệ về nhà, em tập ước lượng một số đồ dùng, đồ vật sử dụng đơn vị đo độ dài mét.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các hoạt động quan sát, đo đạc, so sánh, trao đối, nhận xét, chia sẻ ý kiến để nắm vững cách đo, đơn vị đo mét, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng họp tác vả uiao tiếp với người khác; cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

* Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Có thế phân bổ tiết 1 đến hết bài tập 2.
* Khó khăn của HS là việc cảm nhận được độ dài thực tế 1 m, GV có thể thiết kế những hoạt động phù hợp.

e

**83** KI-LÔ-MÉT

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết ki-lô-mét là đơn vị đo độ dài, ki-lô-mét viết tắt là km. Biết được quan hệ

giữa ki-lô-mét với các đơn vị đo độ dài đã học.

* Thực hiện được các phép tính với đơn vị mét và vận dụng giải quyết vấn đề

thực tế.

* Biết ước lượng độ dài với đơn vị đo ki-lô-mét trong một số trường họp đơn giản.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Một số tình huống thực tế có sử dụng đơn vị đo độ dài km.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

ụns đơn vị đo

c **sinh**

:hận xét, chia phát triển NL :g cụ, phương sằn sàng họfp i toán học và

**hẻt bài tập 2.**

**rV CÓ thể thiết**

1. Hoạt động khởi động
2. Ke tên các đơn vị đo độ dài đã học. Viết đơn vị đo độ dài thích hợp vào chồ chấm:
3. Bút chì dài 15
4. Bàn học cao khoảng 8
5. Chiều dài lóp học khoảng 12
6. Quãng đường tò Hà Nội đi Hải Phòng dài khoảng 90

*Lưu ý:* Câu d là tình huống để GV khai thác vốn hiểu biết của HS. Từ đó, GV giới thiệu đơn vị đo độ dài mới.

1. HS quan sát tranh nói cho bạn nghe những thông tin biết được liên quan đến bức tranh. GV đặt vấn đề: Các em đã bao giờ nghe nói đến đơn vị đo độ dài ki-lô-mét chưa? Hãy chia sẽ với bạn những thông tin em biết.
2. Hoạt động hình thành kiến thức
3. Nhận biết đơn vị đo độ dài ki-lô-mét

Đe đo những độ dài tương đối lớn như độ dài đường bộ, đường sắt, chiều dài con sông,... người ta thường sử dụng đơn vị đo độ dài ki-lô-mét.

* GV giới thiệu: Ki-lô-mét là một đơn vị đo độ dài, viết tắt là km.

1 km = 1000 m 1000 m = 1 km.

* HS đọc và ghi vào vở.

1. Tố chức hoạt động giúp HS cảm nhận được độ dài 1 km trong thực tế cuộc sống

**được** quan hệ quvết vấn đề **họp** đơn giản.

GV lấy một vị trí có khoảng cách từ trường học đến vị trí đó là 1 km để giải thích cho HS cảm nhận được độ dài 1 km.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm bàn:

Quan sát hình vẽ, chọn số đo độ dài thích họp với mồi trường họp rồi giải thích tại sao lại chọn.

*Lưu ý:* GV nên đặt câu hỏi để HS đưa ra lí lẽ, chứng cứ lập luận về tính họp lí khi chọn số đo độ dài cho mỗi trường hợp.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác:

1. HS thực hành tính toán với đơn vị đo ki-lô-mét rồi đọc kết quả cho bạn nghe.
2. HS suy nghĩ tìm dấu (>, <, =) thích họp thay cho ô Ị\_?j rồi cùng bạn kiêm tra kết quả đặt câu hòi và trả lời về những thông tin trong bài tập.
3. MỤCTIẺL

Học xon;

* Biết cá

-Vận dụ tình huống 2ă

* Phát tri

1. CHUẨN E

* Một số
* Tạo kh

1. GỢI Ý C­A. Hoạt (

HS hoạt (

* HS qua
* HS thai

+ Bức tr£

+ Nói vớ Một đoàn tàu và máy bay *o*

* HS nêu

**B. Hoạt <**

1. HS tín

* HS tha«
* Đại diệ
* GV chc
* Đặt tín]

Bài 3. HS thực hiện theo nhóm:

* Đọc thông tin về độ dài quãng đường từ Hà Nội đi một số tỉnh.
* Đặt câu hỏi mời bạn trả lời từ những thông tin về chiều dài quãng đường.
* Liên hệ với độ dài quãng đường ở một sô địa danh cùa địa phương em rôi nêu nhận xét.

Bài 4. HS thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm bàn:

* Quan sát sơ đồ, chia sẻ thông tin biết được từ sơ đồ.
* Thảo luận với bạn, đưa ra những lập luận chỉ ra lí lẽ, chứng cứ để nói rõ quan điểm có đồng ý với câu nói của Tùng không.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 5. HS thực hành ước lượng với đơn vị đo ki-lô-mét. HS thực hiện theo nhóm cùng nhau ước lượng khoảng cách từ trường học đến nhà của mình dài khoảng bao nhiêu ki-lô-mét.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Em thích nhất hoạt động nào?
* Từ ngừ toán học nào em cần chú ý?
* Liên hệ về nhà, em tập ước lượng một sử dụng đơn vị đo độ dài ki-lô-mét.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các hoạt động quan sát, so sánh, trao đổi, nhận xét, ước lượng sử dụng đơn vị đo ki-lô-mét trong bối cảnh thực tiễn, HS có cơ hội được phát triên NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học. Kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sẵn sàng họp tác và giao tiêp với người khác; cảm nhận sự kêt nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

* Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Có thể phân bổ tiết 1 đến hết bài tập 2.
* Khó khăn của HS là việc cảm nhận được độ dài thực tế 1 km, GV có thể thiết kế những hoạt động phù họp.

3 PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ)

■ -:n kiểm tra

* đường.
* nơ em rồi

'01 rõ quan

:neonhóm • oang bao

lộng nào?

-^ò-mét.

s nh

". ượng sử triển NL . :a HS về 'in sự kết

‘ai tập 2. thể thiết

84 TRONG PHẠM VI ÌOOO

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẮN BỊ

* Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 1000.
* Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

* HS quan sát bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).

HS thảo luận nhóm bàn:

+ Bức tranh vẽ gì?

+ Nói với bạn về vấn đề liên quan đến tình huống trong bức tranh. Chẳng hạn: Một đoàn tàu có 719 hành khách, một máy bay có 234 hành khách. Vậy cả đoàn tàu và máy bay có tất cả bao nhiêu hành khách?

* HS nêu phép tính tìm số hành khách: 719 + 234 = ?

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. HS tính 719+ 234 = ?

* HS thảo luận cách đặt tính và tính;
* Đại diện nhóm nêu cách làm;
* GV chốt lại các bước thực hiện tính: 719 + 234 = ?;

Đặt tính;

* Thực hiện tính từ phải sang trái:

**Bài 5**

* HS đặt tính 1
* HS đổi vơ ki
* GV chừa bài
* GV đặt câu 1 Nhắc bạn lồi sai ha

**Bài 6**

* HS đọc bài t
* HS thảo luậr đặt ra (quyết định ụ tại sao).
* HS viết pheỊ

Đội côns

* HS kiểm tra
* GV nên khu giải rõ ràng theo c;

*Lưu ý:* GV hi nháp trong học toa

1. **Hoạt động**

HS **tìm một SC** sẻ với cả lóp.

1. **Củng cố, c**

* GV hỏi HS:
* Khi đặt tính
* Liên hệ vê 1 học, đặt ra bài toái

719 + 9 cộng 4 bằng 13, viết 3, nhớ 1.

234 + 1 cộng 3 bằng 4, thêm 1 bằng 5, viết 5.

953 + 7 cộng 2 bằng 9, viết 9.

* GV nêu một phép tính khác HS thực hiện trên bảng con, chang hạn:

567 + 316 = ?

*Lưu ỷ:* SGK trình bày rõ từng thao tác tính để HS dễ học nhưng khi tổ chức hoạt động trên lóp GV không nên trình bày giống y hệt SGK mà chỉ cần trình bày gọn như trên.

1. HS thực hiện một số phép tính khác đế củng cố cách thực hiện.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1

* HS tính rồi viết kết quả phép tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* Nhắc lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

*Lưu ý:* Đặt câu hỏi để HS nhận xét và lưu ý các trường họp có nhớ khi cộng đon vị với đơn vị hay khi cộng chục với chục.

Bài 2

* HS đặt tính rồi tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS, chú ý những lồi quên nhớ khi cộng.

Bài 3

* HS quan sát mẫu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 367 + 25 = ?
* Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.
* HS tự làm các phép tính vào vở, đổi vở kiểm tra chéo.

Bài 4

* HS quan sát mầu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 176 + 8 = ?
* Đại diện một vài cặp HS chia sẻ cách làm, GV chốt lại cách thực hiện và lưu ý HS cách đặt tính.
* HS tự làm các phép tính vào vở, đổi vở kiểm tra chéo.
* HS đặt tính rồi tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.

ỏ chức

nh bày

* GV đặt câu hỏi để HS nhắc lại cách đặt tính rồi tính trong từng trường họp. Nhắc bạn lồi sai hay gặp trong khi đặt tính và tính.

Bài 6

IỈS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.

* HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).
* HS viết phép tính thích họp và trình bày bài giải vào vở:

Bài giải

hi cộng

Đội công nhân mang đến vườn hoa tất cả số chậu hoa là:

368 + 150 = 518 (chậu hoa).

*Đáp sổ:* 518 chậu hoa.

* HS kiểm tra lại.

ồi quên

**-25 = ?** 1 và lưu

**3 + 8 = ?** n và lưu

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.

*Lưu ý:* GV hướng dẫn HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả. Kĩ năng sử dụng nháp trong học toán cũng là kĩ năng HS cần trau dồi để sử dụng hiệu quả.

1. Hoạt động vận dụng

HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng đã học rồi chia sẻ với cả lớp.

1. Củng cố, dặn dò

* GV hỏi HS: Hôm nay, các em biết thêm được điều gì?
* Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?
* Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng đã học, đặt ra bài toán cho mồi tình huống đó, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* HS đổi vơ
* Nhắc lại q

**Bài 2**

* HS đặt tín
* HS đổi va
* GV chừa t

**Bài 3**

* Cá nhân F đê tìm kêt quả tr
* Chỉ vào ti bông hoa nào.

1. **Hoạt đội**

**Bài 4**

* HS đọc bc
* HS thảo li cua mình.
* HS trình *\*
* Kiểm tra ]
* Liên hệ th phạm vi 1000 tr

1. Củng cố

Bài học hôr em trong cuộc s

(\*) Cơ hội

* Thông qu cộng đế giải qir học, NL tư duv
* Thông qu se nhóm, HS có
* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép cộng đế giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triến NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS của lớp mình GV co thể phân bố thời gian cho phù họp. Chang hạn tiết 1 có thể kết thúc khi hẻ: bài tập 2, cũng có thể kết thúc khi hết bài tập 3.

**85**

LUYỆN TẬP

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết cách đặt tính và thực hiện được phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Vượt qua thử thách” theo nhóm:

HS nêu tình huống thực tế (đã chuấn bị ở nhà) liên quan đến phép cộng (có nhớ! trong phạm vi 1000. Mời một bạn bất kì trong lớp hoặc trong nhóm thực hiện tính và trả lời câu hỏi đặt ra.

Nhóm nào có nhiều tình huống hay, phép tính đúng thì thắng cuộc.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

* HS tính rồi viết kết quả phép tính.
* HS đôi vở kiêm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.

**ih**

ỉụng phép ìn đê toán

? đôi, chia

lớp mình

**JC khi hết**

* Nhắc lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 2

* HS đặt tính rồi tính.
* HS đổi vở kiếm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.

Bài 3

* Cá nhân HS làm bài 3: Tìm kết quả các phép cộng (HS nên đặt tính ra nháp để tìm kết quá tránh nhầm lần).
* Chỉ vào từng cặp phép tính, nói cho bạn nghe mỗi con ong đến hút mật ở bông hoa nào.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 4

* HS đọc bài toán, nhận biết bài toán cho gì, hỏi gì.

1 vi 1000. ột số tình

* HS thảo luận tìm phép tính để giải quyết bài toán, nói cho bạn nghe suy nghĩ

của mình.

* HS trình bày bài giải.
* Kiểm tra lại các bước thực hiện.
* Liên hệ thực tế với những tình huống liên quan đến phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000 trong cuộc sống.

1. Củng cố, kết bài

: í có nhớ) hiện tính

Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép cộng để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát trien NL giải quyết vấn đề toán

học, NL tư duy và lập luận toán học.

* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát trien NL giao tiếp toán học.

Thực hiện tính

362 -

145 -

-

86

**PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI ÌOOO**

217 -

* Đọc kết quà: Y 2. HS thực hiện

**c. Hoạt động th Bài 1**

* HS tính rôi viê
* HS đôi vở kiẻr
* Nhắc lại quv *xi* **Bài 2**
* HS đặt tính ròi
* HS đôi vơ kiêr
* GV chữa bài. c **Bài 3**
* HS quan sát mỉ
* Đại diện một \

■' s cách đặt tính.

* HS tự làm các Bài 4
* HS quan sát m;
* Đại diện một \

: ^ cách đặt tính.

* HS tự làm các Bài 5
* HS đặt tính rỏi
* HS đôi vơ kiẻi
* GV chữa bài. i

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết cách đặt tính và thực hiện phép tính trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000.

-Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một > - tình huống gắn với thực tế.

* Phái triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 1000.
* Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khởi động

HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

* HS *quan sát* bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).
* HS thảo luận nhóm bàn:

+ Bức tranh vê gì?

+ Nói với bạn về vấn đề liên quan đến tình huống trong bức tranh. Chang hạr. Trong một thư viện có 362 quyển sách. Người ta đã cho mượn 145 quyển. Hỏi th\_' viện đó còn lại bao nhiêu quyến sách?

* HS nêu phép tính tìm số quyến sách còn lại: 362 - 145 = ?

1. Hoạt động hình thành kiến thức
2. HS tính 362 - 145 = ?

* HS thảo luận cách đặt tính và tính.
* Đại diện nhóm nêu cách làm.
* GV chốt lại các bước thực hiện tính 362 - 145 = ?

Đặt tính.

* Thực hiện tính từ phải sang trái:

\_ 362 +2 không trừ được 5 lấy 12 trừ 5 bằng 7, viết 7, nhớ 1

—145 + 4 thêm 1 băng 5, 6 trừ 5 bằng 1, viết 1

217 + 3 trừ 1 bằng 2, viết 2

-Đọc kết quả: Vậy 362 - 145 = 217

1. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1

* HS tính rôi viêt kêt quả phép tính.
* HS đôi vở kiêm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* Nhắc lại quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 2

* HS đặt tính rồi tính.
* HS đôi vở kiêm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS Bài 3
* HS quan sát mâu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 756 - 38 = ?

,, ì re“ *Đạl ẩi*ện.một vài cặp HS chia sẻ cách làm’ GV chốt cách thực hiện và lưu y HS cách đặt tính. ' ■

HS tự lam cac phép tính vào vở, đôi vở kiểm tra chéo Bài 4

* HS quan sát mâu, nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính phép tính 143 — 7 = 7
* Đại diện một vài cặp HS chia sé cách làm, GV chét lại cách thực hiện và lưu

ỷ HS cách đặt tính.

HS tự lam cac phép tính vào vở, đôi vở kiểm tra chéo Bài 5

* HS đặt tính rồi tính.
* HS đôi vở kiêm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.
* Đặt câu hỏi để HS nhắc lại cách đặt tính rồi tính trong từng trường hợp. Nhắc bạn lôi sai hay gặp trong khi đặt tính và tính.

Bài này được GV có thể phân b bài tập 2, cũng co

1. MỤC TIÊU

Học xon2 ba

* Thực hiện I
* Vận dụne ! quyết một số tinh
* Phát triẻn c

1. GỢI Ý CÁC *l*

**A. Hoạt độn**

HS chơi tro .

-HS nêu tini trong phạm vi 1( và trả lời câu hoi

* Nhóm nào

**c. Hoạt độr** Bài 1

* HS tính rõ
* HS đôi vơ
* Nhắc lại ọ

Bài 2

* HS đặt tín
* HS đôi vo
* GV chừa t

Bài 6

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).
* HS viết phép tính thích họp và trình bày bài giải vào vở:

***Bài giải*** Số cuốn sách còn lại là:

785 - 658 = 127 (cuốn sách)

*Đáp so:* 127 cuốn sách.

* HS kiểm tra lại.
* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình.

*Lưu ỷ:* HS tính ra nháp rồi kiểm tra kết quả.

1. Hoạt động vận dụng

HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ đã học rồi chia sẻ với cả lóp.

1. Củng cố, dặn dò

* GV hỏi HS: Hôm nay, các em biết thêm được điều gì?
* Khi đặt tính và tính em nhắn bạn cần lưu ý những gì?
* Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học, đặt ra bài toán cho mồi tình huống đó, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép trừ đê giải quyêt vân đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS của lớp mình GV có thể phân bổ thời gian cho phù họp. Chẳng hạn tiết 1 có thê kêt thúc khi hêt bài tập 2, cũng có thể kết thúc khi hết bài tập 3.

i -

**87** LUYỆN TẬP

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Thực hiện được phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 1000 vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Vượt qua thử thách” theo nhóm:

* HS nêu tình huống thực tế (đã chuẩn bị ở nhà) liên quan đến phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000. Mời một bạn bất kì trong lóp hoặc trong nhóm thực hiện tính và trả lời câu hỏi đặt ra.
* Nhóm nào có nhiều tình huống hay, phép tính đúng thì thắng cuộc.

**c.** Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1

* HS tính rồi viết kết quả phép tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* Nhắc lại quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 2

* HS đặt tính rồi tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chữa bài, chình sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.
* Cá nhân HS làm bài 3: Tìm kết quả các phép trừ (HS nên đặt tính ra nháp để tìm kêt quả tránh nhầm lẫn).
* Vận dụns quyết một số tình
* Phát triên c

II. GỢI Ý CÁC *b*

**A. Hoạt độn<**

HS chơi trò c - Mồi nhóm

+ 20í 2:;

* HS thao liụ đúng thì thắn2 CIK
* HS chia se V

**c. Hoạt độnc Bài 1**

* HS tính rỏi1
* HS đổi vơ k
* Nhắc lại qu\ **Bài 2**
* HS đặt tính ĩ
* HS đổi vơ ki
* GV chừa bai **Bài 3**

1. HS thực hiệi

* HS thực hiện
* HS kiểm tra ]

1. HS chơi tro

* Mồi bạn viết hơn sẽ thắng cuộc.
* Chỉ vào từng cặp phép tính, nói cho bạn nghe mồi chiếc khoá tương ứng với môi chìa khc;>

1. Hoạt động vận dụng

**Bài 4**

* HS đọc bài toán, nhận biết bài toán cho gì hòi gì.
* HS thảo luận tìm phép tính để giải quyết bài toán, nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình. '
* HS trình bày bài giải.
* Kiểm tra lại các bước thực hiện.
* Liên hệ thực tê với những tình huống liên quan đến phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000 trong cuộc sống.

1. Củng cố, dặn dò

Bài học hôm nay em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

( ) Co hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép trừ đê giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL gỉải quyết van đề toan học, NL tư duy và lập luận toán học.

-Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học. ’

-\*•

**88** **LƯYỆN TẬP CHƯNG**

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Thực hiện được phép tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000
* Thực hiện được cộng, trừ nhẩm các phép tính đơn giản.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU **A. Hoạt động khởi động**

HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng” theo nhóm:

* Mồi nhóm nhận được một bộ thẻ phép tính khác nhau, chẳng hạn:

+ 208 \_ 57ũ 423 954

2 2 081 \_9 ¿Ị

□9ũ 1D8 D5Ũ U6D

* HS thảo luận viết số thích hợp vào ô trống. Nhóm nào thực hiện nhanh và đúng thì thắng cuộc.
* HS chia sẻ cách tìm số trong mồi ô trống.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1

* HS tính rồi viết kết quả phép tính.
* HS đôi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* Nhắc lại quy tắc cộng, trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 2

* HS đặt tính rồi tính.
* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chừa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.

Bài 3

1. HS thực hiện các thao tác:

* HS thực hiện tính nhẩm rồi nêu kết quả.
* HS kiêm tra lần nhau, nói cho bạn nghe cách làm.

1. HS chơi trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng” theo nhóm.

* Mồi bạn viết hai số có ba chữ số nhỏ hơn 500 rồi tính tống. Ai có tổng lớn hơn sẽ thăng cuộc.

*Lưu ý:* HS có thể có nhiều phương án khác nhau, GV nên khuyến khích HS phát biểu suy nghĩ của bản thân. Khuyến khích HS suy nghĩ cách viết số để có tổng lớn hơn.

í

1. MỤC TIÊU

Học xong bài nà\

* Củng cố kĩ năn; nhẩm các phép tính đi
* Vận dụng được Sắn với thực tế.
* Phát triển các >

1. CHUẨN BỊ

* Một số tình huố
* Tạo không khi'

1. GỢI Ý CÁC HOẠ

**A. Hoạt động kh**

1. Chia sẻ các tình

HS chia sẻ trước nhau nói một tình huò

1. GV hướng dần nhâm trong phạm vi 1

**c. Hoạt động thi Bài 1**

* HS tính rồi viết
* HS đôi vở kiêm
* Nhắc lại quy tắc

Bài 2

* HS đặt tính rồi 1
* HS đổi vở kiêm
* GV chữa bài. ch

Bài 4

- HS tính nhẩm, rồi tìm dấu (>, <, =) thích họp thay cho ô

* HS đổi vở chữa bài, nói cho bạn nghe cách làm của mình.

Bài 5

* HS đọc bài toán, nhận biết bài toán cho gì, hỏi gì.
* HS thảo luận tìm phép tính để giải quyết bài toán, nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình.
* HS trình bày bài giải.
* GV gợi ý cho HS liên hệ tình huống bức tranh với thực tế địa phương mình.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 6

* Quan sát tranh vẽ, nhận biết bối cảnh bức tranh, có thể chia sẻ một vài thông tin liên hệ đến bối cảnh, chẳng hạn hằng ngày em có tập thể dục không? Nhà em có ai tập thể dục bằng cách chạy bộ không?
* HS đọc hiểu vấn đề; nhận biết, phát hiện vấn đề cần giải quyết.
* HS thảo luận cách giải quyết vấn đề, nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình.
* HS nêu câu trả lời.
* GV đặt thêm các câu hởi hoặc khuyến khích HS đặt ra những vấn đề tương tự hoặc khác từ bối cảnh của tình huống đã cho.

1. Củng cố, dặn dò

Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, HS biết vận dụng phép cộng, trừ để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngừ toán học đê diễn tả cách tính, trao đôi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

fi \_ ^

**89 LUYỆN TẬP CHƯNG**

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố kĩ năng cộng, trừ các số có ba chữ số (không nhớ, có nhớ); cộng, trừ nhẩm các phép tính đơn giản trong phạm vi 1000.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phái triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000.
* Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học, giữa giờ học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YỂU **A. Hoạt động khởi động**
2. Chia sẻ các tình huống có phép cộng, phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em.

HS chia sẻ trước lóp: đại diện một sô bàn, đứng tại chồ hoặc lên bảng thay nhau nói một tình huông có phép cộng mà mình quan sát được.

1. GV hướng dân HS chơi trò “Truyên điện” hoặc “Đố bạn” ôn tập cộng trừ nhấm trong phạm vi 1000, chẳng hạn: 300 + 400; 1000 - 500.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1

* HS tính rồi viết kết quả phép tính.
* HS đôi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* Nhắc lại quy tắc cộng, trừ tò phải sang trái, viết kết quả thẳng cột.

Bài 2

* HS đặt tính rồi tính.
* HS đôi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.

Bài 3. HS chơi theo nhóm: Giúp bạn Gấu tìm đường về nhà:

**E. Củng cố.**

Bài học hôr.^ em trong cuộc SÓ!

**(\*) Cơ hội**

* Thông qua cộng, trừ để giai toán học, NL tư <
* Thông qua sẻ nhóm, HS có c *A*

1. MỤC TIÊU

Học xong bài

* Làm quen Y đối tượng trong tin
* Vận dụng th thực tiễn.
* Phát triển cac

1. CHUẨN BỊ

* Một số loại đc
* Tranh vẽ như 5

1. GỢI Ý CÁC *HO.i* **A. Hoạt động khj**

* HS quan sát tra thông tin quan sát đưc\* của các khối hình mà ]
* GV đặt vấn đề.: phương, các khối cầu :
* HS quan sát các phép tính, tính nhẩm để tìm các vị trí ghi phép tính có kết quả lần lượt là 100, 300, 500, 700, 900, 1000.
* HS chỉ đường về nhà giúp bạn Gấu, khuyến khích HS diễn tả như một câu chuyện.
* Qua bài tập, HS rút ra cách tính nhẩm như thế nào cho nhanh và chính xác.

Bài 4

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?
* HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).
* HS viết phép tính thích họp và trình bày bài giải vào vở:

*Bài giải* Chiều cao của em là:

145- 19= 126 (cm)

*Đáp số:* 126 cm.

* HS kiêm tra lại.
* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình. Khuyến khích HS về nhà hỏi chiều cao của các thành viên trong gia đình rồi tính xem em thấp hơn hay cao hơn mỗi người bao nhiêu xăng-ti-mét.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 5

* HS đọc bài toán, nhận biết bài toán cho gì, hỏi gì.
* HS thảo luận tìm phép tính để giải quyết bài toán, nói cho bạn nghe suy nghĩ

của mình.

* HS trình bày bài giải.
* HS kiểm tra lại các bước thực hiện.
* Liên hệ thực tế với những tình huống liên quan đến phép cộng, phép trừ (có

nhớ) các số trong phạm vi 1000 trong cuộc sống.

1. Củng cố, dặn dò

0 kết qua ' một câu inh xác.

¿i?

I bài toán ra và giải

Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sông hăng ngày?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng phép cộng, trừ đê giải quyêt vân đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nk'im, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

**90**

THU THẬP - KIỂM ĐẾM

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm và ghi lại kết quả một số đối tượng trong tỉnh huống đơn giản.

ẻt câu lời :hiều cao lồi người

* Vận dụng thu thập, kiểm đếm và ghi lại kết quả trong một số tính huống thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Một số loại đồ vật khác nhau để HS thu thập, kiểm đếm.
* Tranh vẽ như SGK.

suy nghĩ

¿P trừ (có

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khời động

* HS quan sát tranh theo cặp hoặc theo nhóm, đặt và trả lời câu hỏi về những thông tin quan sát được từ bức tranh. GV đặt câu hởi hoặc gợi ý để HS nêu số lượng của các khối hình mà HS quan sát được từ bức tranh.
* GV đặt vấn đề, nếu bây giờ có thêm nhiều hình khác, việc đếm các khối lập phương, các khối cầu sẽ dề nhầm lẫn hơn. Hãy thảo luận với bạn xem có cách nào

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* về nhà, em hãy tìm ví dụ thực tế liên quan đến thu thập, kiểm đếm.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc làm quen với thu thập, phân loại, kiếm đếm và ghi lại kết quả một sổ tình huống thống kê đơn giản, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* HS lấy

^ -HSthai đếm số tượns

* HS thựi

**B. Hoạt c**

HS thực 1

* Quan Sí

+ Tên biẻ

+ Thôna1

+ Biêu đ< 3 quả dứa và :

* HS thực thông tin quar

**c. Hoạt c**

Bài 1. G^

màu sắc khác

* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù hợp. Chẳng hạn, tiết 1 kết thúc sau khi hoàn thành bài 1.

**91** BIỂU ĐỒ TRANH

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm một số đối tượng trong tình huống đơn giản.
* Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biếu đồ tranh.
* Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.
* Phát triển các NL toán học.

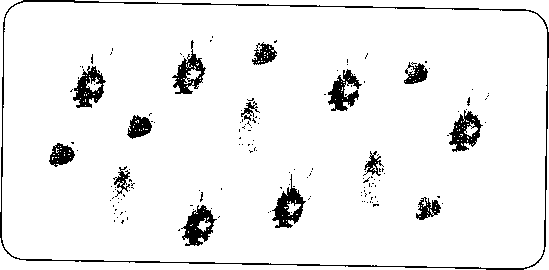
1. CHUẨN BỊ

* Các hình của một số loại quả hoặc một số loại hình khác nhau.
* Hình vẽ một số biểu đồ tranh như SGK.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU
2. Hoạt động khời động

* HS quan sát tranh theo cặp hoặc theo nhóm, đặt và trả lời câu hỏi về những thông tin quan sát được từ bức tranh.

240



**¡inh**

lại kết quả L aiải quyết

ao đổi, chia

;ăt tiết và tổ :hànhbài 1.

HS lay ra cac the in hình các loại trái cây như trong hình vẽ trên

Ấ - thảo luận nhóm phân loại trái cây và xếp các thẻ theo từng loại rồi kiểm đêm sô tượng từng loại.

* HS thực hiện theo nhóm bàn, đặt câu hỏi và trả lời.

1. Hoạt động hình thành kiến thức

HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

* Quan sát biểu đồ tranh trong SGK, nhận biết:

+ Tên biêu đô: Sô trái cây trong giỏ.

+ Thong tin trên biêu đô: có tên các loại trái cây, số lượng mồi loại trái cây

g trong tình

+ Biêu đô tranh ở trên cho biết trong một giỏ trái cây có 6 quả thanh long 3 quả dứa và 5 quả dâu tây.

A “ HS thvc hiên theo nhóm bàn, quan sát biểu đồ trong SGK nói với bạn về các

thông tin quan sát được trên biểu đồ.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. GV đặt vấn đề: Bạn An phân loại và xếp các khối lập phương theo các

'1 về những

màu săc khác nhau và thể hiện trong biểu đồ tranh:

Số khối lộp phương theo màu sắc

|  |  |
| --- | --- |
| Xanh |  |
| Đỏ |  |
| Tím | **■ ■** |
| Vàng  - | ... |

* HS quan sát biểu đồ tranh và mô tả những thông tin từ biếu đồ đó.

E. Củng cố, dị

* Bài học hôm
* về nhà, em *\* cuộc sống.

(\*) Cơ hội học

* Thông qua V thu thập, phân loại, mô tả được các số 1 biểu đồ tranh, HS c duy và lập luận toái
* Thông qua vi' sẻ nhóm, HS có cơ

IV. LƯU Ý CHO G

Bài này được th các hoạt động cho pl

V

1. MỤC TIÊU

Học xong bài n

* Làm quen Vi “chắc chắn”, “có th xuất phát từ thực tiề
* Phát triên các

1. CHUẨN BỊ

Một số tranh nh

1. GỢI Ý CÁC HC **A. Hoạt động *V***

a) HS lấy ra 5 ứ

* HS hoạt động theo cặp, đặt và trả lời các câu hỏi liên quan đến biếu đô.
* GV chốt lại nhấn mạnh các thông tin liên quan đến biêu đồ:

+ Tên biểu đồ thể hiện bạn An đã phân loại các hình khối theo màu sắc.

+ Các màu của khối lập phương gồm: xanh, đỏ, tím, vàng.

+ Có 6 khối màu xanh, 5 khối màu đỏ, 2 khối màu tím, 5 khối màu vàng.

+ Khối lập phương mau dỏ và khối lộp phương màu vàng có số lượng bằng nhau.

Bài 2

* HS nhận biết vấn đề: Bạn Mai theo dõi số trứng mà 3 con gà đẻ được trong một tuần qua biếu đồ tranh.
* HS thảo luận theo cặp đặt câu hòi và trả lời liên quan đến các thông tin trên biêu đồ.

]

)

* GV chốt lại, gợi ý giúp HS nói ý nghĩa thống kê của việc sử dụng biểu đồ tranh trong cuộc sống. Chẳng hạn: Bạn Mai rất thông minh khi biết dùng biêu đồ đế theo dõi số trứng mà 3 con gà đẻ được. Toán học giúp ích rất nhiều cho con người trong cuộc sống.

Bài 3

* HS quan sát biểu đồ, thảo luận theo cặp đặt câu hỏi và trả lời liên quan đến các thông tin trên biểu đồ.
* GV chốt lại, gợi ý giúp HS nói ý nghĩa thống kê của việc sử dụng biểu đồ tranh trong cuộc sống. Chẳng hạn: Nhìn vào biểu đồ về phương tiện đến trường của HS lớp 2A chúng ta thấy: Các bạn lóp 2A đến trường bằng các loại phương tiện xe buýt xe đạp, xe máy, đi bộ. số HS đến trường bằng xe buýt nhiều nhất, số HS đến trường bằng xe đạp ít nhất.

1. Hoạt động vận dụng

HS sử dụng khung tranh trong bài 1 (GV làm một khung bo tương tự treo trên bảng). HS lấy các hình phẳng trong bộ đồ dùng học tập cá nhân, phân loại theo màu sắc rồi xếp vào các ô tương ứng trong bảng. HS kiểm đếm và cho biết các thông tin trên biểu đồ tranh vừa có được.

*Lưu ý:* HS có thể sử dụng với các đồ vật khác để thu thập, phân loại, sắp xếp, biểu diễn trên biểu đồ tranh.

1. Củng cố, dặn dò

:ẻu đồ.

: sãc.

. vàng.

: băng nhau.

dược trong

ỏng tin trên

ina biểu đồ g biểu đồ để con người

:n quan đến

ụnẹ biếu đồ 1 rrường của rơng tiện xe số HS đến

tự treo trên ụi theo màu ac thông tin

>ại, sắp xếp,

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* **về** nhà, em hãy tìm ví dụ thực tế liên quan đến sử dụng biểu đồ tranh trong cuộc sông.

(\*) Co hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

’ Thong qua viẹc tiep cận một sô tình huông đơn giản HS biêt vận dụng việc thu thập, phân loại, kiêm đêm một số đối tượng trong tình huống đơn giản- đọc và mô tả được các sô liệu ở dạng biểu đồ tranh, nêu được một số nhận xét đơn giản từ biêu đô tranh, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học NL tư duy và lập luận toán học.

* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù hợp. Chẳng hạn, tiết 1 kết thúc sau khi hoàn thành bài tập 1.

Ê \_ **, ,**

92 CHẮC CHẮN - CÓ THỂ - KHÔNG THỂ

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngừ: “chăc chăn”, “có thê”, “không thể”, thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuât phát từ thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

Một số tranh như SGK.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU **A. Hoạt động khởi động**
2. HS lấy ra 5 thẻ số rồi xếp thành dãy như sau: 3, 2, 3, 3, 3.

* Sử *à\* ra” để diễn 1

-HSla kết quả và 2

* GV c “chắc chắn :

**Bài 2**

* HS qi
* HS th mô tả kha n;

*Lun Ý:*

mô tả sừ dụ: em. GV có t bối cảnh kh; vào gôn và 1

1. **Hoại**

Bài 3. *\*

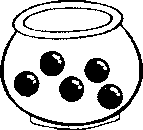
Chơi thỉ

1. **Củn;**

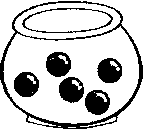
* Bài h(
* về nlì người thườn năng xảv ra

(\*) Cơ I

* Thôm mô tả nhừns thể”, thôns í hội được ph;
* Thôns sẻ nhóm, HS



Có thể lấy được 1



Chắc chán lấy được 1 IU

* HS nói:

+ Có thể lấy ra được thẻ có số 3.

+ Có thể lấy được thẻ có số 2.

+ Không thể lấy được thẻ có số 0.

* HS tưởng tượng:

+ Tôi muốn tự bay lên trời bằng đôi tay của mình (không thể).

+ Tôi sẽ có quà trong ngày sinh nhật sắp tới (có thể).

+ Tôi đang là HS lớp 2 (chắc chắn).

* GV nhận xét: Trong cuộc sống, có rất nhiều hiện tượng người ta dự đoán được khả năng xảy ra của hiện tượng đó.

b) HS quan sát tranh, thảo luận xem bạn nhỏ lấy ra một viên bi thì có những khả năng nào xảy ra.

**B. Hoạt động hình thành kiến thức**

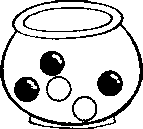
HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

* Quan sát tranh trong SGK, sử dụng các thuật ngữ: “không thể”, “có thể”, “chắc chắn” để mô tả mỗi tình huống trong bức tranh.
* HS thực hiện theo nhóm đôi, quan sát hình vẽ trong SGK đặt câu hỏi và trả lời sử dụng các thuật ngữ: “không thể”, “có thể”, “chắc chắn” để mô tả mồi tình huống trong bức tranh.

**c. Hoạt động thực hành, luyện tập**

Bài 1. HS lần lượt thực hiện các thao tác sau:

* Quan sát hành động được mô tả trong tranh, ví dụ: lấy 1 viên bi màu xanh ra khỏi bình chứa.
* Suy nghĩ về khả năng có thể xảy ra của hành động nói trên.



Không thể lấy được 1 ^

* Sử dụng các thuật ngữ: “không thể xảy ra”, “có thể xảy ra”, “chắc chắn xảy ra” để diễn tả.
* HS làm việc cá nhân chọn từ thích họp với mỗi hình vẽ sau đó chia sẻ với bạn kết quả và giải thích cho bạn nghe lí do chọn.
* GV chốt lại nhấn mạnh các thuật ngữ: “không thể xảy ra”, “có thể xảy ra”, “chắc chắn xảy ra” gắn với khả năng xảy ra trong mỗi tình huống.

Bài 2

* HS quan sát tranh.
* HS thảo luận theo cặp sử dụng các từ “chắc chắn”, “có thể”, “không thể” để mô tả khả năng xảy ra của hành động được mô tả trong bức tranh.

*Lưu ỷ:* GV không cần chốt theo một đáp án cứng nhắc. GV khuyến khích HS mô tả sử dụng các thuật ngữ “chắc chắn”, “có thể”, “không thể” theo cách của các em. GV có thể chiếu những clip để HS dự đoán khả năng đá bóng vào gôn với nhiều bối cảnh khác nhau để HS cảm nhận được tính ngẫu nhiên của hành động đá bóng vào gôn và kết quả xảy ra của hành động đó trong thực tế.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 3. HS chơi trò chơi “Tập tầm vông”

Chơi theo cặp dự đoán đồ vật có trong một bàn tay (lựa chọn là tay phải hoặc trái).

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* **về** nhà, em hãy tìm ví dụ về những sự việc xảy ra trong cuộc sống mà con người thường sử dụng các từ: “chắc chấn”, “có thể”, “không thể” để dự đoán khả năng xảy ra của nó.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản HS biết vận dụng việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: “chắc chắn”, “có thể”, “không thể”, thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuất phát từ thực tiễn, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đổi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

93 EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC Sô 928 êôm 9 tr

Số 770 gồm 7 tr

trăm, mấy chục, mấ' Bài 2

1. MỰC TIÊU HS có thể đặt CÍ

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Đem, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 1000. Phân tích được một số có ba chữ số thành các trăm, chục, đơn vị. - Cá nhân HS SI
* Thực hành cộng, trừ các số trong phạm vi 1000 và vận dụng để giải quyết vấn clLia vao vơ-

đề trong thực tiễn. - HS đổi vở cùn

* Đọc va nhận xét thông tin trên biểu đồ tranh. rïê ^ thích
* Phát triển các NL toán học. Bài 3

1. HS đặt tính n
2. CHUAN BỊ \_ £)ôi vở kiêm t

* Sơ đồ số có thể viết và xoá như bài 3b. - GV chừa bài.
* Sơ đồ đường đi như bài 6. b) HS quan sát t
* GV đặt câu ho

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU \_ GV có thê gợi

.... là số nào.

A. Hoạt động khởi động

Chơi trò chơi “Đố bạn” theo nhóm hoặc cả lóp: ®ai Thực hiẹ

* HS đầu tiên trong nhóm viết ra môt số rồi mời ban tiếp theo viết môt số khác ^ quan sat bi

^7 ỉ \_ 1 \_ ’ tin trong biêu đô trai

theo yêu câu nào đó. Chăng hạn: °

+ Bạn A viết số 123, mời bạn B viết một số có ba chữ số lớn hơn số mình vừa viết. ^ tra ^Ơ1 cac

+ Bạn B viết một số chẳng hạn 170 rồi mời bạn c viết một số có ba chữ số ®ai ^

giống nhau và bé hơn số bạn vừa viết. - HS đọc bài to;

* HS thảo luân '

c. Hoạt động thực hành, luyện tập ***, k, A■ u*** ,

■ ■ » ■ ’ *J* đặt ra (quyêt định lụ

Bài 1 thích tại sao).

1. HS thực hiện các thao tác: - HS viết phép 1

* Đếm số lượng các khối lập phương, chọn số tương ứng cho ô ? .
* Đọc cho bạn nghe các số vừa viết. Ns

1. Cá nhân HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:

Số 391 gồm 3 trăm 9 chục 1 đơn vị, ta viết 391 = 300 + 90 + 1.

Số 928 gồm 9 trăm 2 chục 8 đơn vị, ta viết 928 = 900 + 20 + 8.

Số 770 gồm 7 trăm 7 chục 0 đơn vị, ta viết 770 = 700 + 70.

HS có thể đặt câu hỏi để đố bạn với các số khác, chẳng hạn: số 888 gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị?

ó cỏ : vân

Bài 2

* Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở.
* HS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi đC' HS giải thích cách so sánh của các em.

Bài 3

1. HS đặt tính rồi tính.

* Đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.

1. HS quan sát tìm số thích hợp cho mồi ô \_?\_ rồi nói cho bạn nghe cách làm.

* GV đặt câu hỏi cho HS lập luận, giải thích cách tư duy để tìm số cho mồi ô
* GV có thể gợi ý để HS thấy nếu viết tiếp số theo quy luật đó thì số tiếp theo là số nào.

Bài 4. Thực hiện theo cặp:

khác

ì viết, lừ số

* HS quan sát biểu đồ tranh, cùng bạn đặt và trả lời các câu hỏi về những thông tin trong biểu đồ tranh.
* HS trả lời các câu hỏi trong SGK và có thể đặt thêm những câu hỏi khác.

Bài 5

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).
* HS viết phép tính thích hợp và trình bày bài giải vào vở:

*Bài giải*

Người đó đã đi được tất cả số ki-lô-mét là:

18+ 12 = 30 (km).

*Đáp so:* 30 km.

* HS kiếm tra lại.
* Thu tl thực tiễn eẳ
* Ước 1 cụ đo thích
* Phát I

1. CHUẦN

* Các t thật mệnh 2

-Các tl

* Một • mua bán (H
* Cuộn

1. GỢI Ý ( HOẠT 1

HS thự

* Cầm tiền ở mặt t
* Thao
* Đại d

*Lưu* v:

khích HS c sau của tờ t

HOẠT ]

HS thự

* Các r (người đưa Mồi nhóm I
* Gián (tính toán c khách hàn 2
* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, viết câu lời giải rõ ràng theo cách suy nghĩ của mình; khuyến khích HS liên hệ với những địa điểm gần gũi trong cuộc sống để HS tính toán quãng đường đồng thời cảm nhận được đơn vị đo ki-lô-mét trong thực tế.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 6

* HS quan sát sơ đồ.
* HS thảo luận tìm quãng đường ngắn nhất từ phòng học STEM tới nhà đa năng.
* GV khuyến khích HS trình bày theo cách các em quan sát, suy nghĩ, lập luận để tìm quãng đường ngắn nhất; giúp HS nhận ra một vấn đề trong thực tế là có nhiều con đường khác nhau để đi đến đích, vận dụng kiến thức toán học giúp cho con người giải quyết vấn đề hiệu quả hơn.

1. Củng cố, dặn dò

Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua các hoạt động: Đem số lượng, nêu số tương ứng, sử dụng các dấu (>, <, =) đế so sánh hai số, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học.
* Thông qua các chia sẻ, trao đối nhóm đặt câu hỏi phản biện, HS có cơ hội phát triến NL hợp tác, NL giao tiếp toán học.

**“ 94** EM VƯI HỌC TOÁN

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

* Nhận biết tiền Việt Nam.
* Đối tiền từ mệnh giá to ra các mệnh giá nhỏ hơn và ngược lại. Sử dụng tiền đế trao đổi, mua bán một cách thông minh thông qua đó HS bước đầu cảm nhận được việc sử dụng tiền làm công cụ đế trao đối, mua sắm.
* Thu thập thông tin, kiểm đếm, phân loại, ghi kết quả trong một số tình huống thực tiễn gắn với trường học, lớp học của HS.
* Ước lượng và thực hành đo độ dài trong thực tế sử dụng đơn vị đo và công

cụ đo thích họp.

* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Các tờ tiền mệnh giá 100 đồng, 200 đồng, 500 đồng, 1000 đồng (hoặc tiền thật mệnh giá khác).
* Các thẻ ghi mệnh giá tiền, ví dụ: 5 nghìn đồng, 10 nghìn đồng, 50 nghìn đồng.
* Một số đồ chơi, truyện, sách báo cũ, sản phẩm thú công tự làm đế trao đổi,

mua bán (HS chuẩn bị trước ở nhà và mang đến lóp).

* Cuộn dây để xác định khoảng cách giữa hai vị trí, thước mét.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU HOẠT ĐỘNG 1. Tìm hiểu về tiền Việt Nam

HS thực hiện theo nhóm:

* Cầm tờ tiền Việt Nam, chia sẻ với bạn các thông tin nhìn thấy được trên tờ tiền ở mặt trước, mặt sau.
* Thảo luận tiền được dùng vào những việc gì? Tiền được dùng ở những đâu?
* Đại diện nhóm trình bày.

*Lưu ỷ:* HS có rất nhiều hiểu biết trong cuộc sống về tiền Việt Nam. GV khuyến khích HS chia sẻ các thông tin mỗi em biết về tiền Việt Nam, trên mặt trước, mặt sau của tờ tiền ghi những thông tin gì? Chất liệu, màu sắc của mỗi tờ tiền,...

HOẠT ĐỘNG 2a. Choi trò choi “Đổi tiền”

HS thực hiện theo nhóm: Sử dụng các thẻ tiền giấy để thực hiện đổi tiền.

* Các nhóm phân công nhau lần lượt là “Thủ quỳ” (người giữ tiền), “Kế toán” (người đưa ra quyết định chi tiền), “Khách hàng”. Lần lượt đối vai và thực hiện. Mồi nhóm cử ra một người là “Giám sát”.
* Giám sát của các nhóm nhận xét hoạt động của các nhóm khác, chăng hạn (tính toán có đúng không, thủ tục có nhanh gọn không, giao tiếp và thái độ với khách hàng thế nào?).

**' \*) Cơ hội học tậị**

* Thông qua các h< r:n mua sắm, HS c **-ỊUYẻt vân đê toán**

Thông qua các h

* ::ễn. ước lượne và

i' hinh hoá toán tiện học toán.

Thône qua các h -: ;ơ hội được phá

-- Thòng qua hoạt

:vu Ỷ CHO GIÁ<

/V có thê chọn lự HS và quỳ t

* £ỢÌ V để thiết *ị* ■ . :ho HS trai neh

3

**>**

ồ

**T**

**95**

.: TIÊU

.: xong bài nàv.

->n tập tônơ họp chục, đơn vị

Thực hiện cộnơ. Phát triên các N

Ỷ CÁC HOẠI A&c. **Hoạt động**

Bai 1. Chơi trò ch H s ehép các the

HOẠT ĐỘNG 2b. Trải nghiệm mua sắm

* HS mỗi nhóm sắp xếp các sản phẩm mang đến thành một gian hàng.
* Trong mồi nhóm phân công nhau phụ trách các công việc cho hợp lí. c r 1' \_ hạn người tinh toán sô tiên hàng cho khách và ghi đơn hàng, xuât hàng. - ^ khách và đưa ra chiến lược quảng cáo,... Mồi nhóm cừ ra một người giám - - nhóm khác.
* Mồi HS trong nhóm được nhận 100 nghìn đồng với các mệnh giá khác -- \_\_ HS đến các nhóm khác nhau dùng các thẻ tiền nhận được để mua bán.
* Giám sát của các nhóm nhận xét hoạt động của các nhóm khác, chăn,: (tính toán có đúng không, thủ tục có nhanh gọn không, giao tiếp và thái đ>: - khách hàng thế nào?).

HOẠT ĐỘNG 3. Thực hành, trải nghiệm kiểm đếm, ghi lại kết quả

HS thực hiện theo nhóm:

* Mỗi nhóm được nhận một nhiệm vụ. HS ra ngoài lớp học kiêm đêm n:: ' đồ vật có trong sân trường chẳng hạn như số cây to trong sân trường, sô ghè ' chậu hoa, số lớp học,... và sử dụng các vạch đếm để ghi lại kết quả.
* Các nhóm báo cáo kết quả, đặt câu hỏi cho nhau và rút ra nhận xét.
* Rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện kiểm đếm, những khó khãr. --T phải và cách khắc phục.

HOẠT ĐỘNG 4. Ước lượng khoảng cách giữa hai vị trí theo đơn vị mét rè dùng thước để kiểm tra dự đoán

HS thực hiện theo nhóm: ,

* Lựa chọn hai vị trí để đo khoảng cách.
* Ước lượng khoảng cách giữa hai vị trí đó với đơn vị đo thích họp.
* Dùng thước mét để đo, kiểm tra dự đoán, ghi lại số đo đã xác định được
* Các nhóm báo cáo kết quả, đặt câu hỏi cho nhau và rút ra nhận xét.
* Rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện ước lượng và đo, những khó gặp phải và cách khắc phục.

**E. Củng cố, dặn dò**

* HS nói cảm xúc sau giờ học.
* HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.
* HS nói về hoạt động còn lúng túng, nếu làm lại thì em sẽ làm gì?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

- Thông qua các hoạt động trải nghiệm: tìm hiểu về tiền Việt Nam, đổi tiền, trải nghiệm mua sắm, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL

giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

các - Thông qua các hoạt động trải nghiệm: thực hành kiểm đếm trong tình huống

thực tiễn, ước lượng và đo độ dài, HS có cơ hội được phát triên NL tư duy lập luận, ;aau NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ,

phương tiện học toán.

Ịian - Thông qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm,

với HS có vơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua hoạt động nhóm HS có cơ hội phát triển NL hợp tác.

1. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

■ t \_; GV có thể chọn lựa một trong các hoạt động trên để triên khai cho phù hợp với

; đối tượng HS và quỳ thời gian của nhà trường. GV cũng có thể dựa vào các hoạt

động đã gợi ý để thiết kế các hoạt động trải nghiệm phù họp với đối tượng hơn. Tạo cơ hội cho HS trải nghiệm để phát triển NL, phẩm chất.

eập

” QK ÔN TẬP VÊ SỐ VÀ PHÉP TÍNH **trồi** TRONG PHẠM VI ÌOOO

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Ôn tập tổng họp về đếm, đọc, viết, so sánh, phân tích số có ba chữ số thành

. các trăm, chục, đơn vị trong phạm vi 1000.

* Thực hiện cộng, trừ các số trong phạm vi 1000 và vận dụng trong tình huống điãn thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

**A&c.** Hoạt động khởi động và Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. Chơi trò chơi “Ghép thẻ” theo nhóm hoặc cả lớp:

* HS ghép các thẻ thích họp và đọc kết quả.
* HS li giải tại sao lại chọn các thẻ đó với nhau.
* HS kiểm tra 1
* GV nên khu\ cộng, phép trừ gắn '

1. **Hoạt động**

**Bài 6**

* HS thực hiện

+ Mỗi bạn viêt hạn bạn A viết ra SI đơn vị. Đố bạn tớ V

+ Sau ba lượt c

1. **Củng cố, d**

* Bài học hôm cuộc sống của chúr
* Em thích nhí

**(\*) Cơ hội họ(**

* Thông qua c hỏi và trả lời đê gi phát triển NL giai ( tiếp toán học và NI
* GV gợi ý để HS nhận ra có thể dùng nhiều cách khác nhau để biểu diễn số như: biểu diễn thông qua số lượng; biểu diễn dùng kí hiệu, biểu diễn dùng lời, biểu diễn bằng các trăm, chục, đơn vị.
* GV có thế chiếu nhanh lên màn hình một vài ví dụ tương tự để HS hiểu sâu vấn đề.

**Bài** 2. HS thực hiện theo cặp đôi:

* Đem, đọc, nêu số thích họp cho ô \_?\_ tương ứng với mỗi vạch của tia số.
* Chia sẻ với bạn cách làm.

Bài 3

* HS quan sát tranh, đọc thông tin có được từ nội dung tranh vẽ, nói cho bạn nghe, chẳng hạn: Hươu cao cổ cân nặng 565 kg,...
* HS cùng nhau đặt câu hỏi và trả lời về những thông tin trong bức tranh:

+ Con vật nặng nhất là hươu cao cổ, con vật nhẹ nhất là ngựa vằn.

+ Cá sấu nặng hơn ngựa vằn 239 kg.

*Lưu ỷ:* HS có thế đưa ra thêm các câu hỏi khác SGK. GV đặt câu hỏi để HS diễn đạt rõ cách giải quyết vấn đề; cách sử dụng kiến thức toán học để giải quyết vấn đề trả lời những câu hỏi đặt ra.

Bài 4. HS đặt tính rồi tính.

* Đối vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.

Bài 5



* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS có thể chia sẻ một số thông tin liên quan đến bối cảnh bài toán (chẳng hạn, có bạn nào đã đi tàu Bắc - Nam chưa? Mua vé giường nằm hay vé ngồi?...).

I. MỤC TIÊU

Học xong bài

* Củng cô kĩ r nhân, chia trong pl
* Vận dụn2 đ gắn với thực tê.
* Phát triên Cí
* HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).
* HS viết phép tính thích họp và trình bày bài giải vào vở.

*Bài giải*

Chuyến tàu đó có tất cả số hành khách là:

576 + 152 = 728 (hành khách)

*Đáp số:* 728 hành khách.

* HS kiểm tra lại.

đê biểu diễn số n dùng lời, biếu

đẽ HS hiểu sâu

h cùa tia số.

vẽ. nói cho bạn

: hức tranh: vãn.

t câu hỏi đế HS ọc để giải quyết

* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ nêu các tình huống liên quan đến phép cộng, phép trừ gắn với bối cảnh thực trong cuộc sống mà các em gặp.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 6

* HS thực hiện theo nhóm chơi trò chơi “Con số bí ẩn”.

+ Mồi bạn viết một số rồi gợi ý cho bạn khác đoán đúng số mình viết. Chăng hạn bạn A viết ra số 728, bạn A đưa ra gợi ý: số tớ vừa viết gồm 7 trăm 2 chục 8 đơn vị. Đố bạn tớ vừa viết số nào?

+ Sau ba lượt chơi bạn nào đoán đúng nhiều lần nhất sẽ thắng cuộc.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Kiến thức đó có giúp gì cho cuộc sống của chúng ta không?
* Em thích nhất hoạt động nào?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua các hoạt động: biểu diễn số bằng nhiều cách khác nhau, đặt câu hỏi và trả lời để giải quyết vấn đề gắn với bối cảnh thực tiễn, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học và NL mô hình hoá toán học.



■í\ ý''

Dan hởi gì.

toán (chẳng hạn, nsồi?...).

câu hỏi bài toán an đặt ra và giải

ÔN TẬP VỀ SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI ÌOOO ***(tiếp theo)***

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố kĩ năng cộng, trừ và cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 1000. Thực hiện nhân, chia trong phạm vi các bảng nhân, chia 2 và 5.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

- HS thảo luận với t

Chẳng hạn:

1. Có 20 quả dưa h 20 : 5 - 4.
2. Có 20 quả dưa hả

* GV có thể chiếu 1 mồi rổ 5 quả dưa đê HS
* Khuyến khích Hí nhân, phép chia đã học.

**D. Củng cố, dặn c**

* Bài học hôm na> cho em trong cuộc sôm
* Em thích nhất bá

(\*) Cơ hội học tập

* Thông qua việc t nhân, phép chia đê gia vấn đề toán học, NL tư
* Thông qua việc s sẻ nhóm, HS có cơ hội

97 (

I. MỤC TIỀU

Học xong bài này.

* Củng cố kì năn; đường gấp khúc; vè đc phút chỉ vào số 12, sô
* Vận dụng kiến tl giải quyết vấn đề tronc
* Phát triển các N
* Một số tình huống tranh vẽ liên quan đến ý nghĩa phép nhân, phép chia.
* Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học, giữa giờ học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU **A. Hoạt động khởi động**
2. HS chơi trò chơi “Truyền điện” ôn lại các *Bảng nhân 2, Bảng chia 2, Bảng nhân* 5, *Bảng chia 5.*
3. HS chia sẻ các tình huống có phép nhân, phép chia gắn với thực tế.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1

* Cá nhân HS làm bài 1: HS tính nhẩm và nêu kết quả.
* HS đổi vở chữa bài, nói cho bạn nghe cách nhẩm.

Bài 2

* HS thực hiện tìm kết quả các phép tính nhân, chia.
* HS đọc cho bạn nghe cùng chữa bài.

Bài 3

* HS quan sát tranh thảo luận rồi viết phép tính thích hợp.
* HS nhận xét từ một phép nhân ta viết được hai phép chia.
* GV khuyến khích HS nêu tình huống phù họp với mồi phép tính nhân, chia đã viêt.

Bài 4

* HS quan sát tranh, thảo luận rồi tim số thích hợp cho ô ? .
* GV khuyến khích HS nêu phép tinh tương ứng để nắm chắc ý nghĩa phép tính hơn. Chẳng hạn:

1. Mồi xe đạp có 2 bánh xe, 2 xe đạp có 4 bánh xe. Phép nhân: 2x2 = 4.
2. Mỗi xe đạp có 2 bánh xe, 5 xe đạp có 10 bánh xe. Phép nhân: 2x5 = 10.
3. Mỗi xe đạp có 2 bánh xe, 6 xe đạp có 12 bánh xe. Phép nhân: 2x6=12.

D. Hoạt động vận dụng Bài 5

* HS quan sát tranh nói cho bạn nghe tình huốnỉ\* trong tranh.
* HS thảo luận với bạn trả lời câu hỏi và nêu phép chia tương ứng.

Chẳng hạn:

1. Có 20 quả dưa hấu. Nấu chia đều vào 5 rổ thì mồi rố có 4 quả. Phép tính: 20 : 5 = 4.
2. Có 20 quả dưa hấu. Nấu xếp vào mỗi rổ 5 quả thì cần 4 rổ. Phép tính: 20 : 5 = 4.

* GV có thể chiếu trên màn hình việc chia đều 10 quả dưa vào 5 rô và xếp vào 3 mồi rổ 5 quả dưa để HS hiểu rõ hơn ý nghĩa phép tính.
* Khuyến khích HS nêu thêm những tình huống thực tế liên quan đến các phép nhân, phép chia đã học.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gi cho em trong cuộc sống hằng ngày?
* Em thích nhất bài tập nào? Vì sao?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản, HS biết vận dụng phép nhân, phép chia để giải quyết vấn đề, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả cách tính, trao đôi, chia sẻ nhóm, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

chia

*Ế* .

97 ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

tinh I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

*' -* Củng cố kĩ năng nhận dạng và gọi tên các hình đã học; đo và tính độ dài

, đường gấp khúc; vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước; xem đồng hồ chỉ giờ khi kim

phút chỉ vào số 12, số 3, số 6.

* Vận dụng kiến thức, kĩ năng về hình học và đo lường để tính toán, ước lượng giải quyết vấn đề trong cuộc sống.
* Phát triển các NI toán học.

1. CHUẨN BỊ

* HS đọc tình hue
* HS suy nghĩ đu được không?
* GV tạo cơ hội cl bày rõ ràng, nói đủ the

1. **Hoạt động vậ**

Bài 6. HS sử dụn; huống thực tế gắn với Cột cờ trường em cao từ nhà em đến chợ dài

1. **Củng cố, dặn**

* Bài học hôm na\ Từ ngữ toán họi

**(\*) Cơ hội học tậ**

Thông qua các hc xem đồng hồ, tính toái cảnh thực, HS có cơ *ì* đề toán học, NL sư dụ về toán học, tăne cười sự kết nối chặt chẽ 2Ü

* Đồng hồ có thể quay được kim phút và kim giờ.
* Thước kẻ có vạch chia xăng-ti-mét.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

HS chơi trò chơi “Bạn có mấy giờ?”. HS quay kim đồng hồ và đố bạn đọc giờ.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

1. HS quan sát hình vẽ chỉ cho bạn nghe đường thẳng, đường cong, đưcmg gấp khúc trong hình bài la.
2. HS đọc tên các điểm và các đoạn thẳng trong hình.

GV lắng nghe, quan sát HS và định hướng cho HS đọc đúng tên điểm, nêu đúng tên các đoạn thắng theo một thứ tự dễ dàng theo dõi.

1. HS vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 6 cm rồi đưa cho bạn kiểm tra; nói cho bạn nghe cách vẽ đoạn thăng có độ dài cho trước.

Bài 2. HS thực hiện các thao tác sau:

1. Quan sát hình vẽ ở câu a, đếm số hình tam giác, hình tứ giác, chỉ và nói cho bạn nghe.
2. Quan sát hình vẽ ở câu b, đếm số khối trụ, khối cầu, chỉ và nói cho bạn nghe.

Bài 3

* HS đo và tính độ dài đường gấp khúc ABCDECi.



* HS nói cho bạn nghe các thao tác đo và tính độ dài đường gấp khúc.
* GV gợi ý đề HS chia sẻ những lưu ý khi đo để số đo được chính xác, những lưu ý khi tính độ dài đường gấp khúc.

I. MỤC TIÊU

Học xong bài nà\

* Củng cố kĩ năm tin trên biểu đồ tranh: mô tả khả năng xav ra
* Phát trien các >

Bài 4

* HS quan sát đọc giờ trên mỗi đồng hồ.
* HS trả lời câu hỏi: Nam nhảy dây từ mấy giờ đến mấy giờ?
* GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ thêm thông tin từ tình huống bức tranh, tạo cơ hội cho HS quan sát nêu lập luận, phản biện. Chẳng hạn, Nam đã nhảy dây trong bao lâu? Bạn Hông nói Nam nhảy dây từ lúc 20 giờ 15 phút đến 8 giờ rưỡi. Theo em, bạn Hông nói chính xác không?

Bài 5

* HS đọc tình huống.
* HS suy nghĩ đưa ra lập luận xem bạn Lan có thể vào tiếp trong thang máy được không?

>c giờ.

p khúc

1 đúng

10 bạn

oi cho

nehe.

ìhừng

ạo cơ trong Theo

* GV tạo cơ hội cho nhiều HS được nói, được trình bày, khuyến khích HS trình bày rõ ràng, nói đủ thông tin cho người khác hiểu; giải thích ý kiến của mình.

1. Hoạt động vận dụng

**Bài 6.** HS sử dụng các đon vị đo độ dài đã học để ước lượng trong một số tình huống thực tế gắn với lớp học, trường học, gia đình, địa phương các em. Chẳng hạn: Cột cờ trường em cao khoảng 6 m. Lóp học của em cao khoảng 4 m. Quãng đường từ nhà em đến chợ dài khoảng 3 km.

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho cuộc sống?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng học cho học sinh

Thông qua các hoạt động thực hành quan sát, trao đổi, đo, vẽ chia se ý kiến về xem đồng hồ, tính toán cân nặng để giải quyết vấn đề, ước lượng độ dài gắn với bối cảnh thực, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán; kích thích trí tò mò cua HS về toán học, tăng cường sẵn sàng họp tác và giao tiếp với người khác và cam nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

***Ề*** ÔN TẬP VỀ MỘT SỐ YẾU Tố

ơ» \* XHÕNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố kĩ năng kiểm đếm số lượng và ghi lại kết quả, đọc và nhận xét thông tin trên biểu đồ tranh; sử dụng các thuật ngữ “chắc chắn”, “có thể”, “không thể” để mô tả khả năng xảy ra của một hoạt động trò chơi.
* Phát trien các NL toán học.

1. CHUẦN BỊ

-Nếuđược làm 1 nhóm mình em có làĩ

Bài 3

1. HS chơi trò c được bông hoa màu Í

HS sừ dụng các năng lấy được một bc

1. HS cùng nhau mô tả đúng khả nãns

*Lưu ý:* Vì HS đi mô tả khả năng xay r

1. **Hoạt động vi**

Bài 4

* HS chơi theo : nhiều lần. Sau khi ch thê ” đê mô tả đún2 *l*

1. Không thê rút
2. Có thê rút ra L
3. Chăc chăn the
4. **Củng cố, dặr**

* Bài học hôm r sống?
* Từ ngừ toán hẹ

(\*) Cơ hội học t

Thông qua các 1 chơi, chia sẻ ý kiên ] quyết vấn đề, NL sư HS về toán học. tãne nhận sự kết nối chặt,

* Một số bông hoa với các màu xanh, đỏ, vàng.
* Các thẻ ghi từ số 1 đến số 5.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CHỦ YỂU

A. Hoạt động khởi động

* HS chơi trò chơi “Nhiệm vụ bí mật”.
* HS nhại ngầu nhiên một tờ giấy hoặc một phong bì ghi nhiệm vụ bí mật (hoặc HS truyền hoa, truyền bóng,... khi bóng dừng lại ở bạn nào thì bạn đó nhận được một nhiệm vụ bí mật). HS mở nhiệm vụ, có thể trả lời hoặc mời một vài bạn khác trả lời.
* Nội dung của các nhiệm vụ bí mật giúp HS ôn lại các kiến thức về thống kê và xác suất, chẳng hạn:

1. Khi kiểm đếm số lượng chúng ta thường dùng cách nào để ghi lại kết quả? Em có nghĩ rằng kiểm đếm cần thiết cho cuộc sống con người không?
2. Biểu đồ tranh cho chúng ta biết điều gì?
3. Kể lại một trò chơi trong đó có sử dụng các thuật ngữ “chắc chắn”, “có thể”, “không thể” để mô tả khả năng xảy ra của một hoạt động nào đó trong trò chơi đó.

c. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. HS thực hiện theo nhóm bàn:

* Quan sát tranh, kiểm đếm số lượng từng loại con vật, ghi lại kết quả.
* Dựa vào kết quả đã kiểm đếm nêu nhận xét về sổ lượng từng loại con vật.
* GV đặt câu hỏi để HS nêu cách kiểm đếm và ý nghĩa của việc kiểm đếm trong cuộc sống.

Bài 2. HS thực hiện theo cặp hoặc nhóm bàn:

* Quan sát biểu đồ tranh.
* Nói cho các bạn nghe thông tin em biết được từ biêu đồ.
* Cùng nhau đặt và trả lời các câu hởi liên quan đến thông tin biêu đồ.
* Từ các thông tin đó, em có rút ra nhận xét gì?
* Neu được làm biếu đồ tranh thống kê số nước uống trong một ngày của chính nhóm mình em có làm được không? Hãy thử xem và nêu nhận xét.

Bài 3

1. HS chơi trò chơi “Bịt mắt chọn hoa” theo nhóm. HS dự đoán mình sẽ rút được bông hoa màu gì rồi chơi xem dự đoán có đúng không.

HS sử dụng các thuật ngữ “chắc chắn”, “có thể”, “không iiể” để mô tả khả năng lấy được một bông hoa màu gì đó sau mồi lần chơi.

I r.ật (hoặc l—.ịn được *ị.* :ạn khác

é :nông kê

•:ẻt quả?

-O thê”, : nơi đó.

1. HS cùng nhau đọc và trả lời các câu hỏi trong SGK. Chọn chữ đặt trước câu mô tả đúng khả năng xảy ra của một lần chơi

*Lưu ỷ:* Vì HS đã được trải nghiệm trò chơi nên GV có thể đặt câu hỏi đê HS mô tả khả năng xảy ra ở mồi lần bịt mắt rút hoa.

1. Hoạt động vận dụng

Bài 4

* HS chơi theo nhóm, rút một thẻ bất kì đọc số ghi trên thẻ. HS có thẻ chơi

nhiều lần. Sau khi chơi, HS sử dụng các thuật ngữ “chắc chắn ”, k‘có thể “khỏns

thể ” để mô tả đúng khả năng xảy ra cúa một lần rút thẻ:

1. Không thể rút ra được một thẻ ghi số 0.
2. Có thể rút ra được một thẻ ghi số 1.
3. Chắc chắn thẻ được rút ra là thẻ ghi một số bé hơn 10.
4. Củng cố, dặn dò

vật. ttrong

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì? Điều đó giúp gì cho cuộc sống?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua các hoạt động thực hành quan sát, kiếm đếm, thảo luận, chơi trò chơi, chia sẻ ý kiến HS có cơ hội được phát triến NL giao tiếp toán học, NL giai quyết vấn đề, NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán; kích thích trí tò mò của HS về toán học, tăng cường sằn sàng họp tác và giao tiếp với người khác và cảm nhận sự kết nối chặt chẽ giữa toán học và cuộc sống.

1. MỤC TIÊU

b) HS nêu

GV khuyế giúp HS củng (

**Bài 4**

* Cá nhân những loại hin tranh vẽ rồi sh
* HS chi \ có: 8 khối trụ.

**Bài 5**

* HS đọc 1
* HS thao đặt ra (quyêt đ đặt ra và giai t!
* HS trình

-GV nên ] ra nháp rồi kiẻ:

1. **Hoạt đi**

**Bài 6**

* HS quan trên tay rồi ahi
* Dựa vào các bạn đans c

1. **Củng c**

* Bài học
* Đê có th

(\*) Cơ hội

* Thông q quyết bài toán quyết vấn đề tc
* Thôna q phát triển NL *ì*

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố kĩ năng đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 1000.
* Củng cố kĩ năng cộng, trừ các số trong phạm vi 1000, nhận biết ý nghĩa của phép nhân, phép chia và vận dụng để giải quyết vấn đề thực tế.
* Củng cố kĩ năng nhận dạng hình tam giác, hình tứ giác, khối trụ, khối cầu.
* Biết kiếm đếm và ghi lại kết quả một số đối tượng thống kê trong một số tình huông đơn giản.
* Phát triển các NL toán học.

1. CHUẨN BỊ

* Phiếu học tập.
* Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước khi vào giờ học, giữa giờ học.

1. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YỂU **A. Hoạt động khởi động**

HS chơi trò chơi “Đố bạn” cả lóp hoặc theo nhóm. HS nêu yêu cầu và mời bạn đếm theo yêu cầu, chẳng hạn: Đem từ 107 đến 126; Đếm các số tròn trăm; Đem cách 5 bắt đầu tò 10; Đếm cách 2 bắt đầu từ 4;...

c. Hoạt động thực hành, luyện tập **Bài 1**

* HS quan sát nêu số thích hợp cho ô ? .
* HS nói cho bạn nghe vì sao lại chọn số đó.

Bài 2

* HS nêu số lớn nhất trong các số 879, 978, 789, 979 là: 979.
* HS nêu số bé nhất trong các số 465, 456, 645, 546 là: 456.
* Các số 599, 1000, 769, 687 được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: 599, 687, 769, 1000.

Bài 3

1. HS đặt tính rồi tính.

* HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.
* GV chữa bài, chỉnh sửa các lồi đặt tính và tính cho HS.

1. HS nêu phép nhân hoặc phép chia thích hợp với mồi tranh vẽ.

GV khuyến khích HS nói tình huống mô tả phép nhân hoặc phép chia vừa viết giúp HS củng cô ý nghĩa phép nhân, phép chia.

Bài 4

*nh' Cịấ* ^r\HS,qUan sát tranh’ nói cho b?n n8he bức tranh được ghép thành từ những loại hình nào? Có bao nhiêu hình môi loại? (HS đêm từng loai hình trong tranh vẽ rôi ghi kết quả vào vở).

có: 8 tó diễn đạ\*the0 "SÔ" "sữ <\* ‘«ns h,„ Mnh rô.bắt

Bài 5

* HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.
* HS thảo luận yới bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán

đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ đê tim câu trả lời cho bà toan đặt ra và giải thích tại sao).

* HS trình bày bài giải và vở.

i,”iGln,ênikhUyế.n ™ch HS suy nghì và nói theo <\*\* cùa các em, lưu ý HS tính

ra nháp rôi kiêm tra kết quả. *y*

1. Hoạt động vận dụng **Bài 6**

.rén *ĩ ỵ* S"quakiểra đếm số llIỢng mồi ‘0ại nh,c cụ mà c4c b?n đa"S cỉm

các qua đì kiểm đém ”êu nhậ" xét - số ^ cu má

1. Củng cố, dặn dò

* Bài học hôm nay, em đã học thêm được điều gì?
* Đê có thê làm tôt các bài tập trên em nhắn bạn điều gì?

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

, *7.* ,rh.0'^ qujLcác,hoạt độnf: đọc’Vlếl;so sánh các s° trong phạm vi 1000, giải

Î? *Ần* ! , g thực *™* họi được phát tríen NL giải

quyết vấn đề toán học, NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lạp luận toán học

pháuriên n? *qhZCfăC* tía sẻ’ tra0 đổi nhÓm’ đặt câu hỏi phản bi\*n’ HS có ca hôi ptiat trien NL họp tác, NL giao tiếp toán học.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

* Thông qua việc quan sát, xác định các số đo cân nặng của các đồ vật, nói lên kết quả cân các đồ vật, HS có cơ hội được phát triên NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc thực hành cân các đồ vật trong thực tiễn, nghiên cứu bài toán có lời văn liên quan đến thực tiễn, HS phát hiện được vân đê cân giải quyêt, nêu và thực hiện được phép tính, trả lời cho câu hỏi của tình huông, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán, NL giải quyêt vân đê toán học, NL mô hình hoá toán học.

(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phat Trién nâng lực cho học sinh

* Thông qua việc nhận biết cách tìm kẻ: c phép nhân thông qua phép cộng các số hạng bằng nhau và ngược lại, HS co co hv: \*-ợc phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học. N ~ ,J hinh hoá toán học.
* Thông qua việc nhận biết phép nhân :ư ca: ::r.h huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL gii. èt \ ấn đề toán học.

3. GV giới thiệu *Bảng chia 2,* HS đọc. HS chủ động ghi nhớ *Bảng chia 2* rồi đọc cho bạn nghe.

1. Chơi trò chơi “Đố bạn” trả lời các phép tính trong *Bảng chia 2.*

   c. Hoạt động thực hành, luyện tập

   Bài 1. Thực hiện theo cặp:

   * Cá nhân HS tìm kết quả các phép chia nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng chia 2* đê tìm kêt quả).
   * HS đối vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mồi phép tính.

   [↑](#footnote-ref-0)
2. 82 MÉT

   llllllllilliillp1'

   1. MỤC TIÊU

   Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau: ,

   * Biết mét là đơn vị đo độ dài, mét viết tắt là m. Biết được quan hệ giữa mét với đề-xi-mẻt, xăng-ti-mét.
   * Thực hiện được các phép tính với đơn vị mét và vận dụng giải quyết vấn đề thực tế.
   * Biết ước lượng độ dài với đon vị đo mét trong một số trường hợp đơn giản.
   * Phát triển các NL toán học.
   1. CHUẨN BỊ
   * Thước có vạch chia xăng-ti-mét. Thước mét.
   * Sợi dây dài hơn 3 m.

   [↑](#footnote-ref-1)